NGUYỄN VĂN TRUNG

VỤ ÁN TRUYỆN KIỀU



XUÂN THU

NGUYỄN VĂN TRUNG

VỤ ÁN TRUYỆN KIỀU



XUÂN THU

LỜI TỰA

CÁCH nay 10 năm, chúng tôi có nêu lại vụ án truyện Kiều hồi 1924 trong một buổi nói chuyện ở trường Quốc gia Âm nhạc với đề tài : Văn học và chính trị, một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô-đức-Kế qua truyện Kiều.

Sau buổi nói chuyện đã có nhiều phản ứng nổ ra liên tiếp trong mấy tháng, đặc biệt trên nhật báo Tự Do và tạp chí Văn Học. Chúng tôi đã im lặng không đáp lại những phản ứng đó vì chúng tôi nhận thấy không thể lên tiếng được trong một tình thế ngột ngạt về chính trị, nhưng đồng thời những phản ứng đó cũng cho chúng tôi thấy đây là một cuộc tranh đấu chính trị cam go và lâu dài trên mặt trận văn học. Do đó cần phải chuẩn bị nghiên cứu vấn đề một cách thật qui mô triệt để.

Trong ý định đó, trước tiên chúng tôi bắt tay ngay vào việc tìm hiểu toàn bộ những chính sách văn hóa của Pháp mà chúng tôi coi như nền tảng của việc tìm hiểu tạp chí Nam Phong, vụ suy tôn truyện Kiều hồi 1924 chẳng qua chỉ là những công cụ phục vụ những chính sách trên.

Mùa hè 1963, chúng tôi xuất bản tập biên khảo đầu tiên tựa đề «Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt-Nam thực chất và huyền thoại. văn hóa và chính trị.

Trong tập hai và ba, chúng tôi dự định tiếp tục tìm hiểu chính sách văn hóa của người Pháp qua việc thành lập tờ Nam Phong và chủ trương suy tôn truyện Kiều.

Để chứng minh Nam Phong là lợi khí văn hóa của thực dân và toàn bộ những bài biên khảo, dịch thuật về triết lý văn chương trong Nam Phong đều nhằm phục vụ những dụng ý chính trị của thực dân, thiết tưởng chỉ cần khảo sát nội dung những bài vở của nó cũng có thể thấy rõ những chủ đích chính trị của thực dân cao cấp ? Nhưng muốn thanh toán dứt khoát những hoài nghi, để chứng minh một cách không thể chối cãi được sự thực trên, không thể chỉ căn cứ vào những bài vở mà vào chính những hồ sơ, báo cáo mật của hành chính Đông Dương (phủ thống sứ, phủ toàn quyền, bộ thuộc địa) trong đó chắc chắn sẽ nói rõ những chủ đích chính trị được đề ra hoặc những tác dụng chính trị muốn đạt tới.

Chúng tôi cố gắng đi tìm những tài liệu đó. Cho đến nay, sau 10 năm, chúng tôi vẫn chưa tìm được đầy đủ những tài liệu mà chúng tôi muốn có, chính vì thế mà hai tập sách trên vẫn chưa thể ra đời được.

Nhưng gần đây, chúng tôi đã tìm ra được một hai tài liệu căn bản, cốt yếu, do đó chúng tôi nghĩ rằng đã có thể đáp lại được phần nào sự chờ đợi của những người phê bình chúng tôi, và của độc giả.

Chúng tôi dự định giới thiệu ba tập liên tiếp trong tủ sách văn hóa và chính trị này.

Tập II : Giới thiệu toàn bộ cuộc tranh luận chung quanh truyện Kiều hồi năm 1924.

Tập III : Chủ đích tạp chí Nam Phong, trong tập này chúng tôi sẽ giới thiệu những hồ sơ hành chánh hiện tìm ra được liên quan đến việc thành lập tạp chí Nam Phong.

Tập IV : Chứng minh sự thống nhất về tư tưởng trong toàn bộ các bài biên khảo dịch thuật của Nam Phong với đường lối chính trị của Pháp. Trong tập này, chúng tôi sẽ dành riêng một phần nói về Phạm Quỳnh.

Riêng tập II, thực ra đã được in Ronéo như một tài liệu nghiên cứu của các lớp văn học ở Văn Khoa Đà Lạt và Saigon từ hồi 1965 (1) Chúng tôi rất tiếc chưa tiện được giới thiệu phần liên quan đến sự đóng góp, phản ứng của những nhà phê bình nghiên cứu ở miền Bắc, được in đầy đủ trong tập quay ronéo trên.

Tập này lấy lại những bài đã in trong tập quay ronéo và chỉ thêm bài cuối cùng nhận định mới viết mà thôi.

Để bạn đọc có thể theo dõi diễn tiến cuộc tranh luận, chúng tôi in lại như tài liệu tham khảo những bài đã đăng của các tác giả, Riêng với những tác giả đã phê phán bài nói chuyện của chúng tôi hồi 1962, chúng tôi đã cố gắng tìm cách liên lạc để xin phép trích đăng, nhưng không tìm ra được vì tất cả đều ký bút hiệu, trừ Thanh Lãng, Nguyễn hồng Văn, Song Thái. Xin những vị chúng tôi chưa liên lạc được cho phép chúng tôi trích đăng như các vị khác.



(1) Gồm hai tập 400 trang nhan đề Vụ án truyện Kiều 1924 Viện Đại Học Đà Lạt ấn hành.

DIỄN TIẾN CUỘC TRANH LUẬN

A — Cuộc tranh luận

1. Lễ kỷ niệm Nguyễn Du. Bài diễn văn của Phạm Quỳnh Nam Phong số 86 . 1924.

2. Phản ứng của Ngô đức Kế, Phan Khôi, Huỳnh thúc Kháng.

✱ Luận về Chánh Học và tà thuyết *Ngô đức Kế*. Hữu-thanh số 21 . 1924.

✱ Cảnh cáo các nhà học phiệt. *Phan Khôi*. Phụ nữ Tân Văn. 1929.

✱ Trả lời bài « Cảnh cáo học phiệt ». *Phạm Quỳnh*. Phụ nữ tân văn số 67.28-3-1930.

✱ Chánh học và tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không ? *Huỳnh thúc Kháng*. Phụ nữ tân văn số 72 (1930).

B — Quan điểm về cuộc tranh luận.

I. Trong Nam :

✱ a/ Quan điểm gắn liền văn học với chính trị (tuy

chưa rõ rệt). Vụ án văn chương truyện Kiều. Tử vi Lang (Saigon 1958).

✱ b/ Quan điểm phi chính trị. Vụ án Kiều. Thanh Lãng. Thế kỷ 20 số 1 ; 2 1960.

II. Ngoài Bắc :

a/ Quan điểm phi chính trị. Nhóm Lê quý Đôn trong bộ Lược thảo văn học tập III. 1957 (Hà-Nội).

b/ Quan điểm gắn liền văn học với chính trị.

1/ Thực chất cuộc đấu tranh giữa Ngô đức Kế và Phạm Quỳnh chung quanh vấn đề truyện Kiều, Nguyễn đình-Chú Nghiên-cứu văn học số tháng 12-1960.

2/ Bàn thêm về cuộc tranh luận chung quanh truyện Kiều khoảng năm 1924. Trương Chính. Nghiên cứu văn học số 6-1961.

3/ Câu chuyện đấu tranh chống Phạm Quỳnh. Chung quanh vấn đề truyện kiều. *Vũ ngọc Khánh*. N.C.V.H. tháng 8-1961.

4/ Sơ kết cuộc trao đổi ý kiến về vấn đề tranh luận truyện Kiều năm 1924. Nguyễn văn Hoàn Nghiên Cứu Văn Học tháng 6-1962

III. — Bài nói chuyện tại trường Quốc Gia Âm nhạc Saigon (7-10-1962) Văn Học và Chính Trị : một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh — Ngô đức Kế qua truyện Kiều... *Nguyễn văn Trung*

A/ Phản ứng trong Nam

✱ 1/ Thử nhận xét quan điểm của Nguyễn văn Trung trong vụ án truyện Kiều. Nhật báo Tự Do (18-10-1962). *Đỗ Lăng*

✱ 2/ Thư ngỏ gửi giáo sư Nguyễn văn Trung. Tự Do (19, 20, 21, 23-10-1962) *Nguyễn hòa Phong*.

✶ 3/ Nhân buổi diễn thuyết của ông Nguyễn văn Trung. Tự Do 24-10-62. *Tôn văn Hồng*

✶ 4/ Vài ý kiến về quan điểm phê bình mới của ông Nguyễn văn Trung. Tự Do 3, 4, 6-11-1962 *Sông Thai*

✶ 5/ Một tiếng mõ sau những tiếng chuông về buổi nói chuyện của ông Nguyễn văn Trung. Tự Do 7-11,1962 *Nguyễn hồng Văn*.

✶ Đặt vấn đề với ông Nguyễn văn Trung. Tự Do 17-18, 20 23, 24, 25, 27, 28, 29, 30-11 và 1, 2-12.62 *Ái Linh*

✶+7/ Trường hợp Phạm Quỳnh, Tạp chí Văn Học số 3, 4, 5, 6 (1963) *Thanh Lãng*

✶ Thư của một độc giả (chưa đăng)

B/ Phản ứng ngoài Bắc

1/ Một cuộc tranh luận ở Saigon cuối năm 1963 về vụ án truyện Kiều. *Trần văn Giàu*. Tuần báo Văn Nghệ số 2 (10-5-1963)

2/ Nhân bài «Một cuộc tranh luận ở Saigon cuối năm 1962 về vụ án truyện Kiều. *Nguyễn công Hoan* Văn nghệ số 8 (21-6-63)

3/ Bức thư ngỏ gửi các nhà nghiên cứu truyện Kiều ở miền Nam về ý nghĩa cuộc tranh đấu giữa Phạm Quỳnh và Ngô đức Kế năm 1924. *Nguyễn văn Hoàn* đọc trên đài Hà Nội từ mùng 6 đến 15-5-1963

4/ Chung quanh cuộc tranh luận về Phạm Quỳnh và Ngô đức Kế và truyện Kiều ở miền Nam. Nguyễn văn Hoàn. Tạp chí Văn học số tháng 7-1964

---

(1) Những bài đánh dấu + có đăng trong tập sách nầy.

C/ Phản ứng của tác giả

✶ — Nghĩ về một thái độ phê bình (chưa đăng). (Viết vào tháng chạp 1962).

✶ — Thư gửi cho những người trong gia đình Phạm Quỳnh xin tài liệu.

✶ — Nhận định (viết vào tháng 6-1972).



A — CUỘC TRANH LUẬN

1.— Bài diễn văn của Phạm-Quỳnh Nam-Phong số 86 trang 89.

LỄ KỶ NIỆM CỤ TIÊN-ĐIỀN

Mồng 10 tháng 8-8 Septembre 1924.

Nhân ngày mồng 10 tháng 8 là ngày giỗ cụ Tiên-Điền Nguyễn tiên Sinh, ban Văn học Hội Khai Trí nghĩ muốn đặt một lễ kỷ niệm cụ. Tin ấy truyền ra, được suốt quốc dân trong Nam ngoài Bắc thảy đều hoan nghênh và biểu đồng tình cho là một sự rất nên, rất phải, rất xứng đáng.

Vậy các đồng nhân trong ban liền họp nhau lại để định chương trình cuộc kỷ niệm. Nước ta xưa nay không phải là không biết sự kỷ niệm các danh nhân trong nước nhưng ngoài những ngày giỗ của các nhà, những ngày hương tế, quốc tế, có một cái ý nghĩa, một cái khí vị thuộc về tôn giáo, còn thì không có cách kỷ niệm phổ thông như ở các nước Âu-Tây: nhân ngày sinh nhật, ngày húy nhật, nhân dịp năm mươi năm, một trăm năm một vị danh nhân nào đem công ơn sự nghiệp vị ấy mà phô trương biểu dương cho quốc dân, cho thiên hạ biết Cụ Tiên Điền là tác giả truyện Kiều, chính là một vị danh nhân của nước ta mà công ơn sự nghiệp nên đem

ra phô trương biểu dương cho quốc dân. cho thiên hạ biết. Vậy lễ kỷ niệm này phải châm chước theo lối mới của Âu Tây, nhưng cũng nên giữ cho có một cái ý vị đặc biệt của nước nhà. Đồng nhân bèn định mở cuộc diễn thuyết, ngâm thơ, ca nhạc đó là theo lối mới, lại định trưng đăng kết thể, bày hương án đặt đỉnh trầm đó là giữ lễ cổ. Cử ông Phạm Quỳnh và ông Trần trọng Kim diễn thuyết, ông Nguyễn đôn Phục soạn một bài ca kỷ niệm còn các đồng nhân thời mỗi người giúp một phần vào việc tổ chức. Lại viết thư cho rạp hát Sán-nhiên Đài xin mượn kép Thịnh và đào Tuất là hai người kể truyện Kiều có tiếng hay. Về việc trưng bày sắp đặt thời nhờ được ông Nguyễn Thành là Phó hội đồng công quán hội Khai Trí, có tài xếp đặt khéo, mỗi khi trong Hội có bày cuộc gì cũng một tay ông chủ trương cả. Lại định sẽ làm ngoài sân cho rộng, vì bữa ấy thiên hạ đến xem chắc đông. Mười lăm ngày trước, chương trình đã nhất định, đem ra trình với Hội Đồng trị sự hội Khai Trí, Hội đồng đều duyệt y cả. Chương trình như sau này :

1) — Ông Phạm-Quỳnh thay lời Văn-học-ban diễn-thuyết về mục đích cuộc kỷ niệm.

2) — Ông Phạm-Quỳnh diễn thuyết bằng tiếng Pháp cho các hội viên Tây nghe.

3) — Ông Trần-Trọng-Kim diễn-thuyết về lịch sử cụ Tiên-Điền và văn chương truyện Kiều.

4) — Kép Thịnh và đào Tuất kể truyện Kiều.

5) — Ả đào hát bài ca kỷ niệm của ông Nguyễn-Đôn-Phục soạn.

Hết mỗi hồi, có hội âm-nhạc Ích-lạc giúp đánh đàn thổi sáo.

Chương trình đã định, bèn in giấy mời gửi khắp cả hội viên Tây Nam hơn một nghìn người, và đăng báo cho quốc dân biết.

Đúng ngày, ông Nguyễn-Thành đốc suất việc bày biện trong sân và trong vườn nhà Hội. Trong cùng đặt một cái bệ cao, trên để cái kỷ bày một cái lư đồng lớn. Trên cao treo một cái đèn bằng giấy kiểu lưỡng-long chầu nguyệt, như hình bức hoành-phi trong đề mấy chữ : « Tiên điền Nguyễn Tiên-sinh kỷ niệm nhật », hai bên cũng hai cái đèn giấy hình đôi câu đối trúc đề hai câu bằng chữ nôm như sau :

Trăm năm để tấm lòng, còn nước còn non, còn truyền cổ lục ;

Tấc thành dâng một lễ, nhớ người nhớ cảnh, nhớ buổi hôm nay.

Các đèn điện troug sân, trong vườn, ngoài cửa, đền trùm một cái chụp bằng giấy hình bát-bửu, hình cái khánh v. v. . . — Nói tóm lại, cách bày biện có vẻ rực-rỡ, uy nghiêm và có cái đặc sắc nước nhà, khác những ngày hội Tây hội Tàu thường.

Bắc đầu từ 8 giờ tối, người kéo đến chung quanh nhà Hội Khai-Trí đông như kiến, cửa Hội mới mở, chỉ trong mấy phút đồng hồ là khắp trong sân, ngoài vườn, dưới nhà, trên gác, đứng chậtních, kể có tới hai ngàn con người. Hội viên các tỉnh về cũng đông. Các bà các cô trong thành phố lại cũng nhiều. Hội-viên Tây và các bà đầm ước được ba bốn chục người. Có mấy bà giáo mới ở bên Tây sang khẩn khoản muốn lại xem cho biết người An-Nam tôn trọng một bậc danh sĩ trong nước thế nào. Ở Hà-thành ta từ xưa đến nay có lẽ chỉ có tiệc trà đón qnan Toàn-quyền Sarraut diễn thuyết ở Văn-Miếu năm 1919 là họp được đông người đến thế.

Đúng 9 giờ thời khai lễ, theo như chương trình trên. Ông Phạm-Quỳnh diễn thuyết bằng tiếng ta và tiếng Pháp chừng nửa giờ đồng hồ, rồi đến ông Trần - Trọng - Kim diễn thuyết trong một giờ. Sau đến kép Thịnh và đào Tuất đào Tuất kể mấy đoạn truyện Kiều. Sau hết đến một cô đào đứng hát bài ca kỷ niệm của ông Nguyễn-Đôn-Phục. Các bài diễn-thuyết và bài ca lần lượt đăng sau đây.

Nói tóm lại, lễ kỷ niệm này tuy là lần đầu mà đã được trọng thể lắm, tưởng cũng có ảnh hưởng sâu xa trong quốc dân vậy. Ước gì mỗi năm làm được một ngày giỗ cụ Tiên Điền như thế, tức cũng là một cách cổ động cho quốc văn và kích lệ tấm lòng kính trọng tiền nhân, yêu mến nước nhà vậy.

N. — P.

Bài diễn-thuyết bằng quốc văn của ông Phạm Quỳnh

Thưa các Ngài,

Hôm nay là ngày giỗ cụ Tiên Điền Nguyễn Tiên-Sinh, là bậc đại-thi-nhân của nước Nam ta, đã làm ra bộ văn chương tuyệt tác là truyện Kim-vân-Kiều.

Ban Văn-Học Hội Khai Trí chúng tôi muốn nhân ngày giỗ này đặt một cuộc kỷ-niệm để nhắc lại cho quốc dân nhớ đến công nghiệp một người đã gây dựng cho quốc-âm ta thành văn chương để lại cho chúng ta một cái «hương-hỏa) rất quí báu, đời đời làm vẻ vang cho cả giống nòi.

Chúng tôi thiết nghĩ một bậc có công với văn-hóa nước nhà như thế, không phải là một ông tổ riêng của một nhà một họ nữa, mà là ông tổ chung của cả nước ; ngày giỗ ngài không phải là ngày kỷ niệm riêng của một nhà một họ nữa, chính là ngày kỷ niệm chung của cả nước.

Hiện nay suốt quốc dân ta, trên từ hàng thượng lưu học thức, dưới đến kẻ lam lũ làm ăn, bất cứ già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà, ai ai cũng biết truyện Kiều, ai ai cũng thuộc truyện Kiều, ai ai cũng kể truyện Kiều, ai ai cũng ngâm truyện Kiều, như vậy thời ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của cụ Tiên-Điền ta, ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ Cụ và nghĩ đến cái ơn của cụ tác thành cho tiếng nước nhà.

Muốn cảm cái ơn ấy cho đích đáng, hẵng thử giả thiết Cụ Tiên Điền không xuất thế, Cụ Tiên điền có xuất thế mà quyển truyện Kiều không xuất thế, quyển truyện Kiều có xuất thế mà vì cớ gì không lưu truyền, thời tình cảnh tiếng An Nam đến thế nào, tình cảnh dân tộc ta đến thế nào ?

Văn chương người ta thiên kinh vạn quyển, dẫu có thiếu mất một quyển cũng chẳng hại gì. Văn chương mình chỉ độc có một quyển, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc, ví lại khuyết nốt thì dân tộc ấy đến thế nào ?

Than ôi ! Mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình chột dạ, sửng sốt, rụng rời' tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành vậy. Rồi mới tỉnh ra, sực nhớ đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ dịp rung đùi, lên giọng cao ngâm :

Lơ thơ tơ liễu buông mành,

Con oanh học nói trên cành mỉa mai,

Hay là :

Phong trần mài một lưỡi gươm

Những phường giá áo túi cơm xá gì,

Bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngạo

nghễ với non sông mà tự phụ với người đời rằng : Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ.

Có nghĩ cho xa xôi, cho thấm-thía, mới hiểu rằng truyện Kiều đối với vận mệnh nước ta có một cái quí giá vô ngần.

Một nước không thể không có quốc-hoa, truyện Kiều là quốc-hoa của ta ; một nước không thể không có quốc-túy, truyện Kiều là quốc-túy của ta, một nước không thể không có quốc-hồn, truyện Kiều là quốc-hồn của ta. Truyện Kiều là cái « văn tự » của giống Việt-Nam ta đã « trước bạ » với non sông đất nước này. Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở cõi đất này, mà ta vẫn hình như một giống ăn trợ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một cái văn-tự văn khế phân-minh, chứng nhận cho ta có cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đấng quốc-sĩ, vì nòi giống, vì đồng bào, vì tổ tiên vì hậu thế, rỏ máu làm mực, «tả tả» một thiên văn khế tuyệt bút, khiến cho giống An Nam được công nhiên, nghiễm nhiên, rõ ràng, đích đáng làm chủ nhân ông một cõi sơn hà gấm vóc.

Đấng quốc-sĩ ấy là ai ? Là Cụ Tiên Điền ta vậy. Thiên-văn khế ấy là gì ? Là quyển truyện Kiều ta vậy.

Gẫm trong người ấy báu này.
Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm !

Báu ấy mà lọt đến tay ta, thật cũng là một cái phúc duyên cho ta, nhưng báu ấy ở trong tay Cụ lại chính là một cái túc-duyên của Cụ. Thiên văn tự tuyệt bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết tinh lại mà thành ra, những khi đêm khuya thanh vắng vẫn thường tỉ tê thánh thót trong lòng ta, như

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

vậy.

Cái áng văn chương tuyệt tác cho người đời đó, an tri lại không phải là một thiên lịch sử thống thiết của tác giả ?

Truyện Kiều quan hệ với thân thế Cụ Tiên Điền thế nào lát nữa ông Trần trọng Kim sẽ diễn thuyết tường để các ngài nghe.

Nay tôi chỉ muốn biểu dương cái giá trị của truyện Kiều đối với văn hóa nước ta. đối với văn học thế giới, để trong buổi kỷ niệm này đồng nhân cảm biết cái công nghiệp của bậc thi bá nước ta lớn lao to tát là dường nào.

Đối với văn hóa nước nhà, cái địa vị truyện Kiều đã cao quí như thế, đối với văn học thế giới cái địa vị truyện Kiều thế nào ?

Không thể so sánh với văn chương khắp các nước, ta hẵng so sánh với văn chương hai nước có liên tiếp quan hệ với ta, là văn chương Tàu và văn chương Pháp. Văn chương Tàu thật là mông mênh bát ngát, như bể như rừng. Nhưng trong rừng văn bể sách đó, tưởng cũng ít quyển sách được với truyện Kiều, mà xét cho kỹ có lẽ không có sách nào giống như truyện Kiều. Gốc truyện tuy do một bộ tiểu thuyết Tàu mà ra, nhưng vào tay Cụ Tiên Điền ta biến hóa hẳn, siêu Việt ra ngoài cả lề lối văn chương Tàu. Đột ngột như một ngọn cô phong ở giữa đám quần sơn vạn hác vậy. Có người sánh truyện Kiều với Li tao, nhưng Li tao là một bài than, từ đầu đến cuối toàn một giọng bi đát thảm thương, so với Cung oán của ta có lẽ đúng hơn. Có người lại sánh với Tây Xương, nhưng Tây Xương là một bản hát, từ điệu có véo von, thanh âm có réo rắt, nhưng chẳng qua là một

mớ ca từ cho bọn con hát, không phải là một nền văn chương chân chính. Cứ thực thì truyện Kiều dẫu là đằm thấm cái tinh thần của văn hóa Tàu, dẫu la dung hòa những tài liệu của văn chương Tàu, mà có một cái đặc sắc văn chương Tàu không có. Cái đặc sắc ấy là sự cấu kết». Nhà văn, nhà thơ Tàu, ngoài những bài thơ bài văn nho nhỏ ngăn ngắn, phàm làm sách chỉ biết cách biên tập, không sành cách kết cấu. Biên tập, không sành cách kết cấu. Biên tập là cóp nhặt mà đặt liền lại ; kết cấu là thu xếp mà gây dựng lên, thế nào cho thành một cái toàn bức các bộ phận điều hòa thích hợp với nhau, không thêm bớt được chút nào. Truyện Kiều là một cái toàn bức như thế, mà là một bức tranh thế thái nhân tình vẽ sự đời như cái gương tầy liếp vậy.

Xét về cách kết cấu thì văn chương nước Pháp lại là sở trường lắm. Cho nên truyện Kiều có thể sánh với những áng thi văn kiệt tác của quí quốc, như một bài bi kịch của Racine hay một bài văn tế Bossuet vậy. Đó là nói về cái thể tài văn chương Còn về đường tinh thần thời trọng văn học Pháp có hai cái tinh thần khác nhau, là tinh thần cổ điển và tinh thần lảng mạn. Tinh thần cổ điển là trọng sự lề lối, sự phép tắc ; tinh thần lãng mạn là trọng sự khoáng đãng, sự li kỳ. Truyện Kiều gồm được cả hai cái tinh thần ấy, vì vừa có cái đạo vị thâm trầm của Phật học, vừa có cái nghĩa lý sáng sủa của Nho học, vừa có cái phong thú tiêu dao của Trang Lão, lấy lẽ phải ông Khổng mà chế lại sự thần bí của nhà chùa, sự khoáng dật của hai họ. Nhưng mà ngay trong văn chương nước Pháp tưởng cũng không có sách nào giống hẳn như truyện Kiều, vì truyện Kiều có một cái đặc sắc mà những nền kiệt tác trong văn chương Pháp không có. Đặc sắc ấy là sự «Phổ thông». Phàm đại văn chương, không những ở nước Pháp, ở nước nào cũng vậy, chỉ có những người

thượng lưu học thức mới thưởng giám được, kẻ bình dân không biết tới. Người Pháp không phải là ai ai cũng biết đọc kịch Racine hay là đọc văn Bossuet. Người Nam thời ai ai cũng biết ngâm Kiều, kể Kiều, «lẩy» Kiều để ứng dụng trong sự ngôn ngữ thường, kẻ thông minh hiểu cách thâm trầm, kẻ tầm thường hiểu cách thô thiển, nhưng ngâm nga lên thảy đều lấy làm vui tai, sướng miệng, khoái trí, tỉnh hồn.

Thử hỏi cổ kim Đông Tây đã có một áng văn chương nào cảm người được sâu và được rộng như thế chưa. Tưởng dễ chỉ có một truyện Kiều ta là có thể tự cao với thế giới là văn chương chung của cả một dân tộc 18,20 triệu người, già, trẻ, lớn, bé, giỏi, dốt, sang, hèn, đều thuộc lòng và đều biết hay cả.

Như vậy thì truyện Kiều không những đối với văn hóa nước nhà, mà đối với văn học thế giới cũng chiếm được một địa vị cao quí.

Văn chương ta chỉ có một quyển sách mà sách ấy đủ làm cho ta vẻ vang với thiên hạ, tưởng cũng là một cái kỳ công có một trong cõi văn thế giới vậy.

Cái kỳ công ấy lại dũ kỳ nữa là ngẫu nhiên mà dựng ra, đột nhiên mà khởi lên, trước không có người khai đường mở lối, sau không có kẻ nối gót theo chân, đột ngột giữa trời Nam như cái đồng trụ để tiêu biểu tinh hoa của cả một dân tộc. Phàm văn chương các nước, cho được gây nên một nền thi văn kiệt tác, phải bao nhiêu nhà thơ, bao nhiêu nhà văn, trong bao nhiêu năm lao công lực lực, vun trồng bón xới mới thành được. Nay bậc thi bá nước ta, đem cái thiên tài ít có trong trời đất, đúc cái khí thiêng bàng bạc trong non sông, một mình làm lên cái thiên cổ kỳ công đó, dẫu khách thế giới cũng phải bình tĩnh mà cảm phục, huống người

nước Nam được trực tiếp hưởng thụ cái ơn huệ ấy lại chẳng nên ghi tạc trong lòng mà thành-tâm thờ kính hay sao ?

Cuộc kỷ niệm hôm nay là chủ-ý tỏ lòng quốc-dân sùng bái cảnh-mộ cụ Tiên-Điền ta, lại có các quí-hội-viên Tây và các quí-quan đến dự cuộc là để chứng-kiến cho tấm lòng thành thực đó. Nhưng còn có một cái ý-nghĩa nữa, là nhân ngày giỗ này, đốt lò hương, so phím đàn, chiêu hồn quốc-sĩ,

Thác là thể phách, còn là tinh anh.

Áng tinh-trung thấp-thoáng dưới bóng đèn, chập-chừng trên ngọn khói, xin chứng nhận cho lời thề của đồng-nhân đây. Thề rằng : «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kẻ hậu sinh xin rầu lòng giốc chí cố gia công trau chuốt lấy tiếng quốc-âm nhà, cho quốc-hoa ngày một rực rỡ, quốc-hồn ngày một tỉnh tao, quốc-bộ ngày một tấn tới, quốc-vận ngày một vẻ vang, ngõ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên sinh, ngậm cười chín suối vẫn còn thơm lây !»

BÀI DIỄN THUYẾT BẰNG PHÁP VĂN CỦA ÔNG PHẠM-QUỲNH

Mesdames,
Messieurs,

C'est aujourd'hui le 10e jour du 8e mois, date de l'anniversaire de la mort du grand poète annamite Nguyễn-Du, l'immortel auteur du Kim-Vân-Kiều.

Le Comité littéraire de l'A.F.I.M.A. a saisi cette occasion pour rendre un solennel hommage à la mémoire

de ce lettré génial qui, il y a plus de cent ans, dota son pays et sa langue d'un chef-d'oeuvre incomparable.

Au cours de notre longue histoire, bien des écrivains célèbres, bien des poètes fameux, bien de doctes humanistes ont été l'objet d'un culte fervent à travers les générations successives. Mais tous ces auteurs écrivaient en caractères chinois, le latin de nos pères, la seule langue en honneur durant des siècles de culture scolastique.

Nguyễn-Du fut le premier qui, dans une inspiration de génie, a su concevoir, réaliser en langue nationale une oeuvre parfaite où il a mis tout son talent, tout son coeur, toute son âme. Et cette oeuvre a résisté à l'épreuve du temps ; elle brille chaque jour d'un éclat plus pur ; elle apparait maintenant comme le plus beau joyau de notre langue, une langue que d'aucuns qualifient de pauvre et d'imparfaite et qui ne saurait avoir plus de richesse, plus de souplesse, plus de charme, plus d'harmonie, plus de subtilite dans la peinture des sentiments les plus délicats de l'âme humaine.

Et ainsi ce poète est notre maitre à nous tous qui travaillons à l'heure actuelle, sous l'influence bienfaisante de la culture occidentale, à restaurer, à rénover la langue nationale, à lui assurer la place qui lui revient dans l'éducation littéraire et artistique de nos compatriotes.

Mesdames et Messeurs, vous, avez certainement entendu parler du Kim-Vân-Kiều, vous connaissez le nom de son auteur, surtout depuis qu'un poète indochinois a essayé de traduire en vers français l'immortel poème et qu'une firme locale a tenté de le projeter sur l'écran.

Le Kiều est une sorte de roman versifié de 3260 vers de 6 et 8 syllabes s'altermant entre eux, forme particu-

lière à la prosodie annamite. Le sujet en est tiré d'un roman populaire chinois, mais comme le Cid de Corneille par exemple fut tiré du drame espagnol de Guilhem de Castro, c'est-à-dire que l'auteur a su mettre dans son oeuvre des qualités qui manquent totalement dans l'oeuvre originale et qui font d'un récit en somme assez ordinaire un chef-d'oeuvre poétique de la qualité la plus rare. C'est l'histoire d'une jeune fille, douée de toutes les grâces de l'esprit et du corps, d'une nature d'élite, qui, placée entre l'amour et la piété filiale, a délibérément choisi la voie qui lui est la plus dure, s'est vendue pour sauver son père, et à partir de ce jour, roule de misère, en misère jusque dans la boue la plus abjecte, maisqui, tel le lotus de la chanson, au millieu de cette abjection même conserve toujours le pur parfum de sa noblesse originelle.

Cette histoire romanesque d'une jeune fille chinoise, d'aucuns disent qu'elle est le roman même de la vie de Nguyễn-Du. Certes, il n'était pas, comme son héroine, « une victime de la destinée », ce poète-mandarin, qui, nommé par le grand Gia-Long tri-phủ de Thường-Tín, fut élevé successivement jusqu'aux fonctions de Vice-Ministre des Rites et envoyé deux fois comme ambassadeur à la Cour de Pékin (la dernière à la veille de sa mort.) Maispour avoir écrit des vers dont quelques uns, comme ceux de Musset, sont de purs sanglots, ce haut dignitaire, ce parfait lettré avait du connaitre la souffrance. Et de fait, il avait souffert, non pas dans sa vie sentimentale comme son romantique confrère Français mais dans sa vie publique. Appartenant à une ancienne famille du Hà-Tĩnh restée fidèle à la dynastie des Lê les circonstances l'avaient obligé de servir denouveaux maitres le Nguyễn. Malgré la politique

bienveillante de ces derniers à l'égard des anciens sujets de la dynastie déchue, il ne se ralliait qu'à contre-coeur au nouveau régime et il en souffrait dans sa haute conscience d'homme et de lettré. Ce fut là le drame de cette vie qui eut pu être heureuse et glorieuse et qui fut ainsi gâtée par une secrete amertume.

La notice biographique qui lui est consacrée dans les Annales de la dynastie actuelle, malgré sa sécheresse administrative, trace un portrait moral du poète qui nous donne une idée de ses souffrances intérieures. «Nguyễn «Du dit-elle, avait l'aspect d'un homme doux et réservé «mais il était de caractère indépendant et fier. Chaque «fois qu'il entrait en audience impériale, il restait silen-«cieux. Sa Majesté souvent le réprimanda et lui dit : «Le «Gouvernement, dans le choix de ses collaborateurs s'atta-«che à avoir des hommes instruits et capables. Il ne fait «aucune distinction entre gens du Nord et gens du Sud. «Vous j'ai eu l'occasion de vous connaitre et de vous «apprécier, et vous êtes maintenant au rang de vice-«ministre. Il faut que dans les Conseils vous parliez et «donniez votre avis. Pourquoi vous enfermer ainsi dans «le silence et ne jamais répondre que par oui et par non ?» «Nguyễn-Du était très versé dans la poésie, et il excellait «surtout dans la poésie en langue nationale. Il rapporta «de son ambassade en Chine un recueil de vers intitulé «Bắc-hành thi tập et fut l'auteur d'une histoire de Thúy «Kiều qui jouissait une grande vogue. Descendant d'une «grande famille qui avait servi les Lê pendant des «générations, il ne voulut accepter aucun emploi durant «la révolution des Tây Sơn et retira dans ses montagnes «natales pour se livrer au plaisir des excursions et de «la chasse, parcourant en tous sens les quatre-vingt-dix-«neuf sommets du Hồng Lĩnh. Appelé par la suite par

«le Gouvernement de Sa Majesté à remplir des fonctions «publiques et ne pouvant refuser il fut obligé d'entrer «dans le mandarinat. Mais, il eut souvent des ennuis «avec ses supérieurs, il en souffrait beaucoup intérieur «ement et avait toujours l'air mécon tent. Tombé «gravement malade, il ne voulait pas se soigner et «refusait tout médicament. Un jour les siens le « trouvèrent froid dans son lit. Il ne leur avait fait » « aucune recommandation avant de mourir. »

Ainsi mourut cet homme à qui rien ne manquait, ni le génie, ni la gloire, mai qui, par un trop haut sentiment de fidélité à une dynastie malheureuse et à un régime déchu, a manqué de recueillir les fruits de son génie et de sa gloire.

Le pathétique de cette vie, il a voulu le symboliser sous les traits d'une jeune fille noble et malheureuse, malheureuse en raison même de la noblesse de son âme et de la hauteur de son sacrifice.

Et ainsi le Kim-Vân-Kiều, outre sa valeur littéraire possède une valeur psychologique qui témoigne de la personnalité de son auteur.

Cela ajoute eucore à la beauté de cette œuvre qui est ainsi à la fois un pur chef-d'oeuvre d'une littérature nationale et un précieux document humain d'une sincérité émouvante.

Je dis un pur chef-d'oeuvre, et je ne crois pas que cette épithéte soit exagérée. En effet, plus on étudie le Kiều, plus on a le sentiment de la perfections, de cette perfection pleine et harmonieuse qui est eelle d'une oeuvre d'art réalisant intégralement un idéal de beauté non pas selon le canon d'une esthétique particulière, mais suivant le rythme même de l'art universel. Et d'abord, à

la différence des oeuvres chinoises et indiennes qui les unes sont touffues et prolixes, les autres ne sont le plus souvent que des compilations, des «mosaiques»—comme les appelle un grand sinologue francais — il est concu, composé suivant un plan dont toutes les parties, jusque dans les moindres détails, s'ordonnent en vue de l'ensemble, un ensemble impeccable dans ses lignes et ses proportions el un beau bruleparfum antique. Et quel « fini » dans l'exécution ! Le moindre vers est frappé comme une médaille, serti comme un Jade précieux, ciselé comme une fine sculpture. On reste étonné devant tant de simplicité et d'harmonie dans l'ensemble, tant d'art et de perfection dans le détail. Par ce sens des proportions par cet art de la composition, on peut dire que le Kiều est une oeuvre « classique », dans le sens dont les critiqueseuropé.ens entendent ce mot quand ils parlent d'une tragédie de Racine ou d'une oraison fumebre de Bossuet.

Il est classique dans sa forme, et il est romantique dans son inspiration, mais d'un romantisme fortement atténué, tempéré par une claire raison que je qualifierais de latine si elle n'était confucéenne. Aussi quelle élégance dans l'expression des sentiments les plus violents, quelle retenue jusque dans l'exaltation même ! On n'y sent pas le lyrisme échevelé d'un Tagore par exemple, ni le manierisme décadent des poètes chinois, mais on y trouve ce sens de la mesure, cette distinction suprême, cette plénitude dans les proportions qui caractérisent les oeuvres inspirées par le gout francais dans ce qu'il a de plus pur.

Et ce n'est pas la moindre originalité de ce poème, création d'un cerveau annamite sur lequel aucune influene étrangère, hormis la chinoise, n'a pu encore s'exercer, que cet ensemple de qualités qui l'apparentent aux

meilleures productions de l'esprit francais.

Qu'est-ce à dire sinon qu'il y a dans le monde une certaine conception de la littérature et de l'art qui se trouve être la même chez deux peuples de l'Extrême-Occident et de l'ExtrêmeAsie, ou plutôt qu'il y a entre l'esprit francais et l'esprit annamite certaines affinités naturelles qu'il serait intéressant, qu'il serait souhaitable de cultiver en vue de ce rapprochement tant désiré de part et d'autre et qui doit se réaliser par les élites des deux peuples dans la communion de l'art et de la poésie ?

C'est sur ce voeu que je termine en vous conviant, Mesdames et Messieurs, à vous associer à l'hommage que nous rendons ce soir au plus grand de nos poètes.



2. — LUẬN VỀ CHÁNH-HỌC CÙNG TÀ THUYẾT. QUỐC-VĂN, KIM-VÂN-KIỀU, NGUYỄN-DU.

Vận nước thịnh hay suy, quan-hệ tại đâu? — Tại nhân tâm thế đạo. Nhân tâm thế đạo xấu hay tốt, cỗi gốc tại đâu? — Tại học-thuyết tà hay chính.

Rộng xét năm châu, trải xem lịch-sử, dọc ngang mấy vạn dặm, trên dưới mấy nghìn năm, từ đông đến tây, từ xưa đến nay, hễ nước nào khi vận nước cường tất là khi ấy trong nước chính-học sáng rệt, nước nào khi vận nước suy đốn, tất là khi ấy trong nước tà-thuyết lưu hành; chính-học sáng rệt thì thế-đạo nhân-tâm phải tốt, mà vận nước cũng theo chính học nổi lên, tà-thuyết lưu hành thì nhân-tâm thế đạo phải hư mà vận nước cũng theo tà thuyết mà đắm mất.

Khi chính-học đang quang minh, thì tà thuyết không có chỗ nào xen vào được; tà-thuyết lưu-hành trong nước như gió lướt cỏ, như nước vỡ đê; không ai ngăn cản, thì thường vào lúc chính-học đã suy đồi, mà nhất là lúc việc đời biến cải, việc nước đổi thay, quốc thị mơ màng, nhân tâm bỡ-ngỡ, nền cũ đã đổ, nhà mới chưa thành bậc hiền nhân quân-tử, thì kín tiếng dấu tăm, nằm co ở nơi thảo dã, mà bọn bỉ-phu tục tử thì khua chuông gõ mõ, nhảy-nhót ở trên vũ

đài ; lúc ấy chính là lúc tà thuyết thừa cơ mà lấn lướt chính-học.

Thầy thuốc ta nói rằng : khi trong mình mà chính khí hư nhược, thì ngoại tà nhân dịp mà xâm vào, làm cho người phát bệnh, lần lần do biểu mà nhập lý, thì thành bệnh khó trị. Thầy phù thủy nói rằng . khi trong mình mà chính thần không bảo hộ, thì quỷ tà nhân dịp mà ám vào, cũng làm cho người phát bệnh, lần lần rồi người hóa ra ma. Tà thuyết cũng như thế : Vì chính học suy, cho nên tà thuyết thịnh ; tà thuyết đã thịnh thì chính học phải đến tiêu vong, hai đàng ấy tiêu trưởng tồn vong dù đất nào thời nào cũng không sai một sợi tóc.

Vả lại cái tính loài người, theo điều phải thì khó khăn như trèo ngược núi, theo điều xằng thì dễ dàng như nước chảy xuôi. Vậy cho nên lúc vận nước đã suy, thì trăm nghìn người phò trì chính học mà không đủ, một người xướng lên tà thuyết mà hãm hại nhân tâm thế đạo có thừa ; gớm ghê thay ! cái tà thuyết làm sa đắm lòng người không biết đến đâu mà nói ! Một người xướng, mười người họa, cho đến trăm, nghìn người họa, lần lần phong hành cả nước ; lấy trái làm phải, lấy xấu làm đẹp, lấy thối làm thơm, mà thế đạo nhân tâm hiện ra một tấn xú-kịch : nước không thành nước, người không thành người !. . . Thầy Mạnh-Tử sinh ở đời Chiến-Quốc, vì lúc ấy cái học-thuyết họ Dương họ Mặc thịnh hành trong thiên hạ, mà thầy phải lo cự họ Dương họ Mặc, giảng minh cái học Chu, Khổng để chữa đổi lòng người. Đời sau khen ngợi cái công thầy Mạnh tịch-tà-thuyết, chính-nhân-tâm không thua gì công vua Vũ tháo nước lụt, đuổi muông dữ, để cho thiên hạ được an cư lạc - nghiệp. Vì sao mà nói thế ? — Là vì cái hại tà thuyết mê đắm lòng người có kém cái hại nước lụt trôi người, muông dữ ăn người

đâu, mà lại thậm hơn nữa.

Nước Việt-Nam ta, vài nghìn năm nay, học chữ Hán, theo đạo Khổng, Hán-văn tức là Quốc-văn. Khổng học tức là Quốc học; tuy rằng giang sơn biến cải, triều đại đổi thay có mấy mươi lần, cơn hiểm nguy biến loạn đã nhiều, mà chính học một giòng vẫn không sa sút, nhân tâm, phong tục, đạo đức, chính trị, đều bởi đó mà ra; nước nhà, giống nòi, cũng nhờ đó mà vững được. Từ khi Âu trào tràn khắp thế giới nước ta có cuộc bảo hộ, mà cái lối học «chi, hồ, giả, dã» mới đổi sang «a, b, c, d». Đem Âu học mà đổi Hán học, không phải là có hại, song thiên hạ việc gì cũng thế, phá cái cũ thì dễ mà chóng, lập cái mới thì khó mà lâu. Âu học chưa vin được ngọn ngành, mà Hán học đã dứt cả cội rễ; những người chân chính Âu-học có kiến-thức tư-tưởng, thì còn trông mong ao ước ở đâu chưa thấy, mà những chân nho chính-sĩ Hán-học thì đã quá nửa mòn-mỏi điêu linh.

Chính-phủ thì chỉ có thể chăm-lo tác-thành lớp nhân tài trong các học đường mà thôi, còn ngoài ra miễn là không phạm đến chính-trị thì tha hồ ngôn-luận: Nhà in đã sẵn, sở báo cũng nhiều; khi ấy bọn văn sĩ giả dối mới ứng thời xuất hiện. Những người học thức kiến văn chưa được một nắm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lom-lem những học thuyết ông Mạnh (Montesquieu), ông Lư (Rousseau) bập bẹ những cách ngôn họ Trang, họ Liệt, thì đã nghiễm nhiên tự lập làm một đấng văn-hào, tự-xưng khai-hóa quốc dân, mà không ngó lại tự mình đã khai hóa hay chưa; thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thôi thì tán xằng tán nhảm, nói bậy, nói càn, không còn có nghĩa lý chính đáng chi nữa.

Thương hại thay! trong nước kẻ học thì ít, kẻ không học thì nhiều; học mà có kiến thức thì ít, học mà không có kiến thức thì nhiều: những văn chương nhảm nhí, ngôn-luận càn xiên ấy đã tràn khắp cả nước làm cho phải chăng điên đảo, đen trắng lẫn phèo, rồi ra lấy dốt làm thông, tôn nịnh làm thánh: đá vũ-phu mà cho là ngọc, nàng Vô-Diệm mà cho là sắc khuynh-thành; đạo đức càng ngày càng suy-đồi, nhân-tâm càng ngày càng theo về đường hư ngụy. Cái xã-hội Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán này, há không phải bởi cái nhân-vật giả-dối Âu chẳng ra Âu, Hán chẳng ra Hán ấy, múa bút khua lưỡi mà gây nên ư? Tác giả có phải cố-ý bài bác người đời để mua hờn chác oán làm chi; thiệt là trông ra gai mắt, nghĩ đến đau lòng, muốn nói cũng chẳng nói hết đâu, hãy dẫn ra sau này một chuyện:

«Kim vân Kiều» là sách gì? Chưa nói sự tích thiệt không, chưa kể văn chương hay dở, chỉ nhắc đến cái tên sách thì nghe đã không thể nào ngửi được: vì sao thế? Phàm bộ truyện nào, dầu trong có bao nhiêu nhân vật mặc lòng, chỉ là một người làm chủ nhân: sự tích là sự tích một người chủ nhân ấy, thì tên sách cũng theo đó mà gọi. Nay truyện ấy là sự tích cô Vương-thúy Kiều, mà tên sách đặt ba người: một người thì lấy chữ họ mà mất tên, hai người thì lấy chữ tên mà mất họ, thì thiệt là dốt vô cùng. Cái tên ấy, chắc là tự nhà khắn bản in đặt ra, chứ ông Nguyễn Du chắc không đặt tên dốt như thế? Dù cái tên ấy là nguyên bản của Tàu, là nguyên bản của Tàu thì càng đủ biết rằng truyện ấy đặt ra bởi một anh Tàu dốt nào đó mà thôi. Nói đến sự tích, thì phàm chuyện tiểu-thuyết đều là lấy một chút sự thực trong lịch-sử, hoặc là tự ý nhà văn-sĩ bịa ra, chứ bất tất có chuyện thiệt. Chuyện «Thạnh tâm»

tài nhân» (tức là truyện Kiều là một bộ tiểu thuyết tầm thường không có giá trị gì. Xem bộ «Tình sử» của Tàu, biết bao nhiêu chuyện li-kỳ hơn nữa. Và dù sự tích ấy mà có thiệt đi nữa, thì một đôi thiếu niên nam nữ, đêm thanh người vắng, trèo tường trổ ngõ, ước hội chuyện trò với nhau, đối với phong hóa đạo-đức là việc bất chính, mở đầu quyển sách như thế, dù sau có tô vẽ hiếu nghĩa gì đâu nữa, cũng không đủ làm gương tốt cho đời.

Nói về văn chương quốc âm của ông Nguyễn Du, thì vẫn là hay thiệt, song cái lối văn vần, ngâm nga ngợi hát, chỉ là một lối trong đạo văn chương. Văn tuy hay, mà truyện là truyện phong tình, thì có vẻ ai dâm sầu oán. đạo dục tăng bi tám chữ ấy không tránh đàng nào cho khỏi. Cái bản ý ông Nguyễn Du làm truyện «Đoạn-Trường tân-thanh» ấy (tức là truyện Kiều) chỉ là mượn văn chương mà ngụ chút tâm sự mình; cho nên ông đã có câu : «Lời quê góp nhặt nên bài, mua vui cũng được một vài trống canh». Xem thế thì biết truyện ấy chỉ là một thứ văn chương ngâm vịnh chơi bời, để lúc thanh nhàn mà đọc dôi câu cho tiêu khiển, chứ không phải một thứ văn chương chính đại theo đường chính học, mà đem ra dạy đời được đâu.

Ngày trước, các cụ tiền bối thường cấm con em xem truyện Kiều : trong xã hội, ai hay đọc Kiều nghêu ngao, thì cho là kẻ đàng điếm. Ý các cụ nghĩ rằng : các gã thiếu niên chí khí chưa định, tình dục đang nồng, xem truyện thì mê, rồi sinh cái tư tưởng trộm ngọc cắp hương, khêu hoa ghẹo nguyệt, say đắm trong trời tình bể ái, mà mềm nhũn cái gan lòng sắt đá, bỏ mất cái chí nguyện cao xa. Cái phép gia đình giáo dục của các cụ như thế, thiệt phải lắm. Vì cái tính trộm ngọc cắp hương, say hoa đắm nguyệt,

người sinh ra không dạy cũng biết, vẫn cấm mà không được, huống chi lại thấy trong sách trong truyện, ngâm nga ngợi hát, thành ra một việc rất phong nhã rất hào hoa.

Thế mà ngày nay «đức» văn-sĩ giả đối ta biểu dương truyện Kiều lên, để khai hóa cho quốc dân, đem truyện Kiều làm sách «quốc văn giáo khoa» (sách dạy) làm sách «sư phạm giảng nghĩa» (sách thầy). Văn-sĩ thường nói rằng: «học Hán văn là học mượn, học Pháp văn là học mượn; học quốc văn mới là học nhà: truyện Kiều tức là sách nhà đó».

Ôi! Học làm quốc văn thì học thế nào? — Bài này chưa có thể nói kỹ được: song có phải là học nghĩa-lý, danh từ, về các khoa học, luân lý, cách-trí, chính-trị, cùng là phép luân lý, phép ký-sự, để xem các sách về ngôn luận của ta cho hiểu, để đem tư tưởng sở đắc trong Pháp-học mà phát ra làm trước thuật ngôn luận của ta cho thông không? hay là học cái lối thơ phú ca ngâm, nắn một chữ cho hay, dùng những điển cho lạ, rung đùi lắc gối như lối học ngày xưa đã vì thế mà người ngu nước yếu nay lại đổi chữ ra nôm ư? hay là những cái danh từ tài tử giai nhân, ba sinh duyên ươ, gương thề quạt ước, liễu dựa hoa kề, rày ước mai ao, thầm yêu trộm nhớ, xưa nay không ai dạy mà không mấy ai không thuộc lòng thuộc lòng, trong các bức thư hoa tình không câu nào không Kiều, mà nay còn phải dạy nữa cho thêm hay thêm giỏi, thế là học quốc văn ư? Một anh giả dối lóp lép, đứng đầu sùng bái Kiều, mà một bọn u mê hờ hững gào hơi rán sức để họa theo, còn một lớp người chỉ nghe lóm nhìn mồm thì về tay tán thưởng, khiến người phải bịt tai bưng mũi, phải nhức đầu long óc vì những tiếng to «quốc văn... Kim-Vân-Kiều... Nguyễn Du...»

Cứ như ý họ, thì nước ta ở thế kỷ này, mà muốn

chế cái tễ thuốc « thập hoàn đại bổ » cho dân cho nước, thì không chi bằng quyển sách « trăm năm trong cõi người ta ». Cứ như lời họ, thì từ lúc Gia-Long lại nay, nước Nam ta có cái của rất quí báu, mà người mình ngu dại không biết là quí, nay nhờ đức văn-sĩ có cái đại-nhãn đại-thức mà phát-minh cái của báu ấy cho dân cho nước được nhờ : kể cái công phát kiến không kém gì ông Kha-Luân-Bố (Colomb) tìm được Mỹ-châu vậy !

Vậy cho nên, trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê-bình Kiều, nào là chú-thích Kiều, nào la thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem hiện trạng ấy, thì nước Việt-Nam ngày nay gọi tên là Kim-Vân-Kiều quốc, nói giống Việt-Nam ta mà gọi là đại Kim-Vân-Kiều tộc cũng đúng lắm chứ không sai !

Xem trong bộ «Tùy viên thi thoại» có nhà làm bài thơ vịnh Quan-công, dùng sự tích Vân-trường bỉnh chúc (là lúc Quan-công cầm đuốc suốt đêm đứng hầu Nhị Tẩu) mà ông tùy viên chê rằng đem sự tích tiểu thuyết mà làm vào thơ, là người vô học. Bộ «Tam quốc Chí» là bộ tiểu thuyết nhất danh tiếng, sự tích Quan công ai chẳng tin thật mà kính thờ; thế mà người ta còn cười đem tích tiểu thuyết làm thơ. Truyện «Thanh tâm tài nhân» là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu, mà nay nước Việt-Nam tôn phụng làm chính kinh chính sử : thiệt là nước lấy một cái đại sỉ nhục !

Thậm chí sùng bái truyện Kiều mà nói rằng : «truyện Kiều là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt-Nam»: — Không biết có còn quốc gì không ? — Xưng tụng ông Nguyễn Du mà nói rằng : Nguyễn Du đổ máu làm mực, làm vẻ vang cho giống nòi», Ông Nguyễn Du dịch

Kiều từ đời Gia-Long; thế thì từ Gia-Long về trước, chưa có truyện Kiều, thì nước ta không quốc-hoa, không quốc-túy, không quốc-hồn; thế thì cái văn-trị vũ-công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê, sáng chói rực rỡ đó, đều là ở đây đem đến cho bọn «học thuê viết mướn» ấy mà thôi; thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân giúp nước, tái tạo giang-sơn, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ vang cho nòi giống, không ai đáng kỷ niệm cả; mà chỉ ông văn-sĩ làm sách «trăm năm trong cõi» là làm vẻ vang giống nòi, là đáng kỷ niệm mà thôi? Giống nòi ta vẻ vang ra thế nào?!...

Thậm nữa lại nói rằng. «truyện Kiều quan hệ văn hóa Việt-Nam, truyện Kiều quan hệ quốc-văn Việt-Nam nếu không có truyện Kiều thì tình trạng dân tộc Việt-Nam chưa biết đến thế nào»: thiệt là con oanh học nói, xằng xiên bậy bạ, giở dại điên cuồng, tà thuyết vu dân đến thế là cực! Mà có ai cho là tà-thuyết đâu; nay đã nhà treo một bức, cửa yết một tờ, kèn trống rước vào, hương hoa cúng lễ rồi: «truyện Kiều là văn hóa Việt-Nam; truyện Kiều là sách học quốc-văn», in vào trong óc, thấm vào trong lòng, tỉ như ngoại tà đã nhập đến ngũ tạng, quỉ-tà đã ám mất linh hồn, thì dù lang-y hay giỏi đến đâu, pháp sư cao tay đến đâu, tưởng cũng không cứu được nữa.

Trịnh Khải ở đời Đường, vì tiếng hay thơ, mà làm quan Tể-tướng, (cụ lớn); anh ta lấy làm ái ngại mà tự nói rằng: «Trịnh-Khải mà làm Tể-Tướng thì cuộc đời chẳng nói cũng biết rồi», Ôi! than ôi! Kim vân Kiều mà cai trị nước Việt Nam, thì xã hội Việt Nam không nói cũng biết rồi!...

NGÔ-ĐỨC-KẾ

(Trích «Hữu-Thanh tạp-chí» số 21 ra ngày 1 er septembre 1924).

— SAU KHI ĐỌC BÀI TRẢ LỜI CỦA TRẦN-TRỌNG-KIM TIÊN SINH «CẢNH CÁO CÁC NHÀ (HỌC PHIỆT)»

Sau khi tôi đọc bài của Trần-Trọng-Kim tiên sinh bàn với tôi về sự phê-bình cuốn sách «Nho giáo» đăng ở P.N.T.V. số 60, tôi rất lấy làm phục *cái nhã độ của tiên sinh*. Tôi lấy làm phục tiên sinh bao nhiêu, thì tôi càng mừng cho học giới nước ta có *cơ khai phóng* bấy nhiêu !

Số là, chẳng những như Trần quân đã nói, người mình xưa nay chưa quen chịu kẻ khác phê-bình, mà lại trong xã-hội này, có một hạng người, tôi muốn dâng cho họ một cái huy hiệu mới, là «học phiệt». Hạng người ấy ỷ có học rộng, tri thức nhiều, văn hay, trí thuật cũng khá, rồi tự coi mình như là bậc « thầy », chẳng kể dư luận ra chi. Dã hay rằng mình giỏi, song thế nào cho khỏi sự sai lầm, vậy mà họ tự phụ quá, cứ *mạt sát quá*. Ừ, cái dư luận nào không chánh đáng, họ mạt sát chẳng nói làm chi, cái này, khi người ta công-kích họ một cách chánh đáng ; mà họ cũng làm thinh. Làm thinh, không phải tỏ ra là họ phục ; nhưng làm thinh, tỏ ra là họ không thèm nói với, thế mới đáng ghét. Tôi dâng cho họ cái huy hiệu « Học-phiệt »,

lấy nghĩa rằng họ có ý kế - nghiệp nhau mà chuyên quyền trong học giới cũng như bọn «quân phiệt» đã nối nhau mà chiếm cứ đất đai và quyền chánh trị bên Tàu.

Tôi chẳng nói gần xa chi hết: tôi nói ngay rằng hạng «Học-phiệt» ấy ở nước ta chẳng bao lăm người, mà Phạm Quỳnh tiên sinh là một. Thử xách ra lấy một việc. Chắc hẳn nhiều độc giả còn nhớ chuyện Ngô đức Kế tiên sinh công kích sự đề xướng truyện Kiều hồi mấy năm trước nên đã viết một bài trong tạp chí «Hữu - Thanh». Nói có vong linh Ngô tiên sinh! không biết làm sao mà ông này có ác cảm với Phạm - Quân quá. Hồi đó tôi đương ở Hà-Nội, tôi đi lại với cả hai dằng, đầu đuôi làm sao tôi rõ hết. Vì sự tư ý đó nên trong bài «Chánh học cùng tà-thuyết» của họ Ngô có chỗ không được công bằng; tuy vậy, lấy đại thể cái bài mà nói, thì cách công kích như vậy là chánh đáng. Vả lại nó là một vấn đề lớn có quan hệ đến học phong sĩ tập, dầu phải dầu chăng, cũng không có thế nào bỏ qua được. Vậy mà bên Phạm-Quỳnh tiên sinh nín lặng, chẳng thèm nói đi nói lại lấy nửa lời.

Có một lẽ có thể vin lấy mà cãi cho Phạm-Quân về sự làm thinh đó, là trong bài của họ Ngô chưa hề có một lần nào nói đến tên tuổi Phạm-Quân. Theo phép, khi người ta nói đến mình một cách không chính thức, thì có quyền làm thinh đặng.

Song le, có lẽ khác mạnh hơn để đánh đổ lẽ ấy đi. Trong bài của họ Ngô tuy không nói đến tên Phạm-Quân song toàn nói những công việc của Phạm-Quân đã chủ trương; hoặc đã thi hành, mà công việc ấy lại không có thể lộn với của người khác. Huống chi, công việc lại là công việc làm ra giữa xã hội, chẳng phải riêng của một người, ai cũng có quyền can thiệp đến, ai cũng có quyền bàn bạc đến. Chỉ có

một điều nên hỏi, là lời người ta bàn bạc đó phải hay quấy mà thôi. Nếu là phải, thì mình nên viết ra mà nhận lỗi và tỏ ý phục thiện của mình; bằng quấy, thì mình cũng nên viết ra mà cãi lại để binh vực cho chân lý. Làm thinh thì tỏ ra hai dấu: một là bí, hết đường nói lại; hai là khinh người. Bí mà làm thinh, không nhận cách đường đường chính-chính, thì thành ra mình không can đảm, không biết phục thiện. Còn khinh người thì lại vô lý lắm. Mình khinh người, người lại chẳng biết khinh mình sao? Huống chi, phải biết rằng khinh người bằng một cách như vậy, thì trong khi mình khinh người đó, chính mình tự khinh lấy mình rồi, vì mình đã dối với mình, với người, cũng đều không ngay thật.

Hai cái lỗi đó, thế nào Phạm tiên sinh cũng phải vấp một, vì tiên sinh đã làm thinh trong khi ấy. Nhưng nói tiên sinh vấp cái lỗi trước, thì tha nói tiên sinh vấp cái lỗi sau. Bởi chưng, sau khi nín không trả lời, Phạm tiên sinh có viết một bài trong «Nam-Phong» nhớ chừng như đầu đề là «Xử thế châm ngôn» thì phải; trong đó có những câu, nhớ chừng như «Một thanh bảo kiếm...» chi chi đó thì phải. Đại ý nói rằng ta là thanh gươm bách luyện đây, tha hồ mà công kích, có sờn đâu được ta? Thiệt nó in hệt như cái giọng Tử-Cống xưa kia binh vực cho thầy mình mà nói rằng: «Nhân tuy dục tự tuyệt kỳ hà thương ư nhật nguyệt hồ» một thứ!

Về câu chuyện nay, ta lại nên chia ra làm hai mặt mà bàn. Cái kiểu làm thinh ấy, nói về mặt học vấn là dở; chớ nói về mặt làm báo thì lại là hay. Vong hồn ông Tập Xuyên, sống thì khôn, thác thì thiêng, ông chứng giám cho lời tôi đây; Thực hồi đó Ngô tiên sinh

hầm hầm chực Phạm Quân trả lời thì kéo luôn cả đại đội ra mà công kích ; song cái kế Tư Mã Trọng Đạt diệu thay làm cho cái phương lược «lục xuất kỳ sơn» kia mới vừa có «nhất xuất» thì đã quay đầu ngựa trở về ! Tôi nói : về mặt làm báo là hay, cái hay ở đó.

Song le, cái nghề làm báo, gặp thì làm, chớ có phải cái đất mà chúng ta toan đặt cái đời mình trên đó đâu. Chúng ta — các ông đã đành, mà cũng xin cho tôi xen vào với — nên đặt cái đời mình trên đất học vấn. Trong sự học vấn mà không ngay thật, ngay thật đối với mình, đối với người, đối với nhất thiết, thì thật là nguy hiểm lắm, nguy hiểm đến cái đời của mình nữa !

Có một điều nên lượng thứ cho Phạm-tiên-sinh, là lúc bấy giờ tiên sinh còn đương là cái tuổi thanh niên, cái tuổi ấy thường làm cho người ta phụ khí và háo thắng. Song ngày nay, tiên sinh niên càng cao, đức càng mậu, có lẽ những điều ký vãng ấy, tiên sinh đã rất lấy làm hối hận mà không nói ra chăng.

Thánh-nhân có nói rằng : « Quân tử tấn đức tu nghiệp, dục cập thời dã» (1). Chữ «đức» khỏi cắt nghĩa; còn chữ «nghiệp» đó tức là sự học vấn của mình. Hai cái đó có quan hệ lẫn nhau, tới thời cùng tới, lui thời cùng lui với nhau. Muốn cho sự học vấn của mình một ngày một tới, phải hư tâm, phải khắc kỷ, phải biết phục thiện, thì mới tới được ; mà sự học vấn đã tới, thì cái đức của mình cũng ngày càng đầy đủ thêm. Cập thời là thời nào ? Theo ý tôi thì vào lúc ngoài ba mươi cho đến bốn năm mươi, song kể tuổi chúng ta

---

(1) Chỗ này ông Phan-Khôi chú rằng ông dẫn câu sách là đã suy nghĩ rồi, nhận cho câu ấy là một công lệ mới dẫn, chớ không phải thấy lời thánh hiền thì tin là phải hết đâu.

ngày nay, là cái thời mà những sự phụ khí hiếu thắng đã lần lần xa ra khỏi mình.

Sự tấn đức tu nghiệp mà Thánh-nhân nói đó, ở đời xưa thiệt rất khó ; khó vì chẳng biết noi theo một cái phương-pháp nào. Song đương đời ta đây thì đỡ được sự khó ấy một chút ; sẵn có phương pháp khoa học đó, ta nên lợi dụng lấy để mà tấn đức.

Đã có người đứng sau lưng tôi mà cười tôi rồi ! Họ cười họ lại còn nói : cái đời anh nhà nho đặc sệt, mà mỗi chút mỗi khoa học, khéo làm rầy tai ! Nếu có phải vậy thì tôi kiếu ông ấy đi, mà chỉ nói với những người nào không ra ý khinh tôi. Thật vậy, sự này lại là một vấn đề nên nói rõ ở nơi khác nữa. Đây tôi chỉ nói rằng : cái phương pháp khoa học cũng vậy, thật là cái tiện cho học giả lợi dụng để mà tấn-đức. Vì theo phương pháp khoa học thì mỗi một sự gì cũng phải luật lịnh, cậy chứng nghiệm để tìm cho thấy chân lý, mà trong khi ấy lại phải bỏ hết cả những điều tư tâm thành kiến và sự kiêu căng của mình đi : chẳng phải là trong lúc cầu trí thức đó, cũng luôn thể làm ích lợi cho tính nết của mình sao ? Tôi chối dài, tôi không phải là nhà khoa học , song thật như ông Trần-Trọng-Kim nói, tôi có cái khuynh hướng về khoa học. Câu chuyện vừa rồi là tôi lấy ở sự kinh nghiệm của chính mình tôi nói ra, có ích cho ai thì có, không thì thôi, không có hại.

Nãy giờ tôi nói dông dài những tấn đức tu nghiệp, khoa học khoa hiếc để cho lọt bớt câu chuyện đi, chớ rồi cũng không thể bỏ qua cái thói kiêu căng của mấy ông (học phiệt). Họ làm vậy khác nào như ôm lấy cái độc quyền dư luận, trở ngại sự tấn bộ của học giới nước ta. Ai nói, họ không thèm nói với, tức là có ý để một mình họ nói thôi, thế không phải ôm lấy độc quyền dư luận là gì ? Mà đã không cãi cọ thì không nẩy ra chân lý : không có ánh sáng của chân lý thì học giới tối tăm:

thực họ đã vô ý mà giứt ngang con đường tấn bộ của học giới đi, chớ chẳng những trở ngại mà thôi vậy.

Thật vậy, cái thói quen của họ đó đã tràn ngập cả xã hội mà thành ra như phong tục trong hơn mười năm nay. Ai cũng nói trời nói đất chi thì nói, ngang ngạnh đến đâu cũng không có người cãi, Cái phong tục ấy nên đặt cho nó một cái danh từ là «nguội lạnh».

Chính mình Phạm-Quỳnh tiên sinh đã nhìn thấy chỗ đó. Tiên sinh có viết trong «Nam-Phong» số 148 hồi tháng mars năm 1931, về phần phụ trương tiếng Pháp, nơi bài «Hồi tưởng về Khổng-Tử và Khổng-Giáo» (Réflexion sur Confucius et le Confucéisme), một đoạn như vầy :

«Ở nước Nam ta, cái phong trào bài kích Khổng-«Giáo thà kêu là cái phong trào-nguội lạnh.., Mới có một «nhà nho cũng học đòi bạn đồng đạo mình bên «thiếu «niên Trung-quốc», ra tay phản đối Khổng-Tử Khổng-«Giáo, mà chừng như độc giả chẳng mấy ai thiết đến, «không ai cho là phải mà cũng không ai cho không, dầu «rằng những bài phản đối ấy viết bằng lối văn chín «chắn và tài liệu dồi dào, đáng khen thật, song tôi «tưởng chắc độc giả của nó cũng không nhiều bằng của «những cái tin ngắn chút xíu trên tờ báo nói về công «trạng của hai tay vô địch nghề banh vợt, mà hết thảy «các báo đã tôn cho là nhứt quốc chi hùng» (1).

Xin độc giả thử nghĩ coi, có cái xã-hội nào lại nguội lạnh đến nỗi nước nầy chăng ? Mà việc đó đố ai dám

---

(1) (2) Chỗ này ông Phan-Khôi có chú nguyên văn chữ Pháp, nhưng chúng tôi thấy dịch cũng đã đúng, không sai nghĩa của nguyên văn, nên xin phép miễn chú mấy dòng chữ Pháp. — T...

cả gan bảo là việc tầm thường. Chính trong đoạn đó chỗ để những cái chấm giây (.....) đó, Phạm-tiên-sinh nói rằng :

«Kể ra thì đấng Thánh ở Khúc-Phụ xa xôi thật, xa «cả về không gian và về thời gian, song lâu nay chính «ngài vẫn đã chi phối những điều giáo huấn của ngài «trong cả cuộc sinh hoạt xứ nầy, về tinh thần và luân «lý». (2) Ừ ! nếu đã nhìn nhận cho Khổng giáo ở xã hội mình là quan hệ với sự sống của mọi người, vậy thì sao trong khi có kẻ nhè nó phản đối, ai nấy lại nỡ làm lơ, không thèm quan thiết đến cho đành ? Tôi xin trung cáo cùng người trong nước : đừng có lấy cái cớ nói ra không ai thèm nói lại, làm dịp tiện để nhạo cười cái anh nhà nho mà Phạm-Quân nói kia ; song ai nấy hãy nhìn điều này là một điều sỉ nhục cho cả một dân tộc, vì trong việc đó tỏ ra rằng cái lương tâm của dân nầy hình như đã tê điếng rồi vậy !

Lẽ đáng trong khi thấy bài phản đối Khổng-giáo đó hạng người thường có cho là không quan hệ bỏ qua đi nữa, thì những người bấy lâu đã có tông tín (conviction) về Khổng giáo, chủ trương cái thuyết duy trì Khổng giáo, cũng phải vội vã đứng ra, một là binh vực cho sự đồng tín của mình, hai là vệ dực cho thánh đạo, ba là phá sự cổ hoặc cho người đương thời, mới phải cho. Cái nầy từ hiền đến ngu rủ nhau làm thinh một loạt, sau khi đó rồi, có kẻ lại tỏ ý ra như tuồng mình làm vậy là đắc sách, thì tôi phải chịu, nhưng hiểu cái lòng dạ người ta là thế nào ! Nếu anh nhà nho công-kích Khổng-giáo đó mà công kích phải lẽ, thôi chẳng nói làm chi, vì bằng anh ta công kích bậy mà lại dùng lối văn chín chắn, tài liệu dồi dào đến nỗi ông Phạm-Quỳnh phải khen, thì tôi tưởng, chẳng nhiều thì ít, thế nào cũng có hại cho thế đạo nhân tâm chớ. Vậy mà cứ nguội lạnh, là nguội lạnh làm sao ?

Tôi thấy đám trẻ con chơi với nhau đến lúc dỗ quạu một đứa đứng ra một phía, lấy lời vô lễ mà xỉ mắng mấy đứa kia. Mấy đứa nầy thực hành cái *chũ nghĩa tiêu cực* phản kháng, ra hiệu lịnh cho nhau rằng : «Nó nói gì kệ nó, mình cứ bịt lỗ tai, chẳng thèm nghe !« Chúng nó bảo nhau thế nào, làm y như thế. Đứa kia nói một chặp mỏi miệng rồi thôi. Khi ấy mấy đứa làm thinh ban nãy đó mới rặp nhau xỉ vào mặt đứa ấy mà nói rằng : «Lêu lêu mắc cở ! Lêu lêu mắc cở !».

Quái làm sao ! Câu chuyện nói trên kia mà lại tình cờ giống với cái trò trẻ con nầy !

Trời ơi ! nhà nho ấy chẳng phải ai đâu lạ, chính thị là tôi đây. Mà nếu còn có ai nữa thì tôi là một, Phạm-quân nói nhà nho trỗng mà không kêu tên, ấy là vì cái tên tôi không đáng làm dơ ngòi bút của Phạm-quân, hay là vì người sợ tôi «mắc cở» tội nghiệp mà dấu tên đi, thì tôi không biết.

Năm ngoái (1930) tôi có viết cả thảy 21 bài nói về về ảnh hưởng Khổng-giáo ở nước ta, đăng trong báo «Thần Chung». Sự độc giả nguội lạnh đối với những bài ấy, có đến như Phạm tiên-sinh nói chăng, thì tôi không được biết cho chắc ; song trước sau vỏn vẹn chỉ có một bài gởi tới phản đối, cũng có đăng ở «Thần-Chung» mà tôi đã thú thiệt, không hiểu tác giả ý muốn nói những gì. Vì vậy đương khi toàn văn của tôi chưa hết mà tôi cũng đã bắt chước đứa con nít nói trên đó, mỏi miệng rồi thôi.

Chẳng đợi đến bây giờ có Phạm tiên-sinh nói, tôi mới biết ; cái sự nguội lạnh ấy tôi đã đoán trước rồi. Trong bài thứ 21, là khi tôi đã ngã lòng toan gác bút, tôi có viết một đoạn rằng :

« Nước Tàu còn có năm ba bọn trung với Khổng-«giáo, gặp cơn nguy biến, ra tay chống chỏi, hết «phương này tìm phương khác, tuy không kéo lại được «mà cũng còn tỏ cho thiên hạ biết trong Khổng-giáo «vẫn còn có người. Đến nước ta thì hết chỗ nói ! «Khổng giáo ở nước ta trong khi gặp văn - minh «Âu - châu, hình như nó nằm sát rạt xuống, vừa khóc «vừa rên, vừa ngửng đầu lên coi Chính-phủ, Chính-phủ «có để khoa cử thì cứ thi đậu làm quan chơi; Chánh-«phủ có bỏ khoa cử thì cũng đau lòng mà khóc rên «chút đỉnh; nhưng đến khi Chánh-phủ lập trường bắt «học chữ Pháp thì lại lau nước mắt mà cứ việc học, «mong cho tốt nghiệp đặng làm quan. Rồi đến ngày nay «đây, có kẻ ngỗ nghịch là tôi, dám ra đương trường chỉ «trích Khổng-giáo — để rồi coi, giạc chừng như — cũng không ai thèm nóng mặt mà ra miệng hết. Ừ, nó nói «động Khổng-tử chớ nó có nói chi mình đâu, nó có động «đến bát cơm mình đâu mà hòng ra miệng ! Không dám «dối độc giả, tôi viết đến đây bỗng dưng hai hàng nước «mắt tôi trào ra trên giấy. Không phải tôi khóc vì Khổng «giáo điệu-tàn, nhưng tôi khóc, một là vì cái kẻ chỉ «trích Khổng-giáo lại là tôi, hai là vì ngó thấy cái tình đời bạc bẽo ! ».

Sự nguội lạnh đó, theo như tôi đã kể ra trong đoạn trước, thì quả là do mấy nhà « học phiệt » tạo ra. Nếu còn bởi các cớ khác nữa, thì cái cớ mấy nhà « học phiệt » chuyên chế dư luận cũng là một cớ lớn, họ phải chịu một phần trách nhiệm lớn trong sự đó.

Khi tôi viết bài bình phẩm cuốn sách « Nho giáo » trong anh em đã có người e cho tôi lại « mắc cỡ » chuyện nữa, nhưng tôi cũng cứ đánh bạo mà làm. May quá ! Trần tiên sinh khứng viết ra mà thương xác sự học vấn cùng tôi ; cái tên tiên sinh tôi quí trọng bao nhiêu,

thì cái bài ấy tôi cũng quí trọng bấy nhiêu; quả là «vàng» thật!

Về phương diện lý-thuyết của cái bài tiên sinh trả lời cho tôi đó, tôi xin đề rồi sẽ nói đến. Nay chính tôi và cũng xin đại biểu cho những anh em có học vấn ít nhiều mà cùng tôi đồng ý-kiến, ngỏ lời cảm tạ Trần tiên sinh về sự người đã có ý tốt; *mở cái đường thương xác về sự học* cho chúng tôi và hết thảy mọi người trong nước Việt Nam sau này.

Nhân đó tôi dám lấy tư cách một nhà học giả tầm thường, không có cái bằng cấp nào hết, chỉ có cái óc tự do độc lập, lấy chân lý làm thầy, không thần phục dưới quyền đạo giáo nào hay là thánh hiền nào, viết một cách thật nghiêm cẩn ra ở đây mấy lời, để cảnh cáo các nhà «học phiệt» nước ta mà trong đó, tôi đã cử một Phạm-Quỳnh tiên sinh ra làm đại biểu.

Học thuật ở nước ta xưa nay chỉ có cái hư danh mà thôi, chớ coi đi coi lại, đem so mà sánh với các nước, thì thấy ta tầm thường quá. Nước Việt-Nam này mà gọi được là có học thuật, họa từ nay về sau chăng. Sự đó, cái trách nhiệm ở chúng ta, là những kẻ có học mà ở vào cái *thời đại văn hóa Đông Tây giao hội với nhau này*.

Chúng tôi muốn rằng trong nước ta từ rày về sau nên lần lần bỏ hẳn cái danh từ Nho-học và Tây-học mà lập nên một nền học-thuật mới, kêu là nền học-thuật Việt-Nam; nó sẽ đứng với nước ta đời đời: nước còn có thời học thuật còn có; học-thuật còn có thì nước còn có. Ấy là một cái khí-giới chúng tôi định sắm ra để cầm giữ tổ-quốc và đưa đồng-bào lên đường tấn hóa, hầu theo kịp loài người trên thế giới *trong cõi đại đồng ngày nay*.

Trên đây nói « chúng tôi muốn, chúng tôi định » chẳng qua là để tỏ ra cái ý-kiến của một bọn người chúng tôi mà thôi. Bên các ông, những người mà chúng tôi kêu là « học-phiệt », chắc cũng có cái ý-kiến như chúng tôi đó, vì thấy đã có người tỏ ra trong khi luận về sự học.

Vậy thì hai bên; cái ý-kiến đại-để đồng nhau; có khác nhau chỉ là cái thái-độ. Chúng tôi thì muốn, về sự học phải cho ngôn luận được công-khai. Còn các ông, theo như thái độ vẽ ra trên kia, thì hình như muốn chuyên chế.

Chúng tôi cho cái thái độ ấy ở trong việc gì thì hoặc giả còn được, chớ ở trong học giới thì nhất định không có thể được. Cái lẽ tại sao mà không được, đã nói rõ trên kia rồi. Vậy bây giờ chúng tôi yêu cầu các ông phải bỏ hẳn cái thái độ ấy đi; nghĩa là từ nay về sau về sự học, khi có ai nghi ngờ những điều các ông chủ trương mà chất vấn hoặc công kích, thì các ông phải trả lời minh bạch, phải thì nói phải, quấy thì nói quấy.

Chúng tôi nhìn các ông là bậc túc học; nếu các ông chịu đem ý kiến mình trao đổi với mọi người, thì sự ích cho các ông chưa nói, mà phần chắc là có ích cho cả xã hội. Nếu các ông còn giữ thói cũ, thì xã hội đã không được ích, mà tập theo các ông, lại thành ra cái phong tục nguội lạnh nữa. Sự nguội lạnh ấy tôi đã cho là cái lương tâm tê điếng; mà theo Trang-Tử thì là cái lòng đã chết, chẳng có gì đáng buồn rầu hơn! (Ai mạc đại ư tâm tử).

Lần này là lần thứ nhất mà tôi đem cái chánh nghĩa ra thưa cùng các ông như vậy rồi mới tới dưới này là cái ý cảnh cáo.

Các ông đành là bác túc học, cái công nghiệp của các ông ở trong học giới nước ta, đành chẳng phải là

nhỏ. Song cái thái độ ấy của các ông, hôm nay đã có nhiều người không phục, có ngày họ sẽ nổi lên mà phản-đối.

Tôi biết trong ba kỳ mới nơi đã có ít nữa là một người học-vấn rộng rãi, có đức; có tài, có thức, chẳng kém các ông là mấy. Những ông ấy đều khuynh-hướng về cái bình dân chủ-nghĩa, họ muốn sự học vấn được phổ cập, nên thế nào họ cũng sẽ đứng dậy mà đánh đổ cái kiểu học-phiệt của các ông. Sự ấy chưa xảy ra là vì họ đương nuôi cái thế lực bằng học-thức của họ cho thật mạnh đã. Chẳng sớm thì chầy, trong nước Việt-Nam này cũng sẽ có một cuộc chiến tranh về tư-tưởng. Trước mặt các ông, tôi không nói dối.

Cái chỗ tôi đem mà cảnh cáo các ông là chỗ đó. Tùy các ông muốn làm như Diêm-tích-Sơn, Trương-học Lương thì làm, hay là muốn làm như Đoàn-Kỳ-Thụy thì làm.

Tôi đây chưa phải là kẻ phản đối các ông đâu. Tôi chỉ là một viên tiểu tướng của đạo quân bình-dân tư-tưởng đi trước dẹp đường và luôn thể báo hiệu cho các ông mà thôi.

PHAN-KHÔI

(Rút trong P.N.T.V. Saigon)

✠

4. — TRẢ LỜI BÀI « CẢNH-CÁO HỌC-PHIỆT » CỦA PHAN-KHÔI TIÊN-SINH.

Phan-Khôi tiên-sinh với tôi là chỗ quen biết cũ.

Từ khi tiên sinh dời Hà-nội vô Nam-Kỳ, không có dịp gặp nhau. Nhưng về phần tiên sinh; coi chừng vẫn nhớ tới tôi luôn. Khi viết báo Thần-Chung, khi viết báo Phụ-Nữ, tiên sinh thường nhắc đến tên tôi. Thậm chí có khi không sẵn đầu bài, tiên sinh lấy tên tôi làm đầu bài. Như mới đây, nhân tiên-sinh soạn chưa xong « bài trả lời » ông Trần-Trọng-Kim về Nho-giáo, tiên sinh lại sực nhớ đến tôi mà liền tặng cho cái huy hiệu làm lãnh tụ một đảng, tiên sinh đặt tên là đảng « Học-phiệt », rồi nhân đó viết một bài đại-luận để cảnh-cáo cho những người trong đảng ấy.

Nếu về cảm-tình người cũ mà Phan tiên-sinh ân cần đến tôi như thế, tôi xin cám ơn.

Từ trước đến nay tôi không trả lời tiên sinh, là vì tiên sinh mới thỉnh thoảng tặng cho năm ba câu mát mẻ xa xôi mà thôi, xét ra cũng không có quan hệ gì.

Nhưng nay tiên sinh công nhiên làm án một phái cho là có tội với học thuật nước nhà, mà lại phân minh chỉ tên tuổi tôi là thủ lãnh, tức là thủ phạm trong phái,

thì tôi dầu có muốn lên mặt kiêu căng cũng không thể sao làm thinh cho được.

Vả việc là việc quan hệ lớn, không phải chỉ thiết đến một cá nhân tôi thôi, mà thiết đến cả học giới trong nước, tất tôi phải cùng tiên sinh phân trần mấy lời, không thể cho độc giả ngộ nhận được.

Vậy Phan tiên sinh kết án phái «học phiệt» về những tội gì ?

Trước hết chữ «học phiệt» đó của tiên sinh tự đặt ra nghĩa là gì ?

Tiên-sinh cho nước ta có một bọn « học-phiệt », tức cũng như nước Tàu có bọn « quân-phiệt », là một hạng người cũng sao có học vấn, có tư-tưởng, nhưng phải cái tánh tự-cao, tự phụ quá, dường như muốn chuyên chế dư-luận chỉ lên mặt làm thầy người ta, chớ không chịu người ta chỉ trích đến mình.

Tiên-sinh buộc cho bọn đó hai cái tội : một là phàm ai nghị-luận, chỉ-trích, công-kích, phẩm-bình gì đến mình là cứ làm thinh hết thảy, người ta gọi đến tên mà «chửi» cũng không trả lời, đó là một cái thái độ rất khả ố, vì tỏ ra khinh người mà lại hèn nhát nữa ; hai là chính vì cái thái độ khả-ố đó mà cõi học nước nhà thành ra vắng vẻ lạnh lẽo, không ai còn muốn cãi cọ bàn bạc gì đến nữa, rõ ra cái cảnh tro tàn khói tỏa, quạnh - quẽ đìu - hiu là cái cảnh chết.

Tiên sinh vì tiền đồ học thuật, hăm hở mạnh bạo đứng lên kết án phái «học phiệt» đó, lời lẽ nghiêm nghị như quan chưởng lý kết án đảng Cộng-sản vậy.

Vậy những bị cáo nhơn là ai ?

Tiên sinh chỉ nói phái «học phiệt» không có bao lăm

người, mà không kể rõ có những ai, song kêu đích danh tôi là thủ phạm. Vậy có lẽ tiên sinh chỉ cố ý muốn «gây sự» — Xin miễn cho tiếng nôm ra — riêng với tôi chăng ?

Tiên sinh buộc tội cho tôi có cái dã tâm muốn chuyên chế dư luận, dường như muốn làm một tên Mussolini trong cõi học nước Nam này. Vậy ra tôi có oai quyền, có thế lực đến thế dư ? Thế thì đanh-giá cho tôi quá ! Dầu tiên sinh có đem cả đại đội đến mà công kích tôi, tôi cũng cam tâm mà lấy làm tự khoái.

Song phàm xử án công bằng, phải có chứng có hẳn hoi, chớ vì tình nghi, vì ác cảm với người nào mà kiếm cớ buộc tội cho người ta, thì cái ân ấy không có giá trị gì nữa.

Tỉ như việc Cộng-sản. Ví Chính-phủ vì không ưa người nào, sẵn lòng nghi, cho khám xét nhà, không thấy gì cả. chỉ bắt được mấy quyển sách Karl Marx (Mã-Khắc-Tư) hay Lenine (Lý-Ninh), cũng buộc tội cho là muốn làm cộng sản, mưu nhiễu loạn cuộc trị-an, như thế thì có phải là công bằng không ?

Nay Phan tiên-sinh đối với tôi mà khởi ra cái án «học-phiệt» đó, có phải là chứng cớ rõ ràng không, hay là chỉ vì «tình nghi» mà bỗng dưng kết cấu ra ? Có phải có sự thực hẳn hoi không, hay là chỉ là một cái «án về thái độ», một cái «án về khuynh-hướng» (Procès de tendance), nghĩa là đoán phỏng chừng cái ý-hướng của người ta mà đem lòng yêu ghét, buộc cho những tội không đâu ?

Không biết chủ ý tiên sanh thế nào, nhưng trong bài đại luận của tiên sinh chỉ có thấy dẫn một việc làm chứng, là việc mấy năm trước ông nghè Ngô-Đức-Kế công kích tôi về truyện Kiều, mà tôi cứ thủy chung làm thinh không trả lời ; thế là phạm hai cái tội đã kể trên kia.

Ông Nghè Ngô nay là người thiên cổ rồi. Kẻ khuất người còn, chuyện bao năm cũ cứ kể ra làm gì ? Nhưng Phan tiên sinh đã giở giói ra, thì tôi cũng phải nối lời phân trần cho rõ lẽ, xin vong linh ông Ngô chứng giám !

Họ Ngô với tôi vốn không hiềm khích gì. Ông là người quốc sự phạm cũ, vì việc nước mà long đong chìm nổi trong bao năm, dẫu người không đồng tư tưởng, đồng chánh kiến với ông, cũng phải kính trọng cái thân thế của ông. Tôi cũng vậy, thủy chung vẫn coi ông như bậc đàn anh. Bấy giờ ông làm chủ bút báo «Hữu-Thanh» mới lập. Báo Hữu-Thanh là một cái tạp chí ; báo Nam-Phong của tôi cũng là một cái tạp-chí. Báo Hữu-Thanh ra sau, báo Nam-Phong của tôi có từ trước. « Hàng thịt nguýt hàng cá », là cái thói thường của con buôn. Trong làng văn làng báo có khi cũng mắc phải cái thói đó. Xem chừng ra ngay từ đầu, báo Hữu-Thanh đã không có ý thân thiện với chúng tôi rồi. Tôi đoán thế nào cũng có một cuộc phản đối. Nhân khi ấy hội Khai-trí Tiến-đức mới đặt ra lễ kỷ niệm cụ Tiên-Điền là tác giả truyện Kiều. Việc này tự tôi khởi xướng, mà ông Trần-Trọng-Kim cũng là một tay chủ động. Bữa ông Trần và tôi diễn-thuyết ở hội Khai-trí có tới hai ngàn người đến nghe, coi ra hoan nghinh cổ võ lắm. Ông chủ bút Hữu Thanh có ý căm tức, liền viết bài phản đối truyện Kiều và *nhân thể mỉa sát tôi*. Tôi giận lắm, hăng hái muốn ra quyết chiến với họ Ngô một phen, Vì tôi ôn-hòa thì ôn-hòa thật, nhưng không đến nỗi nhu nhược mà bị người ta công kích không biết đối phó lại. Nhưng tôi nghĩ kỹ, rồi quyết bấm làm thinh không trả lời. Ai cũng biết rằng họ Ngô không phải vì truyện Kiều mà bình phẩm truyện Kiều, chỉ là kiếm cớ để gây cuộc «cãi lộn» với tôi, trước là làm một cách quảng cáo cho báo «Hữu-Thanh», sau cùng để *thỏa* một cái lòng ác cảm riêng chăng. Truyện Kiều là một nền văn chương

kiệt tác, xét truyện Kiều phải đứng về phương diện văn chương mà xét, nay họ Ngô lại đứng về phương diện đạo đức — mà là cái đạo đức rất hẹp hòi của phái hương nguyện — thì rõ là chủ ý lập luận thiên đi, để có chỗ mà công kích người ta, như vậy không phải là một vấn đề văn chương học vấn gì nữa, chỉ là một vấn đề cá nhơn mà thôi. Tôi bèn định cứ làm thinh, không bắt lời tựu trung có hai lẽ như sau :

1) — Đã là một vấn đề cá nhơn, thì việc chỉ can thiệp đến hai người đối thủ với nhau mà thôi. Bất luận tài học ông Nghè Ngô thế nào, ông có một điều hơn đứt hẳn tôi : là ông là người đã vì nước mà phải tù tội. Trên cái càn dư luận của quốc-dân, ông đã có sẵn 10 năm Côn-Lôn ở đó rồi. Như vậy thì cuộc tranh luận không được ngang sức nhau nữa. Vả lại tự ý tôi cũng không muốn tranh luận với ông, ví dầu thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính trọng cái thân thể của ông ; nếu đã thành ra cuộc cãi lộn thì tất phải dùng những lời nặng tiếng nhẹ, ông cho tôi là « văn sĩ lóp lép », thì tôi nể gì ông mà không tặng cho ông những tên nọ tên kia, thành ra một cuộc đấu khẩu hàng rau hàng cá, còn có sự thể gì nữa !

2) — Lẽ nữa, — mà lẽ này Phan-Khôi tiên-sinh đoán trúng lắm — là ông chủ bút Hữu-Thanh đã lập tâm «gây sự» với tôi để làm quảng cáo cho báo ấy, thì tôi là chủ báo Nam-Phong, khi nào tôi chịu mắc mưu đó ! Tôi làm thinh không trả lời, chính là một cách phá cái dã tâm của họ vậy.

Ấy đầu đuôi câu chuyện như vậy. Rút lại là một câu chuyện cá nhơn, câu chuyện quyền lợi cả, không có quan hệ gì đến học vấn tư tưởng hết.

Bởi thế nên tôi cứ làm thinh, không hề đả động đến nửa lời. Làm thinh là không muốn cãi lộn vô ích, chớ không phải là khinh hay sợ gì dư luận.

Ôi! dư luận! dư luận vẫn đáng kính trọng lắm. Nhưng Phan tiên sinh còn lạ gì, dư luận ở nước ta từ trước đến giờ hãy còn ấu trỉ lắm. Nhiều người không biết phân biệt chuyện nghĩa lý với chuyện cá nhơn, không biết rằng người thức giả thảo luận với nhau là để tỏ bày chân lý, chớ không phải là cốt để thắng lẫn nhau, như trong cuộc đấu võ vậy.

Tôi chắc rằng có người đọc bài «cảnh cáo của Phan tiên sinh; nghĩ bụng rằng: «ông này tất có bụng ghen ghét gì Phạm-Quỳnh mới kiếm chuyện cãi lộn như vậy» Lại chắc có người không ưa tôi mà nghĩ rằng: «Đáng kiếp! Đã bị ông Nghè Ngô trị cho một lần, lại bị ông Tú Khôi trị cho một lần nữa!» Như vậy chẳng là oan cả cho hai bên dư? Câu chuyện nghĩa lý mà biến thành câu chuyện cá-nhơn đó.

Đối với một cái dư-luận còn bỡ ngỡ như vậy, tưởng cũng không nên câu nệ cho lắm. Không nên coi thường dư-luận, nhưng cũng không nên làm nô-lệ cho dư luận. Có nhiều điều dư luận nhao nhao lên đó, mà người thức giả nên làm thinh.

Sau cuộc phản đối của ông Nghè Ngô, trong nước liền nổi lên cái phong-trào chính-trị mới. Có người nối gót ông Ngô, cũng đem lời nọ tiếng kia mà phẩm bình tôi. Tôi đều nhứt thiết làm thinh cả. Là vì Nnhững lời bình phẩm đó là toàn về cái thái-độ chính-trị của tôi, mà tôi vốn không phải là nhà chính-trị. Chẳng biết từ nay về sau vì thời thế bắt buộc có phải thực lực ra làm chính trị hay không đó là một cái nghĩa vụ, nếu phải làm thì cũng không dám từ — chớ từ trước đến nay sở chí sở sự của tôi không phải chuyên chủ về mặt chính

trị ; dầu có tham dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham dự một cách gián tiếp, đứng về địa vị khách quan, để làm một món khảo cứu mà thôi.

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học vấn. Cái chủ nghĩa tôi phụng sự bấy lâu nay — kể có trên dưới mười lăm năm trời thật là dốc một lòng, chuyên một giạ — chính là chủ nghĩa quốc gia, nhưng chỉ mới phụng sự về phương diện văn hóa, chưa hề chuyển đi sang phương diện chính trị.

Tôi thiết nghĩ rằng muốn cho nước nhà được độc lập, thì phải gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân. Muốn gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân thì phải có khí cụ để tuyên truyền giáo dục. Cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục là ngữ ngôn văn tự trong nước. Bởi thế cho nên 15 năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả : chỉ cúc cung tận tụy về một việc, là cổ động cho quốc văn, tài bồi cho quốc văn, gây dựng cho quốc văn thành một nền văn chương đích đáng, có thể dùng làm cái lợi khí để truyền bá văn minh trong nước. Các bạn đồng chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã công nhận cho cái công phu ấy không phải là vô ích.

Vì tôi chỉ chuyên chú về một việc tài bồi quốc văn như vậy, cho nên thật không để chí vào việc chính trị. Ai bình phẩm tôi về chính trị là bình phẩm sai cả. Tôi cho là bất túc kinh trọng, nên không hề đối đáp, không hề cải chính bao giờ.

Nhưng đến việc văn chương học vấn thì tôi rất vui lòng thảo luận. Bởi vậy Phan tiên sinh khởi ra cái án ly kỳ là cái án «học phiệt» này, tôi liền cầm bút để cùng tiên sinh phân trần các lẽ. Tôi thật không dám khinh dư luận, nếu dư luận ấy là ở những người thức giả như tiên sinh.

Tiên-sinh thấy cái cảnh tiêu-điều trong học giới nước nhà, lấy làm buồn, buồn sanh bực, bực bèn muốn qui-cửu cho người nào, liền qui-cửu cho tôi. Thế là tiên-sinh phán đoán vội-vàng : nếu trong cõi học nước nhà, có kẻ nào là tội nhân, thì tôi đây cũng dám tự cao, cũng có thể cho là một kẻ nhẹ tội hơn cả.

Nhưng học-giới nước ta không phải ngày nay mới tiêu-điều, Đương lúc khoa-cử còn thịnh đã có cái cảnh tiêu điều đó rồi. Vì cái học khoa-cử chỉ là cái học để thi đỗ mà thôi, không phải là học-thuật chân chính. Nói đến học thuật chân chính thì cổ lai nước ta có gì ? Không dám bội bạc tiền nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Tương truyền lý-học thâm-thúy có cụ Chu An, cụ Trạng-Trình. Nhưng các cụ phát minh được những điều gì, trứ thuật được những sách gì có giá trị ? Nào đâu là những phái Vương-học, phái Thiền-Tôn như ở Nhật-Bản, cũng học chữ Tàu mà khám phá được nhiều điều người Tàu không nghĩ đến ? Nước mình tịnh không có gì cả. Đó chẳng qua là bởi cái tinh thần học vấn của mình nó bạc nhược quá. Lại bởi cái mô phỏng của người mình nữa. Xưa kia động nói là dương danh ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trình ; ngày nay động nói là giở ra khoa học với lý luận, dân chủ với dân quyền ! Nghe người ta nói mình cũng nói, chớ vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh vi.

Ấy cái hiện tượng của học giới ta ở đó, ở cái tính nô lệ của người mình đó, chớ không phải là lỗi tại người này hay người nọ.

Nay muốn cho cõi học được vui vẻ sầm-uất, không cần phải dùng đến những cách dương đông, kích tây, nay công kích người này mai phản đối người nọ, để làm một trò chơi cho khách bàng quan.

Phải nên cùng nhau hiệp lực, cố gây dựng cho nước nhà một nền «quốc học» đích đáng, không Tây mà cũng không Nho, có cái tính cách đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố-hữu của nòi giống. Cái ý-tưởng đó ngày nay Phan tiên sinh mới đề xướng, mà về phần tôi chủ trương đã lâu năm rồi.

Vậy ngày nay chúng ta có nên cổ động lập một hội «Chấn hưng quốc-học», họp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một kỳ để bàn các kế-hoạch nên thi hành cho nước nhà có một nền quốc-học xứng đáng không ?

Thiết tưởng thế còn hơn là cãi vã nhau vô ích.

Phan tiên sinh nghĩ sao ?

PHẠM-QUỲNH

(Trích trong P.N.T.V.)

5. – CHÁNH-HỌC CÙNG TÀ-THUYẾT CÓ PHẢI LÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ CHUNG KHÔNG ? (CHIÊU TUYẾT NHỮNG LỜI BÀI BÁNG CHO MỘT NHÀ CHÍ-SĨ MỚI QUA ĐỜI).

Báo Phụ Nữ Tân Văn số 67 ra ngày 28-3-1930 có đăng bức thư của ông Phạm-Quỳnh (1) chủ bút báo Nam-Phong trả lời cho ông Phan-Khôi về câu chuyện « Học-Phiệt ». Trong thơ ông Quỳnh có kể chuyện ông Ngô-Đức-Kế ngày làm chủ bút Hữu-Thanh có bài công kích ông về chuyện Kiều. Bài ông nói đó tức chỉ vào bài « Chánh học cùng tà thuyết » (2) của ông Ngô đăng ở báo Hữu-Thanh số 21 ra ngày 1er-9-1924, là một bài tuyệt-xướng có giá trị nhứt trong quốc-văn báo giới ta về khoảng vài mươi năm nay, mà đồng bào ta ai đã đọc đến, cũng in sâu vào trong óc, không khi nào quên được. Thế mà trong 5, 6 năm nay, không nghe ông Quỳnh có câu gì biện-bác bài ấy hay dở phải không thế nào. Nay ông Ngô đã qua đời rồi, nhân ông Phan-Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới dở mối hiềm riêng chất chứa lâu nay, công nhiên pha giữa công

---

(1) Xem ở trang 39.

(2) Xem ở trang 20.

chứng rằng bài ấy là « câu chuyện cá nhơn, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học vấn tư tưởng gì cả. . . » Ông lại bươi những chuyện riêng của ông Ngô với ông, hai người đối đãi nhau lúc bấy giờ, để làm chứng câu « có nhơn quyền lợi » của ông, mà buông lời thô bỉ như là « hàng thịt nguýt hàng cá, thoa lòng ác cảm, đạo đức lương nguyên» v.v... bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ nào thì không đủ trách, song tự lỗ miệng và ngòi bút một người làm nhân vật, nghiêm nhiên tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn hóa mới cho nước nhà, lại chủ trương một cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay mà có lời thô bỉ lấy cái làm sự hiềm riêng, nói xấu cho một người thiên cổ, thì không thể bỏ qua được.

Ông Ngô-Đức-Kế là một người tài học trồ từ lúc thiếu niên ; nếu như có ý thờ cái chủ-nghĩa vinh thân phì-gia, *mượn lối văn chương để tiện đường mua giàu* chắc tiếng như ai, thì trong đám người đời mà lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa ra. Thế mà hy sinh cả thảy, chỉ ôm một lòng lo việc chung cho đất nước, trọn đời đày đọa mà cứ khăng khăng một mực cho đến ngày đậy nắp hòm. Trong cái sự nghiệp trước tác của ông, bài « chánh-học cùng tà-thuyết» nói ở trên chỉ là một bài trong ngàn bài khác,..

Lịch-sử cay đắng của ông đã nhiều người rõ, tôi không cần nhắc lại. Nay tôi xin gác lịch-sử cá-nhân ra ngoài, mà chỉ trình trong phạm-vi bài «bác Kiều» của ông cùng bức thơ «Học-phiệt» của ông Quỳnh mà biện bạch cho luận điệu có giới hạn để độc giả cùng xem :

A)— Bài « bác Kiều » đầu tiên đại ý nói : chánh học cũng là thực học *có quan hệ đến vận nước* ; chánh-học

xướng minh thì thế đạo, nhơn-tâm phải tốt mà nước được cường thịnh ; tà thuyết thịnh hành thì thế đạo nhơn tâm phải xấu mà vận nước cũng suy đồi... Đoạn giữa nói đến truyện Kiều thì cho là một truyện phong. tình, không đường nào tránh cái ác của 8 chữ «Ai Dâm Sầu Oán Đạo Dục Tăng Bi» thương sầu oán, mở đường tà dục mà tăng mối buồn rầu ; dầu văn có hay cũng là một thứ văn mua vui (chính ông Nguyễn-Du tác giả truyện cũng tự nhận thế), chớ không đem ra mà dạy đời được. Sau ông mới bài bác những người tán dương truyện Kiều, cho là giả dối, là hoặc thế vu dân... Toàn bài đại cương như thế, nói về nghĩa lý thì quang minh chánh đại, thật là một bài quan hệ trong học giới rất to tát ; mà về lời biện bác thì lời nghiêm nghĩa chánh có một cái mãnh lực như sét phang trước trán, nước xối sau lưng, khiến cho ai đọc đến cũng tỉnh giấc hồn mê. Độc giả thử xem, một bài biện luận xác đáng rạch ròi như vậy, sao gọi là cá nhơn quyền lợi, mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng ? Sao gọi lập luận thiên đi ? Như vậy mà cho là không quan hệ, thì những lối trèo tường trổ ngõ, quạt ước trăng thề, ép liễu nài hoa, cắp hương trộm ngọc kia mới là quan hệ với học vấn tư tưởng sao ? lập luận ấy mới là chánh sao ?

B) — Ông nói làng văn làng báo cãi nhau là thói con buôn thì câu nói rất trái lẽ, mà không có cân lường : phàm học vấn tư-tưởng có biện chiết mà sau chân-lý mới được rõ ràng ; thường những nhà học giả cải biện nhau là một đều thường thấy ; huống đã là nhà báo thì có cái nghĩa truyền bá chân-lý, miễn là cải biện nhau không ra ngoài luận diểm thì thôi. Nay ông nói cãi nhau là «hàng thịt nguýt hàng cá», thì làng văn làng báo, cứ vầy hùa nhau, làm con sâu nhái tiếng cho nhau, mà không xét đến luận thuyết có phải cùng không hay sao ? Hàng rau hàng thịt cãi nhau là chỉ bọn

thù vặt nói thầm kia, chớ không đem điều ấy mà chê cái vấn đề «chánh học tà thuyết» này được : ông nói bài kia không phải phẩm bình truyện Kiều, thì bài ấy nói truyện gì ? ông tưởng 20 triệu đồng bào đều không có tai có mắt mà tin như lời ông nói sao ?

C) — «Đạo đức hương nguyện» là đạo đức thế nào ? Cứ như lời ông Mạnh-tử đã giải thích thì hương nguyện là *chiều đời dua tục*, không nói trái với ai, chính là chỉ bọn nhu my. *Như con đĩ Kiều* kia và cả truyện Kiều nữa mới gọi là nhu my. Thế mà cho kẻ bác học Kiều là đạo đức hương nguyện thì cái truyện phong tình ấy là đạo đức gì ?

D) — Ông nói : ông Ngô thấy người ta hoan nghinh Kiều mà có ý căm tức nên viết bài phản đối. Phải căm tức là chính phải. Con đĩ Kiều kia, có cái giá trị gì ? người tô vẽ Kiều kia có công đức gì mà hoan nghinh ? Ông đã đề xướng chánh học, thì đối với sự bất chánh đáng ấy mà phản đối, chính là vì nhân tâm thế đạo mà sinh lòng công phẫn, chớ có cái gì gọi là thù riêng ? chính ông Quỳnh cũng tự nói rằng : họ Ngô cùng ông không có hiềm khích gì, kia mà !

E) — Ông nói «không phải nhu nhược, bị người ta công kích không biết đối phó», thì thực là câu độn từ, mà không phải là lời nói của một nhà học giả : đã là nhà học giả thì phải yêu chân lý : người ta công kích mình (bất kỳ việc làm hay lời nói) mà hợp với chơn lý, không chỗ cãi chối được, thì mình phải phục tùng : nếu như người ta công kích mà trái lẽ, mình cứ lấy lẽ mà biện bác lại : ấy là thái độ chơn chánh của một nhà học giả, Bằng như người ta công kích mình, mình không xét phải hay là không, mà cứ công kích lại, người ta nói mình «văn sĩ lóp lép» thì mình tặng lại họ tên nọ tên kia...ấy là biết đối phó mà không nhu nhược sao ? Còn

nói ông Ngô có cái lịch sử **10 năm ở Côn-Lôn** nên ông ngang sức, thì thật là vô lý. 10 năm Côn-Lôn là một vấn đề, bác học Kiều là một vấn đề khác, hai điều có dính liếu gì đâu? và trong bài «chánh học cùng tà thuyết» của ông Ngô, ông có đem 10 năm Côn-Lôn mà khoe với ai đâu? Ông có làm «Côn-Lôn du ký» mà tuyên bố để mua danh đâu? Lúc ấy ông Ngô còn, ông không đối phó, mà đợi đến nay ông Ngô đã khuất rồi mới viện cớ nầy bươi lẽ nọ, để dành lại sự phải cho ông, thật là đã chứng hai chữ nhu nhược ông nói trên.

Về sự bát Kiều mà ông Quỳnh không trả lời, lâu nay tôi vẫn kính trọng, tấm lòng phục thiện của ông rõ là thái độ quân-tử. Phải như ông Phan-Khôi hỏi điều ấy mà ông Phạm-Quỳnh cho là chuyện cũ, chỉ lượt giải mấy câu, không nói phạm đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời, thì tấm lòng quang minh lỗi lạc của một nhà học giả, người thức giả ai chẳng kính phục thêm? Nay cứ như bức thơ ông thì rõ mối thù riêng hiềm vặt, đối với chuyện công kích ấy chất chứa trong trái tim ông đã 5, 6 năm nay; nhơn ông Khôi khêu mối mà ông kéo dây ra; toàn bức thơ ông không chỗ nào gãi ngứa vào bài «Chính-học cùng tà-thuyết» kia, mà chỉ là những lời nhạo báng. Cái lối nặn oán ấy là tâm lý gì?

Độc giả thử xem bài «Chánh học» của ông Ngô cùng bức thơ «Học-phiệt» của ông Quỳnh mà so sánh, thì đủ rõ ai là kẻ có lòng ác cảm riêng.

Sau này tôi xin chánh cáo cho anh em trí thức trong nước rằng: truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là thứ sách học; mà nói cho đúng, truyện Kiều *là một thứ dâm thơ*, rõ không ích mà có hại. Ở xã hội ta từ có kẻ tán

dương truyện Kiều, truyền bá học Kiều đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sóng sắc, chìm nổi biển tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay mà diễn ra những tuồng thương-phong bại-tục kia, cái giống độc con dĩ Kiều, deo vào trong cõi tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm nghìn người học Kiều, tha khắp trong xã-hội ta, *không thấy cái gì ích mà chỉ thấy cái hại ;* mà nếu được một người « đạo đức hẹp hòi » như ông Ngô-Đức-Kế thì *không khác gì cột đá giữ giòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường,* có công với thế đạo nhân tâm không phải là ít, vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sụt hố kia.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

(P. N. T. V.)



B — QUAN-ĐIỂM

1.– Vụ án văn chương truyện Kiều

Vì sao, đã có một thời truyện Kiều được ca tụng đến triệt để và bắt đầu được dùng làm sách Giáo-Khoa ?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải nhắc đến một nhà văn mà tên tuổi thế nào cũng được ghi chép rõ ràng trong bộ Văn-học-sử tương lai của nước ta : «Phạm-Quỳnh, con người đã khởi xướng phong trào «tán Kiều» và học Kiều. Là một thanh niên thông minh ưu tú, là một văn sĩ tài hoa lỗi lạc, là một học giả được hấp thụ sẵn học thuyết Khổng, Mạnh, nghiên cứu thêm Phật, Lão, Trang Liệt từ thiếu thời. Lớn lên lại thâu thái thêm những tư tưởng Voltaire, Montesquieu, Rousseau, thưởng thức thêm được mỹ-vị văn chương Lamartine, Chateaubriand...Phạm-Quỳnh cũng muốn tỏ ra một phần tử quan hệ của nước nhà. Tuy nhiên con người như thế dù có lòng yêu nước thương nòi đi nữa, mà không được huấn luyện trong cách mạng hẳn hoi, thì cũng bị bơ vơ chưa có định hướng rõ rệt, và chỉ mong giúp đời giúp nước bằng Sự nghiệp Văn chương của mình mà thôi. Quả nhiên tài văn của Phạm-Quỳnh

đã chói lọi, trội hẳn lên trên văn đàn đương thời, và cố nhiên là Quỳnh được Chánh-phủ Thực-dân để ý theo rõi, rồi tìm cách đánh lạc hướng để lợi dụng làm tay sai ! Người như Quỳnh, có thể nói là « tài » lớn hơn « chí », mà lại mắc phải vòng kiềm tỏa gang thép, mắc phải kế vuốt ve mua chuộc xảo quyệt của Thực-dân thì nếu không sa ngã vào vòng phản bội dân tộc, ắt cũng khoanh tay cúi đầu, không thi thố nổi chí nguyện gì nữa. Không lẽ trong lúc giống nòi nô lệ lầm than mà một con người ưu tú như mình đi làm tay sai trắng trợn cho người như kiểu bọn bán nước Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khải, Quỳnh mới ôm ấp lấy một lý tưởng Quốc-Gia kiểu Maurice Barrès. Hỡi ôi ! cái chủ nghĩa ấy thì không phải là «không tưởng» nhưng con đường cách mạng của Quỳnh thì mới thật là không tưởng vậy. Làm cách mạng mà sợ phải đầy Côn-Lôn, sợ phải lên máy chém, sợ bị chết già nơi hải ngoại, rồi vin lấy chữ «bất bạo động» của Thánh Gandhi, hiểu lầm câu «bạo động bất tử» của cụ Phan-Châu-Trinh, rồi cứ làm việc cộng tác với thực dân và âm thầm làm cái cuộc «cách mạng ở trong lòng một mình thì chỉ mua cái cười ! Cái lối «làm cách mạng» này, đời nay người ta gọi là «cách mạng xa lông» đó vậy.

Thế rồi, không lẽ không có một hoạt động nào cụ thể chứng tỏ ta đây yêu nước, Quỳnh mới chủ trương công cuộc «Nâng cao dân trí» trong đó có việc khai thác đề cao Quốc Văn. Quỳnh chạy theo André Gaudpye để nắm lấy cày này của Francis de Miomadre làm châm ngôn :

Một dân tộc bị chinh phục, muốn giải thoát chỉ cần có một từ ngữ được qui định bởi một văn phẩm kiệt tác.

Nghĩ tới văn phẩm kiệt tác, Quỳnh vớ ngay lấy chuyện Kiều rồi hô lớn lên rằng : « Chuyện Kiều là

Quốc-hoa, Quốc-hồn, Quốc-túy Việt-Nam... Nguyễn-Du đổ máu làm mực, làm vẻ vang cho giống nòi... chuyện Kiều còn tiếng Nam còn; tiếng Nam còn, nước Nam còn...» Rồi ông xướng lên việc «tôn thờ» chuyện Kiều, tán Kiều, học Kiều. «Thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, nhà in đã sẵn, báo chí đăng lên tha hồ mà tán xằng nói nhảm... » (Lời cụ Ngô-Đức-Kế công kích ông Quỳnh) lòng tự phụ quốc gia kích thích đám thanh niên tân học đương thời chạy hùa theo Quỳnh và họ đổ xô vào mà «bình phẩm văn chương Kiều, phê bình Kiều, chú thích Kiều, làm thơ vịnh Kiều rồi hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp bóng Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều, họ làm như thế nước Việt-Nam bấy giờ là «Kim-Vân-Kiều quốc» nòi giống Việt thuộc «Kim-vân-Kiều tộc» ấy. . ! Cái cảnh nhà treo một bức, cửa yết một tờ, kèn trống rước vào, hương hoa cúng lễ ấy. . . thật là quá đáng. . .» (phỏng theo lời cụ Ngô-Đức-Kế công-kích ông Phạm-Quỳnh). Giới thanh niên Âu-học vì nhiễm phải cái tư tưởng lãng mạn; tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, chủ trương «nghệ thuật vị nghệ thuật» mà xô nhau vào «tán Kiều» chỉ cốt để giải phóng cho bản năng tình cảm bị gò bó trong lễ giáo. Họ ham mê Kiều không phải vì nội dung nó hay dở ra sao, mà chỉ mê vì những câu văn tình tứ, những hình ảnh của ái ân. Và ngay đến giới đạo đức chịu ảnh hưởng Tây học cũng đem cái sở đắc về phương pháp thưởng thức văn chương kiểu mới đã lĩnh hội được, để áp dụng vào sự phân tách cái hay cái khéo của từng câu Kiều. Thành thử, từ già, trẻ, thầy, trò nô nức nhau mà tán Kiều suốt mấy năm trời trên tạp chí Nam-Phong, và những sự ca tụng cuồng nhiệt ấy được kết thúc bằng cuộc kỷ niệm thi-sĩ Nguyễn-Du ở Hà-Nội năm 1924».

Sau đó tác giả tìm hiểu nguyên nhân cuộc khủng hoảng tinh thần của thanh niên. «Nhưng chúng tôi thì lại cho rằng trạng thái văn hóa ấy là do cuộc khủng hoảng tinh thần của một số thanh niên trí thức mà nên. Than ôi! Những hài nhi khi lọt lòng mẹ thì Nước đã mất từ đời nào rồi! Những con chim non nhí nhảnh vào trường học thì đầu óc trong trắng bị nhồi vào ngay một cái học nô-lệ của nền giáo dục Thực Dân! Những mái đầu xanh khi quay ra tìm hiểu đời, tìm tương lai sự nghiệp, thì những cụ Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám đã bỏ mình, các cụ Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh đã bị tù đầy, luân lạc, cho tới về sau ông Nguyễn-Thái-Học, Phạm-Hồng-Thái đều đã bị rơi đầu hoặc vong thân! còn ai dìu dắt họ, nung nấu tinh thần cho họ? Sống không có lý tưởng cao quý, giữa cái xã hội kim-tiền ô trọc, họ đang chán ngán về cuộc đời vô vị, thì một số khác đi du học nước ngoài đem về « làm quà » một chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, một chủ nghĩa lãng mạn quá trớn, cặn bã của Văn-Minh Âu-Tây, thì họ trách sao cho khỏi mắc mồi, say thuốc? Nào tiểu thuyết, nào dâm thư, nào phim ảnh trữ tình, nào âm nhạc mê hồn, có đủ thứ để cho thanh niên giết cái tuổi xanh vô vị, cho tiêu thời giờ (chớ không phải tiêu cái sâu vong quốc). Họ đang say sưa với cái «Văn chương mượn» của người, bỗng thấy Phạm-Quỳnh xướng lên «cái học nhà» đưa ra và khai thác một áng văn trữ tình bất hủ (chuyện Kiều) thì họ đều «giác ngộ» mà xô vào chiếu cố cái món hàng lãng mạn «nội hóa» và «cổ truyền» ấy để họ cũng tự nhủ rằng: Có yêu quốc văn tức là yêu nước. Chính-phủ thực dân nhận thấy chuyện Kiều chẳng có chút gì là tuyên truyền Ái-quốc, mà lại có tính chất lãng mạn trữ tình để ru ngủ hồn thanh niên thuộc địa, thì bằng lòng cho dùng

chuyện ấy để dạy học ngay. Về cái việc tai hại này không hiểu Phạm-Quỳnh có chủ tâm đồng lỏa với thực dân chăng ? Hay là ông Phạm-Quỳnh chỉ vì dại dột mà hại nước một cách vô ý thức ? Thời gian sẽ viết nên những giòng sử chính xác, chúng tôi chưa dám quyết đoán lúc này ; chỉ thấy rằng ngọn lửa lãng mạn đang bốc cháy dữ dội, lan tràn của cặn bã Văn-Minh Tây-Âu, thì ông Quỳnh bỗng lại lôi ra một thùng thuốc súng mà dân Việt Nam đang xếp kín một nơi : là chuyện Kiều ! Rồi ông Quỳnh đem ném luôn vào đám cháy cho lửa càng bùng lên sáng rực, nóng ran : Hai nhà chí sĩ Ngô-Đức-Kế và Huỳnh-Thúc-Kháng hoảng hốt vội vã lật đật ôm ra mấy thùng nước để hắt lên cứu hỏa, nhưng sức hai cụ có hạn, rồi không ai trợ lực nữa, lửa vẫn cháy và tiếng kêu cứu hò hét của hai cụ chỉ là vài tiếng kêu trong bãi sa-mạc. Tư tưởng lãng mạn và cá nhân cùng phát triển. »

Đến đây tác giả nhận định về những hậu quả của cuộc « Cách mạng văn chương » lãng mạn khởi nguồn từ Nam Phong, về phương diện gia đình, xã hội. Về phương diện quốc gia, tác giả nói :

«Về phương diện Quốc-gia thì cái «cuộc cách mạng Duy-Tân» của đám «thanh niên mới» ấy lại càng tai hại nữa. Quân thù đang cai trị dân mình, giầy xéo lên đất nước, đàn áp bóc lột đồng bào tới xương tủy, thế mà cái chủ lực của dân tộc lúc ấy, cái đoàn thanh niên trí thức ấy chưa có một hành động nào cụ thể chống ngoại xâm, chống kẻ thù chung của dân tộc, lại cứ hăng máu «Duy Tân» lên mà xông vào công phá gia đình; tranh đấu ác liệt với cha mẹ. Họ say mê văn chương lãng mạn, họ yêu đương nồng cháy, mê mệt rồi họ thất vọng, họ đau khổ vì gia đình, họ điều đứng vì «bên hiếu, bên tình» và bù đầu loạn óc, tê tái tim gan, trọn

đời tìm cách «sống thác với tình» thì còn lòng nào nghĩ tới Quốc gia tới Độc lập là cái gì nữa ?

Giữa tình trạng lịch sử ấy, mà có người lại đề xướng ra việc dùng Cuốn Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn-Du làm sách giáo khoa, thì thật là người ấy đã gãi vào chỗ ngứa của bọn Thực dân ! Và chuyện Kiều bị lạm dụng, bị xuyên tạc tinh thần thì quả là một trong những liều thuốc mê để thực dân ru ngủ tinh thần hăng hái, để giết chết tinh thần tranh đấu của thanh niên Việt-Nam trong thời nô lệ vậy. »

Khi nhắc tới phản ứng chống đối của ông Ngô-Đức-Kế, tác giả viết :

« Đọc những dòng tâm huyết này, nhất là những chữ «gan lòng sắt đá chí nguyện cao xa», tất ai ai cũng phải hiểu rằng cụ Ngô đã làm phận sự của một nhà ái quốc kêu gọi cảnh giác thanh niên nhiều hơn là làm phận sự của một học giả phê bình văn chương một tác phẩm. Cụ Ngô công kích ông Quỳnh chính là cụ đay nghiến bằng một câu cuối cùng não ruột :

Ôi ! Than ôi ! Kim-vân-Kiều mà « cai trị » nước Việt-Nam, thì xã hội Việt-Nam không nói cũng biết rồi !

Cụ không dám lớn tiếng bàn chính trị, nhưng hai chữ «cai trị» cũng đã gây cho mọi người yêu nước một ý thức giác ngộ và căm hờn. Lại thêm bốn chữ «Chí Nguyện Cao Xa» ở trên, đã có giá trị như một bài hịch văn «Chiêu Hồn nước» rồi vậy. »

Một đoạn khác, ông Tử-Vi-Lang cho rằng nếu các cụ sống vào thời truyện Kiều không còn bị lợi dụng chính trị (thời Nhật cũng cho dịch Kiều ra tiếng Nhật) thì chắc các cụ sẽ có ý kiến khác :

«Chúng ta phải nhận định rõ ràng : Hai cụ Ngô,

Huỳnh sở dĩ phải nhắm mắt kết án cả chuyện Kiều, là vì ông Phạm-Quỳnh quá đại ngôn khoác lác, ông Quỳnh ru ngủ tâm hồn thanh-niên mà lại dám nói quá đáng rằng : «Chuyện Kiều quan hệ văn hóa Việt-Nam... nếu không có chuyện Kiều thì tình trạng dân tộc Việt-Nam chưa biết đến thế nào (!)» Vì thế cụ Ngô mới công kích ông Quỳnh là «con oanh học nói, xẳng xiên bậy bạ, rồ dại điên cuồng đưa tà thuyết ra để vu dân..» Các cụ hay có thành kiến và chủ trương tuyệt đối cho nên, một khi đã nghi ông Quỳnh là Việt gian thì các cụ phải mạt sát lây cả đến cái tác phẩm mà kẻ Việt gian đã tán tụng để xuyên tạc, lợi dụng! Chứ nếu như các Cụ còn sống tới ngày nay thì biết đâu các cụ lại chẳng «phục hồi danh dự» cho chuyện Kiều ?

Trích «Vụ án văn chương truyện Kiều»
TỬ-VI-LANG. Saigon 1956



2. — VỤ ÁN KIỀU THANH-LÃNG

Bài Vụ Án Kiều này trích ở Chương về Phê Bình trong cuốn Văn-Học Thế Hệ 1913 (1913—1932) của giáo sư Thanh-Lãng sắp xuất bản nay mai. Giáo-sư Thanh-Lãng chuyên khảo về Văn Học Mới, nghĩa là Văn Học có chịu ảnh hưởng do sự va chạm với Tây-phương. Theo một phương pháp mới, giáo-sư Thanh-Lãng chia Văn Học mới thành từng Thế Hệ. Tiêu chuẩn xác định một Thế Hệ là những biến cố quan trọng có sức xoay chiều cho văn học của một thời kỳ, khiến cho đa số văn gia của thời kỳ đó có một đường lối cảm xúc chung đường lối suy tư chung, đường lối hành động chung.

Như vậy, chỉ thuộc về một thế hệ những nhà văn có tác phẩm xuất hiện trong thế hệ ấy. Vụ Án Truyện Kiều này là một sự nhận định về một thái độ phê bình của các nhà phê bình thuộc thế hệ 1913 (1913— 1932) là một thời kỳ thể văn phê bình Việt Nam mới bắt đầu phôi thai.

L.T.S.

PHẠM-QUỲNH

Chúng ta biết, từ ngày có Đông-Dương tạp chí mà nhất là từ ngày Nam-Phong tạp chí ra đời, Phạm-

Quỳnh không bỏ một cơ hội nào mà không tranh đấu cho Quốc-văn : nào là bênh vực nó, nào là ca ngợi nó, đặt nó ngang hàng với nhiều nền văn học tiền tiến trên thế giới. Chứng cớ hiển nhiên mà ông muốn đưa ra đó là truyện Kiều. Bởi vậy, hễ có dịp là ông không tiếc lời ca tụng Kiều. Theo Phạm-Quỳnh, tình thế đương thời không có gì đáng bi quan tuyệt vọng, là vì « truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn ».

Do sáng kiến của Phạm-Quỳnh và Đông Dương tạp chí cũng như Nam-Phong tạp chí, cả một phong trào suy tôn Kiều ra đời : người ta đọc Kiều, dịch Kiều, chú thích Kiều diễn thuyết về Kiều, làm lễ truy điệu tác giả Kiều. . . Đáng chú ý hơn cả có lẽ là bài nghiên cứu của Phạm-Quỳnh về Kiều năm 1919 dài hơn 60 trang (1). Bài này chúng ta đã có dịp nói đến khi nghiên cứu về Phạm-Quỳnh, nhà phê bình. Đại ý bài này là minh chứng truyện Kiều, về mọi phương diện, xứng đáng gọi là một kỳ công kiệt tác không riêng gì của Việt-Nam mà của cả nhân loại. Truyện Kiều làm vinh quang cho cả dân tộc. Chúng ta sẽ ghi chú những đoạn Phạm Quỳnh ca tụng Kiều hơn cả trong bài này. Đây là những điều quả quyết của Phạm-Quỳnh về Kiều :

1 — Kiều là cuốn sách được tôn sùng hơn hết.

Phạm-Quỳnh minh chứng trên thế giới này không đâu có cuốn sách nào được người ta đọc nhiều, ham nhiều, tôn sùng bằng Kiều : «cf trích trang 92 và 73 của đoạn A» (2)

2 — Kiều là cuốn sách cao thượng hơn hết.

---

(1) Nam-Phong số 30, tháng Décembre 1919 p. 480-500.

(2) Phạm-Quỳnh, Thượng chí văn tập III trang 92-93.

Kiều không những được người ta tôn sùng vì nó hay mà nhất là vì nó là cuốn sách cao thượng hơn cả: «Không đâu có quyển sách nào vừa cao thượng đủ cảm được người học thức, vừa giản dị đủ cảm được kẻ bình thường như truyện Kiều vậy (1).

3 — Tác giả Kiều đáng được toàn quốc tôn thờ.

Nói về Nguyễn Du, Phạm-Quỳnh viết:

«Một người đã có công với quốc văn như cụ thật đáng lưu danh thiên cổ, và đáng cho quốc dân sùng phụng muôn đời như một ông thánh trong nước vậy (2).

4 — Truyện Kiều và tác giả truyện Kiều sẽ bất diệt.

Mà lòng sùng mộ Kiều, lòng yêu mến Nguyễn-Du không phải là tình cảm nhất thời: Kiều và Nguyễn-Du sẽ bất diệt: «cf trích đoạn A trang 122 và 123» (3)

5 — Văn chương truyện Kiều, tài tình, kiệt tác nhất

Xét về phương diện văn chương, Kiều không những hơn hết thảy các sách ở Việt-Nam mà ngay đến Trung Hoa cũng không có áng văn nào họa mỹ bằng: «Trích cả đoạn A trang 127, 128, 129» (4)

6 — Nhân vật trong thế giới truyện Kiều sống động như thực.

Phạm-Quỳnh đã đem Kiều mà so sánh với truyện quốc tế, và quyết nghệ thuật sáng tạo của Nguyễn-Du

---

(1) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III 93.

(2) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III p. 121.

(3) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III p. 122-123.

(4) Phạm-Quỳnh, T.C.V.T. III p. 127-129.

không thua kém nhà văn nào trên thế giới : «trích cả đoạn A 142, 143, 144» (1).

Phạm-Quỳnh cực tán Kiều đã hạ những lời nhiều khi có hơi to tát và đôi khi có vượt ra ngoài phạm vi nghệ thuật mà bước sang phạm vi đạo đức, cho Kiều là một gương tiết nghĩa.

Nhưng xét chung, ông vẫn là một nhà nghệ sĩ đứng trước một tác phẩm nghệ thuật. Những lời ông phê bình Kiều chẳng qua cũng chỉ là những xúc cảm mãnh liệt của ông khi đọc Kiều. Tiêu chuẩn gợi nên những xúc cảm cũng là những nguyên tắc giáo điều, cổ điển, dựa theo khoa tu từ học cổ điển Tây phương.

VŨ-ĐÌNH-LONG

Sau khi Phạm-Quỳnh bàn về Kiều trên Nam Phong năm 1919, thì vắng hẳn đi một thời gian mấy năm từ 1919 đến 1923. Nhưng từ 1923 trở đi, tự nhiên một phong trào khai thác Kiều rầm rộ. Riêng Vũ-Đình-Long, một giáo học trường Pháp-Việt Hà-Đông có ba bài nghiên cứu dài rộng về truyện Kiều đăng liên tiếp trong gần mười số Nam Phong.

1 — Nhân vật truyện Kiều.

Bài thứ nhất đề là «Nhân vật Truyện Kiều» đăng trong Nam Phong các số 68, 69, 70 bắt đầu từ Février 1923 trở đi.

Qua thiên khảo cứu dài mấy chục trang đó, Vũ-Đình-Long cứ tuần tự theo các tình tiết trong câu truyện mà bàn bạc về hành vi, tính tình từng vai truyện với những lời khen chê. Cũng như Phạm-Quỳnh, Vũ-Đình-Long đã cực tán Kiều không những về đường văn

(1) *Phạm-Quỳnh, T.C.V.T, III p. 142-144.*

thương mà cả về đường đạo đức luân lý nữa. Đây ta nghe mấy lời phát đoan của ông :

« Truyện Kim-Vân-Kiều là một thiên tiểu thuyết kiệt tác của Nguyễn-Du tiên-sinh, viết bằng văn vần, là một nền văn chương bất hủ, hay nhất của nước chúng ta. Khắp người nước ta, từ bác xã cầy sâu cuốc bẫm cho chí nhà văn học vạn quyển thiên kinh, từ chị hàng rau cạo kịch cho con người hàng các phường tao, ai cũng ưa đọc truyện Kiều, ai cũng thích ngâm truyện Kiều. Xét những bộ tiểu thuyết tuyệt bút của các nước thường không có được cái tính cách phổ thông, mà những bộ tiểu thuyết phổ thông được trong dân gian thời không phải là nền văn chương có giá trị mỹ thuật.

Vì sao vậy ? vì cái sở thích của những người ít học là ở những câu truyện rắc rối, rườm rà, lắm việc bi thương, huyền hoặc náo động, chứ đến những tiểu thuyết cốt cách tầm thường, chủ não rõ rệt, thuật ít tả nhiều, tả cảnh, tả tâm lý, chứa chan tư tưởng, dồi dào ngụ ý, thì họ chê là nhạt, là tẻ, là buồn. Mà nhạt mà tẻ, mà buồn cho họ thật, vì họ có biết thưởng giám đâu đến những chỗ cực tả bức chân, những tư tưởng uyên áo, những ngụ ý cao xa. Tài tình thật ! Đến Tiên điền tiên sinh thì tài tình thật ! Truyện Kiều của tiên sinh thì khắp các hạng người trong xã hội ta đọc, mỗi người hiểu một cách, mỗi người ưa một đàng, nhưng ai đọc đến truyện Kiều cũng đều công nhận là một truyện hay đến cực điểm... Cái hay của truyện Kiều tuy ở văn chương cũng nhiều thực, nhưng lời văn đẹp, câu thơ giòn chẳng qua mới là bộ áo khoác bên ngoài, nếu truyện Kiều hay chỉ có ở đấy thôi thì cái giá trị đâu có được lớn lao như thế, cái ảnh hưởng đâu có được lớn lao như thế, cái ảnh hưởng đâu có được sâu xa như thế ? Truyện Kiều sở dĩ được cùng với non sông thọ trường là vì tác giả có cái tài sáng tạo ra nhân

vật, nghĩa là nhân vật của truyện Kiều sinh hoạt hệt như thực, ngôn ngữ cử chỉ của người nào trong truyện Kiều cũng hợp với cái tâm lý người ấy; Nguyễn - Du tiên sinh là một nhà am hiểu nhân tình thế thái, trông suốt gan ruột người đời một cách sâu xa mật thiết, không những tiên sinh biết.

«Đau lòng vì những điều trong thấy» mà tiên sinh lại có tài thuật lại những cái tiên sinh trông thấy, khiến cho người nghe tiên sinh cũng phải đau lòng, cũng phải cau mày rơi lụy» (1).

Phê bình về thân thế nàng kiều, Vũ-đình-Long viết: «Ký giả càng chỉ trích cái lòng say mê của cô Kiều đối với cậu Kim bao nhiêu, thì nay lại càng phục, càng khen cái lòng quên tình vì hiếu của cô bấy nhiêu. Cái nết của cô lẳng, cái tình của cô thâm, cái lòng say mê càng mạnh thì cái chí báo hiếu của cô càng khó, cái cuộc chiến đấu trong lòng cô trước khi quyết làm nghĩa vụ càng kịch liệt :

Duyên hội ngộ, đức cù lao
Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn ?

Thế mà cô cả quyết bán mình chuộc tội cho cha thì cô khí khái cao thượng biết là bao nhiêu ? Đáng thương thay, đáng chú trọng thay, người thiếu nữ (2).

2 — Bài « Triết lý và luân lý truyện Kiều » (3).

Sau khi khen nhân vật truyện Kiều, Vũ-Đình-Long lại hùng hồn biện hộ cho triết lý và luân lý truyện Kiều. Phần đầu tác giả phân tích và xác định triết lý truyện Kiều mà ông cho là đồng nhất với tâm lý truyện

---

(1) Nam-Phong 68, Février 1923 p. 127 — 128.

(2) Nam Phong số 68, Février 1923 p. 133

(3) Nam Phong số 71, Mai 1923 p. 420 — 423.

Kiều. Phần thứ hai ông bác bỏ các lý do người ta viện ra để kết án luân lý truyện Kiều : « Ta xem thế thì biết cái tâm lý cụ Nguyễn-Du, cái triết lý truyện Kiều là một cái gương sáng sủa vô cùng, lưu truyền đến thiên cổ cho người đời soi chung.

Cái triết lý truyện Kiều cao bao nhiêu, thì luân lý truyện Kiều cao bấy nhiêu. Cụ Nguyễn-Du đem tâm sự riêng của mình bộc bạch với non sông, mà thành ra cụ dạy đời cái đạo thờ vua giúp nước, cái cách vợ thờ chồng, con thờ cha, cái cách làm người ở đời cho xứng đáng. . . cái luân lý cao quí vô cùng ấy, thực là lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu, ta nên thắp hương cảm tạ cụ mà kính lĩnh đem ra thực hành » (1).

3 — Bài « Văn chương truyện-Kiều » (2).

Đó là một bài Vũ-Đình-Long phân tích truyện Kiều rất tỉ mỉ. Bài này chia làm chín đoạn : trừ đoạn đầu để phân chia và toát lược câu truyện, tám đoạn sau đều dành cho việc nghiên cứu giá trị truyện Kiều mà ở đâu Vũ-Đình-Long cũng hạ những câu cực tán.

— Đoạn II Vũ-Đình-Long viết : «Đọc một bộ tiểu thuyết của Tàu hay của ta, thường nhận được rằng không phải một truyện mà nhiều truyện hợp nên, hoặc là một truyện chính mà có rất nhiều truyện lặt vặt không quan thiết gì đến chủ não truyện chính, cái đó là vì tác giả trước khi kết cấu không định trước chủ não vậy... Cái đặc sắc của truyện Kiều là có chủ não, là bao nhiêu việc đều quay về cái chủ não ấy. Chủ não đã là chữ tình hy sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc

---

(1) *Nam Phong, số 7* ... *lai* 1923 p. 421 — 422.

(2) *Nam Phong, số* 81, 83, 85, 87.

trước sau chỗ hy sinh đó đều là việc khiến cho độc giả ai cũng phải hết lòng thương người vì hiếu quên mình, mà đến cả chỗ kết cục đoàn viên cũng là thuộc về chủ não truyện Kiều vì Kim Kiều đoàn tụ há chả phải là cái phần thưởng đích đáng cho người thiếu nữ ư ? (1)

« Nói tóm lại, thời cái bí thuật của cụ Nguyễn-Du là bao nhiêu nguyên tố của sự hành động, bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu việc vặt, bao nhiêu tính tình... đều liên tiếp, ràng buộc nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cách rất tự nhiên, mà đến cái hứng vị câu truyện thời dự bị sẵn, giữ gìn khéo, có khi bỏ lửng lơ, có khi cho đột ngột, chủ đích làm cho cái hứng vị ấy từ đầu đến cuối truyện cứ tuần tự mà tăng tiến vậy » (2)

— Đoạn III « bàn về bút pháp » tức là đoạn Vũ-Đình Long phê bình về tài nghệ của Nguyễn-Du trong việc dùng tiếng một cách tài tình kỳ diệu.

— Đoạn IV bàn về «văn tự sự», Vũ-Đình-Long viết «Văn tự sự truyện Kiều bao giờ cũng rõ ràng, hoạt bát, nhanh nhẹn, lời ý đủ, nghe qua hiểu ngay. Văn như thế mà vẫn đậm đà vẫn êm ái, vẫn kêu, vẫn vui vì cụ Nguyễn-Du khéo thay đổi đặt câu, khi chêm câu hỏi, khi sen lời cảm thán» (3)

— Đoạn V bàn về « văn vấn đáp », Vũ-Đình-Long cũng cực tán như sau : «người có ngôn ngữ, có cử chỉ, ngôn ngữ cử chỉ là tiêu biểu sự sinh hoạt của người ta. Bởi vậy cho nên, tiểu thuyết đã là hình dung cuộc đời, tất phải dùng đến văn vấn đáp thời mới giống sự thực. Đọc truyện đến chỗ có văn vấn đáp thì độc giả như trông thấy hoạt cảnh mà nghe những người trong

(1) *Nam Phong số 81 trang 216.*

(2) *Nam Phong số 81 trang 217.*

(3) *Nam Phong số 83 trang 422.*

truyện vấn đáp nhau như thực. Tiểu thuyết nhờ văn vấn đáp mà có vẻ hoạt động vậy. Nhưng văn vấn đáp ấy phải thích hợp với tình ý trong câu truyện, với thể tài câu văn, mà ngôn ngữ của hạng người nào hợp với tư cách, trình độ của hạng người đó. Văn vấn đáp trong truyện Kiều thời thật có đủ bấy nhiêu tính cách vậy » (1).

— Đoạn VI bàn về «văn tả người», Vũ-Đình-Long phân tích nét bút của Nguyễn-Du mà ông cho là tài tình là vì cùng một nét bút mà cụ tả được cả nàng Kiều hữu hình và nàng Kiều vô hình, khiến cho độc giả đọc qua một lượt là có thể biết được rõ Kiều tài là thế, sắc là thế, tính tình là thế» (2).

— Đoạn VII bàn về «văn tả tình», Vũ-Đình-Long cực tán như sau : «Cùng một cảnh ngộ, mỗi người cảm một cách, vì tâm tình không ai giống ai. Vì vậy hiểu tâm tình người ta là khó, tả được tình cảm người ta cho đúng lại càng khó lắm nữa.

«Truyện Kiều cảm người ta một cách rất sâu xa là vì tác giả hiểu thấu nhân tình thế thái, chính tác giả cũng đã từng lịch lãm phong trần, lại thêm được cái văn tài thiên bẩm ! văn tả tình trong truyện Kiều thực là tuyệt bút » (3)

— Đoạn VIII bàn về «văn tả cảnh», Vũ-Đình-Long cho Nguyễn-Du đã vượt ra hẳn khuôn khháo thường : «Xét trong những chuyện xưa để lại cùng những tiểu thuyết ngày nay thì nghiệm được rằng văn tả cảnh ta rất nghèo, rất kém vậy. Đọc một bài văn xuôi tả cảnh ngày nay, thì tả rất ít mà lời tán tụng rất nhiều. Vì

---

(1) *Nam Phong số* 85 *trang* 56.

(2) *Nam Phong số* 85 *trang* 58.

(3) *Nam-Phong số* 79 *Janvier* 1924 p 30-37.

như tả một cảnh vườn thì nào như gấm như hoa, nào trăm hoa đua nở, nào chim kêu vượn hót, nào hồng tía khoe tươi... Cảnh đã không tả, lại dùng những sáo cũ rích, khiến nên văn tả cảnh vô vị quá...

Cụ Nguyễn-Du thực là một nhà văn tả thực là đại tài, những áng văn tả cảnh của cụ ví như những bức tranh tuyệt bút của nhà danh họa, Những bức cảnh của cụ có đặc sắc là cảnh nào cũng gọn gàng chứa chan tình tứ, độc giả tưởng tượng hình dung ngay ra được (1).

Đoạn IX bàn về « triết lý và lý luận », là một bài mà Vũ-Đình-Long đã cho đăng ở Nam-Phong số 71, tháng Hai năm 1923, nay ông đưa in góp vào thiên khảo cứu tổng quát về Kiều.

Như vậy, ta có thể có mấy nhận xét sau đây về Vũ-Đình-Long ;

— Vũ-Đình-Long, đã chịu ảnh hưởng xâu xa nghệ thuật phê bình đó của Tây-phương, áp dụng lối phân tích của Tây-phương trong việc phê bình.

— Nhưng dầu sao lối phê bình đó cũng chỉ mới là một lối phê bình cổ điển, nặng tính cách giáo điều.

— Nhà phê bình cũng như nhà nghệ sĩ đồng thời phải là nhà đạo đức, nhà luân lý như Vũ - Đình - Long thường nói đến luôn trong bài phê bình về nhân vật truyện Kiều và nhất là ở đoạn ông thuyết trình về tính cách đạo đức luân lý của Kiều ; ông trích lời ông Schumann : «Một công trình văn chương mà lấy cái vô đạo làm bản chất cốt yếu của nhân tướng con người, mà người không tả, chỉ tả có «con vật người» thì bội phần vô-mỹ-thuật ; cái công trình ấy nó giảm giá trị ta ; nó

(1) *Nam-Phong số* 87 trang 242-243.

làm nhục ta ; nó có thể gọi lòng hiếu dị của ta được, nhưng cái cảm tình nó sinh xuất ra không phải là cái cảm tình văn chương» (1)

— Đề cao nghệ thuật, triết lý cùng luân lý của truyện Kiều, coi nó là một sự nghiệp hoàn toàn tuyệt diệu đáng làm mẫu mực cho hậu thế về mọi phương diện. Thế nên, ta sẽ thấy sau này Ngô-Đức-Kế sẽ nêu tất cả những cái đó ra để mà công kích, mà đả phá.

Như vậy, ta thấy lối phê bình của Vũ-Đình-Long, tuy là đã tỉ mỉ, đã sâu sắc, nhất là đã có hệ thống khá nhưng cũng chưa thoát khỏi cái bệnh chung của thời đại ông là cái bệnh trừu tượng, cổ điển, giáo điều. Cái khuyết điểm nhất của Vũ-Đình-Long, cũng là của Phạm Quỳnh và của chung các văn nghệ sĩ thuộc thế hệ này, là lẫn lộn hai phạm vi luân lý và nghệ thuật. Sự lầm lẫn đó đưa đến thái độ ngập ngừng, miễn cưỡng.

NGUYỄN - TƯỜNG - TAM

Nguyễn-Tường-Tam là tác giả bài « Mấy lời bình luận về văn chương truyện Kiều» (2) đăng trong Nam Phong số 79, nghĩa là hầu như đồng thời với loạt bài nghiên cứu về truyện Kiều của Vũ-Đình-Long, và cũng là hàm chứa một tấm lòng sùng mộ Kiều đến cực điểm coi Kiều là cuốn sách tuyệt vời không ở đâu và đời nào có thể có cuốn sách hay hơn được : «Quyển Kiều xuất hiện ra cũng là một sự ngẫu nhiên vậy. Ngẫu nhiên là vì trước quyển Kiều chưa có sách nào hay bằng, mà sau quyển Kiều — kể đã được hơn một trăm năm rồi — cũng chưa có sách nào hay bằng. Cái đặc tài của cụ Nguyễn-Du về đường văn chương như ở nước ta thật là không hai ; khi nào đọc đến và hiểu thấu được truyện Kiều thì ai ai cũng phải công nhận

---

(1) *Nam-Phong số* 71 *trang* 432.

(2) *Nam-Phong số 79 Janvier 1924 p 30—37*

rằng văn chương cụ từ xưa đến nay thật không chịu kém văn chương của ai.

«Cái làn sóng thơ Kiều hình như lai láng khắp cõi Nam. Trừ những câu ca dao ra, thật không có quyển truyện nào phổ thông trong đám dân gian bằng truyện Kiều. Vì văn Kiều hay quá, nên những người nhà quê không có học thức cũng thích xem và thích ngâm nga.

«Nói đến cái hay của văn Kiều thì chưa biết thế nào mà kể được. Ta chỉ nên nhận rằng văn chương Kiều có thể làm cái mẫu rất tốt cho văn chương quốc ngữ, và người nào làm văn cũng nên theo cách làm văn trong truyện Kiều. vì những câu thơ trong truyện đó đã tới cực điểm.» (1)

Sau phần phát đoạn để định giá trị truyện Kiều một cách tổng quát như vậy, Nguyễn-Tường-Tam trích chứng của các nhà văn Tây-phương như Goethe, như Chateaubriand, như Anatole France để mà phân tích tỉ mỉ giá trị văn chương của truyện Kiều qua từng chữ từng câu đến từng đoạn một. Không những truyện Kiều giá trị vì văn hay mà còn giá trị vì hàm chứa một nền luân lý cao siêu :

Truyện Kiều thực là một tấm gương luân lý thiên cổ, một cái thú giải buồn cho người thích ngâm thơ, một cái thú gợi buồn cho người buồn, một bức tranh vẽ cuộc đời cho người biết nhân tình thế thái, một quyển bói cho người hay tin, một tập văn mẫu rất bổ ích cho người làm văn.

«Nòi giống Việt-Nam còn, văn chương Việt-Nam thịnh, thì không bao giờ là không có người biết đến truyện Kiều và thầm phục cái đặc tài của cụ Nguyễn-Du »

---

(1) Nam Phong, số 79 Janvier 1924 p.30

Như thế, ta thấy lối phê bình của Nguyễn-Tường-Tam về Kiều không có gì mới hơn Phạm-Quỳnh, hay Vũ-Đình-Long. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ là những lời cực tán tựa vào mấy tiêu chuẩn cổ điển, cái mà ta gọi là giáo điều. Đáng chú ý là ngoài việc ca ngợi lối văn kỳ diệu và giá luân lý cao siêu của Kiều, Nguyễn-Tường Tam còn tha thiết đề nghị lấy Kiều làm «Một tập văn mẫu rất bổ ích cho người làm văn». Điều đó ta thấy Nguyễn - Tường - Tam đã thực hiện trong mấy tác phẩm đầu tay của ông ra đời trước 1930, tác phẩm mà ta thấy đặc sệt những câu lẩy Kiều.

LỄ KỶ NIỆM CỤ TIÊN-ĐIỀN

Mấy bài khảo cứu trên đây cho ta thấy suốt từ 1919 nhất là từ 1923 trở đi, hầu như không có số báo Nam-Phong nào là không có bài bình luận Kiều, ca ngợi Kiều, Lòng sùng mộ Kiều lên đến cực điểm năm 1924, nhất là nhân ngày lễ kỷ niệm Nguyễn-Du.

Báo Nam-Phong *số 86 ra ngày 8 dương lịch năm* 1924 đã cho ta biết đầy đủ chi tiết về cuộc lễ kỷ niệm của Nguyễn-Du.

Báo Nam-Phong viết :

«Nhân ngày mồng 10 tháng 8 là ngày giỗ cụ Tiên-Điền Nguyễn tiên-sinh (8 Sept 1924). Ban Văn-học hội khai trí nghĩ muốn đặt một lễ kỷ niệm cụ. Tin ấy truyền ra, được suốt quốc dân trong Nam ngoài Bắc thảy đều hoan nghênh và biểu đồng tình, cho là một sự rất nên, rất phải, rất xứng đáng.

«Vậy các đồng - nhân trong ban liền họp nhau lại để định chương trình kỷ niệm. Nước ta xưa nay không phải là không biết sự kỷ-niệm các danh nhân trong nước, nhưng ngoài những ngày giỗ của các nhà, những ngày hương tế, quốc tế, có một cái nghĩa, một cái khí

vị thuộc về tôn giáo, còn thì không có các kỷ niệm phổ thông như ở các nước Âu Tây, nhân ngày sinh nhật, ngày húy nhật, nhân dịp năm mươi năm, một trăm năm một vị danh nhân nào, đem công ơn sự nghiệp vị ấy mà phô trương biểu dương cho quốc dân, cho thiên hạ biết. Vậy lễ kỷ niệm này phải châm chước theo lối mới của Âu - Tây, nhưng cũng nên giữ cho nó một cái ý vị đặc biệt của nước nhà. Đồng nhân bàn định mở cuộc diễn thuyết, ngâm thơ, ca nhạc, đó là theo lối mới, lại định trưng đăng kết thể, bày hương án, đặt đỉnh trầm, đó là giữ lễ cổ. Cử ông Phạm - Quỳnh và ông Trần-Trọng-Kim diễn thuyết, ông Nguyễn-Đôn-Thục soạn một bài ca kỷ niệm, còn các đồng nhân thời mỗi người giúp một phần vào việc tổ chức. Lại viết thư cho rạp hát Sán-nhiên-Đài xin mượn kép Thịnh và đào Tuất là hai người kể truyện Kiều có tiếng hay. Về việc trưng bày sắp đặt thời nhờ được ông Nguyễn-Thành là phó Hội-Đồng công quán khai trí, có tài xếp đặt khéo, mỗi khi trong hội có bày cuộc gì cũng một tay ông chủ trương cả. Lại định sẽ làm ngoài sân cho rộng, vì bữa ấy thiên hạ đến xem chắc đông. Mười lăm ngày trước, chương trình đã nhất định đem ra trình với Hội-Đồng Trị-sự hội Khai-trí, hội đồng đều duyệt y cả. Chương trình như sau :

1 — Ông Phạm-Quỳnh thay lời văn-học-ban diễn thuyết về mục đích cuộc kỷ niệm.

2 — Ông Phạm-Quỳnh diễn thuyết bằng tiếng Pháp cho các hội viên Tây nghe.

3 — Ông Trần-trọng-Kim diễn thuyết về lịch sử cụ Tiên-Điền và văn chương truyện Kiều.

4 — Kép Thịnh và đào Tuất kể truyện Kiều.

5 — Ả đào hát bài ca kỷ niệm của ông Nguyễn-Đôn-Thục soạn.

Hết mỗi hồi, có âm nhạc Ích-lạc giúp đánh đàn thổi sáo.

BÀI DIỄN VĂN BẰNG QUỐC VĂN CỦA PHẠM - QUỲNH

Trong ngày kỷ niệm Nguyễn-Du, Phạm-Quỳnh đã đọc 2 bài diễn văn, một Việt, một Pháp, nhưng, về nội dung, chỉ có bài tiếng Việt là quan trọng, vì chính nó gây nên cái vụ án truyện Kiều, chính nó sẽ bị Ngô-đức Kế đem ra mổ xẻ một cách chua cay.

Bài diễn văn của Phạm-Quỳnh thực là một bài cực tán Kiều với những lý luận hoàn toàn độc đoán, giáo điều.

Qua bài diễn văn này, Phạm-Quỳnh minh chứng giá trị tuyệt vời kỳ diệu của Kiều ở ba điểm ;

a)— Thứ nhất Kiều giá trị vì Kiều là cuốn sách được toàn quốc yêu mến, ham thích :

« Hiện nay suốt quốc dân ta, trên từ hạng thượng lưu học thức, dưới đến kẻ lam lũ làm ăn, bất cứ già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà, ai ai cũng biết truyện Kiều, ai ai cũng kể truyện Kiều, ai ai cũng ngâm truyện Kiều, như vậy thời ai ia cũng đều hưởng cái công nghiệp của cụ Tiên-Điền ta, ai ai cũng nhớ ngày giỗ Cụ và nghĩ đến cái ơn của Cụ tác thành cho tiếng nước nhà » (1)

b)— Thứ hai truyện giá trị vì nó liên hệ mật thiết đến vận mệnh của cả một dân tộc :

Phạm-Quỳnh giả sử nếu như không có Kiều, thì văn học Việt-Nam hoàn toàn trống rỗng : « Muốn cảm

---

(1) *Nam-Phong, số 86 trang 91.*

cái ơn ấy cho đích đáng hẳng thử giả thiết cụ Tiên-Điền không xuất thế, cụ Tiên - Điền có xuất thế mà quyển truyện Kiều không xuất thế, quyển truyện Kiều có xuất thế mà vì cớ gì không lưu truyền, thời tình cảnh tiến An - Nam đến thế nào, tình cảnh dân tộc ta đến thế nào ?» (1)

Phạm-Quỳnh cho Kiều là bộ sách thánh của cả một dân tộc : «Văn chương người ta thiên kinh vạn quyển dẫu có thiếu mất một quyển chẳng hại gì. Văn chương mình chỉ độc có một quyển, vừa là kinh, vừa là truyện vừa là Thánh thư Phúc âm của cả một dân tộc ví lại khuyết mất thì dân tộc ấy đến thế nào» (2).

— Phạm-Quỳnh cho rằng Kiều là niềm tin tưởng, là tang chứng hùng hậu nhất để đảm bảo sự tồn vong của dân tộc :

Than ôi ! mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình, chột dạ, sửng sốt, rụng rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan tành vậy. Rồi mới tỉnh ra sực nhớ đến mấy câu Kiều, vỗ bàn đập ghế, gõ dịp rung đùi, lên giọng cao ngâm :

Lơ thơ tơ liễu buông cành,
Con oanh học nói trên cành mỉa mai,

Bỗng thấy trong lòng vui vẻ, trong dạ vững vàng muốn nhảy, muốn múa, muốn reo, muốn hò, muốn ngạo nghễ với non sông mà tự phụ với người đời rằng : truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ !...» (3)

«Truyện Kiều biểu hiệu tất cả tinh hoa của non sông

---

(1) Nam-Phong, số 86 trang 91.
(2) Nam-Phong, số 86 trang 91.
(3) Nam Phong, số 86 trang 91

đất nước : «Có nghĩ xa xôi, cho thấm thía, mới hiểu rằng truyện Kiều đối với vận mệnh nước ta có một cái quí giá vô ngần.

«Một nước không thể không có quốc hoa, truyện Kiều là quốc hoa của ta ; một nước không thể không có quốc túy, truyện Kiều là quốc túy của ta ; một nước không thể không có quốc hồn, truyện Kiều là quốc hồn của ta » (1)

— Hơn thế người Việt-Nam mới chỉ là người Việt Nam hoàn toàn, mới đích thực đóng vai chủ nhân ông ở xã hội này từ khi có truyện Kiều, chứ trước khi có Kiều, ta vẫn còn bị coi là khách trên giải đất này : « truyện Kiều là cái «văn-tự» của giống nòi Việt-Nam ta đã «trước bạ» với non sông đất nước này. Trong mấy ngàn năm ta chôn rau cắt rốn, gửi thịt gửi xương ở đất này, mà vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một văn tự văn khế phân minh, chứng nhận cho ta cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đấng quốc sĩ, vì nòi giống, vì đồng bào, vì tổ tiên vì hậu thế, rỏ máu làm mực «tả tả» một thiên văn khế tuyệt bút, khiến cho giống An-Nam được công nhiên, nghiễm nhiên, rõ ràng đích đáng làm chủ-nhân-ông một cõi sơn hà gấm vóc » (2)

c)— <u>Giá trị truyện Kiều so sánh với văn học thế giới.</u>

— So với văn Trung Hoa, Kiều không thua kém mà còn có phần khởi sắc hơn : «văn chương Tàu thật là mông mênh bát ngát như bể như rừng. Nhưng trong rừng văn bể sách đó, tưởng cũng ít quyền sách sánh

---

(1) Nam Phong số 86 trang 91.

(2) Nam-Phong số 86 p. 91—92.

được với truyện Kiều, mà xét cho kỹ là không có sách nào giống như truyện Kiều » (1).

— So sánh với nền văn kiệt tác như của Pháp, Kiều cũng không thua kém.

Rồi để kết luận, Phạm - Quỳnh lại một lần trịnh trọng tuyên bố : «Thề rằng : *«truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài,* chúng tôi là kẻ hậu sinh xin rầu lòng giốc chí cố công trau chuốt lấy tiếng quốc âm nhà, cho quốc hoa ngày một rực rỡ, quốc hồn ngày một tỉnh táo, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc vận ngày một vẻ vang, ngỏ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên - sinh, ngậm cười chín suối cũng còn thơm lây ! (2)

Thực là từ xưa cho đến nay chưa có một ai cực tán Kiều như Phạm-Quỳnh. Kiều quả là một công trình toàn thiện mỹ về mọi phương diện. Nó là hạt trân châu không riêng gì cho nòi giống xứ sở ta mà là báu vật của chung cả gia đình loài người.

Tuy nhiên, từ đầu chí cuối, Phạm-Quỳnh cũng chỉ là quả quyết một cách độc đoán. giáo điều; cũng chỉ là nhờ trực giác mà biện minh một cách say sưa như nhà nghệ sĩ giàu tình cảm đứng trước một cảnh để gây xúc động. Do đấy, lời lẽ của Phạm-Quỳnh không khỏi có nhiều quá to tát.

BÀI DIỄN THUYẾT CỦA TRẦN-TRỌNG-KIM

Sau bài diễn văn nảy lửa của Phạm-Quỳnh, Trần-Trọng-Kim đã đăng đàn, đọc một bài diễn văn rất dài, bàn về thân thế Nguyễn-Du, nghiên cứu nguồn gốc truyện Kiều, phân tích tâm lý Nguyễn-Du qua vai Kiều.

---

(1) *Nam-Phong số 86 p. 92*

(2) *Nam-Phong số 86 trang 93-94*

đánh giá văn chương truyện Kiều. Tựu trung cũng toàn là lời cực tán, ca ngợi Kiều là tác phẩm tuyệt vời, kỳ diệu, tán dương Nguyễn-Du là một bậc đại tài đại danh nước nhà.

Bài hát kỷ niệm cụ Tiên-Điền :

HÁT MƯỠU

Mấy hàng cẩm tú văn chương
Yêu hoa giở khúc đoạn trường ngâm hoa.
Chúng ta nay nguyện tăng già,
Còn non còn nước quốc hoa còn dài.

HÁT NÓI

Bắc phương nhất-đại giai-nhân lục,
Nam-hải thiên-thu quốc-sĩ văn.

. . . .

Đau đớn thay là cuộc phong trần !
Mà bạch-điện với hồng-nhan sau khéo khéo.
Cẩm kim cồ trong vòng thế đạo,
Trai thờ vua chi khác gái thờ chồng,
Tiếc cho ai nền băng tuyết chất phỉ phong,
Cơn gia biến lạ lùng trêu cợt.
Chàng với thiếp đề mối tình thơ thới,
Mời lăm năm khôn xiết nỗi ba đào.
Gớm thay cái số hoa đào,
Nghề mục Tú học sao cho được.
Chùa chị Hoạn ngờ phúc duyên chăng tội ác ?
Kiệu anh Từ thôi phú quí cũng phù vân.
Thôi thôi đừng ngậm ngùi mãi cho thân,
Dành chữ hiếu muôn phần trọn vẹn
Cuộc nhân thế vì bề dâu nên truyện.

. . . .

Như vậy ta thấy, tất cả những bài viết về Kiều trong mấy năm vừa qua đều do Nam-Phong chủ trương nghĩa là đều do Phạm - Quỳnh khởi xướng. Mà thực lời tuyên bố to tát nhất về Kiều cũng đều do phe phái Phạm - Quỳnh cả. Tựu trung những lời thẩm định về Kiều thường là khen tính cách phổ thông của truyện Kiều trong dân gian, ca ngợi lối văn kỳ diệu của Nguyễn Du, đề cao giá trị luân lý và triết học của câu truyện, coi sự nghiệp của Nguyễn-Du là quốc hồn, quốc túy đáng phải nêu gương cho muôn đời soi chung. Sự sùng mộ Kiều lúc đó trở thành một cái mốt, con người Kiều thành nên như một nhân vật còn đang sống giữa đời với một thân phận số kiếp bi đát tuyệt vọng. Những mối tình lãng mạn, nhân thế, phát triển ồ ạt. Khoảng năm 1924, ta nên nhớ là khoảng ra đời của Tố Tâm, của Tuyết-Hồng Lệ-Sử, là thời kỳ phong trào lãng mạn phát triển mạnh nhất. Trai gái đua nhau chìm đắm vào trong con đường tình ái, rồi tuyệt vọng, rồi thi nhau tự tử.

Tình trạng đó, có phải nguyên nhân do cái phong trào sùng mộ Kiều hay không ? Có lẽ còn có nhiều nguyên nhân khác, nhưng truyện Kiều hẳn phải có phần ở trong. Mà cho ngay rằng truyện Kiều chưa tác động gì đến sự trụy lạc kia, thì cái việc đưa truyện Kiều ra mà tuyên truyền cổ võ trong tình trạng xã-hội lúc đó cũng là thổi thêm vào lò lửa lãng mạn kia cho cháy bồng to lên. Có lẽ vì thế mà vừa sau khi Nam Phong cho đăng các bài diễn văn của Phạm - Quỳnh tháng 8 dương lịch 1924, thì đến mồng 1 tháng 9 dương lịch cũng năm ấy, Ngô-Đức-Kế viết bài công kích Phạm Quỳnh và các nhà tuyên truyền cho Kiều trên báo «Hữu Thanh» số 21 ra ngày 1-9-1924 .

NGÔ - ĐỨC - KẾ

Chủ trương của Phạm-Quỳnh, bênh vực và đề cao Kiều, không phải là chủ trương của mọi người Việt-Nam, nhất là nó càng không phải chủ trương của các nhà đạo đức hồi đó, còn có thái độ rất *ngặt ngã* đối với việc đọc Kiều... Ngô-Đức-Kế đại diện cho phái đó, và tiếng nói của Ngô-Đức-Kế là tiếng của cả một môn phái. Chính vì thế mà ở «Hữu-Thanh tạp chí» số 21 ra ngày mồng 1 tháng 9 dương dịch 1924, Ngô Đức-Kế đã viết một bài đề là «Luận về chánh-học cùng tà thuyết, Quốc-Văn, Kim-Vân-Kiều, Nguyễn-Du».

Bài «Chánh học cùng tà thuyết» của Ngô Đức Kế chia ra làm hai phần chính :

I — Phần thứ I :

Luận về mối tương quan đạo đức, hay của tà thuyết đối với vận mệnh một dân tộc.

1.— Đạo đức hay tà thuyết liên hệ đến vận mệnh một dân tộc như thế nào :

«Chính học sáng rệt thì thế đạo nhân tâm phải tốt mà vận nước cũng theo chính học nổi lên, tà thuyết lưu hành thì nhân tâm thế đạo phải hư mà vận nước cũng theo tà thuyết mà đắm mất (1).

2.— Sự xuất hiện của tà thuyết là dấu vận nước đã suy :

«Tà thuyết lưu hành trong nước như gió lướt cỏ, như nước vỡ đê, không ai ngăn cản, thì thường vào lúc chính học đã suy đồi, mà nhất là lúc việc đời biến cải, việc nước đổi thay, quốc thị mơ màng, nhân tâm bỡ ngỡ, nền cũ đã đổ, nhà mới chưa thành, bậc hiền nhân quân tử thì kín tiếng dấu tăm, nằm co nơi thảo,

---

(1) *Những áng văn hay, Nam Kỳ thư quán, 1933 trang 32.*

dã, mà bọn bỉ phu tục tử thì khua chuông gõ mõ, nhảy nhót ở trên vũ đài : lúc ấy chính là lúc tà thuyết thừa cơ mà lấn lướt chánh học» (1).

3.— Sức mạnh của tà thuyết :

Tà thuyết có sức mạnh vô cùng : «vả lại cái tính loài người, theo điều phải thì khó khăn như trèo ngược núi, theo điều xằng thì dễ dàng như nước chảy xuôi. Vậy cho nên lúc vận nước đã suy, thì trăm nghìn người phò trì chính-học mà không đủ, một người xướng lên tà thuyết mà hảm hại nhân tâm thế đạo có thừa ; gớm ghê thay ! Cái tà thuyết làm sa đắm lòng người không biết đến đâu mà nói ! Một người xướng mười người họa, cho đến trăm nghìn người họa, lần lần phong hành cả nước» (2).

4.— Tình cảnh dân ta.

Theo Ngô-Đức-Kế, dân tình nước ta đang bị sa vào trong vòng tà thuyết vì hai lẽ, thứ nhất là vì cái di sản đạo đức tốt đẹp thời xưa đã mất mà chưa có cái mới thay vào, thứ hai là vì có bọn đạo đức giả danh tuyên truyền cho tà thuyết. Tại đây Ngô Đức Kế không gọi tên Phạm Quỳnh mà ám chỉ Phạm Quỳnh : «Những người học thức kiến văn chưa được một nắm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lòm lem những học thuyết ông Mạnh (Montesquieu), ông Lư (Rousseau) bập bẹ những cách ngôn họ Trang, họ Liệt, thì đã nghiễm nhiên tự lập một đấng văn hào, tự xưng khai hóa quốc dân, mà không ngó lại tự mình đã khai hóa hay chưa ; thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thôi thì tán xằng tán nhảm, nói bậy, nói càn, không còn có nghĩa lý chánh đáng chi nữa» (3)

---

(1) Những áng văn hay trang 32
(2) Những áng văn hay trang 33
(3) Những áng văn hay trang 34

Đoạn này, các bạn thấy Ngô Đức Kế đã bước vào vấn đề phê bình đời tư cá nhân của đối phương rồi và lời lẽ có chiều bất công và thiên lệch quá đáng.

II — Phần thứ II :

Phê bình về Kiều.

Sau khi đã tràng giang đại hải để nghị luận về tà thuyết, Ngô Đức Kế đề cập thẳng tới Kiều và đưa người ta đến kết luận : tuyên truyền cho Kiều là tuyên truyền cho tà thuyết và đưa vận nước đến chỗ suy vong. Ngô Đức Kế vin ra các lẽ sau đây :

1.— Kiều không có giá trị vì tên sách vớ vẩn :

«Chỉ nhắc đến cái tên sách thì nghe đã không thể nào ngửi được : vì sao thế ? Phàm bộ truyện nào, dầu trong có bao nhiêu nhân vật mặc lòng, chỉ là một người làm chủ nhân ; sự tích là sự tích một người chủ nhân ấy, thì tên sách cũng theo đó mà gọi. Nay sự tích ấy là sự tích cô Vương-Thúy-Kiều, mà tên sách đặt ba người : một người thì lấy chữ họ mà mất tên, hai người thì lấy chữ tên mà mất họ, thì thật là dốt vô cùng» (1)

2.— Kiều không có giá trị vì sự tích tầm thường:

«Chuyện Thanh-Tâm tài nhân» (tức là truyện Kiều) là một bộ tiểu thuyết tầm thường, không có giá trị gì. Xem trong bộ «Tình Sử» của Tàu biết bao nhiêu sự ly kỳ hơn (2).

3.— Kiều không giá trị vì sự tích tà dâm.

«Một đôi thiếu niên nam nữ, đêm thanh người vắng, trèo tường trổ ngõ, ước hội chuyện trò với nhau, đối với phong hóa đạo đức đã là việc bất chính ; mở

(1) *Những áng văn hay trang 35*

(2) *Những áng văn hay trang 35*

đầu quyển sách như thế, dù sau có tỏ vẻ hiếu nghĩa gì đâu nữa, cũng không đủ làm gương tốt cho đời» (1)

4.— Kiều bị cha ông tổ tiên kết án.

«Ngày trước, các cụ tiền bối thường cấm con em xem truyện Kiều : trong xã hội ai hay đọc Kiều nghêu ngao, thì cho là kẻ đàng điếm» (2)

5.— Tố cáo Phạm Quỳnh đã đề cao Kiều :

«Thế mà ngày nay «đức» văn sĩ giả dối ta biểu dương truyện Kiều làm sách «quốc văn giáo khoa» (sách dạy), làm sách «sư phạm giảng nghĩa» (sách thày). Văn sĩ thường nói rằng : «học Hán văn là học mượn, học Pháp văn là học mượn, học quốc văn mới là học nhà : truyện Kiều tức là sách nhà đo» (3)

6.— Bài bác việc học Kiều :

Từ đây đến hết bài, Ngô-Đức-Kế bài bác, bắt bẻ những người chủ trương học Kiều.

a)— Học Kiều là thoái hóa, sa vào cái lỗi ẩn cũ.

Ngô-Đức-Kế vịn vào chính cái nhẽ của đối phương để vật họ. Phái tân học thường trách tiền nhân chỉ biết vùi đầu vào từ chương cho nên làm mất nước. Học Kiều chẳng là sa vào cái lầm lỗi từ chương như xưa đấy ư ? «Hay là học cái lối thơ phú ca ngâm, nắn một chữ cho hay, dùng những điển cho lạ, rung đùi lắc gối, như lối học ngày xưa đã vì thế người ngu nước yếu, nay lại đổi chữ ra nôm ư» (4)

b)— Suy tôn một cuốn tiểu thuyết làm chính kinh chính sử là một điều sỉ nhục.

---

(1) *Những áng văn hay trang 35*
(2) *Những áng văn hay trang 36*
(3) *những áng văn hay trang 36*
(4) *Những áng văn hay trang 37*

«Trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình Kiều. nào là thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều ? Cứ xem trong hiện trạng ấy, thì nước Việt Nam ngày nay gọi tên là Kim-Vân-Kiều quốc, nòi giống Việt-Nam ta gọi là đại Kim-Vân-Kiều tộc cũng đúng lắm chứ không sai !

«Xem trong bộ «Tùy viên thi thoại» có nhà làm bài thơ vịnh Quan Công... mà ông Tùy Viên chê rằng đem sự tích tiểu thuyết mà làm vào thơ, là người vô học. Bộ «Tam Quốc Chí» là bộ tiểu thuyết nhất danh tiếng, sự tích Quan Công ai chẳng tin thật mà kính thờ ; thế mà người ta còn cười đem tích tiểu thuyết làm thơ. Truyện «Thanh Tâm tài nhân» là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu, mà nay nước Việt Nam tôn phụng làm chính kinh, chính sử : thiệt là nước lấy một cái đại sỉ nhục» (1)

c)— Kiều không thể là quốc hồn quốc túy :

Thậm chí sùng bái Kiều mà nói rằng : «Truyện Kiều là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt-Nam» — không biết có còn quốc gì không ? — xưng tụng ông Nguyễn-Du mà nói rằng : «Ông Nguyễn-Du đổ máu làm mực, làm vẻ vang cho giống nòi. «Ông Nguyễn Du dịch Kiều từ đời Gia Long ; thế thì từ Gia Long về trước, chưa có truyện Kiều thì nước ta không quốc hoa, không quốc túy, không quốc hồn ; thế thì cái văn tự vũ công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê sáng chói rực rỡ đó, đều là ở đâu đem đến cho bọn «học thuê viết mướn» ấy mà thôi ; thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân giúp nước, tái tạo giang san,

(1) *Những áng văn hay trang 37 — 38*

mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ vang cho nòi giống, không ai đáng kỷ niệm cả» (1)

Bài đả kích của Ngô-Đức-Kế tựu trung cũng chỉ là một lối phê bình chủ quan, duy ngã, giáo điều. Tiêu chuẩn để hướng dẫn đường lối phê bình của Ngô-Đức-Kế là việc chấp nhận văn chương phải có sứ mạng tuyên truyền cho luân lý, đạo đức Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế đối lập nhau vì mỗi người bắt đầu từ một điểm khởi khác nhau, nhưng cả đôi bên đều gặp nhau ở một điểm, mà cái điểm đó là văn chương phải có luân lý, phải đề cao đạo đức.

Điểm khởi của Phạm Quỳnh là việc chấp nhận một cách tiên thiên rằng truyện Kiều vươn dịch đến một trình độ văn chương, nghệ thuật tuyệt vời. Nhưng đã ngầm nhận không thể có văn chương, có nghệ thuật vô luân lý, phi luân lý, cho nên Phạm Quỳnh phải bào chữa cho luân lý truyện Kiều. Rồi từ chỗ bào chữa đến chỗ ca tụng, đề cao, giới hạn không xa bao nhiêu.

Điểm khởi của Ngô-Đức-Kế, ngược lại, là thái độ chấp nhận một cách tiên thiên rằng luân lý Kiều là một thứ luân lý tồi bại, rằng đạo đức trong Kiều là một thứ đạo đức giả dối, trụy lạc. Mà bởi đã ngầm nhận không thể có văn chương, nghệ thuật trong những cái phản lại luân lý, cho nên Ngô-Đức-Kế, sau khi nêu lên tính cách vô luân lý trong truyện Kiều, thì lại phải tiến tới chỗ biện minh cho tính cách vô văn chương, vô nghệ thuật của truyện Kiều.

Như vậy ta thấy lối phê bình của Ngô-Đức-Kế là một lối phê bình quan điểm. Quan điểm của Ngô-Đức-Kê là quan điểm nhà đạo đức đứng nhìn và thẩm định sự vật theo các tiêu chuẩn đạo đức ; quan điểm của

(1) *Những áng văn hay trang 58*

Phạm-Quỳnh là quan điểm của nhà nghệ sĩ đứng nhìn và cắt nghĩa một tác phẩm nghệ thuật.

Kết cục, hai bên không hiểu nhau, không hiểu tiếng nói của nhau, và do đấy cuộc đối thoại của họ không đi đến một kết quả nào.

THÁI ĐỘ CỦA NAM-PHONG VÀ PHẠM-QUỲNH

Bài đả kích của Ngô-Đức Kế trên tạp chí Hữu-Thanh, không những không được Phạm Quỳnh trả lời mà không một người cộng tác nào với báo Nam-Phong đả động đến. Nhưng không phải vì vậy mà người ta thôi viết về Kiều, thôi ca tụng Kiều.

Sau bài đả kích của Ngô-Đức-Kế, trên Nam Phong còn một loạt bài sau đây xuất hiện :

1)— Bài «Bàn góp truyện Kiều» của Vũ-Đoan-Trang nữ sĩ ở Nam Phong số 37 trang 260 ra ngày Sept. 1924.

2)— Bài «Bàn về truyện Kiều» của Mai-Khê, Nam Phong số 99.

3) — Bài « Bàn về nhân vật truyện Kiều » của Tùng Hoa ở Nam Khong số 104 trang 273 ra ngày Avril 1926.

4) — Bài « Bàn về truyện Kiều » do Cao-Hữu-Tạo sao lục ở Nam-Phong số 106 trang 479 ra ngày Juin 1926.

5) — Bài « Nghiên cứu và phán đoán về truyện Kiều » của Đồ-Nam-Phong 125 trang 41 Janvier 1928 và số 126 trang 150 tháng Février 1920.

Tất cả loạt bài trên đây, có cái đặc điểm là phần nhiều còn ca ngợi truyện Kiều nhưng không hăng hái như hồi trước năm 1924 nữa. Nhất là ít thấy ai đề triết lý và không một ai ca ngợi luân-lý Kiều coi là thần thánh, cao siêu như hồi trước 1924. Phải chăng do ảnh hưởng của Ngô-Đức-Kế mà các tay bỉnh bút

của Nam-Phong thay đổi thái độ ? Có điều lạ là người ta nhắc nhiều đến bài nọ bài kia hoặc đã khen hay chê Kiều mà tinh không bao giờ đả động đến bài của Ngô-Đức-Kế đả kích Phạm-Quỳnh ở Hữu-Thanh tạp chí

PHAN KHÔI

« Cảnh cáo các nhà học phiệc »

Phạm-Quỳnh tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du và cực lực ca ngợi Kiều tháng 8 năm 1924, Ngô-Đức-Kế đả kích Phạm ngay trong số báo ra tháng 9 năm 1924. Từ đó, kẻ bàn đi người bàn lại, nhưng cả Ngô-Đức-Kế cả Phạm Quỳnh không ai nói năng gì thêm. Sự việc tưởng đã lịm hẳn đi. Nào ngờ đột ngột vào hồi đầu năm 1931, Phan-Khôi đem khơi nó dậy ở Phụ Nữ Tân Văn, kịch liệt đả kích và kết án Phạm-Quỳnh là học phiệt, là khinh dư luận. Phan-Khôi phê bình Phạm-Quỳnh, đại khái bài của Phan-Khôi gồm mấy ý kiến sau đây :

1) — Ông định nghĩa « bọn học phiệt » :

« Hạng người ấy ỷ có học rộng, trí thức nhiều, văn hay, trí thuật cũng khá, rồi tự coi mình là bậc « thầy », chẳng kể dư luận ra chi. Đã hay rằng mình giỏi, song thế nào cho khỏi sự sai lầm, vậy mà họ tự phụ quá, cứ mạt sát quá. Ừ cái dư luận nào không chánh đáng, họ mạt sát chẳng nói làm chi ; cái này, khi người ta công kích họ một cách chánh đáng, mà họ cũng làm thinh. Làm thinh, không phải tỏ ra là họ phục ; nhưng làm thinh, tỏ ra là họ không thèm nói với, thế mới đáng ghét. Tôi dành cho họ cái huy hiệu « Học phiệt », lấy nghĩa rằng họ có ý kế nghiệp nhau mà chuyên quyền trong học giới, cũng như bọn quân phiệt đã nối nhau mà chiếm cứ đất đai và quyền chánh trị bên Tàu » (1).

2)— Phan-Khôi ghép Phạm-Quỳnh vào tội học phiệt bởi lẽ Phạm-Quỳnh không trả lời ông Ngô-Đức-Kế.

3)— Hậu quả tai hại cho văn giới do thái độ học phiệt : cảnh văn đàn sẽ là cảnh tro tàn khói lạnh.

Tựu trung lối phê bình của Phan Khôi trong bài cảnh cáo các nhà học phiệt, là một lối phê bình thái độ, là công việc đả phá công kích một nhân vật. Đặc tính của lối phê bình của Phan-Khôi là sự thành thực, sốt sắng, thẳng thắn, mà nhất là tươi tắn, trẻ trung, có duyên lạ thường. Phạm-Quỳnh có thể bị chết điếng đi mà không thể giận được Phan-Khôi.

PHẠM-QUỲNH TRẢ LỜI BÀI « CẢNH CÁO HỌC-PHIỆT CỦA PHAN-KHÔI

Bài « Cảnh cáo học phiệt » của Phan-Khôi đã dồn Phạm-Quỳnh đến chỗ không thể không lên tiếng để biện bạch.

1) — Trước hết Phạm-Quỳnh nói qua sự liên lạc va chạm giữa hai người Phan-Khôi đã nhiều lần công kích bài bác Phạm-Quỳnh ở báo Thần-Chung hay báo Phụ-Nữ.

2) — Phạm-Quỳnh thuật lại các tội mà Phan-Khôi đã ghép cho ông.

3)— Tuyên bố lý do sự ở lặng của Phạm-Quỳnh : vì hai bên đều làm báo.

4)— Phạm-Quỳnh nhắc nhở, châm biếm Ngô-Đức-Kế cf p. 66 và 67 (cuối và đầu trang).

Đại để là Phạm-Quỳnh tự thanh minh, nhưng không vin được lẽ chi đích đáng, không bẻ lại các lẽ mà Ngô Đức-Kế đã đưa ra để công kích ông mà chỉ hạ những lời lẽ đầy chua cay, phỉ báng ông Ngô-Đức-Kế mà ông cho là một anh đồ gàn, một người ghen tị, một tên tù đồ, cục mịch. Cái lỗi của Phạm-Quỳnh là ở chỗ ấy. Người ta mất cảm tình đối với Phạm - Quỳnh cũng ở cái điểm ấy. Lời lẽ của Phạm-Quỳnh không không còn

là lời lẽ của một nhà văn hóa, ông đưa vấn đề chánh trị ra để mà đe dọa, phỉ báng Ngô-Đức-Kế.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Sau bài Phạm-Quỳnh trả lời Phan-Khôi, trong đó, như ta đã thấy, có nhiều lời lẽ phỉ báng Ngô-Đức-Kế, thì trên báo Tiếng Dân, Huỳnh-Thúc-Kháng đề là: «Chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không?» Rồi trong ngoặc đơn, tác giả chua thêm mấy lời sau đây: «chiêu tuyết những lời bài báng cho một nhà chí sĩ mới qua đời.» Bài trả lời của Huỳnh-Thúc-Kháng chia ra làm phần mở, phần thân và phần kết.

Phần mở: Trong phần mở, Huỳnh-Thúc-Kháng nhắc qua nội dung bài xã thuyết của Ngô-Đức-Kế mà vấn đề muốn đặt ra là tìm xem chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ đến vận mệnh của quốc gia dân tộc không, sau đó Huỳnh-Thúc-Kháng phản đối luận điệu có nhiều tính cách phỉ báng của Phạm-Quỳnh: Nay ông Ngô đã qua đời nhân Phan-Khôi chỉ trích sự không trả lời ấy, ông Quỳnh mới dở mới dở mối hiềm riêng chất chứa lâu nay, công nhiên phô giữa công chúng bằng bài ấy là «câu chuyện cá nhơn, câu chuyện quyền lợi, không quan hệ đến học vấn tư tưởng gì cả...». Ông lại bới những truyện riêng của ông Ngô với ông, hai người đối đãi nhau lúc bấy giờ, để làm chứng câu «cá nhân quyền lợi» của ông, mà buông lời thô bỉ như là «hàng thịt nguýt hàng cá, thỏa lòng ác cảm, đạo đức hương nguyện...» bôi lọ đến danh dự một người chí sĩ đã qua đời.

«Những lời nói trên mà xuất tự một người văn sĩ xằng nào thì không đủ trách; song tự lỗ miệng và ngòi bút một người tân nhân vật, nghiễm nhiên tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn hóa mới cho nước nhà, lại

chủ trương một cơ quan ngôn luận trong nước mười mấy năm nay mà có lời thô bỉ tỏ cái tâm sự hiềm riêng, nói xấu cho người thiên cổ thì không thể bỏ qua được» (1)

Phần thân : Sau bài mở, thân bài chia làm 5 phần :

Phần 1.— Huỳnh-Thúc-Kháng phản đối Phạm-Quỳnh để công nhận rằng vấn đề chánh học cùng tà thuyết mà Ngô-Đức-Kế đã đặt ra là một vấn đề quan hệ chung cho toàn quốc chứ không phải là câu truyện cá nhân như Phạm-Quỳnh tưởng : « Độc giả thử xem, một bài biện luận xác đáng rạch rời như vậy, sao gọi là câu chuyện cá nhơn quyền lợi, mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng ? Sao gọi là lập luận thiên đi ? Như vậy mà cho là không quan hệ thì những lối trèo tường trổ ngõ, quạt ước trăng thề, ép liễu nài hoa, cắp hương trộm ngọc kia mới là quan hệ với học vấn tư tưởng sao ? Lập luận ấy mới là chánh sao ? (2)

Phần 2.— Trong phần thứ hai, Huỳnh-Thúc-Kháng bác bỏ lời lẽ của Phạm-Quỳnh muốn gán cho Ngô-Đức Kế có «thói con buôn», có thái độ «hàng thịt nguýt hàng cá ».

Phần 3.— Huỳnh Thúc-Kháng biện minh cho Ngô-Đức-Kế không có «đạo đức hương nguyện như Phạm-Quỳnh, tưởng.

Phần 4.— Huỳnh-Thúc-Kháng bênh vực và biện minh cho thái độ căm tức, nếu có, của Ngô-Đức-Kế khi thấy người ta hoan nghênh Kiều, Huỳnh-Thúc-Kháng cho rằng sự căm tức đó là chánh đáng vì nó nhằm công ích chứ không vì thù riêng.

---

(1) Những áng văn hay trang 71—72

(2) Những áng văn hay trang 73

Phần 5 - Huỳnh-Thúc-Kháng công kích thái độ phi lý của Phạm-Quỳnh trong khi yên lặng và lời lẽ tục tằn trong khi lên tiếng.

Phần kết : Sau hết để kết luận Huỳnh-Thúc-Kháng đồng quan điểm với Ngô-Đức-Kế mà kết án truyện Kiều hô hào tẩy chay Kiều : «Truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là thứ sách học ; mà nói cho đúng ra, truyện Kiều là một thứ dâm thơ, rõ không ích mà có hại. Ở xã-hội ta, từ có kẻ tán dương truyện Kiều, truyền bá học Kiều đến nay, đã biết bao lớp thanh niên say mê sóng sắc, chìm nổi biển tình, dứt cả nền nếp gia đình, trật tự xã hội mà theo mối ham mê của mình. Hiện xã hội ta ngày nay diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái giống độc con đĩ Kiều, gieo vào trong tư tưởng không phải là ít. Vậy ngày nay mà được trăm nghìn người học Kiều, tha khắp trong xã hội ta, không thấy cái gì ích mà chỉ thấy cái hại ; mà nếu được một người «đạo đức hẹp hòi» như ông Ngô-Đức-Kế thì không khác gì cột đá giữ giòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thế đạo nhân tâm không phải là ít, vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sạt hố kia (1)

Qua sự phân tích trên đây, ta thấy, cũng như Ngô-Đức-Kế, lối phê bình của Huỳnh-Thúc-Kháng, rút cục cũng là lối phê bình quan điểm, nó thiên về bút chiến hơn là thẩm định. Mà nếu có thẩm định đi nữa, thì cũng chỉ là thứ thẩm định chủ quan, duy ngã, tiêu chuẩn không ngoài chủ trương đạo đức luân lý. Nhà phê bình trước tiên là nhà đạo đức học. Với bài lên tiếng của Huỳnh-Thúc-Kháng ta thấy phong trào chống Kiều đã lên đến tột bực : Kiều lần đầu tiên công khai

(1) *Những áng văn hay trang 75—76*

bị gọi là «con đĩ». Sau cuộc tranh luận nảy lửa này, vụ án truyện Kiều kết liễu.

Nhân vụ án Kiền này, chúng ta rút ra được mấy nhận định sau đây :

— Một cái hố chia rẽ, nghi kị đang cứ đào sâu giữa các nhà học giả, một bên là cựu học, một bên là tân học, một bên là những người như Ngô-Đức-Kế, như Huỳnh-Thúc-Kháng một bên là những người như Phạm-Quỳnh, như Huỳnh-Thúc-Kháng một bên là những người như Phạm-Qyỳnh, như Nguyễn-Tường-Tam như Trần Trần-Trọng-Kim.

Cái thái độ đôi khi có hơi kiêu căng của phái tân học, ý thức được năng lực của mình, mình đang làm chủ tình thế, và bên kia là thái độ cứng rắn, hàm chứa nhiều tính cách đau đớn tuyệt vọng của một lớp người đang thâm cảm sự «rút lui», đang cứ mỗi ngày lại trở nên rõ rệt hơn cái vang bóng của một thời.

— Những băn khoăn nhiều khi đến bi đát của một thế hệ, tuy thái độ có khác nhau, mà cũng cảm thông trong một lo lắng chung, cái lo lắng đó là cố giữ lấy được cái tinh thần dân tộc trong khi chúng ta đã mất chủ quyền về đường chính trị.

Đó là một thế hệ gồm toàn những những, mới cũng như cũ, nặng tình cổ điển nặng những giá trị nhân bản truyền thống.

— Đó là một thế hệ đang vươn mình, chuyển mình vươn chuyển để đập vỡ cái vỏ cứng khuôn đóng họ bấy lâu nhưng vừa bước ra khỏi cái vỏ kín ấy, còn lạ lẫm nhiều với cái làn khí mới mẻ ở bên ngoài, nên thành ra có nhiều thái độ ngượng ngập : chính vì vậy mà các nhà văn nghệ sĩ thấy mâu thuẫn bế tắc trong khi phải xác nhận một sự nghiệp nghệ thuật.

Do truyền thống, và tập tục, họ quan niệm đạo đức luân lý phải lãnh đạo và chỉ huy mọi hoạt động nghệ thuật. Thành thử khi gặp những tác phẩm nghệ thuật ít tính cách đạo đức luân lý như Kiều, mà lại nghệ thuật cao, nhà phê bình phân vân, khó nghĩ, thành ra mới có những thái độ giải thích gò bó miễn cưỡng để bênh vực cho luân lý đạo đức của Kiều.

Nói tắt là văn nghệ sĩ của thế hệ này còn luẩn quẩn, chưa phân biệt hai lãnh vực đạo đức luân lý thuần túy với văn chương nghệ thuật thuần túy. Sự mâu thuẫn gây nên giữa hai phái cũ và mới về vấn đề Kiều chính là tại thái độ không dứt khoát của phái trẻ về nghệ thuật. Phái này chưa dám chủ trương một hình thức nghệ thuật phi luân lý, cho nên gặp trường hợp mà nghệ thuật va chạm luân lý, họ gò bó, miễn cưỡng để biện minh cho nghệ thuật, trong những trường hợp kia không xúc phạm đến đạo đức luân lý. Rồi từ chỗ biện bạch, người ta dễ đi đến chỗ tung hô.

THANH - LÃNG



VĂN-HỌC VÀ CHÍNH-TRỊ

Một quan điểm mới về cuộc tranh luận
Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế qua Truyện Kiều.
Nguyễn-văn-Trung.



Nhìn lại cuộc tranh-luận Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế thời trước đây về truyện Kiều, chúng tôi không được thỏa mãn với những ý-kiến mà hầu hết các nhà làm văn-học vẫn trình bày. Chúng tôi nghĩ rằng cuộc tranh-luận này là một trường hợp đặc biệt vì nó liên quan tới những lãnh-vực không còn thuần túy văn-học.

Do đó, chúng tôi muốn nhận-định lại mong hiểu được sự thực hơn mà không bất công với những tác giả, nhất là khi các Vị đó đã quá-cố, không còn có thể bày tỏ lập-trường và chủ đích của mình.

Dĩ-nhiên dưới đây chỉ là những ý-kiến giả-thiết của những người bây giờ khi nhìn về một thời kỳ mà mình chưa ra đời, cho nên có thể không nắm được hết những uẩn khúc của vấn đề. Những người đương thời hay đã cộng tác với Nam Phong hiện hay nhiều vị còn sống ; đó là điều may mắn để có thể duyệt lại những

những ý kiến chúng tôi nêu lên, đi với sự thực chân-xác hơn. Chúng tôi rất mong muốn những Vị đó lên tiếng chỉ bảo và chúng tôi sẵn lòng đón nhận, duyệt lại.



SỰ-KIỆN TRANH-LUẬN

Cuộc tranh-luận nổ ra nhân dịp lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du vào năm 1924 do Hội Khai-Trí tổ chức. Trong buổi lễ Phạm-Quỳnh đã đọc diễn-văn cực-lực suy tôn tán-tụng Truyện Kiều mà ông cho là một tác phẩm được toàn dân mến, là một Thánh Kinh quốc-hồn quốc-túy, liên hệ đến vận mệnh dân tộc, cho nên truyện Kiều là một niềm tin tưởng của sự tồn tại dân tộc «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn». Bài diễn văn đó có đăng Nam Phong số 86 (1924). Một tháng sau trong «Hữu-Thanh tạp-chí» số 21 tháng 9-1924, ông Ngô-Đức Kế viết bài «Luận về Chánh-học cùng Tà-thuyết, Quốc-Văn, Kim-Vân-Kiều, Nguyễn-Du». Trong bài không hề nói đến tên Phạm-Quỳnh nhưng không ai có thể hiểu lầm được là bài đó không nhằm Phạm-Quỳnh.

Bài báo có hai phần: Phần đầu bàn về thế nào là chánh học tà thuyết và chánh-học tà-thuyết liên hệ đến vận nước làm sao. Phần sau phê bình truyện Kiều và tố cáo việc suy tôn sùng bái truyện Kiều.

Sau bài của ông Ngô-Đức-Kế, Phạm-Quỳnh không trả lời nhưng Nam-Phong vẫn tiếp tục có những bài về Kiều. Dầu vậy, điểm đáng chú ý là không hề đả động đến bài của ông Ngô-Đức-Kế.

Đến 1931, Phan-Khôi viết bài «Sau khi đọc bài trả lời của Trần-Trọng-Kim tiên sinh, cảnh cáo các nhà học phiệt» đăng trong phụ-nữ Tân-Văn, lên tiếng đả kích Phạm-Quỳnh là «Học-phiệt» nghĩa là bạng người

tự coi là bậc thầy, tự phụ, không đếm xỉa đến dư-luận chuyên quyền trong văn giới như bọn «quân-phiệt» trong chính trị. Phan Khôi đặt vấn đề thái độ trí thức: khi bị phê bình mà im không trả lời thì hoặc là chịu lẽ phải mà không dám thú nhận, hoặc là khinh người không thèm trả lời. Đàng nào cũng là hèn nhát đáng chê và làm thiệt thòi cho sinh hoạt văn-học, vì nếu người ta phê bình sai mà không cải chính thì không làm cho dư luận hiểu được sự thực do đó mà thiệt cho văn-học.

Bài cảnh cáo của Phan-Khôi bó buộc Phạm-Quỳnh lên tiếng trong bài «Trả lời bài «Cảnh cáo học-phiệt» của Phan-Khôi» (PNTV số 67). Trong bài Phạm-Quỳnh không hề động tới nội dung phê phán trong bài của Ngô-Đức-Kế mà chỉ trình bày những lý do tại sao không trả lời, Phạm-Quỳnh cho rằng Ngô-Đức-Kế sở dĩ đả kích ông trong bài «Chánh học tà thuyết» là vì căm tức ghen ghét ông và muốn «gây sự» lấy danh nghĩa ông quảng cáo cho tờ Hữu-Thanh, sau nữa truyện Kiều là văn-chương mà Ngô-Đức-Kế lại đứng về phương diện đạo-đức «mà cái đạo đức hẹp hòi của phái hương nguyên», cho nên rút cục vì đó chỉ là chuyện «hàng cá nguýt hàng thịt» thói thường của con buôn, câu chuyện cá-nhân, quyền lợi không quan hệ đến học vấn tư tưởng mà Phạm-Quỳnh không thèm trả lời.

Sau bài Phạm-Quỳnh trả lời Phan-Khôi, ông Huỳnh-Thúc-Kháng lên tiếng trên «Tiếng-Dân» với bài «Chánh học cùng tà thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không (chiêu tuyết những lời bài báng cho một nhà chí-sĩ mới qua đời)». Đại ý bài, ông Huỳnh nhắc lại bài ông Ngô nhằm chủ đích đặt vấn tà thuyết chánh học liên quan tới vận nước, chứ không phải là chuyện cá nhân quyền lợi như ông Quỳnh xuyên tạc. Ông Huỳnh nhắc bảo ông Quỳnh đừng «suy bụng ta ra bụng

người». Nếu ông Ngô chỉ có ý «thờ cái chủ nghĩa vinh thân phì gia, mượn tiếng văn chương để tiện đường mua giàu chác tiếng như ai, thì trong đám người đời mà lên mặt sang trọng thông thái ấy, ông làm đến đâu cũng thừa ra». Nhưng ông Ngô là một nhà cách mạng đã hy sinh tất cả cho đất nước, há lại còn bần tiện nghĩ đến chuyện buôn bán trong việc làm báo vì nước. Cho nên lời ông Phạm-Quỳnh «một người tự nhận cái gánh gây dựng một nền văn-hóa mới cho nước nhà, lại chủ trương một cơ quan ngôn - luận trong nước mười mấy năm nay mà có lời thô bỉ tỏ cái tâm sự hiềm riêng, nói xấu cho người thiên cổ, thì không thể bỏ qua được» (1). Cuộc tranh luận này cũng như cuộc tranh luận tiếp theo về Kiều vẫn thường được các nhà làm văn-học trình bày theo hai nhận xét căn bản sau đây :

1) — Đó là một tranh luận văn học không có tính chất chính trị. Do những người tranh luận chia làm hai phe : phe ủng hộ Kiều : Phạm-Quỳnh, Trần-Trọng-Kim, Vũ - Đình - Long, Nguyễn - Triệu - Luật, Nguyễn-Tường-Tam, Hoài-Thanh, Đào-Duy-Anh, Lưu-Trọng-Lư... phe đả kích : Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, Nguyễn-Bách-Khoa...

2) — Cả hai phe đều nhân-danh luân-lý hay nghệ thuật mà ca tụng hay kết án Kiều, về luân lý, phe ca tụng đại diện cho khuynh hướng tiến bộ, khoan dung, nhân tạo, phe kết án lại đại-diện cho khuynh hướng khắc nghiệt, hẹp hòi, bảo thủ, lạc hậu...

Ngay trong những bài khảo cứu gần đây nhất như của Thanh-Lãng (vụ án Kiều trích dẫn trên) cũng vẫn

(1) Có thể xem chi tiết hơn trong bài « Vụ Án Kiều » của Thanh-Lãng Thế Kỷ 20. Số 1, số 2.

thấy theo hai nhận xét trên. L.M. Thanh Lãng cũng nói về lối phê bình của Ngô-Đức-Kế là «chủ quan, duy ngã, giáo điều» coi văn chương là chỉ đạo ; «quan điểm của Ngô-Đức-Kế là quan điểm nhà đạo đức nhìn về thẩm định sự vật theo các tiêu chuẩn đạo đức quan điểm của Phạm-Quỳnh là quan điểm của nhà nghệ-sĩ đứng nhìn và cắt nghĩa một tác phẩm nghệ thuật (T.K. 20. số 2, trang 47). Trong những nhận định cuối cùng, tác giả ghi chú cuộc tranh luận đó không đi đến đâu cả vì một cái hố chia rẽ giữa hai lớp người tân học và cựu học ; một bên là những người đang «làm chủ tình thế» tất nhiên cởi mở ; một bên là những người đang «thâm cảm sự rút lui» của mình, đau đớn cố bảo-vệ cái «vang bóng một thời» một cách tuyệt vọng. Qua ý kiến trên, độc giả phải nhìn nhận rằng cuộc tranh luận văn-học này bế tắc vì quan niệm văn-học này bế tắc vì quan niệm văn-học bất đồng và Ngô-Đức-Kế, Huỳnh Thúc - Kháng là những nhà nho bảo thủ, cố chấp vì luyến tiếc một thời xưa. Thực ra trong bài thảo luận trên có lẽ L.M. Thanh-Lãng mới chỉ nhằm ghi lại những sự kiện và ý kiến từ trước đến nay và vấn đề tranh luận mà chưa đưa ra một giải thích riêng của mình. Chúng tôi nhận thấy ý kiến của hầu hết những nhà văn học đã đề cập đến vấn đề mà L.M. Thanh Lãng đã kết và ghi chép lại đều đã chỉ thấy sự-kiện tranh luận như một hiện tượng, mà không thấy thực-chất của nó. Và bởi vì không thấy thực chất cho nên nhầm lẫn trong việc tìm hiểu sự kiện.

Vấn đề đặt ra là cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng có phải là một cuộc tranh luận thuần túy văn học không? Và hai ông Ngô, Huỳnh có phải là những nhà nho bảo thủ, cố-chấp

luyến tiếc thời nho học chỉ còn là «vang bóng một thời» không ?



Chúng tôi thiết nghĩ rằng chính vì không nhìn thấy tính chất chính-trị trong cuộc tranh - luận nên các nhà phê bình văn-học-sử đã xếp lẫn lộn Phạm-Quỳnh với những người khác ủng-hộ Kiều như cùng một cánh, chủ đích, quan điểm tiến bộ, còn Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng là những nhà Nho bảo thủ.

Nhưng nếu đặt cuộc tranh luận vào hoàn cảnh chính trị thời đó, và tìm hiểu chủ đích của những người trong cuộc khi tranh luận, người ta sẽ thấy thực chất của cuộc tranh luận khác hẳn, mà một quan điểm nghiên cứu phi chính trị trong văn-học đã không cho người ta nhìn thấy, do đó đã phê bình sai lệch ngay trên lãnh vực văn-học ; ví dụ khi coi Phạm Quỳnh như người đứng đầu phe bênh vực truyện Kiều trong khi giữa Phạm Quỳnh và những người như Đào Duy Anh và nhất là những kẻ hồi đó như Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư...có một sự khác biệt về chủ đích phê bình. Căn cứ vào chủ đích đó, phải phân biệt cuộc tranh luận này thành hai, khác hẳn nhau về thực chất : cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng và cuộc tranh luận giữa những người tiếp theo đó. Một đàng, thực chất là một cuộc tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn hóa, một đàng là một tranh luận văn học thực sự.

Thực chất cuộc tranh luận
Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức Kế — Huỳnh-Thúc-Kháng

Chúng tôi đặc một vài câu hỏi để đưa vào vấn đề này : Phạm-Quỳnh là người thế nào ? Tại sao Phạm-Quỳnh ca tụng truyện Kiều ? Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-

Kháng là người thế nào ? Tại sao Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng đả kích truyện Kiều. Sự đả kích này có phải là đả kích *chủ đích suy tôn truyện Kiều* do Phạm-Quỳnh đề xướng ? Do đó đặt vấn đề tại sao Phạm-Quỳnh suy tôn truyện Kiều ?

Cuộc tranh luận nổ ra lúc nước ta bị người Pháp đô hộ. Sau các vụ Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Đông-Du..., người Pháp nhận xét cần phải có một chính sách bình định về văn hóa để đánh lạc tinh thần yêu nước của thanh niên Việt-Nam. Người Pháp chủ trương «bảo vệ di sản tinh thần xứ An-Nam và reo rắc hạt giống văn-minh của nước Pháp». Rất có thể lúc đó, các nhà ái quốc cũng nghĩ đến sự di chuyển cuộc tranh-đấu chính-trị vào lãnh-vực văn hóa, nghĩa là cũng muốn dùng văn-học làm lợi khí tranh đấu chính trị. Do đó hai địch thủ cùng có một chủ trương nhưng chủ đích khác hẳn nhau ; một đàng chủ trương làm văn-hóa thuần túy và làm văn hóa thật, kết quả tốt, để cho quên chính trị ; một đàng làm văn hóa để cho nhớ chính trị. Sự thành công của bên này sẽ là tai hại cho bên kia.

Về phía người Pháp lúc ấy có lẽ nhận thấy tờ Đông Dương Tạp-chí của Nguyễn-Văn-Vĩnh không thể đảm nhận được nhiệm vụ mới đó, nên tìm đến Phạm-Quỳnh trẻ tuổi thông minh để bàn thành lập tờ báo khác. Tờ Nam-Phong, ra đời, Marty làm chủ nhiệm, Phạm-Quỳnh làm chủ bút.

Vấn đề then chốt ở đây là : Phạm-Quỳnh có phải là tay sai thực sự của Pháp về văn-hóa không ? Cần phân biệt : Chủ tâm và hành động. Khi ông Quỳnh bàn với Marty, trùm mật thám Pháp, và nhận tiền làm báo, chúng ta không biết được trong bụng ông chủ tâm những gì ? Theo Pháp để tìm con đường lập thân, phú quý, hay chỉ lợi dụng Pháp mà thôi ?

Có thể giả thuyết Phạm-Quỳnh là người yêu nước, nhận định rằng không thể làm được gì khác hơn là cộng tác với Pháp nên theo, nhưng với chủ tâm lợi dụng phương tiện của người Pháp trao cho để làm văn học yêu nước, và một khi đã cộng tác thì ca tụng, biện hộ chẳng qua chỉ là xã giao bó buộc thôi. Thật ra rất khó xác định thâm ý của Phạm-Quỳnh khi cộng tác với Pháp, làm văn hóa trong chính sách của Pháp là chủ tâm theo Pháp hay chỉ để lợi dụng Pháp, làm sao mà phán đoán được lương tâm người ta. Hiện nay chúng tôi không tìm thấy một tài liệu công khai nào hoặc tư riêng gia đình Phạm-Quỳnh để chứng tỏ Phạm-Quỳnh là người chỉ cộng tác với Pháp để lợi dụng Pháp, thi hành chính sách «tương kế tựu kế».

Nhưng đó không phải là vấn đề đặt ra ở đây. Vấn đề quan trọng là Phạm-Qnỳnh có cộng tác với Pháp không, và Nam Phong có phải đã được ra đời vì một chính sách văn hóa của người Pháp không? Nếu có chúng ta vẫn có quyền nhận định về những tác dụng tốt xấu của sự kiện trên. Vì dù Phạm Quỳnh có không chủ tâm thành thực cộng tác đi nữa thì sự chủ tâm hay không chủ vẫn không xóa bỏ được hành động cộng tác với những thành quả tốt xấu của nó Có lẽ không ai dám quả quyết Pétain chẳng hạn, đã chủ tâm cộng tác với Đức nhưng người ta vẫn kết án Pétain và có quyền làm như thế vì hành động cộng tác với những thành quả của sự cộng tác đó.

Về Phạm Quỳnh, chúng tôi chưa dám quả quyết là ông *chủ tâm* theo Pháp như một người phản quốc, nhưng chúng tôi thẩm định ông có cộng tác với Pháp và khi làm Nam Phong dù muốn dù không cũng là làm một

trong chính sách văn hóa của Người Pháp muốn đề ra thời đó. Do đó, chúng ta có quyền phê phán Phạm-Quỳnh về hành động cộng tác và những hậu quả văn-học, chính trị của nó (1).

Đồng thời chúng tôi nghĩ rằng ông Ngô Đức Kế cũng có quyền phê phán hành động cộng tác đó khi viết bài «chánh học là thuyết nhảm» đánh vào chính sách của Pháp và Phạm-Quỳnh trong việc suy tôn Kiều, dù qua bài đó việc Ngô Đức Kế khẳng định Phạm Quỳnh chủ trương theo Pháp là nhầm đi nữa.

Không xét tới chủ tâm, chỉ xét tới hành động và có quyền xét như thế. Ví dụ dù cho ông Phạm-Quỳnh, vì đã nhận công tác với Pháp phải bó buộc đề cao Pháp chớ không chủ-tâm, thì một bài như « Khái-luận về văn minh học thuật nước Pháp » vẫn có thể có những tác dụng chính trị tai hại rất lớn. Một người thanh niên Việt có khỏi hoang mang không khi thấy Phạm-Quỳnh một nhà văn-học tân tiến, «yêu nước» như thế mà đề cao, biện-hộ chế độ thực dân trong khi biết bao nhà ái quốc ngã gục trước họng súng của cái chủ nghĩa mà Phạm-Quỳnh cho là «nhân đạo» là «xả-kỷ».

«Hoặc có người chê Pháp đi viễn chinh để lấy thuộc địa là trái với chủ nghĩa nhân đạo. Nói như thế là không hiểu cái tình thế một nước lớn trong thế giới đời nay. Pháp đi lấy thuộc địa cũng là bởi cái địa vị trên trường quốc tế bắt buộc như thế. Các cường quốc đều có thuộc địa mà mình không, là đành chịu phần

---

(1) Trong bài này, khi chúng tôi nói ông Phạm-Quỳnh là người cộng tác với Pháp, tay sai văn hóa của Pháp, chúng tôi chưa quả quyết về chủ tâm và mới chỉ quả quyết về hành động khách quan mà có lẽ không ai phủ nhận điều đó.

thua thiệt, mà không giữ được thế quân bình trong liệt cường. Vả sự đi lấy thuộc địa cũng có nhiều cách. Lấy đất của người ta mà nô lệ, bác tước người ta là phi nhân đạo. Lấy đất của người ta mà ra công dìu dắt cho người ta bước mau trên dường tiến hóa vị tất đã là việc phi nghĩa. Pháp đã lấy thuộc địa dù là Algérie, Tunisie, Madagascar, Maroc, Tây Phi-Châu hay đất Ấn-Độ — China này nữa, đều tuyên bố lấy khai hóa làm chủ nghĩa, hiệp tác làm phương châm. Thế thì cũng không phải là xa với nhân đạo vậy». (T. C. V. T. I trang 53)

Chúng tôi dự đoán có người sẽ bảo: không thể tố cáo Phạm-Quỳnh vì đã hô hào cộng tác với Pháp, đề cao văn minh đại Pháp, ngay cả những nhà đại ái quốc thời đó như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cũng nói như thế mà còn có thể nói mạnh hơn Phạm Quỳnh. Đồng ý! Nhưng nhận định như vậy là vẫn chỉ thấy chính sách mà không thấy chủ trương. Hay nói một cách quân sự, không hiểu vấn đề chiến thuật, chiến lược. Trong cuộc tranh đấu, cái gì địch chủ trương, tất phải lợi cho địch và hại cho ta. Nhưng nếu cũng chủ trương đó, mà do ta đề ra, tất lại lợi cho ta, hại cho địch.

Chính sách Pháp Việt «đề huề» đều có thể do cả Pháp lẫn các nhà ái quốc chủ trương nhưng đã rõ là nhằm hai chủ đích trái ngược nhau. Về phía Pháp, chiến lược là đập tan mọi hoạt động yêu nước duy trì chế độ thuộc địa, chiến thuật là đề cao Pháp Việt cộng tác trên mọi lãnh vực. Về phía các nhà ái quốc, chiến lược là đập tan chế độ thực dân và mọi âm mưu củng cố chế độ đó, chiến thuật là tạm thời cộng tác, hòa hoãn, tranh đấu trên bình diện văn hóa; học của địch cái hay để đánh địch sau này. Rõ ràng đó chỉ là vấn đề giai đoạn và nhằm mục đích lợi cho ta.

Vấn đề suy tôn truyện Kiều cũng tương tự.

Nếu chúng ta công nhận ông Quỳnh thực sự có cộng tác với Pháp và dù muốn dù không, đã làm văn học trong chính sách văn hóa của Pháp, thì việc đề cao truyện Kiều cũng nằm trong chủ trương tổng quát đó. Rất có thể không phải người Pháp bảo ông Quỳnh lấy truyện Kiều ra mà đề cao, làm rùm beng nhưng việc làm của ông Quỳnh dù có nhận cho ông vì yêu thích truyện Kiều thật mà làm đi nữa, *khách quan*, vẫn phù hợp với chủ trương làm văn hóa thuần thúy cho quên chính trị của Pháp. Do đó, việc suy tôn truyện Kiều vẫn còn có ý nghĩa chính trị và lợi cho chính sách của Pháp dù cho ông Quỳnh chủ tâm hay không chủ tâm. Ý nghĩa chính trị của việc suy tôn là : Thanh niên đọc truyện Kiều đi, thưởng thức văn chương Kiều đi, đừng nghĩ đến chánh trị, lòng yêu nước...»

Ông Ngô Đức Kế, nhà nho yêu nước, bất hợp tác, chống Pháp, bị đi tù Côn-Lôn, khi được thả về nhận thấy chính sách thâm độc của chính quyền bảo hộ qua hành động của Phạm Quỳnh, thẳng thắn lên tiếng phản đối, tố cáo đả kích thủ đoạn chính trị nấp dưới hình thức văn hóa suy tôn truyện Kiều.

Chúng ta thấy Phạm Quỳnh đề cao truyện Kiều là «quốc hồn, quốc túy, thánh kinh hiền truyện» và đưa ra khẩu hiệu mà các nhà phê bình về sau vẫn coi là một khẩu hiệu xuất phát từ một tấm lòng « đầy nhiệt thành». «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn ». Nhưng thực sự khẩu hiệu đó, từ miệng ông Quỳnh, cái loa của thực dân chỉ có ý nghĩa như một mánh khóe chính trị và thực chất của nó là ngụy biện.

Con người Phạm Quỳnh, cộng tác với Pháp, *một cách khách quan*, tức là công nhận sự mất nước làm sao

còn có thể nói tới lòng yêu nước, và tự coi như là một người cổ võ lòng yêu nước bằng văn-học? Dưới thời Pháp thuộc, nước mất, tiếng nói cũng mất, văn chương cũng mất. Nhà trường, giao dịch đều dùng tiếng Pháp làm ngôn ngữ chính thức. Văn học và tiếng Việt bị xóa bỏ hay khinh miệt, cho nên trong tình cảnh mất nước, yêu cái tiếng bị khinh bỉ, ca tụng văn chương Việt Nam phải là một hành động yêu nước, chống đối thực dân do những người cách mệnh làm (Đông Kinh Nghĩa-Thục, Hội Truyền Bá Quốc Ngữ)

Vậy tại sao thực dân khinh văn chương Việt, xóa bỏ tiếng Việt mà lại cho đề cao truyện Kiều? Và do đó, tại sao Phạm Quỳnh đề cao truyện Kiều mà lại theo Pháp được? Nếu Phạm Quỳnh đã theo Pháp, cộng tác với Pháp thì phải đả truyện Kiều, hay ít ra làm ngơ để chỉ ca tụng văn hóa Thái-tây; và Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng nhà ái quốc phải ca tụng truyện Kiều, văn chương Việt Nam là quốc-hồn quốc-túy mới hợp lý. Sự thực lại ngược hẳn lại! Như thế, phải chăng Ngô-Đức-Kế; Huỳnh-Thúc-Kháng, nhà ái quốc cách mạng lại chống dân tộc khi chống truyện Kiều là cái quốc hồn quốc-túy, và thực dân xâm chiếm đất Việt muốn xóa bỏ tinh thần yêu nước, lại cho kẻ cộng tác chủ trương đề cao lòng yêu nước qua truyện Kiều?

Đặt vấn đề như vậy, người ta thấy rõ cuộc tranh luận về Kiều, trọng tâm, thực chất không thể là một cuộc tranh luận văn-học thuần túy, nhưng *trước hết* là một tranh đấu chính trị trong lãnh vực văn-học.

Thực dân Pháp đã lợi dụng được một tác phẩm văn chương, qua hành động đề cao của Phạm Quỳnh mà thực hiện một mục tiêu chính trị lợi cho họ. Những người yêu nước chống lại sự lợi dụng đó. Giả sử lúc đó có tự do ăn nói, và Ngô-Đức-Kế có thể nói

toạc ra cái dã tâm ấy : đừng dùng văn học làm lợi khí chính trị, đừng lấy truyện Kiều của chúng tôi để ru ngủ thanh niên chúng tôi thì chắc chắn đã không có cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế. Như thế đã rõ, xuyên qua truyện Kiều, Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng nhắm chủ đích đả phá sự lợi dụng chính trị nấp dưới hình thức suy tôn truyện Kiều. Hai nhà cách mạng vẫn nhận truyện Kiều là tác phẩm văn chương nhưng không muốn người ta tự nhiên suy tôn nó như quốc hồn quốc túy, và nhất là kẻ suy tôn đó lại là người đầu hàng thực dân, theo Pháp.

Đứng trước những nguy hiểm lớn lao của mánh khoé chính trị sâu độc này, hai cụ đã đả-kích mãnh liệt bằng những lời rất gay gắt với truyện Kiều. Chủ đích vẫn là muốn đánh vào sự suy tôn truyện Kiều. Về sau khi phong trào suy tôn đã nguội, Huỳnh-Thúc-Kháng có nói điều đó : « Tôi bác Kiều là bác những kẻ tán dương điều tà điều bất chính kia, chứ bản thân nó thế nào mặc nó». Điều tà điều bất chính cụ muốn nói ở đây là mánh khóe chính-trị, thủ đoạn sâu độc của Pháp còn bản thân truyện Kiều là tác phẩm văn chương thì cứ phải chỉ coi nó như một tác phẩm văn chương. Thành ra, truyện Kiều ở đây chỉ là một nạn nhân, một bung xung của một tranh chấp về chính trị.

Vậy giả sử thời đó, người Pháp không đề ra chính sách chính-trị, dùng văn chương ru ngủ thanh niên, và việc suy tôn truyện Kiều lại do Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng đề xướng, tình thế chắc sẽ đổi ngược hẳn lại.

Nếu vì những khó khăn thất bại, chưa thể tiếp tục tranh đấu chính-trị, các nhà cách-mạng hồi đó đã chuyển hướng đấu-tranh vào lĩnh-vực văn-hóa, phát-động phong-trào yêu nước bằng cách suy-tôn truyện Kiều, thì những khẩu hiệu «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn» sẽ là những phát súng lệnh đầu tiên mở màn cho một giai đoạn mới trong cuộc tranh đấu chính trị chống Pháp; Hãy đọc truyện Kiều đi, không phải để mơ mộng thoát ly, nhưng để yêu cái tiếng nói dân-tộc trong thơ truyện Kiều, để yêu cái đất nước đã sinh-thành ra truyện Kiều và đau xót vì bây giờ đất nước tiếng nói đó đã mất...

Cho nên nếu truyện Kiều được các nhà ái-quốc dùng như một thứ «chiêu hồn nước», một lợi khí kích động lòng căm thù thực-dân thì chắc chắn thực-dân sẽ cấm đọc cấm xuất bản, cấm giảng dạy và còn bỏ tù những cổ võ, tàng-trữ, ngâm-đọc truyện Kiều như đã cấm những bài thơ văn cách-mạng khác. Nói cách khác, truyện Kiều sẽ là món đồ « quốc cấm và đã không có câu chuyện Phạm - Quỳnh — Ngô - Đức - Kế. Do đó, đã cũng một chủ trương và chủ đích khác nhau thì hễ địch chủ trương tất lợi cho địch, hại cho ta hay ngược lại. Điều đó cũng cho ta thấy rằng chính việc đề cao truyện Kiều, bản chất không phải là điều xấu. Sở dĩ nó xấu đối với ta chỉ vì đã bị địch lợi dụng thôi. Dĩ nhiên nếu đề cao là chủ trương của ta, thì nó lại là tốt đối với ta và hại cho địch.

Cho nên, không nên chỉ nhìn hiện tượng suy tôn

mà phải nhìn chủ trương suy tôn. Chính ở điểm đó mà chúng tôi thấy cuộc tranh luận chủ đích là chính trị. Và với Phạm-Quỳnh, điều hỏng không phải ở chỗ ông suy tôn truyện Kiều, nhưng chủ yếu ở tại *việc suy tôn đó nằm trong chiến lược của địch*. Nếu Phạm-Quỳnh không cộng tác với Pháp, đứng về phe Ngô-Đức-Kế mà suy tôn thì cũng đã lại không có chuyện Ngô-Đức Kế — Phạm-Quỳnh.

Trong bài trả lời «bài cảnh-cáo học-phiệt của Phan tiên-sinh», ông Phạm-Quỳnh có tự bào chữa mình không phải là người chính-trị, chỉ làm văn-học và coi đó là phương tiện gây cái hồn độc-lập cho dân nước : Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học vấn. Cái chủ nghĩa của tôi phụng sự bấy lâu nay, kể có trên dưới mười lăm năm trời, thật là dốc một lòng chuyên một dạ. chính là chủ-nghĩa quốc gia. Nhưng mới phụng sự về phương diện văn-hóa, chưa hề chuyển đi sang phương diện chính trị. Tôi thiết nghĩ rằng muốn cho nước nhà được độc lập thì phải gây lấy cái hồn độc lập cho quốc-dân. Muốn gây lấy cái hồn độc lập cho hồn độc lập cho quốc dân thì phải có khí cụ để tuyên truyền giáo dục cái khí cụ để tuyên truyền giáo dục là ngôn ngữ văn tự trong nước, Bởi thế cho nên 15 năm nay, tôi không làm một việc gì khác. chỉ cúc cung tận tụy về một việc, là cổ động cho quốc-văn, gây dựng cho quốc văn thành nền văn chương đích đáng, có thể dùng lợi khí để truyền bá văn minh trong nước. Các bạn đồng chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã cộng nhận cho cái công phu ấy không phải là vô ích. Vì tôi chỉ chuyên chú về một việc tài-bồi quốc-văn như vậy, cho nên thật không để ý vào việc chính trị. Ai bình-phẩm tôi về chính trị là bình phẩm sai cả. Tôi cho là bất túc khinh trọng nên không hề đối đáp, không hề cải chính bao giờ ».

Chúng ta cũng cứ nhận cho ông Phạm-Quỳnh là yêu nước, «cúc cung tận tụy vì quốc-văn» đi, nhưng chúng ta hỏi: Tại sao ông Quỳnh yêu quốc-văn, muốn lấy quốc văn làm phương tiện gây dựng độc lập, ông Kế cũng yêu quốc-văn, cũng muốn lấy quốc-văn làm phương tiện gây dựng độc lập, mà hai ông lại chống nhau. Nếu cũng một tâm hồn, một chủ đích, tại sao không gặp nhau được. Tại truyện Kiều, Quốc-Văn, một lợi khí bản chất là tốt đã bị địch lợi-dụng mất rồi và ông Quỳnh lại phụng sự quốc-văn trong phe địch. Do đó mà không bao giờ Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng và những người theo gót hai cụ cộng tác được với Phạm-Quỳnh để cùng nhau hiệp lực «cố gây dựng cho nước nhà một nền quốc học đích đáng không tây mà cũng không nho» như ông Quỳnh muốn. Cuối bài trên, ông Quỳnh hô hào một cách có vẻ chân thành lắm, nên thành lập «một hội chấn hưng quốc-học, họp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà có một nền quốc học xứng đáng». Hay lắm, nhưng không thể làm với ông được, vì như thế là đi vào chính sách của địch rồi. Ông Quỳnh là người thông minh như thế làm sao có thể không nhận ra điều đó. Vậy hoặc ông là người chân thành thì ngu dốt quá, hoặc ông là người thông minh sắc sảo thì lời hô hào của ông chỉ là mánh khóe xảo quyệt, vì biết chắc những nhà văn cách mạng không bao giờ cộng tác với ông được.

Những phân tách trên có lẽ đã làm sáng tỏ vấn đề và chỉ khi nào chúng ta đặt bài luận «chánh học cùng tà thuyết» trong những chủ trương, chủ đích trên mới hiểu được đúng đắn bài luận của ông Ngô-Đức-Kế

Cái tình thế nào đã làm cho ông Ngô-Đức-Kế viết «Chánh-học Tà-thuyết» ? Đó là lúc thanh niên đua nhau đi vào con đường học bằng cấp để tranh dành những danh vị hão huyền, hoặc đi vào con đường văn chương tầm chương tích cú, lãng mạn thoát ly. Đó là cái học tách rời khỏi quyền lợi đất nước : «Văn chương nhảm nhí, ngôn luận càn xiên». Cái khuynh hướng chung của tâm tình thanh niên lúc đó là miếng đất thuận tiện cho chủ trương học vấn danh vị, văn chương thuần túy quên chính trị của Pháp; Phạm-Quỳnh là người cổ vỏ mạnh nhất cho phong trào đó, cái phong trào đồng thời lại phù hợp với chính sách chính trị của người Pháp.

Đứng về phía dân tộc, dĩ hẳn đó là một mối đe dọa trầm trọng. Phải cảnh tỉnh tố cáo âm mưu đó. Bài «Luận về chánh học cùng tà thuyết» ra đời nhằm mục tiêu trên. Đánh vào việc suy tôn Kiều là đánh vào Phạm-Quỳnh, vào thủ đoạn của Pháp. Đánh bằng cách nêu lên đâu là chính-học, đâu là tà-thuyết. Chánh-học là cái học gắn liền với vận nước, và tà-thuyết là cái học tách khỏi vận nước, đồng thời nói lên sự liên quan của chánh học tà-thuyết với vận nước suy thịnh là thế nào. Chủ đích thật rõ rệt. Sau khi nêu lên nguyên tắc, Ngô-Đức-Kế áp dụng vào trường hợp truyện Kiều. Cái sai lầm của việc suy tôn Kiều là làm cho truyện Kiều chỉ còn là một thứ văn chương ngâm vịnh, tiêu khiển mua vui cho quên đời, quên xã hội, chứ không phải là thứ văn chương «chính đại theo đường chính học».

Vậy đã rõ cái chánh học tà thuyết mà ông Ngô-Đức-Kế đề ra, không hề có nghĩa là bênh vực luân lý Khổng - Mạnh do một thái độ cố chấp bảo thủ, của những kẻ tuyệt vọng cố níu lấy cái « vang bóng một thời». Cái luân-lý của Ngô-Đức-Kế không phải là Khổng Mạnh gì cả, mà chỉ là cái luân-lý yêu nước mà thôi.

Và đó là một vấn đề lớn liên quan tới vận nước, đó là quốc sự không phải chuyện « hạng cá hàng thịt » «quyền-lợi cá-nhân» như ông Quỳnh vu-khống.

Một người như Ngô-Đức-Kế, làm cách mạng, thấy cái đạo yêu nước càng ngày càng suy đồi, cố nhiên đau đớn phải lên tiếng như ông đã viết : «Tác giả có phải cố ý bài bác người đời để mua hờn chác oán làm chi, thiệt là tròng ra gai mắt, nghĩ đến đau lòng muốn nói cũng chẳng nói hết đâu».

Nắm đúng được chủ đích đó nên ông Huỳnh-Thúc-Kháng khi trả lời ông Quỳnh, nhắc lại cho dư luận khỏi bị lường gạt. Theo ông Huỳnh-Thúc-Kháng, bài của ông Ngô có tác dụng gây thức tỉnh thanh niên trước mối nguy vong.

«Bài bác Kiều đầu tiên đại ý nói ; Chánh học xướng minh thì thế đạo, nhân tâm phải tốt mà nước cường thịnh; tà thuyết thịnh hành thì thế đạo nhân tâm phải xấu mà vận nước cũng suy đồi... Toàn bài đại cương như thế, nói về nghĩa lý thì quang minh chính đại, thật là một quan hệ trong học giới rất to tát, mà về biện bác thì lời nghiêm nghĩa chánh, có một mãnh lực như sét phang trước trán, nước xối sau lưng, khiến cho ai đọc đến cũng phải tỉnh giấc hồn mê (1).

Cho nên ông Huỳnh-Thúc-Kháng kết, lúc trước nguy vong như vậy mà được một người ra tay chống đỡ thì chẳng khác nào như ngọn đuốc trong khoảng đêm trường : «Nếu được một người đạo đức hẹp hòi như ông Ngô-Đức-Kế thì không khác gì cột đá giữa lòng sông lở, ngọn đuốc trong khoảng đêm trường, có công với thế-đạo nhân-tâm không phải là ít, vì cái mãnh-lực của ông đủ kéo được biết bao kẻ sa hầm sút hố kia».

---

(1) Chúng tôi gạch dưới.

Rõ ràng là hai ông đều nhắm một chủ đích chánh trị trong khi đả kích việc suy tôn Kiều. Phạm-Quỳnh thừa hiểu chủ đích đả kích của Ngô Đức Kế, Huỳnh-Thúc Kháng là chủ đích chính trị, vì thế khi « luận về chánh học tà thuyết» ra đời, Ngô Đức Kế thách trả lời : «Bài luận này chắc có nhiều người phản đối, ai phản đối xin cứ gửi thư đến bản báo». Phạm-Quỳnh im bặt. Nếu vấn đề chỉ là bàn luận văn học, tại sao Phạm Quỳnh im lặng trong khi được coi hay tự coi là «học giả» và còn đang làm mưa gió trên văn đàn thời đó. Nhất định Phạm Quỳnh không thể chịu thua, sở dĩ Phạm-Quỳnh im lặng chỉ vì sợ bị «lộ tung tích», sợ cái thực chất của cuộc tranh luận bị phơi bày ra. Chính Phạm-Quỳnh đã gián tiếp thú nhận điều đó sau khi Ngô Đức Kế mất trong bài trả lời Phan Khôi : «Sau cuộc phản đối của ông Nghè Ngô, trong nước liền nổi lên phong trào chính trị mới. Có người nối gót ông Ngô cũng đem lời nọ tiếng kia bình phẩm tôi, tôi đều nhất thiết làm thinh cả». Phạm Quỳnh làm thinh chỉ vì sợ cái «phong trào chính trị mới», sợ cái «mười năm Côn-đảo» của Ngô Đức Kế mà thôi.

Cho nên trong bài trả lời Phan-Khôi, ông Quỳnh không hề đá động đến vấn đề Chánh-học, Tà-thuyết và cố lẫn tránh vấn đề bằng cách giải thích những lý do thúc đẩy ông đả kích mình : ghen ghét, tư thù cá nhân, quyền lợi buôn bán v.v... mà Phạm-Quỳnh gán cho ông Ngô.

Như thế đã rõ *cuộc tranh-luận giữa Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế về truyện Kiều không phải chỉ là giữa Phạm-Quỳnh, nhà văn-học và Ngô-Đức-Kế, nhà văn-học, nhưng là chủ yếu giữa Phạm Quỳnh, người cộng tác với Pháp và Ngô Đức Kế, nhà ái quốc.*

Do đó không thể sắp hạng tất cả những người bênh vực truyện Kiều vào phe với Phạm Quỳnh vì đến nhóm trẻ, tình thế chính-trị đã khác hẳn ; họ không phải là những người theo Pháp và sự tranh luận ở đây mới có tính cách văn học thực sự cho nên không thể cài Phạm Quỳnh là người cầm phe ủng hộ truyện Kiều.

Chúng tôi thiết tưởng không ai có thể phủ nhận được thực chất cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và hai nhà nho, chủ yếu là một cuộc tranh luận chính-trị. Điều đó thật rõ rệt khi nghiên cứu văn-học, nếu người ta xét tới dự phóng viết, chủ đích sáng tác của nhà văn ; chính vì không xét tới dự phóng viết của Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế chủ yếu là chính-trị, và chỉ căn cứ vào chính sự kiện tranh luận nên đã không thấy được bản thực chất sự cuộc tranh luận đó.

Có một quan-điểm văn-học trong cuộc tranh-luận ?

Nhưng nếu vấn đề Ngô-Đức-Kế tranh luận với Phạm-Quỳnh nhằm đả kích chủ đích chính-trị qua việc suy tôn truyện Kiều là một điểm chắc chắn, người ta có thể vẫn còn đặt vấn đề sau : có phải Ngô-Đức-Kế chỉ đả việc suy tôn, hay cùng một lúc đả kích chính truyện Kiều như một tác phẩm văn chương. Nói cách khác, chủ đích đả kích là chính trị, nhưng đồng thời chủ đích đó có kèm theo một quan điểm văn học không ? Và quan điểm đó có phải là quan điểm bảo thủ không ? Nếu nhận chủ đích chính-trị của Ngô-Đức Kế có bao hàm một quan điểm văn-học và quan điểm đó lạc-hậu bảo-thủ. Người ta lại có thể trình bày vấn đề Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế dưới một khía cạnh khác như sau : «Có phải trên bình diện chính trị, Ngô Đức-Kế đả kích chủ đích việc suy tôn là đúng, Phạm Quỳnh đề cao việc suy tôn là sai, nhưng trên bình diện

phê bình văn-học Ngô-Đức-Kế bảo thủ là sai, Phạm-Quỳnh cởi mở khoan dung là tiến bộ, là đúng không» ?

Như trên kia đã chứng minh, ý-kiến trình bày cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế như một tranh luận văn-học về thực chất, không thể chấp nhận được. Nhưng ý-kiến ngược lại cho rằng cuộc tranh luận đó chỉ là thuần-túy chính trị cũng là quá đáng. Ý-kiến chúng tôi là trong cuộc tranh luận này, thực chất là chính trị, nhưng đồng thời cũng bao hàm một quan điểm về văn-học. Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng khi đã kích truyện Kiều, chủ yếu là đánh vào việc suy tôn Kiều, nhưng cũng phê phán đánh giá ngay chính truyện Kiều như một tác phẩm văn-chương, Đọc «Chánh-học Tà-thuyết», thấy rõ ý định nêu lên những nguyên-lý văn-học mà truyện Kiều được nhắc nhở tới như một *dẫn chứng* («Hãy xin dẫn ra một chuyện»). Ngô-Đức-Kế không những phê bình nội dung truyện và Kiều mà còn phê bình cả nguồn gốc truyện Kiều là cuốn Kim-Vân-Kiều truyện và tác-giả truyện Kiều nữa.

Vậy có một quan điểm về văn học bên cạnh chủ đích chính trị trong thái độ của Ngô Đức Kế. Nhưng quan điểm đó có phải là bảo thủ không ? Nếu hiểu bảo thủ là nghiêm ngặt thì quả thực ông Ngô Đức Kế có nghiêm ngặt. Khi ông lên án nghiêm khắc mối tình của Kiều và tán thành ý kiến cấm đọc truyện Kiều, vì chưa nhận ra đúng mức những khía cạnh nhân đạo và những giá trị nhân bản của tác phẩm. Nhưng sự cố chấp gay gắt đó cũng là do Phạm Quỳnh gây nên. Nếu không vì tấm lòng nhiệt thành với đất nước và sự đau xót trước những âm mưu thâm độc của người Pháp, thôi thúc khi phê bình, có lẽ Ngô-Đức-Kế đã có thể «thanh bình» hơn, ít gay gắt hơn trong khi phê bình, Nhưng

trong thực tế đấu tranh lúc đó, không thể thanh bình được. Ông Ngô-Đức-Kế đã đứng ở lập trường của người tranh đấu cho cái cốt yếu : cứu nước. Nếu mất nước còn nói gì tới văn chương, chữ nghĩa ; cho nên mọi sinh hoạt khác đều phải nhắm vào cái hướng cốt yếu đó. Vậy một khi quốc-học, văn-chương không những đã được hiểu như tách rời khỏi vận nước mà còn bị lợi dụng làm cho quên vận nước, thì người tranh đấu cho cái cốt yếu phải đánh luôn cả vào cái bị lợi dụng, truyện Kiều là một lợi khí văn-hóa rất tốt, nhưng khi nó đã bị địch lợi dụng thì càng xấu, càng nguy hiểm cho ta, nên phải đánh luôn cả vào chính bản thân một cái giá trị của ta đã bị địch lợi dụng chống lại ta.

Cho nên các khe khắt của Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc Kháng với truyện Kiều cũng là một điểm tranh đấu chính-trị. Vì một khi truyện Kiều đã lọt sang hàng ngũ địch thì còn nói gì tới giá trị nhân bản, khía cạnh nhân đạo... của nó mà nghiêm khắc với chật hẹp. Do đó chúng tôi cho rằng trong cuộc tranh luận này, quan điểm của Ngô-Đức-Kế vẫn là chánh đáng và hữu lý. Hai ông đã nhìn đúng vấn đề văn học bằng cách gán liền văn học với luân lý yêu nước. Tranh đấu cho chính trị yêu nước, là tranh đấu cho văn - học thực sự, vì làm sao còn có thể nói tới văn chương khi nước đã mất và sẽ mất mãi mãi. Vậy không thể coi Ngô-Đức-Kế Huỳnh-Thúc-Kháng như những nhà ..ho *hoàn toàn thủ cựu* như bọn hủ Nho lạc hậu. Hai người là những nhà Nho tiến bộ, kịch-liệt đả-kích khoa-cử và đề-xướng tân học. Cái chánh-học mà hai ông ấy nhắc tới; không phải là cái học «Chu trình chi hồ giả dã», cái học lối «thơ, ca phú, ngâm, nắn một chữ Nho cho hay, dùng những điểm cho lạ, rung đùi lắc gối như lối học ngày xưa,

đã vì thế mà người ngu nước yếu», nhưng là cái học liên quan đến vận nước, hữu ích cho dân tộc nhân loại.

Ngoài ra, cũng nên chú ý nếu Ngô-Đức-Kế là khắc nghiệt thật tại sao cụ chỉ gay gắt với truyện Kiều mà không gay gắt với Hoa-Tiên chẳng hạn, một tác phẩm cũng trình bày những vấn đề luân-lý tương tự : «cũng nửa đêm chạy sang nhà gái, cũng nhảy qua tường», Chỉ vì chuyện Hoa-Tiên không bị chính-trị lợi-dụng, Vậy trong quan-điểm văn-học của Ngô Đức Kế có phần chật hẹp vì những lý do đặc biệt như lòng yêu nước và căm ghét thực dân đã làm cho ông không thể bình tĩnh và vì thế không có thể làm như có người nói : Ông có thể vạch mặt đả-kích việc suy tôn Kiều, đồng thời vẫn có thể nhận định đứng đắng về truyện Kiều, như thế có phải đường lối tranh đấu của ông sáng tỏ và hiệu nghiệm hơn không. Tuy nhiên không phải vì chỗ phải chật hẹp đó mà người ta có thể cho Phạm Quỳnh hơn Ngô-Đức-Kế khi trình bày Phạm Quỳnh như một người có quan điểm văn-học, tiến bộ, khoan dung. Trong những bài nhận định về luân lý và nghệ thuật truyện Kiều, Phạm-Quỳnh chỉ nói lên những lời tán tụng, đề cao suông chứ không phân tích nghiêm chỉnh cái đẹp trong Kiều ở đâu và giá trị luân lý truyện Kiều là thế nào. Nói theo một kiểu hiện đại, đó là một bài tuyên truyền gồm những khẩu hiệu kêu, không phải là bài nghiên cứu, biên khảo khoa-học, dù Phạm-Quỳnh có tự giới thiệu là vận dụng «phép phê-bình khảo-cứu của văn-học Thái tây». Đọc thử một đoạn sau đây của Phạm-Quỳnh, người ta chỉ thấy toàn những lời ca tụng cổ võ, không phải là phân tách văn-học : «Một nước không thể không có quốc hoa, truyện Kiều là quốc hoa của ta. Một nước không thể không có quốc túy,

Truyện Kiều là quốc-túy của ta. Một nước không thể không có quốc-hồn, truyện Kiều là quốc hồn của ta. Truyện Kiều vừa là kinh vừa là truyện, vừa là thánh thư phúc-âm của cả một dân tộc.» Truyện Kiều là cái văn tự của nòi giống Việt Nam ta đã «trước bạ» với non sông đất nước này, một cái hương hoa rất quí báu. đời đời làm vẻ vang cho giống nòi ! !

Thật là lố khi coi truyện Kiều như một thánh-kinh, phúc-âm ! Cả đoạn toàn là những quả quyết vu vơ (affirmations gratuites) không phải là một lý luận mạch lạc ! Phạm Quỳnh không hề chứng minh thế nào là quốc hồn, quốc túy, mà nhất là truyện Kiều là quốc hồn, quốc túy ở chỗ nào. Toàn là những khẩu hiệu. Coi những đoạn như vậy, làm sao có thể coi Phạm Quỳnh như một người đã đưa ra một quan điểm văn học tiến bộ, đã đóng góp vào ngành phê bình văn học bằng những sáng kiến, tư tưởng mới. Sự đề cao truyện Kiều chẳng những không được đặt trong một lập luận mạch lạc mà còn không căn cứ vào sự thật lịch sử.

Về điểm sau, đã rõ vấn đề tồn tại của dân tộc không *thiết yếu* lệ thuộc vào truyện Kiều. Trước khi có truyện Kiều vẫn có dân tộc Việt Nam, tiếng Việt. Truyện Kiều quả đóng góp vào văn chương Việt Nam, nhưng tất cả văn chương Việt Nam không phải chỉ là truyện Kiều. Truyện Kiều có giá trị lớn lao của truyện Kiều, như không phải nó làm nên tiếng Việt Nam (thực ra truyện Kiều đã vay mượn rất nhiều ca dao, tục ngữ). Chính ông Ngô Đức Kế đã vạch rõ sự sai lầm ngô nghê trên trong bài «Chánh cùng tà thuyết» xưng tụng ông Nguyễn Du mà nói rằng : «Nguyễn Du làm mực, làm vẻ vang cho giống nòi». Ông Nguyễn Du dịch truyện Kiều từ đời Gia Long. thế thì từ Gia Long về trước chưa có truyện Kiều, thì nước ta không quốc hoa, không quốc

túy, không quốc hồn ; thế thì cái văn-trị cũ-công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê sáng chói rực rợ đó đều là ở đâu đem đến cho bọn «học thuê viết mướn» ấy mà thôi, thế thì những đại-hào-kiệt, đại huân nghiệp ; cứu dân giúp nước, tái tạo giang-sơn, mở mang bờ cõi cho nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ vang cho nòi giống, không ai đáng kỷ niệm cả, mà chỉ ông văn sĩ làm sách «trăm năm trong cõi» là làm vẻ vang giống nòi, là đáng kỷ niệm thôi ? Giống nòi ta vẻ vang ra thế nào ?»

Luận điệu của ông Phạm Quỳnh vừa là một xuyên tạc lịch sử, vừa là một ngụy biện nhằm một tác dụng chính trị rất tai hại. Ông Quỳnh nói truyện Kiều là quốc hồn quốc túy, truyện Kiều còn tiếng ta còn, nước ta còn, và ông muốn hiểu theo nghĩa truyện Kiều làm nên *tất cả* dân tộc và *tất cả* văn học Việt Nam. Vậy trong hiện tình mất nước, nếu truyện Kiều vẫn còn (chứng cớ là chúng ta thời đó đang được khuyến khích đề cao, thưởng thức truyện Kiều) thì tiếng mất *cũng như* còn, nước đã mất *cũng như* vẫn còn. Cứ còn truyện Kiều là đủ !

Vậy, vấn đề gây dựng «hồn độc lập» như ông Phạm Quỳnh nói, vấn đề tranh đấu độc lập còn nghĩa lý gì khi nước đã mất mà vẫn như còn.



Xác-định lại thái độ.

Thiết tưởng cần phải xét lại trường hợp Phạm Quỳnh trong công-tác biên-soạn văn-học sử, giảng dạy ở nhà trường và xuất bản lại những sách vở của Phạm Quỳnh. Không thể vô tình cứ đề cao Phạm Quỳnh như một «học giả», một «đấng văn-hào» am hiểu cổ

kim Đông Tây, một nhà «chí sĩ» cúc cung tận tụy với quốc-văn, đã có sự nghiệp lớn đối với nền văn học nước nhà.

Trong ý định duyệt lại đó, phải gắn liền con người chính trị với con người làm văn của Phạm Quỳnh mới xác định được một thái độ đứng đắng hợp lý đối với Phạm Quỳnh. Ở đây nêu lên một vấn đề nguyên tắc: trong trường hợp nào có thể tách chính trị rời khỏi văn học và trong trường hợp nào không thể tách? Chúng tôi đề nghị những phân biệt:

Một người hoạt động chính trị:

a) — Trong trường hợp mất nước, cộng tác với địch, làm tay sai cho địch, hay chống lại địch.

b)— Trong trường hợp nước độc - lập, tham dự chính quyền hay chống đối, làm chính-trị đảng phái.

Nhà chính-trị trên có thể làm văn theo đường lối chính-trị của mình hay làm văn không dính líu gì đến sinh hoạt chính trị của mình. Căn cứ vào sự phân biệt trên, có thể quan niệm những trường hợp: một người cộng tác với địch chủ tâm hay không chủ tâm cũng thế, làm văn theo đường lối chính trị cộng tác với địch, hoặc làm văn không dính líu gì tới sinh hoạt chính - trị. Một người yêu nước làm cách mạng, làm văn theo đường lối tranh đấu cách mạng, hoặc có thể làm văn không dính líu gì tới hoạt động chính-trị như để tiêu khiển, thưởng thức nghệ thuật mà thôi. Trong trường hợp I, làm chính trị, làm văn theo xu hướng chính-trị không thể tách chính-trị khỏi văn chương, vì tách ra tức là không hiểu chủ đích viết của tác giả Trong trường hợp II, có thể tách được. Phạm-Quỳnh cũng như Ngô-Đức-Kế đều ở trong trường hợp I.

Chúng tôi dự đoán độc giả sau khi đọc những giòng trên có thể vẫn thắc mắc về điểm sau đây : dã đành không thể phủ nhận con người chính - trị của Phạm-Quỳnh, nhưng dầu sao hầu hết bài vở của ông ta nói riêng và của báo Nam - Phong nói chung đều *thuần túy* văn học và có một giá trị văn-học nào đó. Chứng cớ là bây giờ chúng ta vẫn rất quý và muốn có bộ Nam-Phong, và khi tìm đọc Nam-Phong chúng ta chỉ cần đứng ở quan điểm văn-học vì hầu hết những bài trong đó đều đã được biên soạn với một chủ đích văn-học. Đúng thế, hầu hết của Phạm-Quỳnh cũng như những người cộng tác với Nam-Phong đều được biên soạn sáng tác vì chủ đích văn-học, cho nên khi nghiên cứu riêng từng bài, không cần xét tới quan điểm chính trị làm gì. Nhưng khi chúng tôi nói cần gắn liền con người chính trị với con người văn học của Phạm-Quỳnh chúng tôi muốn nhấn mạnh vào *dự định nền tảng* của việc thành lập tờ Nam-Phong và dự định đó, *thực chất* là chính-trị ; cứ việc văn-học thuần túy nhưng làm trong và khi khảo cứu đừng nói chính-trị. Cần phải, giới thiệu Phạm Quỳnh như là một học giả thực, có khả năng thực trong văn học và nhất là nếu được, có lòng yêu thiết tha quốc-gia càng hay. Khi đã tạo được cái uy tín văn hóa rồi chỉ cần một bài thôi như bài «Khái-luận về văn minh học thuật nước Pháp» (1) nhằm đề cao sự hợp tác với Pháp, biện hộ cho chế độ thuộc địa là đủ, và tất cả công trình nghiên cưu văn-học thuần-túy kia lúc đó sẽ có công dụng nâng đỡ, sẽ là cái thế lực văn hóa cho bài biện hộ trên. Nếu Phạm Quỳnh chỉ là một người vô tài dốt nát hoặc

---

(1) Trong Thượng-Chi-Văn tập I, Tái bản lần I. 1962 trang 66.

là tay sai chính trị lộ liễu quá, ca tụng người Pháp thì ai nghe theo ? Phải là một người có tài thực sự, thông minh và nhất là «có vẻ» yêu nước mà theo Pháp (1), lời nói mới có tác dụng thuyết phục mạnh. Cho nên *ý nghĩa chính trị* sự nghiệp văn-học của Phạm-Quỳnh không phải ở từng bài biên khảo, nhưng ở toàn bộ sự nghiệp của ông ta, nghĩa là ở *dự định nền tảng* sinh thành ra sự nghiệp đó.

Có thể nói người Pháp đã thành công trong dụng ý chính-trị sâu xa đó và chính sự thành công này đã có thể đánh lừa được những người đương thời và cả chúng ta, những độc giả hay những nhà nghiên cứu phê bình văn-học bây giờ bằng cách làm cho chúng ta lầm tưởng rằng dù sao Phạm-Quỳnh vẫn là một nhà văn-học chân chính. Căn cứ vào sự phân biệt ý nghĩa chính trị về toàn thể và ý nghĩa văn học về từng phần chúng tôi cũng muốn nhân tiện đưa ra một vài ý-kiến về những người đã cộng tác với Nam-Phong.

Có những người cộng tác mà không biết nguồn gốc tài chánh, chủ đích chính trị tờ Nam Phong và do đó coi nó như một tạp chí văn học mà thôi. Hoặc có người biết chủ đích chính trị của nó nhưng có thể nghĩ rằng dù sao cũng là một phương tiện, tại sao không lợi dụng để làm văn học thực sự hay hơn nữa làm văn học với một chủ đích chính trị chống lại với chủ đích của sự thành lập tờ báo, cũng như trường hợp các phong trào khác do Pháp khởi xướng như phong trào thanh niên thời Ducoroy chẳng hạn, nhiều người yêu nước cũng

---

(1) Qua những bài bênh vực tiếng mẹ đẻ, chống lại việc dùng tiếng Pháp như bài văn «Văn quốc ngữ» T.C.V T. I, tr 49.

len lỏi vào để hoạt động. Chính vì thế mà về phía chúng ta, tự nói Nam phong là một thành quả tốt, nhưng nên xét về phía người Pháp, biết đâu thành quả đó cũng là 1 lợi điểm của họ : Nếu Nam Phong thất bại mà dư luận lại biết chủ đích chính trị của nó thì sự thất bại đó có tác dụng xấu vào chính sách thuộc địa. Trái lại Nam Phong thành công, có thể tác dụng tốt vào chính sách thuộc địa. Nó chứng tỏ chế độ thuộc địa là tích cực, và thái độ cộng tác với địch là hữu ích cho quốc gia dân tộc. Nhưng đã hẳn sự thành công đó cũng là một nhát búa đánh vào phong trào tranh thủ độc lập như có thể làm thiệt hại tê liệt phong trào đó.

Vậy phải chăng những người cộng tác với Nam Phong vì chủ đích văn - học hay hơn nữa vì chủ đích chính trị yêu nước một khách quan dù ngoài ý muốn cũng là những người cộng tác với địch, chống lại tổ quốc, vì đã góp phần vào việc thực hiện *dự định nền tảng* của việc thành lập Nam-Phong ?

Sự thực không đơn giản như vậy. Khi hai nước tranh chấp còn bị phân cách bằng một làn lửa đạn, hành động cộng tác với địch là một việc tương đối dễ xét xử, kết án. Nhưng khi địch đã ở trong lòng dân tộc, trà trộn với dân chúng ở mọi nơi, trên mọi lãnh vực, họ có thể không cần đến với ta bằng súng đạn, nhưng gặp ta ở ngoài, trong tiệm ăn, trên xe đò, xe hỏa như những thường dân, vậy bắt tay chỉ đường, cùng đi xe có phải cũng là cộng tác với địch ? Người thợ chữa xe cho đồng bào, nhưng cũng phải chữa xe cả cho địch, người làm ruộng cấy lúa nuôi đồng bào nhưng cũng nuôi dưỡng địch, người công chức thi hành những chính sách tổ chức cai trị của địch, nói

vẫn tất cả nước ở trong tình trạng *cộng tác* với địch, phải chăng đều là phản quốc cả sao ? Rõ ràng là không vì họ cộng tác một cách miễn cưỡng, thụ động, ngoài ý muốn của họ. Nhưng trường hợp những người đứng ra tiếp nhận một chính sách của địch và lãnh đạo thi hành chính sách đó, có thể là miễn cưỡng thụ động được không ? Chúng tôi thiết tưởng Phạm-Quỳnh ở trong trường hợp những người đó. Phạm - Quỳnh là người thông minh như vậy không thể không biết chủ đích của người Pháp khi họ giao cho ông làm tờ Nam Phong. Nhưng dù Phạm-Quỳnh chủ tâm hay không chủ tâm theo Pháp, thì như trên đã nói, điều đó vẫn không xóa bỏ được sự kiện cộng tác và những thành quả chính-trị, văn-hóa của sự cộng tác đó. Nếu công nhận Phạm - Quỳnh là người đã cộng tác và làm văn - học trong một chính sách văn-hóa của người Pháp thời đó, không thể không bày tỏ một ý kiến về sự cộng tác của những vị đã viết cho Nam - Phong. Phải chăng những vị đó chưa nhận định nghiêm chỉnh quan hệ văn-học chính-trị ? Giả sử các vị đó tẩy chay Nam-Phong để nó chết, chắc chắn âm mưu của Pháp thất bại. Nhưng sự thất bại đó có thiệt hại cho văn - học không ? Chưa chắc, vì thời thuộc địa, người ta vẫn có thể làm văn học công khai mà không chịu sự chi phối, lãnh-đạo chính-trị của chính quyền bảo hộ, và do đó thay vì đứng về phe Phạm-Quỳnh vì lầm tưởng Phạm Quỳnh có quan điểm văn học tiến bộ chẳng hạn, để đôi bên khi chống đối hiềm khích với những tạp chí khác do các người yêu nước chủ trương, các vị đó ủng hộ những tạp chí kia, có phải sáng suốt và chánh đáng hơn không ? Đã đành là viết trong Nam-Phong cũng như viết trong Hữu-Thanh đều chỉ là làm văn học cả. Nhưng một đàng làm văn-học trong chiến lược của địch, một đàng cũng làm văn-học đó nhưng trong

chiến lược của ta. Tự nó, làm văn-học là tốt, nhưng làm trong chính sách của địch tất nhiên lợi cho địch, hại cho ta ngược lại.

Bây giờ nhìn lại một thời kỳ văn-học đã qua, không thể không nhắc tới Phạm-Quỳnh; nhưng không thể nhắc tới thái độ đề cao vô ý thức. Thái độ của chúng ta bây giờ trong lãnh vực văn-học đối với Phạm-Quỳnh cũng tựa thái độ chung của chúng ta trước những thành tích đáng kể của một thời thực dân như trước một con đường nhựa, một tòa nhà, một công trình kiến trúc. Tự nó, những cái đó có thể là tốt, có giá trị ít hay nhiều không phải vì người Pháp đã làm mà bây giờ ta đã phá bỏ đi. Nhưng cũng không phải giữ lại, để rồi nhiệt thành ca tụng công trình khai phá văn-minh của nước Đại Pháp, như thể là đã không có chế-độ thực-dân đen tối trên đất nước!

Công trình của thực-dân bao giờ cũng nhằm phục vụ cho quyền lợi của họ hay nằm trong một chính sách lợi cho họ, rồi may ra cũng có lợi chút ít cho người thuộc-địa. Làm đường trước hết cho thực-dân đi rồi người thuộc-địa cũng được đi. Phát triển y-tế tiêm trừ dịch cho dân bản xứ, nhưng nếu không tiêm, có dịch thì thực-dân cũng chết. Tất cả những việc làm tự nó tốt, đều có thể bị hạ giá hay mất giá vì *ý hướng* làm. Cũng như trường hợp Phạm-Quỳnh, khi đưa Phạm Quỳnh ra làm văn-hóa, thực-dân không hề chủ tâm có ý mở mang quốc-học như ta mong muốn, nhưng để thực hiện một mưu-mô chính-trị. Thành ra việc làm văn-hóa của Phạm-Quỳnh tự nó có giá trị nào đó cũng đã bị hoen-ố vì phục vụ cho chủ-đích xấu, và riêng với cá-nhân Phạm-Quỳnh, cũng đã làm phương tiện, cầu thang chính-trị của Phạm-Quỳnh. Không biết Phạm-

Quỳnh có chủ tâm hay không chủ tâm cộng tác, nhưng chắc chắn sự nghiệp văn-hóa của Phạm Quỳnh đã là bậc thang chính trị đưa Phạm Quỳnh từ một thầy thông ngôn lên làm đến chức thượng thư triều đình.

Cho nên đối với Phạm-Quỳnh, một mặt phải xét lại giá trị thực sự những công trình biên soạn của ông ta, một mặt phải đặt công trình đó trong dự phóng chính-trị của ông. Theo ý chúng tôi không ai phủ nhận ông Phạm-Quỳnh có công với văn-học nước nhà Nhưng có công là một chuyện, và giá trị thực sự của công lao là một chuyện khác. Chúng ta nghĩ rằng công trình biên khảo của Phạm-Quỳnh tuy rất nhiều về số lượng nhưng tầm thường về mặt giá trị. Phạm Quỳnh có lẽ chỉ là một *dịch giả*, một soạn giả phổ thông, không phải một nhà nghiên cứu sâu sắc đề ra được một quan điểm nào về văn-học hay đưa ra được những ý-kiến, tư tưởng mới lạ (1).

Sự nghiệp nhiều về lượng ít về phẩm đó lại nằm trong một dự-phóng chính-trị càng làm cho nó bị lu mờ mất giá trị. Thời kỳ Đức chiếm đóng Pháp, nhiều nhà văn-học giả đã cộng tác với Đức. Khi giải phóng, họ bị truất phế và kết án như những tên phản bội. Không ai đếm xỉa đến sự nghiệp văn-học của họ, vì một khi con người của họ đã sa đọa, sinh hoạt văn hóa của họ không còn dựa vào đâu để có một ý-nghĩa nhân loại, nhân bản, hay có giá trị nghệ thuật, hoặc giá trị đó có thì cũng bị hoen-ố, như cái áo đẹp bị dính bùn.

Ngày nay khi nhắc tới cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô Đức Kế, chúng ta có điều kiện thuận tiện là

---

(1) Chúng tôi sẽ thẩm định giá trị văn-học và tư tưởng Phạm-Quỳnh trong một dịp khác.

cách quãng về thời gian để nhận định xác đáng hơn. Do đó, chúng ta không thể không đứng về phe với Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, vì các cụ đã tranh đấu cho cái cốt yếu : cứu nước. Nếu mất nước còn nói gì tới văn-học. Chúng ta còn đứng về phe với hai cụ vì quan điểm phê bình của hai cụ lúc đó là một quan điểm văn-hoc chính đáng và một quan điểm luân lý tiến bộ. Quan điểm văn-học chân chính vì trong trường hợp này, không thể tách văn-học ra khỏi chính-trị. Quan điểm luân lý tiến bộ vì tranh đấu cho cái nền tảng của văn chương, cho cái làm cho *có thể* có văn chương đích thực ; nền tảng đó là luân lý yêu nước. Vì thế chúng ta không thể tán thành ý kiến vẫn cho quan điểm phê bình Ngô Đức Kế là quan niệm bảo thủ, vừa lấy văn chương phục vụ luân lý, vừa coi luân lý đó chỉ là thứ luân lý cứng nhắc, hình thức giáo điều của hủ nho. Đã đến lúc phải giải oan cho ai cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, vì còn gì tủi cho bằng việc cả đời làm cách mạng, tranh đấu cho đất nước, cho dân tộc chân chính, mà bị con cháu hiểu lầm kết án là hủ nho, đạo đức hương nguyện, bảo thủ, chật hẹp, cố bám víu vào những vang bóng một thời. Nghĩ như vậy, cho nên ngày nay chúng ta đặt tên Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng cho những con đường các thành phố của chúng ta (ở Saigon thay cho đường Đỗ-Hữu-Vị, một thay đổi có ý nghĩa) bên những đường Phan Đình Phùng, Phan Thanh Giản v.v... và chúng ta đố các cảe nhà làm văn-học vẫn vô tình đề cao sự nghiệp Phạm Quỳnh và khắc khe với Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng tìm thấy con đường nào ở Saigon hay ở bất cứ đâu trên đất nước mang tên Phạm Quỳnh.

❖

PHẢN ỨNG TRONG NAM

A. — MỤC « NÓI HAY ĐỪNG » TRONG TỜ « TỰ DO »

1. — Thử nhận xét quan điểm của Nguyễn-văn-Trung trong vụ án «Truyện Kiều». Đỗ-Lăng (18-10-62)

Nguyễn-văn-Trung không còn xa lạ gì đối với chúng ta : Nguyễn-văn-Trung của mấy quyển sách triết. Nguyễn-văn-Trung của tạp chí Đại Học, Nguyễn-văn-Trung của môn triết học tại Đại học Văn Khoa. Nay chúng ta lại gặp mặt Nggyễn-Văn-Trung trong vụ «án truyện Kiều». Nói đúng hơn, Nguyễn-Văn-Trung không đi sâu vào vụ «án Kiều», mà chỉ phê phán những người trước kia đã từng phê phán truyện Kiều, nghĩa là ông đã đem xử lại những người trước kia đã xử Kiều vậy. «Phiên tòa» này họp tại Quốc-Gia Âm-Nhạc viện, lúc 10 giờ, ngày chúa nhật 7-10 vừa qua. Trong phiên xử đó Nguyễn-Văn-Trung vừa làm quan tòa vừa làm luật-sư cho các bị can. Bị can ở đây là cả hai nhân vật quá-cố Phạm Quỳnh và Ngô Đức Kế, và nhiều đồng lõa hoặc nhân chứng khác như Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Nguyễn Bách Khoa...

Sau phần giới thiệu của ông khoa trưởng trường đại-học Văn-Khoa, Nguyễn-Văn-Trung đã nhập đề bằng cách phác họa lại cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế. Giọng nói hùng hồn đầy nhiệt huyết của Nguyễn-Văn-Trung, một thanh niên, không ! Một giáo sư, đã đưa chúng ta sống lùi lại khoảng thời gian sôi nổi, hào hứng của cuộc bút chiến gay cấn kể trên Phạm-Quỳnh theo phe bênh Kiều, xem truyện Kiều là một loại thánh kinh mà hậu sinh phải thờ phụng, lạy lục hết lòng : «Truyện Kiều còn tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn.» Trái lại, Ngô-Đức-Kế đứng đầu phe đả Kiều, coi truyện Kiều là một thứ tiểu thuyết ướt át ốm yếu, nhu nhược, có đủ những cảnh «leo tường nhảy rào» như tiểu thuyết «hải đồng» vẫn thấy xuất hiện trên vài tờ báo thủ đô này. Sự mâu thuẫn giữa hai con người, hai quan cảm đã đẻ ra một cuộc tranh luận dằng dai. Ta gọi cuộc tranh luận này là «cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế.»

Cuộc tranh luận Quỳnh — Kế làm những người đi sau phải suy nghĩ. Ai phải ai quấy ? Người ta chỉ có quyền lựa chọn một trong hai chiến tuyến nên người ta tự chia làm hai phe chống trả nhau trong một thời gian dài kỷ lục. Nhưng nếu chịu khó nhận xét, ta sẽ thấy dù đả Kiều hay bênh Kiều, cả hai phe đều gặp gỡ nhau ở một điểm : đặt cuộc tranh luận Quỳnh — Kế vào quan điểm văn-học thuần túy. Nghĩa là họ đều đồng ý với nhau rằng bản chất của tranh luận Quỳnh — Kế là văn-học. Và chính từ khía cạnh này Nguyễn Văn Trung đã nêu lên một quan điểm mới mẻ một quan điểm trung tâm cho mọi diễn giải làm cái cốt cho ông minh chứng trong suốt hai tiếng đồng hồ. Quan điểm của ông như thế nào ?

Nguyễn văn Trung long trọng tuyên bố rằng chúng ta không thể nào hiểu bản chất của cuộc tranh luận Quỳnh — Kế là văn học được. Theo ông, bản chất cuộc tranh luận phải là chính trị. Ông nói trắng ra rằng: Chủ tâm của Quỳnh cũng như của Kế, không phải bàn luận suông về văn-học mà chính là họ đã đem văn-học ra để đánh ván cờ chính-trị. Trong cái thời của Quỳnh người ta đều coi Quỳnh là một kẻ «theo Tây», mặc dù Quỳnh vẫn cố công cải chính rằng mình «muốn cứu vãn phần nào một gia tài sắp tan vỡ» hay «muốn học cái hay của địch để đánh lại địch» Vì vậy việc ca tụng truyện Kiều là «quốc-hồn, quốc-túy» trước mắt những người ái quốc như Ngô Đức Kế rút lại chỉ là một lối ru ngủ thanh niên để họ mất nhuệ khí đấu tranh cho dân tộc biểu rõ mánh khóe của Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế — nếu không ông thì sẽ có một kẻ khác — liền viết bài công kích truyện Kiều, tức là công kích ngay đối tượng mà Quỳnh dùng làm bình phong he bộ mặt «theo Tây» của mình. Như vậy, theo Nguyễn-Văn-Trung truyện Kiều chỉ là một «nạn nhân ngẫu nhiên» của một cuộc chạm trán chính-trị. Nếu trước kia Quỳnh lấy Hoa-Tiên, chẳng hạn mà tán tụng, thì chắc chắn Kế sẽ đả kích Hoa Tiên không vị nể. Và nghịch lại, nếu trước kia Quỳnh đả kích Kiều, thì một hiện tượng lạ sẽ xảy ra là Kế sẽ ca tụng truyện Kiều là quốc-hồn, quốc-túy vậy. Bản chất của cuộc tranh luận như vậy, phải hiểu « là chính-trị chứ không phải văn-học ».

Ta phải nghiêng mình trước quan điểm tươi tắn của Nguyễn-Văn-Trung. Nhưng chúng ta vẫn không thể thỏa mãn ở vài điểm, ở những điểm mà Nguyễn-Văn-Trung không thể lướt qua để đưa chúng ta đến quan điểm trên được. Vì muốn thay thế bản chất văn-học trong cuộc tranh luận Quỳnh — Kế bằng bản chất chính

trị Nguyễn-Văn-Trung đã cố ý chứng minh rằng cả hai Quỳnh và Kế đều là con người chính-trị. Ông đã cố gắng trong từng lời nói để minh xác rằng đó là hai kẻ đối thủ chính trị chứ không phải là đối thủ văn nghệ. Theo ông, dù Quỳnh có thực tâm «muốn cứu phần nào một gia tài sắp tan vỡ» hay «muốn học cái hay của địch để đánh địch» thì hoàn cảnh của Quỳnh bắt buộc mọi người khác phải coi Quỳnh là «theo Tây». Sự kiện «theo Tây» ấy của Phạm Quỳnh, theo Nguyễn Văn Trung, đã có và phải có dù chính thâm tâm của Quỳnh không có chăng nữa. Chúng tôi không đồng ý ở lối lý luận này. Chúng tôi xin nêu ra hai điểm :

1.— Nguyễn văn Trung đã bỏ cái thâm tâm chân thật của một con người, để chỉ hiểu con người qua hoàn cảnh. Vậy thì con người chỉ là một sự kiện vật lý hay sao ?

2.— Nguyễn Văn Trung đã tự ý gia nhập vào trận tuyến của những người khác với Quỳnh để tìm hiểu Quỳnh. Như vậy Nguyễn Văn Trung đã đối tượng hóa Quỳnh mất rồi. Ông đã không chịu ném cái tôi của mình vào Quỳnh để hiểu Quỳnh, mà lại đứng bên ngoài Quỳnh để bàn về Quỳnh, như thế chúng tôi e không ổn chăng ?

Nếu Nguyễn Văn Trung chưa giải thích hai vấn đề đặt ra trên, chúng tôi vẫn chưa chịu nhận rằng Phạm Quỳnh đã chỉ «làm chính trị» trong khi tán tụng truyện Kiều. Biết đâu Quỳnh lại chẳng thực sự mang một ý hướng văn nghệ trong cuộc tranh luận. Mong ông Nguyễn Văn Trung giải thích cho. Mong lắm thay !

2.— Thư ngỏ gửi giáo sư Nguyễn Văn Trung. Nguyễn Hòa Phong (19, 20, 21, 23-10-1962).

Thưa giáo-sư,

Trước khi viết bức thư này chúng tôi vẫn còn ngần ngại e dè, đã toan quất ngựa sắt đến tận thư viện để tìm đọc lại các tạp chí : Nam Phong và Đông Dương... hoặc những tập «cours» của giáo-sư để tránh sự «lỗi nhịp» giữa chúng tôi và giáo sư. Nhưng nghĩ lại, như thế có vẻ «hủ học» quá và hơn nữa có lẽ cũng mất tự do, dân chủ gì đó nên cuối cùng chúng tôi đánh bạo viết bức thư này đến giáo-sư và cầu mong giáo sư hãy đứng trên «quan điểm mới» thành thật giải đáp những sơ sót của chúng tôi, của một lớp người chưa được có dịp sưu tầm, nghiên cứu kỹ càng. Trước khi vào câu chuyện chúng tôi thành thật xin giáo sư hãy lượng thứ những khuyết điểm, của chúng tôi...

Thưa giáo sư, khi nhận được tin buổi diễn thuyết của giáo sư trên mặt báo Tự-Do, đầu tiên chúng tôi không hề có dự định đi dự ; nhưng nhầm lại mấy chữ «Văn-hóa và Chính-trị», chúng tôi thấy thấm thía quá : một vấn đề to tát quá, hầu như đã bao gồm hết tất cả mọi «sự việc» lại thêm vào đó «một quan điểm mới» thật là một «miếng mồi» ngon cho lũ mới lớn dạy này. Vì vậy chúng tôi quyết định đi dự. Sáng chủ nhật ngủ quá giấc, nên ngồi trên autobus nhức đầu nên lại phải cuốc bộ hết đường Bonard, kết quả là đến thính đường trễ mấy chục phút. Chúng tôi đến vừa lúc giáo sư đang kể lại những cuộc tranh luận của các cụ hồi xưa.

Thưa giáo sư, vẫn chưa hết những chuyện «bê bối» liếc nhìn vào phòng học của trường Quốc-gia âm-nhạc thấy chiếc dương-cầm không đậy nắp, khoái quá chạy vào lướt tay nhẹ trên các phiếm đàn để ôn lại vì sợ lâu ngày đã lãng quên. Bỗng chiếc máy phóng thanh vang lên giọng khoan khoái hùng biện của giáo sư, chúng tôi đoán chắc là đã đến «pha» gay cấn, nên vội chạy ra đứng lặng lẽ, vòng tay lại chăm chú nghe từng

tiếng một. Đó là đoạn kết, đoạn mà giáo sư bắt đầu «diễn thuyết». Chúng tôi còn nhớ rõ giáo sư nhấn mạnh vào trí thông minh cái «thực tài», sự lợi hại về việc hợp tác với Pháp của Phạm Quỳnh. Rồi giáo sư nhắc lại sự diễn tiến trong cuộc đời Phạm Quỳnh: từ một viên thông ngôn... đã lên đến một vị thượng thư» của triều đình để rồi giáo sư kết luận bằng cách đưa ra một sự việc là Phạm Quỳnh không được đặt tên đường trái với Ngô Đức Kế... đã được sử sách lưu danh quốc-dân ghi nhớ, nghĩa là đã được đặt tên đường. Thưa giáo sư về cái kết luận nông nổi đó của giáo sư tôi «trộm nghĩ» · Công việc của giáo sư vừa làm đã giống công việc của một nhà đại hiền triết Tây phương. Nhưng ở đây giáo sư đã «đưa» từ trên trời xanh xuống tận đất đen... Dù ít tuổi, tôi cũng xin có quyền được nghĩ rằng hiện có khối kẻ xót kỹ ca chẳng có danh văn bằng Phạm Quỳnh mà vẫn được đặt tên đường thì giáo sư bảo sao? Qua những sự cân nhắc của giáo sư đối với công việc làm của Phạm Quỳnh, chúng tôi đoán chắc giáo sư công minh và rộng lượng lắm, nên bạo dạn mà nêu lên những thắc mắc thô thiển sau đây:

Với đề tài: «Văn-học và chính-trị, một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh — Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều». Trong câu chuyện đã được hạn định trong vòng truyện Kiều nhưng vẫn không giảm hết tính chất rộng rãi, to tát... Có lẽ vì chúng tôi đã bị «ám thị» bởi những danh từ «văn-học» «chính-trị» «quan điểm mới» nên đã có những ý tưởng ngộ nghĩnh như sau:

Đối với giáo-sư — Mới và Cũ — Chính-trị ma không chính-trị — Văn-học mà không văn-học. Chúng tôi thiết nghĩ có lẽ cái «Mới» của giáo sư là sự không đặt tên

đường Phạm Quỳnh chứ còn việc bài bác, nguyền rủa Phạm Quỳnh thì trước giáo sư đã có rất nhiều rồi. Theo chính giáo sư thì : nào là cụ Ngô-Đức-Kế, cụ Huỳnh-Thúc-Kháng vân vân... Như vậy «quan điểm mới» là như thế nào ? Chúng tôi đành phải chịu thua trước danh từ vậy. Giáo sư đã dày công kết tội Phạm-Quỳnh. Nhưng chúng tôi thiển nghĩ giáo sư chỉ là một vị quan tòa «quá» «bé bỏng» của một vụ án hồi tiền cách mạng (1945). Giáo sư cho Phạm Quỳnh là tên mật thám «chó săn» cũng vẫn chưa bằng Minh-Tranh (một sử gia Việt cộng) đã cho Phạm Quỳnh là một trong «Hai tên đại Việt gian »

Theo thường ý của chúng tôi : Một giáo sư nhất là một giáo sư triết học không phải là những «thợ vẽ» hay «thợ câu». Cái mới của giáo sư phải là «thật mới» mới lắm, mới tinh và ý tưởng, quan điểm của giáo sư là phải là «thực sự» của giáo sư, của một thế hệ, một thời đại gì đó mới phải !

— Chính-trị mà không chính-trị — co lẽ «cái mới» của giáo sư ở đây là sự tương quan, hỗ trợ giữa văn học và chính trị. Nghĩa là theo giáo sư thì Phạm-Quỳnh nhờ theo Marty được lập ra tờ Nam-Phong để đầu độc tinh thần dân Việt mà được làm quan to, làm đến thượng thư bộ lại...Sự tương quan ấy, thưa cụ Khoa trưởng nhà ta có phải chính cụ đã gợi lên, đã nêu ra từ lúc «xửa xưa» nào đó trong «Văn-hóa và cách-mệnh» kia rồi ?

Có lẽ giáo sư lại cho rằng : cái «Mới nêu lên gợi lên cũng chưa đúng cái độ «Mới» và phải thực hành «cái mới» ấy. Chúng tôi đang nóng lòng chờ xem sự thực hành «quan điểm Mới» của giáo sư ra sao. Buộc tội Phạm Quỳnh về chính trị, dầu muốn dầu không, giáo sư cũng *đã có tham vọng làm một viên quan tòa của vụ án*

1945. Theo chúng tôi, «nếu đủ khả năng» thì tốt hơn hết giáo sư hãy buộc tội những kẻ đã giết Phạm Quỳnh. Nếu không với dụng ý nhắc lại cuộc đời của Phạm Quỳnh với chức thượng thư bộ lại, giáo sư *đã ngầm «khai chiến» với cả một lớp quan trường, một tầng lớp xôi thịt» «rù rù» hiện giờ đã khuất hay vẫn còn sống sờ sờ ra đó.* Ý tưởng của giáo sư to tát thật, có lẽ từ đây giáo sư sẽ thấy «mạnh dạn» và lên cân nhiều hơn... Hay là giáo sư muốn thanh minh cho cái lớp người hồi ấy bị gọi là «Hủ nho»? Nếu thế cũng không «Mới» gì lắm vì đã có: Đông-Kinh Nghĩa-Thục phong-trào Đông-Du, báo Tiếng-Dân và biết bao nhà Nho cách-mạng khác...

Nhìn vào thời đại của Phạm-Quỳnh thời đại của cuộc tranh luận truyện Kiều hậu sinh chúng tôi thấy qua bao thất bại chồng chất, các cụ đã nhận rõ cuộc phấn đấu của dân tộc Việt Nam phải đòi hỏi ở thời gian phải mềm dẻo bền bỉ lâu dài... với những chủ trương giai đoạn: Pháp Việt đề huề, Đông Du, với những mối tin tưởng: «Ngô bất thành vọng chi ngô tử: ngô tử bất thành vọng chi ngô tôn...» Yếu tố thời gian và tiến bộ đã bắt đầu xâm nhập vào trận doanh đấu tranh chính-trị của dân tộc Việt Nam từ thời ấy.

Bây giờ, xét về tài lực của Phạm-Quỳnh, theo giáo sư: thì từ một viên thông ngôn đã đến chức vị một thượng thư bộ lại. Như vậy có lẽ Phạm Quỳnh cũng đã có tài thao lược lắm rồi đấy. Nhưng còn suốt một thời gian tại chức thượng thư của Phạm Quỳnh giáo sư đã xét kỹ hành động và tư tưởng của Phạm trong lúc ấy chưa? Hoàn cảnh tạo anh hùng và hoàn cảnh cũng có thể thúc đẩy cho những hạng người để phơi bày dã tâm thấp hèn của họ. Nghĩa là tại chức vị thượng-thư bộ-lại mà giáo sư cho là tuyệt đỉnh,

nếu Phạm Quỳnh cũng cho là nhất hạng rồi thì chính nơi chức vị ấy sẽ thể hiện những dã tâm đê-hèn, bóc-lột nịnh bợ của Phạm Quỳnh. Còn nếu nơi đây không phải là chốn tuyệt đỉnh của Phạm Quỳnh thì đó chỉ là một phương tiện để tiến lên để biểu dương ý-chí.

Tiến lên trong một hoàn cảnh mà cuộc đấu tranh cần phải bền bỉ, uyển chuyển như các cụ đã nhận định. Một người có chút ít tài thao lược, «biết học» và «biết làm» như Phạm Quỳnh lại thêm những lần Pháp du, đã từng ca ngợi thành Paris, một người như vậy lẽ đâu không có một mảy may gì về nhận định thực trạng của các nước hậu tiến ?... Nhìn vào Phạm Quỳnh bên những thực trạng đó chúng tôi có thể đặt nghi vấn rằng : bên trong Phạm Quỳnh đã âm thầm mang một bảng điều trần như của Nguyễn Trường Tộ chăng ?

Nỗi éo le của Phạm Quỳnh là không được có sẵn sức học rộng rãi, không có những giải khôi nguyên những xiêm áo tiến-sĩ cử-nhân, không có sẵn những phương tiện, những khả năng để mà nói, để mà làm... như các cụ Cường Để, Phan Bội Châu...

Trên đường lập thân, Phạm Quỳnh vừa là một người thợ nề xây cất vừa là một tiểu công cung cấp vật liệu...

Căn cứ vào hoàn cảnh éo le đó và vào khoảng thời gian tại chức thượng-thư mà giáo-sư chưa xét đến của Phạm Quỳnh, chúng tôi đặt giả thuyết «có thể Phạm Quỳnh là một *«vị gián điệp» bậc nhất của dân tộc Việt-Nam ở trong hàng ngũ địch là thực dân Pháp* — Phạm-Quỳnh đang ngấm ngầm chuẩn bị một cuộc nội phản. Những thắc mắc, giả thuyết «tâm lý chính trị» tế nhị ấy chúng tôi thiết tha mong được giáo sư giảng giải tường tận *bằng những sự kiện lịch sử, bằng những công việc thực tế.* Theo chúng tôi nghĩ cuộc đời của Phạm-Quỳnh đã gặp

từ *cái éo le này qua cái éo le khác.* Mới trên 50 tuổi đầu đã phải là lúc chấm dứt «cuộc đời chính trị» ? Đúng ra thì tuổi ấy mới là thời kỳ đủ khả năng bước lên đường chính trị mà thôi. Thế mà Phạm Quỳnh đã phải rơi đầu... Phạm Quỳnh đã âm thầm ngã gục đã nuốt tủi hờn trước những lời buộc tội quá dễ dãi đầy gian ý của bè lũ Cộng Sản cũng như bao kẻ hoạt đầu lưu manh khác.

Buộc tội Phạm Quỳnh về chính trị, chấp nhận bản án 1945, thưa giáo sư, theo ngụ ý của chúng tôi là không thể được. Bước đường chính-trị của Phạm Quỳnh trong lúc «nửa chừng xuân»... không hiểu vì Việt Cộng «sợ» hay «ghét» Phạm Quỳnh mà giết ông quá sớm, khác với những tên đại Việt gian khác được dung túng, tha thứ... Phạm Quỳnh đã chết sớm, cả thời gian trên 50 năm của cuộc đời ấy có thể biện minh cho hành động của Phạm Quỳnh. Chúng ta không thể căn cứ vào chức vị thượng - thư bộ-lại mà buộc tội Phạm Quỳnh một cách «bốc đồng» như vậy. Phạm Quỳnh khác với mọi tên mật thám, mọi trí thức lưu manh... đã sống nhờ thực dân Phong-kiến và chết vì thực dân Phong kiến. Ở đây Phạm-Quỳnh đã *sống nhờ «văn-học» mà lại chết vì Cộng sản* «lưu manh».

Tâm lý về chính-trị có lẽ éo le lắm và phải rất éo le như thế. Hẳn cái thứ chính-trị không phải nói một thì làm một, nói hai thì phải làm hai... Giá như Phạm Quỳnh vị thượng-thư bộ-lại ấy mà còn *sống sót đến ngày nay* thì có lẽ cả thời gian ấy tha hồ đủ để biện minh cho mọi hành động trở về trước, như mọi người khác của thời đại đó còn sống rơi rớt lại. Với giọng nói chế riễu, với nụ cười mỉa mai, giáo sư đã nhắm tấn công vào : «từ một viên thông ngôn... đến chức vị thượng-thư bộ - lại... về điểm đó chắc giáo sư đã thuộc lòng

tiểu sử các vị quốc-trưởng, chủ-tịch, lãnh-tụ đã từ một tên thợ nguội, thợ giày, bồi tàu vì đã trót đi làm «chính trị» nên phải *gian hùng* hơn Phạm-Quỳnh nhiều.

Chắc giáo sư đã chạnh nghĩ đến câu chuyện Câu Tiễn nước Việt xưa. Nếu chúng ta có mặt trong cung điện của Ngô-Phù-Sai thì tha hồ cho thầy trò chúng ta bài bác. Ấy một đấng quân vương mà còn như thế huống chi đây chỉ là một tên thông ngôn vô danh tiểu tốt trong tay không một chút lực lượng. Tom lại : nếu buộc tội Phạm-Quỳnh về chính trị một cách «võ đoán» như vậy tức là không thể nào vượt qua khỏi bản án 1945 của tòa án Việt-Minh do Trần-Huy-Liệu ngồi ghế chánh án trước giáo sư ngót 20 năm rồi. Và còn điểm này lại là phần khoa học nữa : Xét *hành động trong khi chưa thấu triệt cứu cánh, chưa tường tận tâm lý*. Và đây là phần thầy trò chúng ta hãy thỏ thẻ giải đáp những câu hỏi : — Phạm-Quỳnh bị giết và kết tội năm nào ? ; — Năm 1945 ! — Do ai giết ? — Do Cộng sản «manh tâm» ! Từng ấy sự việc, trong hiện tình này, giáo sư nhắc lại tội trạng của Phạm Quỳnh thì chắc là giáo sư cũng đã lượng trước được hiệu quả của lời kết án của giáo sư và một khi đã đề cập đến chính-trị ắt hẳn giáo sư phải nghĩ đến hiệu quả ấy.

Chúng tôi muốn nhắc lại một lần nữa rằng chúng ta không nên vơ đủa cả nắm, ghép Phạm Quỳnh vào chung một loại với lũ Việt gian lưu manh đã sống nhờ Thực-Dân Phong-Kiến và đã «chết vì Thực-dân Phong-Kiến». Cuộc đời chính trị của Phạm Quỳnh là một cuộc đời chính trị «nửa đời nửa đoạn» *hoàn cảnh éo le* của Phạm Quỳnh không cho phép chúng ta lượng được mục đích của Phạm Quỳnh, nhất là trong hiện tình này chúng ta không nên nhắc lại một vụ án xửa xưa làm

gì. Đó chính là điểm mà chúng tôi đã trộm cho rằng giáo sư không mấy «chính-trị».



Văn-học mà không văn-học. Một điều hiển nhiên mà mọi người đi dự buổi «diễn thuyết» đều phải công nhận, đó là giáo sư *đã kết tội đã bài bác Phạm-Quỳnh*. Như vậy giáo sư đã đứng trên «quan điểm mới» nào để buộc tội ? Văn-học hay chính-trị ? Hay là quan điểm «ba phải», «góp gió» ? Hay là giáo sư muốn chiết trung, trung lập, một thực thể thứ ba khó mà «tồn tại vĩnh viễn» được... Giáo sư đã nhắc lại những lời bài bác của các cụ ngày xưa về câu nói của Phạm Quỳnh : Truyện Kiều là quốc-hồn quốc-túy... là Thánh kinh là Phúc-âm... gì đó ? nhắc lại với một thái độ thích thú... Nhưng, thưa giáo sư, ngày xưa, khi bài bác câu nói ấy, các cụ đã khéo léo loại ra những lời lẽ đao to búa lớn mà ngày nay giáo sư đã dùng. Các cụ đã thẳng thắn tự xưng là những nhà chính-trị, những nhà đạo đức để bài bác. Chứ không như giáo sư đứng trên bình diện tổng quát, vĩ đại : «Văn-học và chính-trị» để bài bác. Theo thiển ý, nếu trên bình diện văn-học và chính-trị thì «Quốc-hồn. quốc-túy» là một thực trạng của văn-học. Còn : Truyện Kiều là Thánh kinh là Phúc âm... gì đó... lại là những ngôn ngữ của «chính-trị thủ đoạn» đấy. Như vậy, có lẽ giáo sư đã tựa vào một cái đỉnh hai chân. Tiếc thay ! hai chân ấy đã mục gãy rồi mà giáo sư không... Vả lại trên bình diện văn-học một cuộc tranh luận về truyện Kiều đâu đã đủ để kết tội Phạm Quỳnh.

Bây giờ chúng tôi xin hỏi lại giáo sư một cách dứt khoát : Giáo sư có phục Nguyễn Du qua tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh hay không ? Hình như (vì

không đọc lại sách) hồi ấy Phạm Quỳnh ca ngợi toàn thể truyện Kiều chứ không riêng nhân vật Thúy Kiều như một vài «thi sĩ Việt gian» khác đã gạt ra ngoài cái phần nghệ thuật, cái phần mà các cụ ngày xưa cũng như giáo sư, năm 1962 này viện lẽ rằng: «Trong lúc quốc vận nhiễu nhương không nên nén nói chuyện tào lao». Sang đến phần tư tưởng và hành động của nàng Kiều trong truyện Kiều, phần mà giáo sư đã tập trung mọi mũi dùi vào, chúng tôi muốn nhắc lại quan điểm của chúng tôi: đường lối tranh đấu của các cụ ngày xưa chưa phải là hoàn toàn hay, hoàn toàn thích hợp Xã hội Việt Nam chúng ta từ ngày lập quốc đến lúc xảy ra cuộc tranh luận truyện Kiều hẳn không có một thay đổi nào để biến cải hoàn toàn cơ cấu chế độ... Mà thưa giáo sư, truyện Kiều có phản ảnh trung thực cái chế độ ấy không? Nếu đã phản ảnh trung thực thì giáo sư đã chắc chắn lẽ hiểu hết thâm ý cùng những uẩn khúc éo le của nhà văn-học và chính-trị Phạm Quỳnh khi ca ngợi truyện Kiều chưa? (Xin giáo sư đừng viện lẽ nhân vật Thúy Kiều đóng vai chính nên chỉ xét truyện Kiều qua vai chính mà thôi).

Bức thư đến đây cũng đã dài lắm rồi, chắc giáo sư không có thì giờ mà quan tâm đến. Nhưng người xưa hình như có nói «làm chính-trị sai thì hại một nước, làm văn-hóa sai thì hại cả muôn đời»... ở đây giáo sư đã nói đến văn-học và chính-trị, vậy nếu lời nói của giáo sư đã tạo cho chúng tôi những ý nghĩ sai lầm thì sự sai lầm ấy biết đến bao giờ xóa cho hết được? Vậy kính xin giáo sư hãy vui lòng chiếu cố đến những thắc mắc này của chúng tôi.

Tràng pháo tay vừa tiễn giáo sư ra khỏi diễn đàn thì máy phóng thanh đã vang lên giọng cụ Khoa-trưởng ngâm bài thơ vịnh Thúy-Kiều của Nguyễn-Công-Trứ.

Thì ra giáo sư và cụ Khoa-Trưởng hôm nay đã rắp tâm «xử tử» cô Kiều. Than ôi ! thật là oái oăm thay cho cô gái họ Vương ấy, đúng như câu :

Hồng quân với khách hồng quần

Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha

Nhưng về sau cụ Khoa-trưởng, với cái «truyền thống dân tộc» mà cụ hằng thiết tha nêu ra từ lúc mở đầu cuộc diễn thuyết, chẳng biết việc bài bác truyện Kiều và nàng Kiều như thế có nên không ? Nguyễn-Công-Trứ chỉ chê nàng Kiều trong có mấy vần thơ, còn đây là một vấn đề «văn-học và chính-trị» theo một «quan điểm mới» nữa kia. Việc cụ theo gót Nguyễn-Công-Trứ để chế riễu Vương-Thúy-Kiều khiến chúng cháu lại mang máng nhớ đến câu : «cái thứ Cộng sản ấy chúng có thương gì những hành vi cử chỉ của bọn người mà họ cho là tiểu tư sản, là ủy mị, dĩ thõa ? Trong tác phẩm «người Sô-Viết chúng ta» (bản dịch của Nam Trâm) có kể chuyện rằng trong lúc toàn thể dân Nga đang quằn quại dưới gót giày quân Đức chiếm đóng thì nàng Bạch Hoa nhõng nhảnh trong những bộ quần áo diêm dúa bên chiếc dương cầm, trong cảnh lộng lẫy xa hoa đã ngang nhiên sánh vai cùng những sĩ quan Đức thế mà nàng vẫn được ca ngợi... Có lẽ vì nàng Bạch-Hoa đã có tài sống dai để biện minh cho những hành động ấy. Trở lại truyện Kiều với vấn đề «văn-học và chính-trị» trên «qnan điểm mới» chúng tôi phải trân trọng ghi ơn Nguyễn-Du đã có công phơi bày đầy đủ những thực trạng thối nát bỉ ổi của chế độ phong kiến trong tác phẩm Đoạn Trường Tân-Thanh. Cũng trên «quan điểm mới» trong lúc có cuộc tranh luận về truyện Kiều bè lũ Phong-kiến thối nát đang cấu kết với thực dân để đè đầu bóp cổ dân tộc Việt. Nàng Kiều chỉ là một nạn nhân của chế độ

Phong-Kiến. Ngay đến cái tính «tà dâm» mà cụ Nguyễn Công-Trứ và cụ Khoa-trưởng dè bỉu bài bác cũng chỉ là «sản phẩm» của chế độ Phong-Kiến. Thúy-Kiều không «tà dâm» sao được trong lúc chính Nguyễn-Công Trứ còn thích lấy nhiều vợ, còn «chín tầng Thiên-Tử đội lên trên...» Vậy trên phương diện văn-học và chính trị chúng ta có cần gì buộc tội một con đĩ, huống hồ con đĩ đây hãy còn có chút ít lương tâm kia đấy. Hơn nữa, chúng ta đang đứng trên quan điểm «con người» quan điểm «Nhân bản» hoặc «Nhân vị» gì đó thì chúng ta lại cần cực lực bênh vực và giải thoát cho nàng Kiều và phải khắt khe buộc tội cả một lũ người «trí thức lưu manh hèn nhát» như Kim-Trọng, Thúc-Sinh... những lớp nhờ vào một con đĩ mà giữ vững ghế Công hầu như Hồ-Tôn-Hiến, những loại người xây mộng bá vương như Từ-Hải và rất nhiều... nghĩa là cả một chế độ Phong-kiến thối nát. Có lẽ chúng ta phải nhận rằng «về chính-trị truyện Kiều đã tiến quá sớm đối với thực trạng của chính trường Việt-Nam và truyện Kiều bên trong đã ngầm chứa một sức phản Phong-kiến mạnh mẽ và hiệu quả vô cùng !

Thưa giáo sư, giáo sư có chắc chắn rằng khi nhà «văn-học chính-trị» Phạm Quỳnh ca ngợi truyện Kiều ông ta đã không có thâm ý ấy sao ???

Truyện Kiều là một sản phẩm văn chương có giá trị nghệ thuật vững chãi nên sẽ tồn tại được lâu dài. Bên trong truyện Kiều còn có một sức phản Phong-kiến mãnh liệt. Nếu biết cách xử dụng sẽ là một lợi khí vô cùng hiệu quả cho những cuộc cải cách... Bất cứ trong một thời điểm nào, trong một chế độ nào, còn dày xéo lên giá trị con người thì truyện Kiều còn có hiệu lực chống đối. Nếu chúng ta khéo biết cách xử dụng...

Chúng ta cũng không trách cứ các cụ ngày xưa về đường lối đấu tranh làm gì.

Thêm vào đó cuộc tranh luận truyện Kiều cho chúng ta thấy các cụ ngày xưa đã khiếp nhược trước kẻ thù, nghĩa là không «tri kỷ, tri bỉ», cứ khăng khăng cho rằng mọi cái gì của kẻ thù đưa ra đều là có hại cho ta, các cụ làm chính trị mà không hiểu thế nào là «trăm phương ngàn kế», như vậy tránh sao khỏi những trận thua liểng-xiểng hồi ấy ? Sự việc đã qua dân tộc cũng như các nhà trí thức Việt-Nam đã không thiết nhắc lại làm gì. Đáng tiếc là một người tự xưng là có «quan điểm mới», là con người «văn-học và chính-trị» lại đi *gợi lên ý tưởng cũ rích như thế*. Theo ngụ ý chúng tôi cái sự sai lầm của các ngày xưa để rớt lại cho giáo sư nằm trong định kiến cho rằng người Pháp đã dùng giá trị nghệ thuật của truyện Kiều để mê hoặc dân ta. Sự thật nghệ thuật khi đã qua con mắt của loài người thì khó mà đứng biệt lập được. Nhưng ở đây nói đến truyện Kiều là nói đến vấn đề chính-trị nói đến một cuộc cách mạng chống Phong-kiến. Giáo-sư lại nhắc lại «Pháp đã thành công trong việc đầu độc dân ta» nhưng sự thật một cuộc tranh luận không đủ để đưa đến sự thành công của người Pháp đâu.

Còn cụ khoa - trưởng, chắc cụ đã quen cái tính «lẩm cẩm» với các cháu ở giảng đường phân-khoa rồi cho nên giữa lúc người ta đang gào đang thét lên những khẩu hiệu «cương quyết chống Cộng» «bài Phong-kiến bóc lột» «diệt thực dân reo rắt tàn phá» thì cụ lại lẩm cẩm nêu lên vấn đề «văn-hóa chính-trị» để nhắc lại vụ án Phạm Quỳnh để rồi bắt tay với cụ Nguyễn-Công Trứ mà sỉ vả Thúy Kiều, một nạn nhân của chế độ phong-kiến, một cái hố chứa đầy ô-uế, tội lỗi mà hiện nay nhân dân Việt Nam đang rùng mình ghê tởm. Nhắc

lại là cuộc tranh luận về truyện Kiều trong khuôn khổ của chế độ Phong-kiến bên áp lực của thực dân những chính khách tân tiến (nghĩa là không theo lối tiết-tháo của Nho gia) không nói lên được nỗi lòng của mình giờ đã lỗi thời rồi không nên *nhai lại* làm chi, nhất là trong *tình trạng khẩn cấp* này...

3.— Nhân buổi diễn-thuyết của ông Nguyễn-văn-Trung, Tân-văn-Hòng 24-10-1962.

Chúng tôi có đến nghe ông Nguyễn-Văn-Trung, giáo sư Triết học và Văn học trường Đại học Văn - Khoa Saigon diễn thuyết tại trường Quốc Gia Âm-nhạc hồi 10 giờ ngày chúa nhật 6-10-1962 với đề tài : «Chính-trị và Văn-học. Một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh—Ngô-đức-Kế qua truyện Kiều».

Có nhiều tờ báo đã tường thuật buổi diễn thuyết này rồi nên ở đây chúng tôi mạn phép không nhắc lại nội dung bài đó nữa để khỏi mất thì giờ quý vị độc giả.

Chúng tôi không giáo đầu dông dài khách sáo làm chi và xin trình bày ngay ý kiến thô thiển như sau :

Theo chỗ hiểu rất nông cạn của chúng tôi thì không chắc Ngô-Đức-Kế đã đả kích truyện Kiều là đả kích cái *chủ trương chánh trị của Phạm Quỳnh như ông Nguyễn-Văn-Trung đã nhận định*. Nếu Phạm Quỳnh có chủ định dùng cơ quan ngôn luận làm liều thuốc ru ngủ khiến cho quốc dân quên ý chí đối kháng thì tất nhiên cái chủ định đó có từ khi Louis Marty giao cho ông chủ trương biên tập tạp-chí Nam-Phong vào năm 1917. Và lúc viết bài «Nghiên cứu truyện Kiều» (1) trên Nam

(1) Nam-Phong số 30 Décembre 1919 tranh 480.

Phong năm 1919 chắc chắn ông đã có cái chủ định đó rồi. Viết bài này Phạm Quỳnh đã cực tán truyện Kiều về mọi mặt: tác giả, văn chương, nhân vật, luân lý, tâm lý... Ông cho rằng: «có lẽ không văn chương nào có quyền truyện bộ thơ mà phổ cập bằng truyện Kiều ở nước Nam ta» (1), «trước truyện Kiều không có sách gì hay bằng truyện Kiều mà sau truyện Kiều cũng không có sách gì hay hơn truyện Kiều nữa» (2) «phong tình mà tiết nghĩa, cả cái tâm lý cô Kiều là gồm trong 4 chữ ấy» (3).

Sau khi Phạm Quỳnh viết bài trên 3 năm, Vũ-đình-Long (4), Nguyễn-tường-Tam (5), Trần-trọng-Kim (6) lần lượt cực tán truyện Kiều, bàn rộng những điểm mà Phạm Quỳnh đã đề cập trong bài của ông (1919) trên Nam-Phong, Ngô-Đức-Kế không đả kích Phạm Quỳnh và truyện Kiều ngay để đập tan từ buổi đầu cái chủ định *sâu độc về chính trị của Phạm Quỳnh mà mãi 5 năm về sau trên báo Hữu Thanh số 21 ngày 1-9-1924 cụ mới viết bài* «Luận về chánh học cùng tà-thuyết. Quốc Văn, Kim-Vân-Kiều, Nguyễn Du»? Theo thiển ý, Ngô-Đức-Kế không viết bài công kích Phạm Quỳnh ngay vì ~~có lẽ cụ cho là một bài báo không ảnh hưởng sâu rộng~~ trong quốc dân bao nhiêu. Khi cụ nhận thấy ngoài Phạm

---

(1) P.Q. Thượng Chi Văn Tập III, 1962 trang 80.

(2) P.Q. TCVT III, 1962, trang 81.

(3) P.Q. TCVT III, 1962, trang 127.

(4) Nam-Phong số 68, 69, 70, 81, 83, 85, 87, 1923 — 1924.

(5) Nam-Phong, bài «Mấy lời bình luận về văn chương truyện Kiều» số 79 Janvier 1924 p.30-37.

(6) Bài diễn thuyết nhân lễ kỷ niệm Tiên Điền Nguyễn Du (1924).

Quỳnh còn nhiều người viết bài tán dương truyện Kiều thái quá nhứt là về phương diện luân lý nên phải lên tiếng. Không những Ngô-Đức-Kế đả kích Phạm Quỳnh mà đả kích cả Vũ-Đình-Long, Nguyễn-Tường-Tam, Trần-Trọng-Kim v.v..., những người mà ông Nguyễn Văn Trung cho là không thể xếp vào phái Phạm Quỳnh được vì họ làm văn hóa thuần túy và không bị Ngô-Đức-Kế chỉ trích. Chính Ngô-Đức Kế đã viết: «Một anh giả dối lóp-lép đứng đầu sùng bái Kiều, mà một bọn u-mê hờ hững gào hơi ráng sức để họa theo; còn một lớp chỉ nghe lóm nhìn mồm thì vỗ tay tán thưởng, khiến người bịt tai bưng mũi phải nhức đầu long óc vì tiếng to: «Quốc Văn! Kim-Vân-Kiều! Nguyễn-Du!». (1).

«Bọn u-mê» mà Ngô-đức-Kế ám chỉ không nói ra ai cũng biết rồi. Nhưng thử hỏi các ông Vũ-đình-Long, Nguyễn-tường-Tam, Trần-trọng-Kim v.v... khi bình phẩm tán dương Truyện Kiều có chủ định chính trị thầm kín như chủ định mà ông Nguyễn-Văn-Trung gán cho Phạm-Quỳnh không? Hẳn là không. Chúng tôi không biết ông Nguyễn-Văn-Trung có tài liệu gì về vấn đề này không. Phần chúng tôi, chúng tôi chưa nghe thấy ai công kích đứng đắn về hoạt động chánh trị của 3 ông Vũ-Đình-Long (2), Nguyễn-Tường-Tam, và Trần-Trọng-Kim trước năm 1945.

Như vậy quan điểm của ông Nguyễn-Văn-Trung theo đó Phạm Quỳnh «làm văn-học để người ta quên chính-trị» không được vững lắm.

---

(1) Kim-Vân-Kiều dưới mắt 2 cụ Ngô-Đức-Kế và Huỳnh-Thúc-Kháng, Anh Minh xuất bản Huế 1958, trang 12.

(2) Vũ-Đình-Long đã bị Việt-Cộng loại hẳn vì không chịu làm bồi bút. Vũ-Ngọc-Phan, Nhà Văn Hiện đại. Thăng Long, Saigon 1960, p. 23 (lời nhà xuất bản).

Có thể nói cách giản dị Ngô-Đức-Kế là một nhà chánh-trị uyên thâm Nho học. Cụ phê bình nghiệt ngã truyện Kiều vì tấm lòng ái-quốc thúc đẩy. Cụ nhắm Phạm Quỳnh nhiều là vì *Phạm Quỳnh đứng đầu việc phê bình sùng mộ truyện Kiều chớ không phải vì Phạm Quỳnh có xu hướng chánh-trị khi phê bình văn chương.* Nếu một người nào khác đứng đầu việc này vẫn bị Ngô-Đức-Kế đả kích như thường dù người đó có chủ định chánh trị xấu hay không.

Còn Phạm Quỳnh, khi phê bình truyện Kiều, ông lấy con mắt *của nhà nghệ sĩ để nhìn một tác phẩm nghệ thuật.*

Vì cảm hứng mạnh trong khi đọc nên Phạm-Quỳnh đã cực tán truyện Kiều như thế. Có thể nói đó là lời phê bình ấn tượng chủ quan. Cái thâm ý chánh-trị dầu có thật đi nữa cũng không thể đem ghép liền với việc phê bình văn-học được. Chúng tôi thiết tưởng văn học thuần-túy có thể vẫn đứng ngoài chánh-trị được như thường. Huống chi con người đâu phải chỉ có một bản ngã.

Còn như việc diễn giả cho cho rằng Phạm-Quỳnh đi vào văn-học với cái *ý định xấu do đó sự nghiệp văn học* của ông không đáng kể, chúng tôi nhận thấy sự phê phán của diễn giả hơi vội vàng và quá đáng. Chúng tôi trộm nghĩ dù cho nhận định của ông Nguyễn-Văn-Trung có đúng đi nữa, cũng không thể chỉ bằng cứ vào một cuộc tranh luận về truyện Kiều mà *phủ nhận một cách vội vàng sự nghiệp văn-học cho cả một đời của Phạm-Quỳnh.* Ông Nguyễn-văn-Trung có biết chăng từ năm 1917 là năm Phạm-Quỳnh chủ trương tạp chí Nam Phong cho đến năm 1932 là năm Phạm-Quỳnh *được vời vào Huế* tham chính, trong vòng 15 năm dài đó Phạm Quỳnh đã hoạt động văn-hóa không ngừng? Đó là

chưa kể khoảng thời gian Phạm Quỳnh cộng tác với Đông Dương tạp chí trước năm 1917. Không lẽ lúc Phạm Quỳnh dịch một tác phẩm ngoại quốc nào ra quốc-văn, sáng tác một văn phẩm nào, viết một bài nghiên cứu hay bình luận văn-học nào ông cũng mặc một bộ áo chính-trị xấu, xa hết hay sao?

Khi phẩm bình về thái độ, tâm sự thầm kín, nỗi éo-le u-ất của một người đã khuất không bao giờ trả lời cho mình được, chúng tôi thiết tưởng cần phải thận trọng. Nhiều người muốn làm một cái gì mới lạ khác thiên hạ. Điều đó không đáng trách. Nhưng muốn tự làm nổi bật mà vô tình hay hữu ý phủ phận công trình của người xưa thì không được vì cứu cánh không thể biện minh cho phương tiện xấu trên phần đất Tự-Do này.

4.— Vài ý kiến về quan điểm phê bình mới của ông Nguyễn-Văn-Trung. Song-Thai 3, 4, 6/11/1962

Kẻ viết bài này xin tự giới thiệu là một Người đọc trung thành của tác giả các tập «Nhận định», «Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết» và những loạt bài biên khảo đăng tải ở tạp chí Đại-học Thế-kỷ hai mươi, Sáng Tạo, Bách Khoa trong những năm tháng gần đây. Cũng cần nói thêm rằng trong một bài so sánh tình hình văn nghệ giữa hai miền Bắc Nam đăng trên một nhật báo số ra ngày 13 và 14 tháng 1.1961 tác giả bài này đã đề cao: «Một Nguyễn-Văn-Trung đang bắt đầu cống hiến những sáng tạo giá trị làm giàu thêm kho tàng lý-luận phê bình văn nghệ Việt-Nam». Nhắc lại như vậy là muốn được bảo đảm tính chất vô tư của người thảo luận hôm nay.

Trước hết phải công nhận rằng trong những sinh hoạt văn-học gần đây tại thủ đô, buổi nói chuyện sáng

7-10-1962 tại trường Quốc-Gia âm-nhạc đã lôi cuốn được sự chú ý tích cực của dư luận bởi lẽ diễn-giả là một giáo sư triết đại học văn-khoa, đồng thời là một nhà phê bình tín nhiệm trong giới văn nghệ. Mặt khác bản thân vấn đề trình bày chứa đựng nhiều ý nghĩa hệ trọng liên quan trực tiếp đến ý-thức-hệ hiện đại của những người cầm bút.

Dựa vào cơ sở ba bài *thảo luận của Đỗ-Lăng, Nguyễn-Hòa-Phong. Tần-Văn-Hồng và một phần bài nói chuyện đăng trên 5 số nhật báo Tự Do* (1) tôi xin phát triển một số ý kiến của «ba tiếng chuông» trước đây và chủ yếu là khai thác một vài khía cạnh gọi là «một quan điểm mới về cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh—Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều» của ông Nguyễn-Văn-Trung.

Nói đến Nguyễn-Văn-Trung, không mấy ai phủ nhận nhiệt tình nghiên cứu, tìm tòi phát hiện không ngừng của ông trong địa hạt văn chương nghệ thuật. Có người trách ông đã nông nổi khơi lại một vấn đề xưa cũ mà nội dung vấn đề ấy lại phức tạp, tế nhị đối với hiện tình chính trị nước nhà. Theo ý chúng tôi, điều đó không quan trọng mà cái quan trọng *là cách nhìn, là lập trường,* là thế giới quan của diễn giả trước vấn đề được «xét lại». Tôi hoàn toàn nhất trí với ông về việc khẳng định sự tương quan mật thiết *giữa văn học và chính-trị.* Bởi vì trong thực tế, mọi hoạt động văn-hóa, xã-hội v.v... đều bị tình hình chính-trị chi phối hay nói cách khác, khó mà có một thứ văn-học thuần túy xuất hiện trong không gian. Đặc biệt, trong cuộc chiến-đấu quyết liệt với Cộng sản hiện nay, nhiệm

---

(1) Kẻ viết bài này không có may mắn tham dự buổi nói chuyện.

vụ hàng đầu của mọi người, bất cứ ở một tầng lớp đẳng cấp nào, chính là nhiệm vụ thời đại. Mà nói đến nhiệm vụ thời đại tức là nói đến nhiệm vụ chính-trị. Những người làm văn-học lại càng phải vận dụng công tác của mình để làm nền tảng lý luận soi sáng nhằm phát huy tính tự giác, chủ động để xây dựng tư tưởng tình cảm cho quần chúng. Xuất phát từ cơ sở nhận thức đó, chúng tôi thấy quan điểm mới của ông Nguyễn Văn-Trung cần được thảo luận chu đáo hơn ngõ hầu rút ra những bài học kinh nghiệm về tư tưởng, nghệ thuật.

Bài học mà tôi muốn đề cập tới là *việc phủ nhận hoàn toàn thành tích văn học và hậu quả của thái độ phê phán nghiêm khắc một người đã từng có địa vị khả quan trong lịch sử văn học Việt Nam.*

Nói đến thành tích văn học của Phạm Quỳnh linh mục Thanh Lãng đã từng viết : Chúng ta biết từ ngày có Đông Dương tạp chí mà nhất là Nam Phong tạp chí ra đời Phạm Quỳnh không bỏ một cơ hội nào mà không tranh đấu cho quốc văn : nào là bênh vực nó, nào là ca ngợi nó, đặt nó ngang hàng với nhiều nền văn học tiền tiến trên thế giới. Chứng cớ hiển nhiên mà ông muốn đưa nó ra là truyện Kiều. Bởi vậy, hễ có dịp là ông không tiếc lời ca tụng... » (1). Nhận xét này có thể coi như là đại diện cho tiếng nói của những nhà phê bình có uy tín nhất. Nhưng ông Nguyễn-Văn-Trung lại cho rằng «linh mục Thanh Lãng chỉ thấy sự kiện của cuộc tranh luận mà không thực chất...».

Về thái độ kết tội nhà học giả họ Phạm, dù ở phần mở đầu, tác giả nhận định đã dè dặt và khiêm tốn cho biết «chỉ là những ý kiến giả thuyết của những người bây giờ khi nhìn về một thời kỳ mà mình chưa

ra đời» song mấy dòng rào đón ngắn ngủi và yếu ớt đó đã bị tan loãng dần so với các phần buộc tội đanh thép và những nụ cười châm biếm trong buổi hùng biện (theo HHP) cộng với những từ ngữ mỉa mai thỉnh thoảng điểm trong toàn bài (ví dụ Quỳnh là nhà văn học tân tiến «yêu nước»...) ví như một điếu thuốc ban đầu chỉ le lói đóm lửa nhưng về sau, bỏ vào cái bếp có sẵn dầu xăng và củi tốt đã làm bùng cháy cả một ngôi nhà.

Ông Nguyễn-Văn-Trung chưa *dám qnả quyết là Phạm Quỳnh chủ tâm theo Pháp nhưng lại tuyên bố rằng «có quyền phê phán Phạm Quỳnh về hành động và những hậu quả văn học chính trị của nó».* Đến đây, vấn đề đặt ra là Phạm Quỳnh đắc tội với lịch sử không ? Và việc Phạm-Quỳnh tán dương, sùng bái truyện Kiều có phải là âm mưu thâm độc nằm trong khuôn khổ chủ trương của Pháp đầu độc thanh niên không ? Rồi một bài báo của Ngô Đức-Kế đã đủ làm cơ sở vững chắc để buộc tội Phạm Quỳnh không ?

Trước lúc đi sâu vào chi tiết chúng tôi nghĩ rằng người phê bình hôm nay nên đặt mình vào hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ xảy ra cuộc tranh luận. Chẳng hạn ngày nay, đối với chúng ta, truyện Kiều là một tác phẩm cổ điển lớn, một đỉnh cao chói sáng trong nền văn học Việt-Nam xứng đáng được xếp vào loại tác phẩm ưu tú trên thế giới không hẳn là vì bản thân nó đề cập đến vấn đề truyền thống tốt đẹp : truyền thống nhân đạo chủ nghĩa Nhưng đối với Ngô Đức Kế hồi ấy vì hạn chế bởi nhân sinh quan phong kiến và bị trói buộc trong các quan niệm «văn dĩ tải đạo» hẹp hòi nên trong lúc đả kích Phạm Quỳnh ông đã phê phán cả bản thân truyện Kiều bằng những luận điệu đậm mầu sắc nho giáo. Tiếp

đến việc Phạm Quỳnh đề cao truyện Kiều có phải *bắt nguồn từ một* động lực chính trị nào không?

Bình tỉnh mà xét thì suốt thời gian cộng tác với «chính-phủ bảo-hộ» người ta cũng không hề tìm thấy một hành động «chó săn» cụ thể nào của ông (không kể những tài liệu bịa đặt của Cộng-sản) ngoài một số bài báo, chủ yếu là diễn văn ca tụng truyện Kiều nhân dịp lễ kỷ niệm Nguyễn-Du do ban văn-học của hội Khai-Trí Tiến-Đức tổ chức vào tháng 8/1924. Mà phân tách nội dung bài diễn văn ấy, trước sau ta chỉ thấy toát lên những khí thế bừng bừng do nhiệt tình đối với một tác phẩm và thi hào vĩ đại của dân tộc. Nhiệt tình ấy được phản ảnh rõ rệt trong bài báo đầu tiên viết về truyện Kiều như: «Các nước Âu Mỹ trọng những nhà văn sĩ hơn các bậc đế-vương vì cái công nghiệp về tinh thần còn giá trị quí báu và ảnh hưởng sâu xa hơn là những sự nghiệp nhứt thời về đường chánh trị. Tên vua Louis XIV, vua Nã-Phá-Luân đệ nhất có ngày mai một được mà tên những danh sĩ như Pascal, Corneille Racine thời trong thiên hạ còn có người học chữ Pháp, còn có người nói tiếng Pháp, còn có người biết tư tưởng sâu xa thì còn không bao giờ quên được» (1). Và qua bài diễn văn kỷ niệm Nguyễn Du, nhiệt tình ấy lại được thể hiện minh bạch hơn. »... Trong mấy nghìn năm ta chôn nhau cắt rốn gởi thịt xương ở cõi đất này mà người ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ đối với đất nước non sông.

Và qua bài diễn văn kỷ niệm Nguyễn-Du, nhiệt tình ấy lại được thể hiện minh bạch hơn: Trong mấy nghìn năm ta chôn rau cắt rốn gởi thịt xương ở cõi đất này mà người ta vẫn hình như một giống ăn trọ

(1) *Nam Phong số ra ngày 30-1919.*

ở nhờ đối với đất nước non sông, chưa từng có một cái quyền sở hữu chính đáng. Mãi đến thế kỷ mới rồi mới có một đấng quốc sĩ nòi giống vì đồng bào tổ tiên, vì hậu thế rỏ máu làm được «ta tả» một thiên văn khế tuyệt bút khiến cho giống An Nam được công nhiên, nghiêm nhiên rõ ràng, đích đáng làm chủ nhân ông một cõi sơn hà gấm vóc. Đấng quốc sĩ ấy là ai ? là cụ Tiên Điền vậy. Thiên-vân-khế ấy là ai ? Là quyển truyện Kiều ta vậy !... Có nghĩ cho xa xôi, cho thấm thía mới hiểu rằng truyện Kiều đối với vận nước ta có một cái gì quí báu vô cùng. Một nước không thể không có quốc hoa. Truyện Kiều là quốc hoa của ta, một nước không thể không có quốc túy, truyện Kiều là quốc túy của ta một nước không thể không có quốc hồn, truyện Kiều là quốc hồn của ta...» Những dòng trích dẫn này dù có phần nặng về chủ quan, về cảm tình (rung cảm của nghệ sĩ nên cường điệu hóa cao độ) nhưng nói chung vẫn biểu lộ được một cái gì tha thiết với đất nước, giống nòi v.v...

Mặt khác, trong *kho tàng tài liệu còn tồn tại hiện nay người ta cũng khó tìm thấy một tang chứng rõ rệt để qui định tính chất chính trị của Phạm Quỳnh trong cuộc tranh luận.* Tuy nhiên về sau này, ta cũng thấy lóe ra một tia sáng qua bài trả lời đăng trên Phụ-nữ Tân-Văn, Phạm - Quỳnh viết : «... Ông Ngô thấy người ta hoan nghênh Kiều mà có ý căm tức nên viết bài phản đối chứ ông Ngô cùng tôi không có hiềm khích gì cả» (1). Ngoài ra còn có một tài liệu khác có thể soi sáng cho chúng ta tìm hiểu một cách chính xác. Đó là bài của nhà học giả Phan-Khôi, có thể coi như một tiếng nói hoàn toàn trung lập (nên nhớ đã có lần Phan Khôi cảnh

(1) *Phụ nữ Tân-Văn số ra ngày 28-8-30*

cáo Phạm Quỳnh là nhà học phiệt). Bài đó viết : «... Muốn đánh giá truyện Kiều và cái công nghiệp văn chương ông Nguyễn Du cho vừa phải, đừng cao quá, đừng hạ quá thì trước hết phải hiểu trong cõi văn học của thế giới ngày nay, có hai cái khuynh hướng khác nhau. Ấy là một phái chuyên trọng về nhân sinh, một phái chuyên trọng về nghệ thuật. Hai phái ấy cũng có cái lý thuyết của mình để mà thành lập... Nếu cho văn chương truyện Kiều là đẹp là hay thì cái người quốc ngữ mà cổ động cho truyện Kiều, kỷ niệm ông Nguyễn Du chẳng phải là làm một việc không có ý thức. Vì trong khi làm việc ấy, người ta đứng về phái nghệ thuật, người ta chỉ sùng bái cái đẹp mà thôi, mà tự họ lại nghĩ rằng cái đẹp ấy chẳng có thể nào gây ra ảnh hưởng xấu cho xã hội. Tôi không rõ lúc bấy giờ Phạm Quỳnh có bảo đem truyện Kiều mà làm sách học không, có coi truyện Kiều như sách giáo khoa không ? Nếu vậy thì đáng công kích thật. Còn lấy danh nghĩa «Văn học ban» của Hội Khai-trí tiến đức khuynh hướng về cái thuyết nghệ thuật mà cổ động cho truyện Kiều, kỷ niệm ông Nguyễn Du thì tôi chẳng thấy chỗ nào đáng công kích hết mà tôi cho là việc ai thích thì làm chẳng hại gì cả» (1).

Nếu những trích dẫn dài dòng trên đây khả dĩ chứng minh nào cho tính cách trong sạch của Phạm Quỳnh trong cuộc tranh luận với ông Ngô Đức Kế thì buộc tội nhà học giả họ Phạm *«làm tay sai cho Pháp»* kể cũng *bất công thật* ! Về điểm này, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với lập trường của Nguyễn-Hòa-Phong khi ông cho rằng cây bút xuất sắc của tạp chí

---

(1) Đọc bài Chiêu tuyết cho một nhà chí sĩ của ông Huỳnh-Thúc-Kháng của Phan-Khôi báo Trung-Lập số 10-1930.

Đại-học, trong một chừng mực nào đó, *đã có tinh thần thỏa hiệp với bản án xử Phạm-Quỳnh hồi 1945.* Nguyễn-Hòa-Phong còn phân tích đến cái gọi là «tâm lý chính trị, hoàn cảnh éo le...» Đây lại là một vấn đề khá tế nhị không thuộc phạm vi bài này. Riêng chúng tôi thì nghĩ rằng quan điểm phê bình mà ông Nguyễn-Văn-Trung mệnh danh là mới kể ra chẳng có gì là mới cả. Bởi vì trong mấy năm gần đây, nghĩa là sau khi bàn tay Mác-Xít đã nắm trọn vẹn sinh mệnh văn-học miền Bắc rồi, tập đoàn lãnh đạo chính-trị Hà Nội cũng ra lệnh cho một số cây bút khoác cho Phạm Quỳnh đủ thứ tội. Hành động này chẳng có gì khác hơn là nhằm biện minh cho vụ án đen tối 45 do họ chủ động.

Người ta được biết vào năm 1957, lợi dụng phong trào đấu tranh tự do dân chủ của nhân dân, những người làm văn học nghệ thuật ở đất Thăng Long đã có cơ hội thuận lợi để làm trách nhiệm của mình *một cách tương đối có lương tâm.* Khi nhìn lại cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Ngô-Đức-Kế, nhóm nghiên cứu Lê-Quý-Đôn (gồm Huỳnh Lý, Trương Chính) đã chỉ coi vụ tranh luận ấy *là hoàn toàn thuộc về địa hạt văn học.* Họ viết : «... Phe chống Kiều gồm có các nhà ái quốc Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng và một số nhà nho bảo thủ. Họ nhận xét truyện Kiều như là nhận xét một quyển sách luân lý. Phe tán dương Kiều đông hơn, do Phạm Quỳnh cầm đầu thì nặng về tầm-chương trích-cú. Do thái độ đối với cuộc sống mới hơn, nghĩa là khoan dung rộng rãi đối với cá nhân hơn, do thông cảm yêu cầu tình cảm của con người, họ tán thành nội dung truyện Kiều từ đầu chí cuối... Họ để công sức vào sự tìm hiểu kỹ thuật. Về phương diện này họ đã phát giác được nhiều điều đáng kể» (1).

(1) Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam tập III—1957.

Rồi phong-trào Nhân-Văn—Giai-phẩm bị chặn đứng bởi thế lực bạo tàn, những nhà nghiên cứu phê bình văn học ở Hà-nội lại bị buộc phải hoàn toàn viết theo quan điểm của đảng. Nhóm Lê-quý-Đôn dĩ nhiên là bị phê phán là «có nhiều nhận định lệch lạc mà sở dĩ như vậy chính vì các tác động không nắm vững được thực chất cuộc đấu tranh...» (1)

Trong một bài khảo luận dài nhan đề «Thực chất cuộc đấu tranh giữa Ngô-đức-Kế và Phạm Quỳnh chung quanh truyện Kiều» Nguyễn-đình-Chú đã gán ghép cho Phạm Quỳnh nào là *«tay sai đắc lực của đế quốc Pháp» nào là «bán nước buôn dân» nào là «chủ nghĩa cá nhân danh-vị vv...»* Và toàn bài, người đọc chỉ thấy những lời võ-đoán, trịch thượng, vu khống bỉ ổi, như «... Phạm-Quỳnh được đế quốc Pháp nuôi dưỡng từ lâu. Hắn đã là một tên mật thám đắc lực cho đế quốc Pháp từ năm 1907 lúc hắn còn mang lốt một thầy thông ngôn thông minh có tân học» và «hắn làm nghiên cứu văn học với đầy đủ ý thức chính trị phản động cho nên khi đánh giá cái nội dung học thuật của hắn cần phải gắn chặt cái học thuật đó với bản chất chính trị phản quốc của hắn...» để rồi đi đến kết luận tất nhiên là «cơ-quan ngôn luận của y chỉ là một công cụ thực hiện âm mưu chính-trị của chính phủ thực dân nhằm làm tiêu ma chí khí và sinh lực của thanh niên». (2)

Với dụng ý gian ngoan như đã kể nên khi bàn về xuất xứ của cuộc tranh luận, họ đã suy diễn miễn cưỡng : «Sau đại chiến thứ nhất thực dân Pháp thường

(1) Tập san Nghiên cứu văn học số tháng 12-1960.

(2) Những câu trong ngoặc kép ở phần này là nguyên văn cuộc tranh luận giữa Ngô-Đức-Kế và Phạm-Quỳnh đăng ở tập san NCVH. số tháng 12-1960.

trưng ra cái chiêu bài» bảo tồn di sản tinh thần của xứ An-Nam và gieo rắc hạt giống văn minh của nước Pháp... Về mặt văn hóa, chúng thấy vai trò bồi bút của Nguyễn-Văn-Vĩnh trên Đông Dương tạp chí tỏ ra không hợp thời nữa, chúng tích cực cho ra tờ Nam Phong.»

Và nếu ông Nguyễn-Văn-Trung mới đây đã mạt sát: «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn... sự thực khẩu hiệu đó từ miệng ông Quỳnh, cái *loa của thực dân Pháp* chỉ có nghĩa như một mánh khóe chính trị và thực chất của nó là ngụy biện» để rồi ngang nhiên chỉ rõ «Phạm Quỳnh cộng tác với Pháp tức là công nhận sự mất nước... làm sao có thể tự coi như một người có vỗ lòng yêu nước bằng văn học? Dưới thời Pháp thuộc nước mất, tiếng nói cũng mất, văn-chương cũng mất...» thì trước đây, những người làm văn-học Mác-Xít cũng đã huênh hoang chụp mũ: «... Càng láy đi láy lại câu phù chú «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn... bản chất chính-trị tay sai của hắn càng lộ rõ bấy nhiêu» để rồi cũng đi đến cái kết luận quá ư sơ đẳng: «... Nước mất dân tộc bị diệt vong thì tiếng nói của dân tộc còn dựa vào đâu mà tồn tại.»

Qua những dòng được trình bày trên đây chúng ta thấy quan điểm phê bình của tác giả nhận định chẳng những không phải là độc đáo, mới mẻ mà còn vô tình phù hợp với quan điểm phê bình thường được dán nhãn hiệu chính trị của những người đang đứng ở vị trí đối lập với chúng ta. Tưởng cũng cần phải khẳng định rằng sự thật ở bên kia thường xuyên được quan niệm ngược chiều với sự thật ở bên nầy. Đó là điều mà

cá nhân ông Nguyễn-văn-Trung đã hơn một lần có dịp thấy rõ. (1)

Hơn ai hết, tác giả «Trường hợp Françoise Sagan» thừa hiểu rằng phê bình văn-học dưới chế độ Mác-Xít chẳng qua chỉ là một công cụ trong tay giai cấp thống trị dùng để đàn áp những tư tưởng tiến bộ, những tiếng nói chân chính của trí tuệ, của lương tâm. Do đó ta không lạ gì khi biết nhóm nghiên cứu văn-học Hà Nội đã chỉ nhìn Phạm Quỳnh qua lăng kính chính trị. Đối với chúng ta, cái chủ trương hợp lý «không nên tách rời văn-học và chính-trị» không có nghĩa là chỉ nhận xét đơn thuần về mặt chính-trị mà bỏ quên mặt văn-học mà phải quan niệm rằng đó là hai mặt của một vấn đề tuy có quan hệ hữu cơ với nhau song không thể nhập cục lại làm một được.

Nếu nghĩ rằng công tác phê bình là một cạnh khía của toàn bộ công tác tư tưởng, mà công tác tư tưởng là một loại công tác tinh vi, hữu hiệu, có khả năng tác động tới ý chí, tình cảm của quần chúng thì những lời phê phán nặng nề có giá trị một bản cáo trạng đối với Phạm Quỳnh — nạn nhân của một vụ án bẩn thỉu mờ ám đã từng gây xúc động và căm phẫn trong dư luận — của ông Nguyễn-Văn-Trung rất có thể ảnh hưởng bất lợi đối với thế hệ trẻ ra đời sau 45 vậy ! Và chúng ta có quyền đặt giả thuyết rằng nếu

(1) *Năm vừa qua Trần-văn-Giàu đã viết một bài đả kích, vu khống và xuyên tạc hai tập Nhận định đăng liên tiếp trên 3 số báo Thống nhất — cũng như gần đây, trên tập san Nghiên cứu văn học, cây bút nô-dịch quen thuộc đó lại công kích tập «Triết lý Văn hóa khái luận» là phản khoa học, dân tộc mà cụ Nguyễn-đăng-Thục đã lên tiếng trả lời trên tuần báo Xã Hội mới rồi !*

những lời buộc tội Phạm-Quỳnh của giáo sư Nguyễn Văn-Trung là đúng thì chúng ta sẽ trả lời thế nào về trường hợp của Trần-Đức-Thảo, Nguyễn-Mạnh-Tường, Đào-Duy-Anh cho đến cả Nguyễn-Tuân, Huy-Cận, Hoài Thanh v.v..., những người đã và đang hợp tác chặt-chẽ với chế độ vong bản ngoại kia ? Sau này, chúng ta sẽ nghiêm khắc lên án họ hay là mở rộng cánh tay khoan dung đón chào họ khi hoàn cảnh lịch sử trả họ về với Tổ-Quốc ?

Trước khi chấm dứt bài này, tôi muốn ghi lại đây một cảm tưởng chân thực rằng không hiểu cho đến phút này, tôi vẫn nghĩ rằng ông Nguyễn-Văn-Trung không chối bỏ thành tích mười lăm năm văn học của Phạm Quỳnh bởi lẽ rất có thể, những biên khảo công phu của Phạm Quỳnh về phạm trù triết học cũng như trong lĩnh vực văn chương đã ít nhiều giúp ích cho sự trưởng thành của một số lớp trí thức chân chính Việt Nam ngày nay.

Rất mong tác giả «xây dựng tác phẩm tiểu thuyết thâm cảm cho rằng đây chỉ là phản ứng tất nhiên của một thanh niên yêu tiếng mẹ và thường đặt nhiều kỳ vọng tốt đẹp nơi một Nguyễn-Văn-Trung già dặn, sâu sắc, một Hoàng-Thái-Linh sôi nổi yêu đời và một Lý-Chân thương người tha thiết.

5.— Một tiếng mõ sau những tiếng chuông về buổi nói chuyện của ông Nguyễn - Văn - Trung. Hồng-Văn, 7-11-1962.

Tôi đã theo dõi buổi nói chuyện với đề tài : «Một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh—Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều» ngay từ lúc bắt đầu đến cả những phản ứng về sau nơi người nghe trên nhật báo Tự-Do. Ở đây tôi không muốn đề cập đến nội dung của vấn đề về tính cách phức tạp của nó và vì khả

năng hạn hẹp của tôi. Tôi chỉ xin trình bày một vài ý kiến về thái độ tranh luận qua bức thư của ông Nguyễn Hòa-Phong. Trước khi bắt đầu tôi cần xác nhận rằng tôi không có một thành kiến nào hết, không đứng vào một lập trường nào đã có.

Điều đầu tiên là sự nhầm lẫn về danh phận, vai trò. Buổi nói chuyện hôm ấy do Hội Việt Nam Nghiên Cứu, Liên-lạc Văn-Hóa Á-Châu tổ chức, ông Nguyễn-Đăng-Thục có mặt hôm ấy với tư cách chủ-tịch ấy chứ không phải là Khoa-trưởng Đại-học Văn-khoa. Tuy hai là một nhưng nó lại là một mà hai. Mỗi bên có một phạm-trù, một cá tính riêng mà khi nhắc đến tên người ta có một cảm tình, một thái độ khác nhau và chính cái tiền thái độ đó sẽ ảnh hưởng đến sự suy luận của người đọc.

Ông Phong đã biến đổi ông Nguyễn-đăng-Thục từ tư cách chủ tịch hội Việt-Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn hóa Á châu sang Khoa trưởng Văn khoa để rồi nhân danh đại diện một nhóm sinh viên văn khoa đại học Saigon» mà phê bình bằng những lời lẽ như độc giả đã thấy.

Điều thứ hai là ông Phong có nên nhân danh đại diện như thế để bày tỏ ý kiến về một vấn đề văn học không ? Ông Phong chỉ có thể đại diện một nhóm hay cả trường khi bị tự ý lên tiếng phải theo một quyết định đơn độc chăng ? Việc làm của một người thường ảnh hưởng lây đến đoàn thể của người đó. Độc giả nghĩ thế nào về sinh viên văn khoa — Và rộng hơn đến sinh viên — khi đọc bức thư của «đại diện một nhóm sinh viên văn khoa đại học Saigon» vừa rồi ?

Điều thắc mắc cuối cùng là ông Phong, không rõ vì vô tình hay cố ý làm cho bức thư của ông có

tính cách nguy hiểm cho kẻ khác. Điều này quá rõ ràng đến nỗi không cần phải chứng minh. Thái độ đó đã có lần được mệnh danh là thái độ chụp mũ». Tôi hy vọng rằng đó không phải là thái độ tự thâm tâm, tự ý hướng của ông Nguyễn-hòa-Phong mà chỉ là một sự vô ý. Có lẽ đó là một sự vô ý tự nhiên của ông Phong cũng như ông đã vô ý ngay từ khi sửa soạn đi nghe diễn thuyết... mặc dầu mục đích chính của ông là đi nghe để về phê bình. Dầu vô tình hay cố ý mọi sự «chụp mũ» đều rất đáng... sợ, vì vậy tôi xin dừng sớm nơi đây.

6.— Đặt vấn đề với ông Nguyễn-Văn-Trung. Ái Linh 17, 18, 20, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 30-11 và 1, 2-12-1962.

Nhật báo Tự-Do vừa rồi có đăng nguyên văn bài diễn thuyết của ông Nguyễn-Văn-Trung. Chúng tôi từ lâu vốn có chút nhiệt thành với những vấn đề văn học và nghệ thuật nay nhân đọc bài ấy có một vài *nhận xét nhỏ xin đưa trình độc giả để công luận thẩm định.*

Chúng tôi nghĩ có ba đức tính cần phải có khi muốn phê bình cho chính xác về một vấn đề gì, đó là: *Nhân, Thành, Trí* Nhân để thông cảm đúng chân lý, Thành để trung thực, công bằng với chính mình cũng như với người. Trí để có khả năng kỹ thuật diễn tả cho đúng. Với quan niệm đó, chúng tôi đã đọc kỹ bài của ông Nguyễn-văn-Trung để thử tìm hiểu giá trị xây dựng của bài và chủ ý của ông.

Trước hết phải chính danh. Ngay về đề tài bài diễn thuyết, chúng tôi đã thấy có chỗ gượng ép, không được hài lòng lắm : Ông Nguyễn-văn-Trung muốn trình bày quan điểm của ông về cuộc «tranh luận» Phạm Quỳnh Ngô-đức-Kế qua truyện Kiều. Theo thiển kiến chúng

tôi, phàm đã gọi là tranh luận, thế tất phải có hai phe cùng tham dự đối đáp nhau. Về vụ này, ta chỉ thấy ông Ngô-đức-Kế lên tiếng mạt sát ám chỉ ông Phạm-Quỳnh gián tiếp muốn mở cuộc bút chiến còn về phía ông Phạm Quỳnh tuyệt không có lấy nửa lời đáp lại. Sau này, trong bài trả lời ông Phan Khôi, ông Phạm Quỳnh cũng không hề đả động tới nội dung bài của ông Kế. Như thế, khách quan mà nói thì không có một cuộc tranh luận Phạm Quỳnh—Ngô-đức-Kế.

Tuy nhiên, có một mối liên quan giữa những bài của các ông : Phạm-Quỳnh, Ngô-Đức-Kế, Phan-Khôi, Huỳnh-Thúc-Kháng, mà nhân duyên là truyện Kiều. Bởi thế, Linh-Mục Thanh-Lãng đã gọi chung là « Vụ Án Truyện Kiều », thiết tưởng phải lẽ hơn. Chính vì có mối liên quan ấy, tạm bỏ qua cái danh đặt không hợp lý trong đề tài, ta vẫn có thể theo dõi lập luận của ông Nguyễn-Văn-Trung để xem xét quan điểm của ông.

Mở đầu, ông nói không được thỏa mãn với những ý-kiến của hầu hết các nhà văn-học đã trình bày ; do đó, ông muốn «nhận định lại» mong hiểu sự thực hơn mà không bất công với những tác giả. Kế tiếp ông trình bày sự kiện tranh luận.

Chúng tôi nhận thấy, đối với độc giả, «trình bày lại» câu chuyện xung khắc này cần phải *công minh chính trực* ; bởi vì có như thế độc giả mới thấu đáo vấn đề và tránh một ấn tượng thiên lệch khi đi sang phần phê phán. Ông Nguyễn-Văn-Trung đã thuật không được đầy đủ về những việc cũ. Chúng tôi xin trình bày cùng bạn đọc Tự-Do tất cả nội vụ để làm căn bản lập luận sau này.

BUỔI LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN-DU

Gần 40 năm trước vào ngày mồng 10 tháng 8 năm 1924, Ban Văn-Học hội Khai-Trí Tiến-Đức (hồi này do

ông Phạm Quỳnh sáng lập năm 1919) muốn nhân ngày giỗ cụ Tiên Điền Nguyễn Du đặt một cuộc kỷ niệm với mục đích : «nhắc lại cho quốc dân nhớ đến công nghiệp một người đã gây dựng cho quốc - âm ta thành văn chương, để lại cho chúng ta một cái «hương hỏa» rất quí báo, đời đời làm vẻ vang cho cả giống nòi.

Chương trình buổi lễ có hai mục quan trọng :

1.— Ông Phạm Quỳnh thay lời «văn-học ban» diễn thuyết về mục đích cuộc kỷ niệm, rồi lại diễn thuyết bằng tiếng Pháp cho các hội viên Pháp nghe (tất cả khoảng nửa giờ).

2.— Ông Trần-Trọng-Kim diễn thuyết về lịch sử cụ Tiên Điền và văn chương truyện Kiều (khoảng 1 giờ).

Trong bài diễn văn tiếng Việt, ông Phạm Quỳnh nêu rõ một sự thực là : «suốt quốc dân ta, ai ai cũng biết, cũng thuộc, cũng kể, cũng ngâm, cũng (lẩy) truyện Kiều, «như vậy thời ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của cụ Tiên Điền ta, ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ cụ và nghĩ đến cái ơn của cụ tác thành cho tiếng nước nhà. «Ông nhấn mạnh vào cái hay của truyện Kiều, đem cái hay ấy so sánh với những nền văn chương Tàu và Pháp để nêu cao giá trị toàn bích của truyện Kiều.

Cuộc kỷ niệm không những chú ý «hình ư ngoại» tấm lòng cảm mộ đối với cụ Tiên Điền nhưng còn có một ý nghĩa nữa là :

«Nhân ngày giỗ này, đốt lò hương, so phím đàn, chiêu hồn quốc sĩ» thác là thể phách, còn là tinh anh..., xin chứng nhận lời thề của đồng nhân đây. Thề rằng : «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kẻ hậu sinh xin rầu,

lòng giốc chí cố công trau chút lấy tiếng quốc âm nhà cho quốc hoa ngày một rực rỡ, quốc hồn ngày một tinh tao, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc vận ngày một vẻ vang, ngỏ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên sinh, ngậm cười chín suối cũng còn thơm lây !»

Tất cả những bài diễn văn của các ông Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim đều có đăng nguyên văn trong báo Nam Phong số 86 năm 1924.

BÀI CỦA ÔNG NGÔ-ĐỨC-KẾ

Sau đó, báo Hữu-Thanh (cơ quan ngôn luận của hội Trung Bắc-Kỳ nông, công, thương tương tế) trong số 21, ngày 1-9-1924 có đăng 1 bài của ông Ngô-Đức-Kế nhan đề : «Luận về chánh-học cùng tà-thuyết. Quốc văn, Kim-Vân-Kiều, Nguyễn-Du.

Mở đầu, ông Ngô-Đức-Kế bàn về chánh-học cùng tà-thuyết và mối tương quan tới sự thịnh, suy của vận nước. Trong quá nửa sau của bài ông không còn giữ được bình tĩnh giọng văn gay gắt mỉa mai, ám chỉ Phạm Quỳnh, ông viết :

« Những người học thức kiến văn chưa được một nắm, nhân cách giá trị chẳng đáng là bao, mới lom-lem những học thuyết ông Mạnh (Montesquieu), ông Lư (Rousseau) bập bẹ những cách ngôn họ Trang, họ Liệt thì đã nghiễm nhiên tự lập làm một đấng văn hào, tự xưng khai hóa quốc dân mà không ngó lại mình đã khai hóa hay chưa ; thôi thì bài diễn văn chất đống, sách du ký đầy thùng, thôi thì tán xằng, tán nhảm, nói bậy, nói càn, không còn có nghĩa lý chính đáng chi nữa...»

Ám chỉ quang cảnh buổi lễ kỷ-niệm, ông tả :

«một anh giả dối lóp lép, đứng đầu sùng bái Kiều, mà một bọn u mê hờ hửng gào hơi rán sức để họa

theo, còn một lớp người chỉ nghe lỏm nhìn mồm thì vỗ tay tán thưởng, khiến người phải bịt tai bưng mũi, rức đầu, long óc vì những tiếng hô to :

«Quốc văn ! ! Kim-Vân-Kiều ! ! Nguyễn-Du ! ! »

Ông trích dẫn lời sau đây của Phạm Quỳnh như là một bằng chứng để ông lên án :

«Học Hán văn là học mượn, học Pháp văn là học mượn, học Quốc văn mới là học nhà, truyện Kiều tức là sách nhà đó...».

Về truyện Kiều, ông viết : «Kim-Vân-Kiều là sách gì ? chỉ nhắc đến cái tên sách, thì nghe đã không thể nào ngửi được...»

Rồi vẫn ám chỉ ông Phạm Quỳnh, ông mạt sát :

«Con oanh học nói, xằng xiên bậy bạ, rồ dại điên cuồng, tà thuyết vu dân đến thế là cực».

Cuối bài, sau khi đã ký tên, ông còn thêm một câu ;

«Bài luận này chắc nhiều người phản đối, ai phản đối xin cứ gửi thư đến bản chí».

Đối với bài đả kích một cách gián tiếp ấy, ông Phạm-Quỳnh đã giữ thái độ yên lặng.

BÀI CỦA ÔNG PHAN-KHÔI

Sáu năm sau, 1930, nhân bộ sách Nho Giáo của ông Trần-Trọng-Kim ra đời, ông Phan Khôi viết một bài phê bình nhan đề : Đọc cuốn Nho Giáo của ông Trần-Trọng-Kim đăng trong tuần báo Phụ Nữ Tân Văn số 54, tháng 6-1930. Phụ Nữ Tân Văn số 60, ngày 10-7-1930 đăng bài ông Trần-Trọng-Kim trả lời : «Mấy lời bàn với Phan tiên-sinh về Khổng Giáo». Bởi đó, trong Phụ Nữ Tân Văn số 62 ngày 24-7-1930, ông Phan Khôi

mới viết một bài nhan đề: «Sau khi đọc bài trả lời của Trần-Trọng-Kim tiên sinh. cảnh các nhà học phiệt».

Ông định nghĩa qua thế nào là học phiệt và nếu nhận xét rằng ở nước ta đang có một hạng học phiệt, rồi viết về thái độ tự cao của hạng người: «làm thinh, tỏ ra là họ phục, nhưng làm thinh, tỏ ra là họ không thèm nói với, thế mới đáng ghét...»

Ông tiếp: «tôi chẳng nói gần nói xa chi hết, tôi ngay rằng hạng học phiệt ấy ở nước ta chẳng bao lăm người, mà Phạm Quỳnh tiên sinh là một. Ông lấy ví dụ về Phạm Quỳnh làm thinh đối với bài của ông Ngô Đức-Kế dẫn chứng.

Ông đứng ngoài nhận xét:

«Nói có vong linh Ngô tiên-sinh! Không biết làm sao mà ông này có ác cảm với Phạm quân quá. Hồi đó tôi ở Hà-nội, tôi đi lại với cả hai đàng, đầu đuôi làm sao tôi rõ hết. Vì sự tự ý đó nên trong bài «chánh-học với tà-thuyết» của Ngô-đức-Kế có chỗ không được công bằng tuy vậy lấy đại thể cái bài mà nói, thì cách công kích như vậy là chánh đáng. Vả nó là một vấn đề lớn, có quan hệ với học phong sĩ tập dầu phải dầu chăng, cũng không có thế nào bỏ qua đặng...»

Tiếp theo, ông cho rằng ông Phạm-Quỳnh không nói lời đứng về mặt làm báo thì là hay; nhưng sự im lặng ấy có ảnh hưởng không tốt về mặt học thuật vì nó tạo ra cái cảnh nguội lạnh, im lìm trong học giới. Về điểm này, ông lấy vụ độc giả «nguội lạnh» đối với 21 bài phê bình Khổng Giáo của ông đăng trong báo Thần-chung hồi cuối năm 1929 làm dẫn chứng.

Ông nhận định: «Nước Việt-Nam sau này mà gọi là có học thuật họa là từ nay về sau chăng. Sự đó, cái trách nhiệm ở chúng ta là những kẻ có học mà ở vào cái thời đại văn hóa Đông Tây giao hội với nhau này...

...Vậy thì hai bên, cái ý kiến đại đề đồng nhau; có khác nhau chỉ là cái thái độ. Chúng tôi thì muốn, về sự học phải cho ngôn luận được công khai. Còn các ông, theo như cái thái độ đã vẽ ra trên kia, thì hình như muốn chuyên chế.»

ÔNG PHẠM-QUỲNH TRẢ LỜI ÔNG PHAN-KHÔI

Phụ-Nữ Tân-Văn số 67, ngày 28-8-1930 đăng bài của ông Phạm Quỳnh: «Trả lời bài cảnh cáo các nhà học-phiệt của Phan Khôi tiên-sinh». Bài này cũng đăng nguyên văn ở Nam Phong số 152, tháng 7-1930.

Phạm-Quỳnh bày tỏ: Phan tiên-sinh với tôi là chỗ quen biết cũ.

...Vả việc là việc quan hệ lớn, không phải chỉ thiết đến một cá nhân tôi mà thiết đến cả học giới nước nhà, tất tôi phải cùng tiên sinh phân trần mấy lời không thể để cho độc giả ngộ nhận được».

Ông xác định thái độ với Ngô-đức-Kế:

«Ông nghè Ngô nay là người thiên cổ rồi. Kẻ khuất người còn chuyện bao năm cũ kể ra làm gì? Nhưng Phan tiên sinh đã dở-dói ra thì tôi cũng phải nói lời mà phân trần cho có lẽ: xin vong linh ông Ngô chứng giám! Họ Ngô với tôi vốn không có hiềm khích gì. Tôi thủy chung vẫn coi ông như bực đàn anh».

Ông phân trần với Phan-Khôi:

«Truyện Kiều là một nền văn chương kiệt tác, xét truyện Kiều phải đứng về phương diện văn chương mà xét nay họ Ngô lại đứng về phương diện đạo đức — mà là cái đạo đức rất hẹp hòi của phái hương nguyện — thì ra là chủ ý lập luận thiên đi để có chỗ mà công kích người ta. Như vậy, thì không phải là một vấn

đề học vấn văn chương gì nữa, chỉ là một vấn đề cá nhân mà thôi.»

Và : «Vả lại tự ý tôi cũng không muốn tranh luận với ông, vì rằng dù thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính trọng cái thân thế của ông, nếu đã thành ra cuộc cãi lộn, thì tất phải dùng những lời nặng tiếng nhẹ, ông mục cho tôi là «Văn-sĩ lóp lếp» thì tôi nể gì ông mà không tặng cho ông tên nọ, tên kia, thành ra một cuộc đấu khẩu hàng rau hàng cá, còn có sự thể gì nữa !»

Ông đính chính : *«Làm thinh là không muốn cãi lộn vô ích, chứ không phải là khinh hay sợ gì dư luận».*

Ông minh xác thái độ chính-trị : Chẳng biết từ nay về sau vì thời thế bắt buộc có phải thực lực ra làm chính trị hay không—đó là một nghĩa vụ, nếu phải làm thì cũng không dám cười, — chứ từ trước đến nay thì sở chí sở sự không phải chuyên chủ về mặt chính trị, dầu có tham dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham dự một cách gián tiếp, đứng về địa vị khách quan, để làm một món khảo cứu mà thôi.

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học vấn. Cái chủ nghĩa tôi phụng sự bấy lâu nay—kể có trên dưới mười lăm năm trời, thật là dốc một lòng. chuyên một dạ — chính là chủ nghĩa quốc gia, nhưng chỉ mới phụng sự về phương diện văn hóa, chưa hề chuyển đi sang phương diện chính trị».

Trong đoạn cuối, ông kết luận :

«Phải nên cùng nhau hiệp lực cố gây dựng cho nước nhà một nền «quốc học» đích đáng, không Tây mà không Nho, có cái tính cách đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Cái ý tưởng đó, ngày nay Phan tiên-sinh mới đề xướng, mà về phần tôi chủ trương đã lâu năm rồi.

Vậy ngày nay chúng ta có nên cổ động lập một hội «Chấn hưng quốc học» họp tập những người có chí học vấn trong Nam, ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà mau có một nền quốc-học đích đáng không ?

Thiết tưởng như thế còn hơn là cãi vã nhau vô ích.

Phan tiên-sinh nghĩ sao?

Sau bài Phạm - Quỳnh trả lời, ông Phan - Khôi có phúc đáp một bài đăng báo Phụ-Nữ Tân-Văn số 70, ngày 18-9-1930 nhan đề : Về cái ý kiến lập hội «Chấn hưng quốc học» của ông Phạm-Quỳnh.

BÀI CỦA ÔNG HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Ông Huỳnh-Thúc-Kháng nhận đọc bài Phạm-Quỳnh trả lời Phan-Khôi về «học-phiệt» viết một bài đăng trên báo Tiếng Dân nhan đề : «Chánh-học cùng tà-thuyết có phải là vấn đề quan hệ chung không ? (Chiêu tuyết những lời bài báng cho một nhà chí sĩ mới qua đời). Bài này lời lẽ rất gay gắt, đại ý biện minh, bênh vực quan điểm Ngô-Đức-Kế kết án truyện Kiều và công kích thái độ của Phạm-Quỳnh đối với Ngô-Đức-Kế.

Ông viết : «Độc giả thử xem, một bài biện luận xác đáng rạch rời như vậy, sao gọi là câu chuyện cá nhân quyền lợi, mà không quan hệ đến học vấn tư tưởng ? Sao gọi là lập luận thiên đi ? Như vậy mà cho là không quan hệ thì những lối trèo tường trổ ngõ, quạt ước trăng thề, ép liễu nài hoa, cắp hương trộm ngọc kia mới là quan hệ với học vấn tư tưởng sao ? Lập luận ấy mới là chánh sao ?»

Cuối cùng, ông kết thúc về giá trị trnyện Ktều : Truyện Kiều chẳng qua là một lối văn chương mua vui mà thôi, chứ không phải là thứ sách học ; mà nói cho

đúng ra, truyện Kiều là một thứ dâm thơ, rõ không ích mà có hại.»

Và : «Hiện xã-hội ta ngày nay diễn ra những tuồng thương phong bại tục kia, cái giống độc con đĩ Kiều, gieo vào tư tưởng không phải là ít.»

Phạm - Quỳnh im lặng không bắt lời. Điểm này cũng tỏ rằng không có một cuộc « tranh luận » giữa Phạm - Quỳnh — Huỳnh-Thúc-Kháng. Bởi ông Huỳnh, Thúc-Kháng cũng chỉ học bài Phạm-Quỳnh trả lời Phan Khôi rồi viết ý kiến của ông ra, thế thôi

Các nhà phê bình văn học đã nhận xét tường tận, phê phán nhiều về vụ này, nhưng tựu trung không ai dù đương thời Phạm-Quỳnh hay thuộc lớp sau, nhìn nhận tính chất chính trị ẩn sau vấn đề văn học nói trên.

Nay ông Nguyễn-văn-Trung cho rằng : ý kiến của hầu hết những nhà văn học đã đề cập đến vấn đề, đều đã chỉ thấy sự kiện tranh luận như một hiện tượng, mà không thấy thực chất của nó. Và bởi vì không thấy thực chất cho nên đã nhầm lẫn trong việc tìm hiểu sự kiện ».

Ông quả quyết : «Chính vì không nhìn thấy tính chất chính trị «của nội vụ nên các nhà phê bình văn học» đã phê bình sai lệch ngay trên lãnh vực văn-học ».

Ông Nguyễn-văn-Trung nhận định : Vụ án truyện Kiều giữa Phạm-Quỳnh Ngô-đức-Kế, Phan-Khôi, Huỳnh-Thúc-Kháng «thực chất là một cuộc tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn học».

Đối với lối tổ chức giáo dục của người Pháp, nhất thiết dùng tiếng Pháp dạy trong các lớp, ta hãy nghe Phạm-Quỳnh kêu gọi :

«Các bạn ôi, con cá nó sống về nước mà nước ta sống về nước ta. Làm cho tiếng ta sống được là phận sự anh em ta. Vậy anh em phải gắng lên, vì hiện nay tuy có điều mừng (quốc văn tiến triển) mà cũng còn phải lo, vì thiên hạ còn có kẻ làm án tiếng An-Nam, kết cho cái tội nghèo, nghèo khốn, nghèo nạn, nghèo cho đến nỗi không đủ mà dạy được trẻ con nhà quê, phải lấy chữ Tây dạy thế vào. Gần đây tôi có vận động trong báo Tây — vì báo ta vô hiệu — để xin lấy chữ Quốc-ngữ dạy các trường tiểu học và cho thi tốt nghiệp tiểu học bằng quốc ngữ : người ta lấy cái tội nghèo của tiếng An-Nam mà phản đối lại. Tiếng An-Nam có quả nghèo không ? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi án thiên cổ đó... Về phần riêng tôi thời từ buổi khôn lớn, biết tư tưởng đến giờ, tôi đã tự nguyện hy sinh cho quốc-văn... (Nam Phong số 46-1921).

Ngày nay thì chúng ta đã tiến tới việc đòi chuyển ngữ tiếng Việt ở bậc Đại học, trên đường tiến bộ, sau hơn trước là lẽ tất nhiên. Nhưng phải nhìn nhận rằng vào buổi đó, đòi dạy tiếng Việt cho bậc tiểu học đã tỏ ra Phạm-Quỳnh có hoài bão rất xa ở tương lai...

Chúng tôi không muốn nói đến cái lối lập luận của ông Nguyễn-Văn-Trung nó có một chiều, thiên lệch hay không, việc đó độc giả sáng suốt hơn chúng tôi, hẳn đã thẩm định. Chúng tôi chỉ muốn trả lại cho César cái gì của César». Nhận thấy không đồng ý với những phán đoán của ông Nguyễn-Văn-Trung về Phạm Quỳnh chúng tôi xin thưa lại ít lời và dẫn chứng có hơi nhiều là để mong độc giả rõ tấm lòng chúng tôi trung thực, không hề giám giải nghĩa sự kiện theo tư ý vậy.

Đối với ông Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, chúng tôi nếu có biện minh cho ông Phạm-Quỳnh thì việc đó không nghĩa là chúng tôi phủ nhận cuộc đời cách mạng

của các ông. Chúng tôi không bác bỏ cái cực đoan n.. để lại đi đến một cái cực đoan khác. Không thể có một định kiến quá đơn giản là trong hai phe, hễ đã thấy phe này «cái quốc» là có ngay kết luận phe kia «phản quốc».

Ông Nguyễn-Văn-Trung đưa ra bài «Khái niệm về văn minh học thuật nước Pháp» của Phạm-Quỳnh lấy đó như là một bằng chứng Phạm-Quỳnh đã theo Pháp, đề cao chế độ thực dân.

Chúng tôi nhận thấy, Phạm-Quỳnh là một học giả chuyên biên khảo và dịch thuật, bài nói trên do ông lược dịch và bàn thêm nhân đọc một cuốn sách nhan đề La Civilisation Francaise của Victor Giraud, cũng như các bài biện dịch về «Văn minh nước Nhật», «Văn minh nước Mỹ cùng văn minh thế giới», «Chủ nghĩa Pha-xi nước Ý», «Nước Thổ-Nhĩ-Kỳ mới», «Nước Ai-Cập mới», «Hồn của Chủng tộc», Lịch sử và học thuyết của ông Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Descartes v.v... ông Phạm-Quỳnh đều đứng trên cương vị một học giả mà viết. Vả chăng, ông đã nói rõ ràng :

«Lấy đất của người ta mà nô lệ, báo trước người ta là phi nhân đạo»... (Nam-phong, số 1 tháng 7-1917).

Thiết tưởng nên phân tích kỹ để thấy ra đúng «cái điều Phạm-Quỳnh muốn nói», ta đã quá rõ những tai hại của việc thường gọi là «đoạn chương chủ nghĩa».

Nếu ông Trung cứ nhất định bảo rằng Phạm-Quỳnh cộng tác với Pháp và không tìm thấy một tài liệu nào để chứng tỏ Phạm-Quỳnh chỉ cộng tác với Pháp để lợi dụng Pháp; chúng tôi xin mời ông cùng trước đèn giở lại 210 tập Nam-Phong để phân tích, phê bình xem, ta sẽ thấy qua 17 năm chủ trương báo ấy, Phạm Quỳnh đã gây được những ảnh hưởng gì, Thiết tưởng đấy là một bằng chứng công khai, hiển tường đó rồi.

Lấy một ví dụ, ngày nay chúng ta đang ca ngợi lý thuyết nhân vị, lý thuyết ấy ở nước ta được xây dựng bắt gốc từ Khổng Giáo và học thuyết Mạnh Tử hợp với tư tưởng dân chủ vì vốn coi «dân vi quí». Trong nhiều năm, thử hỏi những bài khảo tường tận về Khổng-Giáo và liên tiếp đăng tải trọn bộ Mạnh-Tử Quốc Văn Giải-thích, Luận-Ngữ Quốc văn giải-thích, Việt-Nam tổ quốc túy-ngôn... báo Nam-Phong hẳn đã gây ảnh hưởng có lẽ không đến nỗi đầu độc quốc dân đấy chứ? Ấy là chưa kể tới những công trình của Hội Khai Trí Tiến Đức do Phạm-Quỳnh sáng lập, hẳn không ai gán cho cái tội làm chính trị theo Pháp?

Căn cứ vào những giả thuyết thiếu vững vàng đó, ông Nguyễn-văn-Trung nhận định về vấn đề Phạm Quỳnh ca tụng truyện Kiều: «ý nghĩa chính trị của việc suy tôn là: thanh niên đọc truyện Kiều đi, thưởng thức văn chương Kiều đi đừng nghĩ đến chính trị, lòng yêu nước».

Và: «Ông Ngô-Đức-Kế, nhà nho yêu nước, bất hợp tác, chống Pháp, bị đi tù Côn-Lôn, nhận thấy chính sách thâm độc của chính quyền bảo hộ qua hành động của Phạm-Quỳnh, thẳng thắn lên tiếng phản đối, tố cáo đã kích thủ đoạn chính-trị nấp dưới hình thức văn hóa suy tôn truyện Kiều...»

Chúng tôi cũng như mọi người Việt, đều biết rằng ông Ngô Đức Kế ái quốc chống Pháp... Nhưng đó không phải là bằng chứng để quả quyết giải thích lý do ông Kế bài bác truyện Kiều theo như ý-kiến riêng của ông Trung. Thân thế ông Kế không hề mâu thuẫn với con người đạo đức ở ông và chính là con người đạo đức ấy với những tiêu chuẩn bắt nguồn từ đạo Khổng, đã lên tiếng kết án cái luân lý truyện Kiều như chúng ta thấy: ai dâm sầu oán, đạo dục tăng bi...

Ai cũng nhận thấy *rõ rệt rằng* ông Ngô-Đức-Kế bài bác Kiều là bởi ông chê cái tính cách, theo ông, vô luân lý của nó. Là một nhà nho, với quan niệm văn dĩ tái đạo, cũng như các cụ xưa, ông cho truyện Kiều làm thương luân bại lý, chính ông bày tỏ : «ngày trước, các cụ tiền bối thường cấm con em xem truyện Kiều : trong xã hội ai hay đọc truyện Kiều nghêu ngao, thì cho là kẻ đàng điếm».

Ông Huỳnh-Thúc-Kháng sau này phản đối ông Phạm-Quỳnh là bởi ông tin tưởng : «nếu được một người» «đạo đức hẹp hòi» như ông Ngô-Đức-Kế thì không gì cột đá giữ giòng sông lỡ, ngọn đuốc trong khoang đêm trường, có công với thế đạo nhân tâm không phải là ít vì cái mãnh lực của ông đủ kéo được biết bao nhiêu kẻ sa hầm sạt hố kia».

Vậy thì, sáu năm sau bài của ông Kế, ông Huỳnh-Thúc-Kháng cũng lại bác truyện Kiều theo quan điểm của các cụ tiền bối, không có gì chứng tỏ các ông «tố cáo Phạm Quỳnh» như ông Trung đã nói.

Từ trước khi Pháp sang, Việt Nam đã có câu :

Đàn ông chớ kể Phan Trần.

Đàn bà chớ kể Thúy-Vân, Thúy-Kiều.

Là bởi theo ý các cụ, truyện Phan Trần nêu gương không tốt cho thanh niên và truyện Kiều nêu gương không tốt cho phụ nữ. Ông Nguyễn-Văn-Trung có bảo rằng hai câu ấy cũng để cảnh tỉnh quốc dân trước «mưu mô hiểm độc của thực dân Pháp» không ?

Khi phê bình văn chương nghệ thuật, ta cần nhất thiết tránh cái thiên lệch của chính - trị. Đã đành, ta phải xét tới các điều kiện lịch sử, thời đại v.v... nhưng phải nhìn nhận sự kiện y như nó đã xảy ra chứ không theo tưởng tượng dựa vào định kiến nào đó. Chúng

ta còn lạ gì cái quá khích nặng nề ảnh hưởng chính trị trong lối phê bình văn học của một Nguyễn-Bách-Khoa ! !

Bàn về vụ án Kiều này, chúng tôi thấy Linh-mục Thanh-Lãng đã nhận xét đứng đắn khi viết : «... những băn khoăn nhiều khi đến bi đát của một thế hệ tuy thái độ có khác nhau mà cũng cảm thông trong một lo lắng đó là cố giữ lấy một tinh thần dân tộc trong khi chúng ta đã mất chủ quyền về đường chính trị.

Đó là một thế hệ gồm toàn những người, mới cũng như cũ nặng tình cổ điển nặng những giá trị nhân bản truyền thống (Thế kỷ hai mươi số 2 trang 50).

Về lời thề của Phạm Quỳnh «truyện Kiều còn tiếng ta còn tiếng ta còn nước ta còn», ông Trung cho rằng

«Sự thực khẩu hiệu đó từ miệng Quỳnh *cái loa của thực dân*, chỉ có ý nghĩa như một mánh khóe chánh trị và thực chất của nó là ngụy biện».

Rồi đưa ra một suy luận đơn giản : «con người Phạm Quỳnh cộng tác với Pháp một cách khách quan, tức là công nhận sự mất nước, làm sao còn có thể nói tới lòng yêu nước, và tự coi như là một người cổ võ lòng yêu nước bằng văn học.

Chúng tôi thấy, trong ba đức tính : *Nhân, Thành, Trí* cần có của một nhà phê bình đến đây, tác giả bài Văn học và Chính-trị đã tỏ ra không đủ hai đức : Nhân Thành. Than ôi ! đã không nhân, không thành thì cái trí để làm gì ? để thêm khéo phô bày cái «chẳng nhân» và «chẳng thành» ư ? Dẫu sao như mở đầu ông Nguyễn Văn-Trung đã nói, đây chỉ là «những *ý kiến giả thiết* của những người bây giờ khi nhìn về một thời kỳ mà mình chưa ra đời «chính vì thế mới có bài này và chúng tôi xin mời ông vui lòng cùng trở lại một vài

câu chuyện cũ : tìm hiểu tình yêu tiếng Việt, yêu cái tiếng bị khinh bỉ trong tình cảnh mất nước, của Phạm Quỳnh.

Cả hoài bão của Phạm - Quỳnh đã đặt vào tiếng Việt. Ta sẽ thấy ông không để lỡ một dịp nào để cổ võ cho quốc-văn, trong mấy chục năm trời ròng rã, ông đã tỏ ra bền bỉ theo đuổi công cuộc tài bồi cho quốc-văn.

Trong bài Luận Thuyết về «Văn Quốc-Ngữ», ông kêu gọi : «Ai ôi, quốc nghệ xưa kia đã thế, quốc văn sau này thế nào ?

Xin đồng bào ta chớ nhãng bỏ, chớ khinh rẽ văn quốc ngữ. Cái tương lai ta đó.» Nam Phong. số 2-1917).

Phạm Quỳnh lý luận trong bài »Bàn về thơ nôm» :

«Vơ vẩn tơ vương hồn Đại Việt»
Thanh tao thép lọt giọng Hàn Thuyên.

Giọng Hàn Thuyên !... Hồn Đại Việt !... Hai câu ấy thực là gồm cả cái lòng hi vọng tối thiểu của bọn ta. Than ôi ! vì sao mà ta khắc khoải trong lòng, ta băn trong dạ, vì sao mà ta mong mỏi mà trữ thương ? Chẳng phải là từ xưa đến nay ta chưa từng được đem cái giọng Hàn Thuyên này mà diễn cái hồn Đại Việt kia dư ?

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười, mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn kia nó cảm ta như thế ? Là bởi trời sinh ta để nói cái lời ấy, trời sinh ra cái lời ấy để ta nói, ta có nói bằng lời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng lời khác là nói những sự không thực cả. Trong trời đất chỉ có lời ấy với ta, ta với lời ấy là có cái duyên nợ ba sinh vậy (Nam-Phong số 5-1917).

Ông tỏ bày tin tưởng rõ rệt ở sự trường tồn của quốc gia, nếu giữ được ngôn ngữ ; «nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn, nước không thể mất được, tiếng nói đã mất, nước cũng khó lòng còn» (Nam Phong, số 22) «tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn không sao vãn hồi được nữa» (Nam Phong, số 101).

Vì cái vấn đề văn quốc-ngữ vốn là một sự khổ tâm cho Phạm-Quỳnh, ông vui lòng, sốt sắn luận bàn về các việc có quan hệ đến quốc văn. Chỉ đối với những bài ông xét ra không ích lợi gì cho học vấn, tư tưởng ông mới không tiếp lời. Tưởng cũng nên nói thêm, Phạm-Quỳnh ở đời tư dù ít tuổi nhưng đã tỏ ra hết sức đứng mực trong tính tình cũng như trong văn chương. Một người trẻ tuổi như thế đã kết hợp được những bậc túc nho tuổi tri thiên mệnh cộng tác trong bấy nhiêu năm trời góp công xây dựng văn-học, ta không thể phủ nhận tấm lòng nhiệt thành chân thực của ông.

Trong một buổi diễn thuyết về Ca-dao Tục-ngữ Việt Nam, Phạm-Quỳnh phân tích những cái hay, cái đẹp của văn chương bình dân, ông nhắc nhở mọi người : «Dù ta học chữ Tây hay chữ Tàu, ta cũng chớ nên quên tiếng tổ quốc là cái tiếng từ khi lọt lòng ta đã học nói, và đến khi hấp hối chết cũng có nói. Ta nên nhớ lấy câu ca dao của nhà nước :

Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Các ngài ôi !

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.
Tiếng của tổ-quốc thời thương lấy cùng

Có một cái nghi vấn ông Nguyễn-Văn-Trung đặt ra chúng tôi thấy hợp. Ông cũng thắc mắc : «Nếu Phạm Quỳnh đã theo Pháp, cộng tác với Pháp thì phải đả truyện Kiều, hay ít ra» làm ngơ để chỉ ca tụng văn hóa thái Tây, và Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng phả· ca tụng truyện Kiều văn chương Việt Nam là quốc túy mới hợp lý... Như thế phải chăng Ngô-Đức-Kế, nhà ái quốc cách mạng lại chống dân tộc khi chống truyện Kiều ?...»

Nếu đã nhận một người làm cách mạng vẫn có quyền có một quan điểm đạo đức, ta hẳn sẽ không lạ gì việc các ông Kế, Kháng đả truyện Kiều. Ông Nguyễn-Văn-Trung đã chỉ nêu câu hỏi ấy để cho ngay rằng «thấy rõ cuộc tranh luận về Kiều, trọng tâm, thực chất... trước hết là một cuộc tranh dấu chính trị trong lãnh vực văn-học», điều này mới thực làm chúng tôi lấy làm lạ ! Những lập luận tiếp sau của ông đều dã chỉ dựa vào sự phân biệt sẵn : *Phạm Quỳnh tay sai thực dân Pháp* — Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng ái-quốc, cách mạng, chống Pháp. Thế thì ông còn phải bày vẽ lôi thôi làm gì cho tốn lời, để ra vẻ chí công vô tư chỉ phán đoán căn cứ vào tài liệu khách quan.

Ông lại hỏi nếu Ngô-Đức-Kế là khắc nghiệt thật, tại-sao không gay gắt với Hoa-Tiên chẳng hạn ? Chúng tôi mong ông cũng hỏi ngay cả các cụ thời trước Ngô-Đức-Kế : thế tại sao chỉ gay gắt với truyện Kiều mà không cấm cả đàn bà chớ đọc Hoa-Tiên chẳng hạn ? sao lại chỉ cấm đàn ông đọc Phan-Trần và cấm đàn bà đọc truyện Kiều thế nhỉ ? Câu trả lời thật giản dị : Hoa-Tiên không phổ biến sâu rộng trong dân gian như truyện Kiều, ít ảnh hưởng hơn nên ít bị cấm ngặt hơn có thế thôi. Nhân đây, chúng tôi muốn được hỏi lại

ông Trung : Phạm Quỳnh nếu quả thực theo Pháp, làm văn hóa *với chủ ý nền tảng là đầu độc* tinh thần thanh niên Việt v.v...thì tại sao ông ta không cùng tán dương truyện Phan-Trần, cho cùng với truyện Kiều, nó đầu độc dân ta có phải là thượng sách không ?

Câu trả lời thật cũng rất giản dị : Phạm Quỳnh đề cao truyện Kiều là bởi ông nhận chân thấy nó là một áng văn chương tuyệt tác so với cả kho tàng văn chương chung của nhân loại, ông muốn lấy cái hào quang rực rỡ của nó để làm bằng chứng cho quốc dân tin tưởng vào tương lai sáng lạn của quốc âm ta mà cố gìn giữ lấy, tài bồi lấy tiếng Việt. Ông tán dương truyện Kiều trong chủ trương xây dựng quốc học của ông và với một tấm lòng nhiệt thành. Vì nhiệt thành nên mới có những lời cực tán Kiều là quốc hoa, quốc túy v.v.. Nhưng ta cũng không thể bảo Phạm Quỳnh hiểu theo nghĩa «truyện Kiều làm nên tất cả dân tộc và tất cả văn học Việt Nam...» Hãy phân tích ý nghĩa của lời thề Phạm Quỳnh đã long trọng đọc trong buổi lễ kỷ niệm cụ Tiên Điền, ta sẽ rõ ý nguyện chân thành của ông. Một lần nữa, ở đây chúng tôi thấy cần nhắc lại : ta không nên làm cái việc «đoạn chương thủ nghĩa» và phải công bằng.

Khoảng 1917, 1918, theo phong trào Âu hóa, lóa mắt trước Tây phương người ta *rầm rộ bàn lấy chữ Pháp làm quốc văn*. Phạm Quỳnh cực lực phản đối phong trào ấy, ông viết một bài luận thuyết dài : Chữ Pháp có dùng làm quốc văn An Nam được không ? ông nhận định : «Giữa buổi những người có chí trong nước mới tỉnh ngộ, đương ra công cố gắng sức tập luyện cho chữ quốc ngữ thành một nền quốc văn Việt Nam, thế cho Hán văn đã suy, cái phong trào ấy rất là hại vì nếu tự Nam

kỳ lan dần ra đến Bắc kỳ, Trung kỳ, thì cái mầm quốc văn mới nẩy ra kia sẽ khô héo đi vậy...» ông nhấn mạnh về sự quan trọng của quốc văn : «Tiếng nói là phần cốt yếu làm thành ra một dân một nước..,

Sau khi cân nhắc các lẽ theo lý, theo tình, ông tha thiết kêu gọi : «ôi ! có nhà triết học đã nói : người ta có cái lòng ham sống mới sống được, đã không có cái lòng ham sống thời tiêu diệt có khó gì ! Các ông muốn làm người Việt Nam, cố giữ lấy cái quốc âm Việt-Nam thời mới khó, chứ đã không muốn làm người Việt Nam, muốn bỏ tiếng mình mà học tiếng người, thì có khó gì ?» Ông nêu cái hậu quả tai hại nếu lấy tiếng Pháp làm quốc văn là sẽ tạo ra một giống dân lai căn, trên không chằng, dưới không rễ và kết luận : «Muốn giữ lấy chân chủng thì mới khó chứ muốn làm giống lai căn thì có khó chi ?..» (Nam-Phong 1918).

Trong thời gian ở Paris, ông diễn thuyết nhiều lần ngày 22-7-1922, trước Hàn-Lâm-Viện Pháp quốc, ông đã nói vấn đề : Comment doit-être taite l'éducation des Annamites par la France ; Ông đã xác định : «dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được ; dân chúng tôi là một quyển sách cổ đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế kỷ nay, không có thuốc gì xóa hẳn được thứ chữ ấy đi, không ai có quyền tự do muốn viết gì vào đấy thì viết được ! Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp thời trang, nhưng không thể đem in một thứ chữ ngoài lên trên các dòng chữ cũ được.»

Phạm-Quỳnh đòi hỏi sự giáo dục phải có tính cách *«dân tộc»* không được «làm cho *chúng tôi «mất» giống đi* mất cái đặc tính cái quốc tính của chúng tôi đi, làm

thành ra một dân tộc «vô hồn» không còn có tinh thần đặc sắc gì nữa, như mấy cái thuộc địa cổ của quí quốc kia...» Tiếp theo, ông kêu gọi *dạy bậc tiểu học bằng tiếng Việt và nhấn mạnh vào tính cách, quan trọng sinh tử* của vấn đề giáo dục đối với vận mệnh tương lai của nước Việt, vấn đề mà ông nhận thấy «chưa từng được ai xét đến một cách công bằng chân chính.»

Bài này đăng trong Nam Phong số 71, 1923. Nếu xét về ảnh hưởng đối với quốc dân, chúng tôi thiết tưởng những bài ca tụng tiếng Việt ấy không ai phủ nhận được là không có tác dụng nhắc người Việt nhớ bảo tồn, quí trọng lấy tiếng Việt.

Trong tình trạng mất nước, Phạm Quỳnh không những yêu cái tiếng bị khinh bỉ, ông còn lắm khi mang tiếng là thủ đối với những phong tục tập-quán cổ truyền mà phải trí thức mới thời đó muốn bãi bỏ. Lấy một ví dụ, khoảng 1929, 1930, trong cái xã hội Việt Nam đang muốn âu hóa triệt để đã nảy sinh một phong trào từ Nam đến Bắc hô hào dùng dương lịch bỏ hẳn âm lịch và ngày Tết Nguyên Đán. Chống lại phong trào này. Phạm Quỳnh đã viết một bài thật dài, ca tụng Tết có nhiều ý nghĩa thâm thúy, thiêng liêng, Tết là gốc luân lý của gia đình và chủ trương duy trì tục lệ này. Bài đăng báo France Indochine ngày 7-2-1930.

Nhân vụ biến động xảy ra ở Yên Bái hồi tháng 2-1930, Phạm Quỳnh viết trong báo France Indochine ngày 14-3-1930 «Bài học về thời cuộc» xét về nguyên nhân xảy ra cuộc biến động, ông đã biết trước từ lâu rồi, sao cũng có ngày xảy đến, vụ biến động chính bắt nguồn từ chủ nghĩa quốc dân của người Việt: «Có một cái Việt Nam Quốc Dân chủ nghĩa, có thật chớ

không phải nói mơ màng đâu, có nó cũng là lẽ chánh đáng, thế mà từ hồi đó tới giờ, người ta không để ý đến, ấy là một điều lầm. Không những bây giờ mới có mà xưa nay vẫn đã có mà. Người nước chúng tôi vốn có cái tình yêu nước rất là mặng nồng hăng hái.

Cứ đọc lịch sử thì biết, bao nhiêu phen bị Tàu cai trị mà dân nổi lên như lửa dậy dầu sôi, nhờ vậy mà vua chúa chúng tôi ngày trước khôi phục được non sông, tạo lập được cơ đồ và thống nhất được toàn quốc nữa». Trong phiên họp bàn về vụ biến động giữa các đại biểu Tây, Nam mục đích thảo luận điện văn gửi về Pháp «thay mặt dân mà tỏ lòng tín nhiệm chính phủ và xin làm mọi cách trừng trị nghiêm nhặt», hết thảy đại biểu ta không chịu ký vào bức điện văn ấy. Báo Pháp Volonté Indechinoise thấy vậy tức lắm viết : «Buổi nhóm hôm ấy mà có đại biểu An-Nam chẳng khác chi một bọn kẻ trộm đứng trước tủ bạc của một ông tài chủ». Phạm-Quỳnh lên tiếng một bài đăng báo France Indochine, đại ý trả lời : «Ô hay ! Chúng tôi ở đây là đất nước chúng tôi, chớ sao lại ví như bọn kẻ trộm đứng trước tủ bạc của một ông tài chủ ?...»

Ông Nguyễn-Văn-Trung căn cứ vào nghi vấn sau đây để phủ nhận lòng yêu nước, yêu quốc văn của ông Phạm-Quỳnh : «Tại sao ông Quỳnh yêu quốc văn, muốn lấy quốc văn làm phương tiện gây dựng độc lập, ông Kế cũng yêu quốc văn, cũng muốn lấy quốc văn làm phương tiện gây dựng độc lập, mà hai ông lại chống nhau ; «Rồi cũng cho rằng Phạm-Quỳnh chỉ yêu giả Ngô-Đức-Kế mới yêu thực.

Theo sự hiểu biết nông cạn của chúng tôi, đó không phải là điều đáng lạ. Ông Ngô-Đức-Kế yêu nước vụ vào tích cực chống Pháp đòi độc lập bằng hành

động, ông Phạm Quỳnh yêu nước vụ vào duy trì gốc nước, gây dựng hồn nước để khỏi vong bản. Hai đường lối ấy có những lẽ phải riêng của nó, không thể bảo phe này tốt thì tất phe kia xấu. Lịch sử dân tộc Việt đã cho thấy : sau thời gian nhiều thế kỷ lệ thuộc Trung-Hoa, nước ta sở dĩ không mất gốc, không bị đồng hóa. là nhờ sức chống đối bền bỉ, uyển chuyển cố hữu của dân tộc, trong khi vẫn học lấy những cái hay cái đẹp của ngoại nhân để bổ vào những thiếu kém của mình. Ông Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng đã có một *sự nghiệp tranh đấu chính trị ;* ông Phạm Quỳnh để lại cho chúng ta một *sự nghiệp văn học, nghệ thuật.*

Chúng tôi thấy ông Nguyễn-Văn-Trung đã quá lạm dụng uy tín ái quốc của các ông Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng để dùng làm hậu thuẫn cho ức đoán thiếu công bằng của ông về Phạm - Quỳnh. Trong toàn bài, hầu như ông thuần trông cậy vào cái danh «làm cách mạng», «mười năm Côn Đảo» v.v... của các ông Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng đối với quốc dân để «làm chứng sự thực». Các ông Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng, Phạm Quỳnh đều đã khuất tiếng nói bảo đảm nhất của sự thật đã im lặng vĩnh viễn, đấy là một điều đáng tiếc lắm vậy.

Tuy nhiên, đem phân tích một số bài có bàn về chính-trị của Phạm-Quỳnh, chúng ta có thể cũng thấy rõ *lập trường chính-trị của ông.*

Phạm-Quỳnh chủ trương : nhà văn muốn thờ nước không có cái phương tiện nào hay bằng giúp cho nước có một nền quốc học xứng đáng. Ông viết trong bài luận thuyết «Quốc học với Quốc văn» :

«Chúng tôi vẫn đinh ninh từ xưa đến nay rằng không có quốc văn thì không sao có quốc học được,

không có quốc học thì không sao có độc lập về tinh thần được, không có độc lập về tinh thần thì không sao có độc lập về chính trị được.

«Vậy thời phàm kẻ trí thức trong nước, đã không có cái hi vọng cho nước được độc lập về chính trị thì chớ, nếu quả có cái hi vọng ấy thì trước phải cầu cho nước được độc lập về tinh thần, muốn cho nước được độc lập về tinh thần thì phải cầu cho nước có một nền quốc học thì trước phải gây cho nước có quốc văn.

Đó là cái chủ nghĩa của tôi bấy lâu nay, mà là cái tín điều thứ nhất trong đạo Quốc-Gia của tôi vậy». (Nam Phong số 164, 7-1931).

Vì những vụ biến động xảy ra hồi năm 1930 đã gây nhiều xáo động trong chính giới nước Pháp, tháng 9-1931, viên Tổng Trưởng thuộc địa Pháp Paul Reynaud đích thân sang Việt Nam quan sát tình thế. Trong buổi tiếp đón long trọng, ông Bùi Q.C. đọc diễn văn, Paul Reynaud nghe xong đáp lại, có nói một câu : «Nghe lời diễn thuyết của ngài mà tôi ngờ trong hai chúng ta đây có lẽ ngài Tây hơn tôi...» Ông Phạm-Quỳnh đã viết một bài thấm thía về vụ này tựa là Quốc-Học với chính trị đăng trong Nam Phong số 165, tháng 8, 9-1931, muốn hiểu chí hướng của Phạm-Quỳnh tưởng nên đọc lại kỹ bài này, xin trích dẫn một vài đoạn :

«Nếu quả lời nói ấy phải, nếu một vị lãnh tụ Việt Nam mà lại Tây hơn người Tây, thì thôi, vấn đề quốc học còn phải bàn làm chi nữa. Chúng ta chỉ nên hóa theo người Tây hết cả, mà lấy quốc học của nước Pháp làm quốc học của ta, vì nước Pháp sẽ không những là mẫu quốc về chính trị của ta, mà lại là mẫu quốc về

tinh thần của ta nữa. Bấy giờ thời con em trong nước ta học sử Tây, có thể đọc thuộc lòng câu : «Tổ tiên ta là giống Gô-Loa...» mà không ngượng miệng vậy.

Nhưng than ôi ! bấy giờ hồn bà Trưng, bà Triệu, vua Lê Tổ, vua Quang Trung dưới chín suối cũng phải xót xa mà than khóc cho lũ con cháu vô loài này.»

Phạm Quỳnh minh xác thái độ :

«Không bao giờ tôi biến thành người Pháp được, Người Pháp là người Pháp, tôi vẫn là tôi.

Thiết tưởng cái tâm lý đó cũng là cái tâm lý chung của tất cả mọi người biết nghĩ trong nước ta... Bởi thế nên ta thiết tha về vấn đề quốc học là ta muốn mua cách độc lập về tinh thần, muốn giữ lấy cái cốt cách Việt Nam của ta, không để cho nó đồng hóa theo người mất. Vì một nước một dân đã đến mất cả cốt cách tinh thần thì không còn mong thành lập được nữa.»

Phạm Quỳnh nếu về sau (từ 1932) có chính thức ra làm chính trị thì cũng vẫn là trong cái chí phụng sự quốc gia. Ta hãy nghe ông nói : «Làm chính trị phải có cái quan niệm chân chính về quốc gia, phải biết những cái nguyên tố gì có thể làm cho tinh thần quốc gia được mạnh mẽ mà trân trọng thiết tha gia công bồi bổ vào. Nếu không mà chỉ nhất thiết nối gót theo người, không những tôn chỉ chủ nghĩa là mô phỏng của người mà đến cử động hành vi cũng in hệt như người cả thì làm chính trị như vậy là trái với sự lợi ích cao xa của nước nhà cũng nòi giống.»

Ông nhận định rõ rệt : «việc cải cách về tinh thần là gồm ở vấn đề quốc học, việc cải cách về chính trị là gồm ở vấn đề lập hiến». Ông không biện hộ cho chế độ thuộc địa của thực dân như ông Nguyễn Văn Trung

đã tưởng. Trái lại ông phản đối chính sách ấy, hãy nghe ông mỉa mai những kẻ muốn Tây hơn cả Tây : «Chỉ xin quí quốc mở trường cho nhiều để dạy tiếng Tây cho dân ta, phái quan lại sang cho nhiều để cai trị dân ta, về đường giáo dục thi hành cái chính sách đồng hóa, về đường chính trị thi hành cái chính sách trực trị, cho nước ta chóng thành một cái thuộc địa hoàn toàn, như các thuộc địa cũ của nước Pháp : Guadeloupe, Martinique, Réunion vậy...»

« Nhưng muốn theo cái chủ nghĩa quốc gia chân chính, thì hai vấn đề đó là cần. Về đường tinh thần, phải gây lấy một nền quốc học xứng đáng, về đường chính trị phải ban bố một cái hiến pháp phân minh. Quốc-học là để bồi bổ cốt cách tinh thần trong nước, hiến pháp là để định rõ về quyền chính trị trong nước hai đàng đều là để tổ chức lấy một đời quốc gia (vie nationale) cho có thể thống.

...Cho nên chính trị với học thuật vẫn là liên can với nhau. Cái chính trị quận huyện, cái chính trị kiêm tính, diễn ra chính sách đồng hóa và chính sách trực trị, là chính trị hại cho quốc học, là chính trị tiệt diệt quốc học, vì là chính trị giải tán quốc gia. Trái lại thời lợi cho quốc học là chính trị lấy quốc gia Việt Nam làm bản vị.»

Nhân Paul Reynaud ra Bắc ông Phạm Quỳnh viết một bài đăng báo Nam Phong, số 166, tháng 10, 1931 nhan đề : Bức thư ngỏ gửi quan thuộc địa tổng trưởng (thư này cũng đăng trong báo France Indochine ngày 6-11-1931). Ông giải rõ cho Paul Reynaud biết cái phong trào đòi tự quyết của dân Việt Nam. Xin kể ra một vài đoạn :

«Về phương diện quốc gia thì sự khủng hoảng ấy có thể tóm lại một câu như sau này : Chúng tôi là một dân tộc đương đi tìm tổ quốc mà chưa thấy tổ quốc đâu. Tổ quốc ấy đối với chúng tôi không thể là nước Pháp được (Au point de vue national, cette crise peut se résumer ainsi : Nous sommes un peuple qui va à la recherche d'une patrie et qui ne l'a pas encore trouvée. Cette patrie, M. le Ministre, ne peut pas être pour nous la France. Que cette parole ne vous offusque pas. Elle ne comporte aucune intention mauvaise, elle est l'expression de la stricte vérité...)

Báo Nam Phong số 167, tháng 11, 12-1931 lại đăng bài rất dài do ông Dương-Bá-Trạc viết, nhan đề : Lời điều trần cùng thuộc địa Thượng thư. Độc giả có thể xem thêm để rõ về đường lối chính trị của nhóm Nam Phong tạp chí.

Trong thời kỳ nước ta chịu sự bảo hộ của người Pháp, những thái độ chính trị của người Việt đối với với Pháp không chỉ đơn giản có đen với trắng : chống hoặc theo. Buổi đầu Cần vương kia thì có thể bảo như vậy. Nhưng tới thế hệ Phạm-Quỳnh, mọi việc đã khác. Những nhà ái quốc lớp đầu, lớp sau thiết tưởng chủ trương đường lối của họ cũng có khác đấy chứ ! Người ta mở rộng tầm mắt nhìn sang nước ngoài, để cố tìm một giải pháp thích hợp với tình huống nước mình, sau bao thất bại liên tiếp. *Lập trường của Phạm-Quỳnh đã rõ rệt : ông chủ trương Pháp Việt đề huề, Việt Nam theo chế độ quân chủ lập hiến,* người Pháp phải trả quyền tự trị cho Việt Nam và Việt Nam sẵn sàng hiệp tác với Pháp trong một cộng đồng kinh tế chung. Lời nói và việc làm của ông Phạm-Quỳnh trong lãnh vực văn học cũng như trong lãnh vực chính trị luôn đi đôi, không

lấy gì là khuất khúc cả, ta phải công bằng nhìn nhận thế, dù ta không đồng quan điểm chính trị với ông.

Những văn nô miền Bắc đã thêu dệt nhiều lời buộc tội cơ hồ, thiên lệch để biện hộ cho *tội ác của họ trong vụ xử bắn Phạm-Quỳnh* ngày 23 tháng 8 năm 1945. Họ đã xuyên tạc sự thực. Chúng ta nên phân biệt cho rành rẽ để hiểu đâu là những giá trị trường cửu, đâu là những giá trị nhất thời, nhiên hậu mới tránh được kết luận *cực đoan, quá khích và hẹp hòi.*

Về chính trị, thiết tưởng ta *không nên trách mà cũng không cần trách chủ trương quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh* cũng như ta không thể đòi hỏi các cụ đời xưa tuyên bố chính thể cộng hòa vậy. Như thế mới thực là đặt mình vào hoàn cảnh lịch sử thời đó mà phê phán.

Về văn học, không nên làm con chuột đẻ ra trái núi, dựa vào một giả thiết *chính trị không hề chứng minh để phủ nhận giá trị xây dựng của Phạm Quỳnh,* người đã có công đặt được một nền móng kiên cố cho kim văn, cho đến nay e rằng chưa ai đã có được một văn nghiệp vững vàng như thế.

Vả chăng, nếu như đem trình độ này nhìn vào những bài biên khảo viết từ thuở ta chưa ra đời, ta có thấy còn khiếm khuyết thì đó cũng *là lẽ thường.* Chính trong lời «Tự ngôn» của Phạm-Quỳnh khi cho in bộ Thượng Chi Văn Tập, ông cũng đã nói: «Quốc văn sau này còn tấn tới nhiều, quốc học sau này còn mở mang rộng. Nhưng cái bước đầu khó khăn cũng nên ghi nhớ lấy, để có thể so sánh trước sau hơn kém thế nào. Sau hơn trước là lẽ cố nhiên, nhưng có trước mới có sau thời trước đối với sau cũng không phải là tuyệt vô quan hệ. Cho nên tôi cũng xin vui lòng lựa lấy ít

nhiều bài gọi là nghe được, cho in thành sách, đều là Thượng Chi Văn Tập để cống hiến các độc giả có bụng chiếu cố.»

Ta thấy rõ, Phạm Quỳnh không hề cho rằng sau này không thể ai hơn ông. Ở một dịp khác, ông cũng đã khiêm tốn tỏ bày : «Tôi thiết tưởng bọn chúng tôi cũng đã cố gắng lắm. Nếu quả làm không nên, thời xin cũng khoan dung cho. Nên khoan dung cho người trước, và nếu có tài cán thời cố làm cho hay hơn lên. Nhưng phải nên nhớ rằng phàm làm gì mà trái với tổ tiên đất nước nhà, là chuyện hảo huyền vô bễ cả, chỉ khiến cho mình tự dối mình và làm tiêu mất cả cái nhuệ khí vậy»... (trích bài Chuyện tâm tình, Nam Phong số 117, tháng 5-1932).

Xét chủ đích của Ông Nguyễn-Văn-Trung

Trong phần cuối cùng, ông nêu rõ chủ đích : đòi xác định lại một thái độ đối với Phạm - Quỳnh. Ông viết : «Thiết tưởng cần phải xét lại trường hợp Phạm Quỳnh trong công tác biên soạn văn học sử, giảng dạy ở nhà trường và xuất bản lại những sách vở của Phạm Quỳnh. Không thể vô tình cứ đề cao Phạm-Quỳnh như một «học giả»... và ông vạch một tiêu chuẩn mới : «phải gắn liền con người chính trị với con người làm văn của Phạm-Quỳnh mới xác định được một thái độ đứng đắn hợp lý đối với Phạm-Quỳnh.»

Ông nhận rằng «hầu hết bài của Phạm Quỳnh cũng như những người cộng tác với Nam Phong đều được biên soạn sáng tác vì chủ đích văn học. Nhưng lại cho rằng có một «dự định nền tảng của việc thành lập tờ Nam Phong và dự định đó, thực chất là chính trị» và để minh chứng cho điều quả quyết ấy, ông đã đưa ra lập luận sau :

«Cần phải giới thiệu Phạm Quỳnh như là một học giả thực, có khả năng thật trong văn học và nhất là nếu được, có lòng yêu quốc học càng hay. Khi đã tạo được cái uy tín văn hóa rồi chỉ cần một bài thôi như «Khái luận về văn minh học thuật nước Pháp» nhằm đề cao sự hợp tác với Pháp biện hộ cho chế độ thuộc địa là đủ và tất cả công trình nghiên cứu văn học thuần túy kia lúc đó sẽ công dụng nâng đỡ, sẽ là cái thế lực văn hóa cho bài biện hộ trên».

Chúng tôi đã một lần được ngạc nhiên nghĩ rằng ông Nguyễn-Văn-Trung chưa từng *đọc chính báo Nam Phong có lẽ chỉ biết văn nghiệm của Phạm Quỳnh* qua Thượng Chi Văn Tập khi thấy ông viết : «tờ Nam Phong ra đời Marty chủ nhiệm Phạm Quỳnh chủ bút»... Tới đây ông Trung lại *tỏ rõ không đọc Nam Phong*. Xuyên qua lời lẽ lập luận trích dẫn trên, độc giả ai cũng phải cho rằng Phạm-Quỳnh khôn khéo, sợ lộ hình tích «tay sai của Pháp» nên trước hết đã tỏ ra «có vẻ yêu nước» để gây tín nhiệm với quốc dân, rồi sau đó, khi đã có uy tín, mới tích cực tuyên truyền cho Pháp, đầu độc thanh niên, như bài khái luận nói trên.

Bài khái luận về văn minh học thuật nước Pháp mà hai lần ông Nguyễn-Văn-Trung lấy làm dẫn chứng, thực ra hoàn toàn không như ông đã tưởng; nó đã được in ra ngay trong số ra mắt của Nam Phong, phát hành đầu tháng 7 năm 1917, mục Luận-Thuyết. Như thế đã rõ, ông Nguyễn-Văn-Trung đã vô tình hay hữu ý mắc vào lỗi ngụy biện. Nghiên cứu kỹ những bài văn của Phạm-Quỳnh theo thứ tự thời gian, người ta mới thấy cái lập trường tư tưởng của Phạm-Quỳnh càng ngày càng tỏ rõ, người ta mới *hiểu chí hướng dẫn*

đạo cho đời làm báo cũng như làm chính trị của Phạm Quỳnh. Tiếc thay nửa đường đứt đoạn Phạm Quỳnh đã chưa nói đủ và làm đủ những dự định của ông.

Có Đông Dương tạp chí, Nam Phông tạp chí mới có Tự-Lực Văn-Đoàn. Có Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí mới có Phong Trào Truyền Bá chữ quốc ngữ. Đó là những thành quả hiển nhiên của công trình phá đường mở lối gầy dựng bởi những người nhiệt thành với quốc văn buổi ban đầu.

Chúng tôi chờ đợi được ông Nguyễn-Văn-Trung phân tích chỉ rỏ đâu là những *hậu quả văn học chính trị tai hại gây ra bởi Phạm Quỳnh,* như ông đã đã nhắc đi nhắc lại sau khi tuyên bố đi, tuyên bố lại sự có thẩm quyền xử án của ông. Nhưng cho tới dòng chót, chúng tôi không hề được biết ! . . . Điểm then chốt của vấn đề đặt ra không được ông giải đáp. Chúng tôi chỉ được thấy ông say mê với giả thuyết của ông quá và *thiếu nhã độ* đối với những người làm văn học trước ông cũng như đối với *ngay cả Bộ Quốc Gia Giáo Dục và học giới hiện đại.* Đây là những bằng chứng :

Bàn về ảnh hưởng của Nam Phong tạp chí ông Dương Quảng Hàm đã kết luận :

«Về đường văn tự, tạp chí ấy đã : a) — đã nhập vào tiếng ta nhiều danh từ triết học, khoa học, mới mượn ở chữ Nho ; b) luyện cho tiếng ta có thể diễn dịch được các lý thuyết, các ý tưởng về triết học, khoa học mới.

Về đường học vấn, tạp chí ấy đã : a) — phổ thông những điều yếu lược của học thuyết Âu Tây ; b) — diễn

đạt những điều đại cương trong các học thuyết cũ của Á-Đông (Nho học Phật-học v.v...) và bảo tồn những điều cốt yếu trong văn hóa cũ của nước ta (văn chương phong tục, lễ nghi). (Việt Nam văn-học sử yếu, trang 415).

Ông Vũ-Ngọc-Phan sau khi phân tích văn nghiệp Phạm-Quỳnh, đã nhận xét : «Nam Phong tạp chí được rực rỡ như thế cũng vì được người chủ trương là một nhà văn, học vấn đã uyên bác, lại có biệt tài có lịch duyệt. Thật thế, Phạm-Quỳnh là một nhà văn có thể bàn luận một cách vững vàng và sáng suốt bất cứ về một vấn đề gì, từ thơ văn cho đến triết lý đạo giáo, cho đến chính-trị, xã-hội, không một vấn đề nào là ông không tham khảo tường tận trước khi đem bàn trên mặt giấy» (Nhà văn Hiện đại, quyển 1, trang 126).

Khi cho tái bản Bộ Thượng Chi Văn Tập, sở Tu thư Dịch thuật và ấn loát Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã viết trong lời nói đầu :

«Bộ sách này gồm những bài mà ông Phạm Quỳnh khiêm nhượng cho là «nghe được». Thật ra ai đã đọc qua Bộ Thượng Chi Văn Tập cũng phải nhận rằng hầu hết các bài bình luận, dịch thuật và khảo cứu của ông đều có giá trị chắc chắn. «Ngày nay, thể theo lời yêu cầu của một số đông trí thức và với sự chấp thuận của Bộ Giáo-Dục, chúng tôi cho tái bản Bộ Thượng Chi văn tập...

Gần đây linh mục Thanh Lãng cũng như những phê bình gia khác đều khách quan nhận xét về Phạm-Quỳnh, vụ án Kiều... dẫn ra không thể siết.

Ông Nguyễn-Văn-Trung lớn tiếng cho rằng mọi người đã «vô tình đề cao Phạm Quỳnh» một cách phi lý, không đúng đắn và «với thái độ vô ý thức» !!

Chúng tôi không phải dựa vào số đông mà cho rằng đúng, nhưng nếu quả ông Nguyễn-Văn-Trung đã khám phá được sự thực về văn nghiệp Phạm Quỳnh, hãy lập luận cho ngay thẳng, bày giải cho phân minh, dẫn chứng cho chính xác và nhất là với một thái độ xứng đáng hơn, chúng tôi sẵn lòng lĩnh giáo. Còn như ông lấy việc không đặt tên đường phố nào là Phạm Quỳnh để hiểu rằng mọi người cũng «nghĩ như vậy» với ông cả thì chúng tôi xin chắp tay không giám nhận. Công Luận và thời gian vẫn sáng suốt lắm, chúng tôi tin tưởng điều đó.

Ôi ! Lời nói cho có giá trị phải là lời nói của bậc đại nhân lòng đã thôi không còn vận đục nữa, trí đã định hẳn rồi. Chúng ta hãy chân thành thắp hương trai giới trong ba ngày, ba ngày chưa đủ hãy ba mươi ngày, ba mươi ngày chưa đủ hãy ba mươi năm, kỳ đến khi mình có được cho mình sự sáng suốt chí công, bấy giờ còn muốn nói gì hãy nên nói. Còn như, *trí kiêu, tâm loạn, chao ôi ! nói chỉ hại đời thôi*... Sao chẳng hãy im lặng nghe xa vời thăm thẳm lặng nhìn trời cao xanh kia... Thiên hà ngôn tai !

Xưa có câu : Nhất thời khuyến nhân dĩ khẩu, bách thế khuyến nhân dĩ thư. Ông Nguyễn-Văn-Trung *có dạy học, viết sách về văn học,* bởi thế chúng tôi e ngại khi hưởng của các sách ấy, *nếu ông vẫn theo quan điểm mới của ông để gieo rắc những ý kiến chưa đủ chính trực và đứng đắn ! !*

Người chất phác thường hay nói thật như ý nghĩ mình nghĩ, những lời thật thường hay mất lòng. Tuy nhiên, vạn bất đắc dĩ phải lên tiếng, chúng tôi ước mong ông *thông cảm rằng* đây chỉ là vài ý kiến chân thành đưa ra bàn luận với hi vọng may ra góp được chút ít gì đối với vấn đề ông đã đặt ra.



B.— TẠP CHÍ VĂN HỌC :

Bài : Trường Hợp Phạm Quỳnh, Thanh Lãng, Văn Học 3, 4, 5, 6 (tháng 1, 2, 3, 4-1963).

Một cuộc tranh luận vừa làm rầm lên. Giáo sư Nguyễn-văn-Trung diễn thuyết với chủ đích tìm hiểu lý do sâu xa, thầm kín của cuộc tranh luận Phạm Quỳnh, Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều.

Một số cây bút đã đứng ra bênh Phạm Quỳnh buộc tội giáo sư Nguyễn-Văn-Trung một cách vô bằng chứng cũng như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã kết án Phạm Quỳnh vô bằng chứng.

Thực ra, chúng tôi đã đọc các bài đả kích giáo sư Nguyễn-văn-Trung trước khi được đọc chính bài của giáo sư. Chính hôm nay (14-11-1962) lúc cầm bút viết bài này, tôi mới được đọc bài của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung.

Sau khi đọc tất cả các bài của đôi bên, chúng tôi có hai cảm giác tương phản nhau ; vừa vui vừa buồn.

Vui vì thấy có những vấn đề Văn-học được đặt ra và được nỗ lực đem ra giải quyết. Ai mà chẳng nhận thấy tình trạng lắng đọng của Văn học thế hệ chúng ta ! Thực là một cảnh chợ chiều. Người đọc chẳng có đọc say sưa, đến người viết cũng chẳng hứng thú lắm để viết. Viết hay chẳng mấy ai tán thưởng mà viết dở cũng chẳng ai buồn công kích. Trong tình trạng ấy, mà có một cuộc bút chiến vừa làm rầm lên kể ra cũng là một điều đáng mừng, hy vọng đập vỡ được cảnh ao tù của của Văn học thế hệ chúng ta.

Tuy nhiên thái độ các người cầm bút không khỏi làm cho độc giả phải băn khoăn. Riêng chúng tôi rất cảm khích những người đã đứng ra để bênh vực nhà văn Phạm Quỳnh mà chúng tôi vẫn coi như là ông tổ của Văn học cận đại.

Cái tiết là các vị đó đã không đứng trên cương lĩnh của nhà nghiên cứu văn học, Sau khi trách giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã chụp mũ Việt gian lên đầu Phạm Quỳnh, thì các vị đó lại chụp mũ Cộng Sản lên đầu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung. Các vị đó đã trách giáo sư Nguyễn-văn-Trung và kết án giáo sư Nguyễn-văn-Trung vào hai tội mà các vị đó cho là vừa ngang nhề, vừa đê hèn,

Tội thứ nhất : Kết án Phạm Quỳnh, là nhận lập trường là tán thưởng đường lối của Cộng sản, và ưng thuận bản án sát hại Phạm-Quỳnh năm 1945 do Cộng sản chủ trương là đồng lõa với Cộng sản.,,

Tội thứ hai : giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã hèn ở chỗ kết án một người đã khuất, một người không tiếng nói để biện bộ cho mình.

Chúng tôi thấy hai bản án mà người ta muốn đem chụp lên đầu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đều vô nghĩa và tỏ ra các tác giả của chúng ta có một quan niệm «rất chết» về «sinh hoạt văn học».

Vấn đề quan hệ là tìm xem sự phân tích của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung về Phạm Quỳnh có đủ bằng chứng khách quan hay không, chứ không phải ở chỗ ngó xem nó đối kháng hay thuận chiều theo bản án của Cộng sản năm 1945. Nếu đứng trên cương lĩnh một nhà nghiên cứu, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung nắm được trong tay nhiều dữ kiện và sự kiện để buộc tội chủ trương cộng tác của Phạm Quỳnh là phản quốc, thì dù việc phân tích ấy — đứng về phương diện khách quan có biện minh cho bản án của Cộng sản thì ta phải chịu chứ sao !

Còn như coi việc đả kích Phạm Quỳnh hèn nhát vì Phạm Quỳnh đã chết, vì Phạm Quỳnh không còn biện hộ cho mình được, đó chỉ là một quan niệm hẹp hòi cổ lỗ về sinh hoạt văn học.

Một tác phẩm văn học, phương chi một tác giả văn học, không phải là những đồ vật câm, những xác chết. Chính lúc cái xác sinh lý của nhà văn đi vào cõi chết, thì nhà văn và tác phẩm của ông đi dần và đi sâu vào cõi sống. Nguyễn-Du cũng như tác phẩm Kim-vân-Kiều của ông không có chết mà càng ngày càng sống hùng mạnh. Tiếng nói của Nguyễn-Du, tài năng của Nguyễn-Du, tâm sự của Nguyễn-Du, chí hướng của Nguyễn-Du đang được nói rầm lên do tiếng nói của

Đoạn Trường Tân-Thanh.

Như vậy, Phạm-Quỳnh và sự nghiệp của Phạm-Quỳnh đâu có chết, tiếng nói của Phạm-Quỳnh đâu có bị câm lặng. Sự nghiệp của Phạm-Quỳnh cũng đang nói rầm lên cho ta nghe tiếng nói của Phạm-Quỳnh, tài năng của Phạm-Quỳnh... để biện minh cho ông hay để thú lỗi ông, dù muốn dù không ta chẳng làm gì được. Tư tưởng của một nhà văn, một khi đã phóng ngoại, nó thành ra đối tượng của địa điểm phóng ngoại là nhà văn, nhà văn chẳng tự mình rút về được huống hồ là tha nhân của nhà văn. Do đấy, việc lo cho nhà văn không có tiếng nói, tưởng như bênh vực cho nhà văn mà, tựu trung, lại là một hành động mạ lị, hay sát hại nhà văn chưa biết chừng.

Chúng tôi cho rằng những nỗ lực tìm hiểu các nhà văn, tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của các sự kiện văn học, phân tích các khía cạnh của các cuộc đời văn học, như giáo sư Nguyễn - Văn - Trung chủ trương làm là một điều hay, đáng nên khuyến khích hòng rọi ánh sáng vào hầm tăm tối bao phủ trên văn học Việt Nam.

Tuy nhiên, chấp nhận việc làm khách quan của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung không có nghĩa là chúng tôi tán đồng quan điểm của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung về ý nghĩa vụ án truyện Kiều, về giá trị sự nghiệp văn học của Phạm Quỳnh.

— Bài «Văn học và chính trị...» của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung mới chỉ đặt ra vấn đề với những suy tư và phân tách chủ quan chứ chưa viện ra được những dữ kiện mới có giá trị biện minh.

Quan điểm mà giáo sư Nguyễn Văn Trung gọi là quan điểm mới, thực ra không mới. Đã từng có người chủ trương như vậy trước rồi. Vấn đề này tôi đã có dịp đề cập đến trên tạp chí Đại Học số 9, tháng 5, năm 1959, trang 13 — 17, để trả lời nhà giáo Lữ Hồ về bài báo của ông đăng trên Tạp Chí Sáng Tạo, số 20 tháng 5, năm 1953. Tác giả bài báo Sáng Tạo viết : «Một mặt họ (chỉ chính phủ thuộc địa) khuyến khích việc phát huy tinh thần cố hữu qua chữ quốc ngữ ; bọn học phiệt Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh với sự ám trợ của Vayrac, Schneider, Marty, Hoàng-Trọng-Phu, hăng hái cổ võ. Ông Vĩnh hét : «Nước ta sau này hay hay dở là ở chữ quốc ngữ, ông Quỳnh cũng lấy truyện Kiều làm thánh kinh và tuyên dương : «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn». Và họ đem dịch văn Tây ra quốc ngữ (mua lòng quan thày), dịch sách Tàu ra quốc ngữ (mua lòng nho sĩ, chí sĩ lãnh đạo). Trong Nam, Trương Vĩnh-Ký, với sự giúp đỡ của Luro, Paul Bert, cũng hăng hái bội phần. Mấy mươi năm sau từ Đông Dương tạp chí qua Nam Phong tạp chí tới Tri Tân và nhiều tạp chí văn học tiếp tay nhau lần lượt phiên âm ra quốc ngữ những tác phẩm nôm từ đời Hàn Thuyên cho đến cận đại.»

Như vậy, theo nhà giáo Lữ Hồ, chẳng riêng gì Phạm-Quỳnh với Nam Phong đã làm văn hóa trong chánh sách ngu dân của Pháp mà hầu như tất cả các cây bút đã viết cho các báo kể từ Gia Định báo đến «Đông Dương tạp qua Nam Phong tạp chí tới Tri Tân và nhiều tạp chí văn học.»

Nhắc lại chi tiết này, chúng tôi chỉ có ý nhận định rằng quan điểm mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung coi là quan điểm mới, thực ra nó không mới lạ lắm.

Bởi rất quan tâm đến các vấn đề văn học mà tự mình xét thấy còn bất lực trước quá nhiều vấn đề, nên mỗi khi thấy có người ta khêu ra một vấn đề là làm cho chúng tôi vui sướng. Đọc bài của giáo sư Nguyễn Văn-Trung, tuy không đồng quan điểm, nhưng chúng tôi vẫn hứng thú ở cái nỗ lực của ông trong việc phân tích và suy tư rất tỉ mỉ.

Tiếc rằng các suy tư và phân tích ấy mới chỉ là những suy tư và phân tích thuần lý và chủ quan mà chưa được biện minh bằng các sự kiện.

Trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này chúng tôi chưa muốn bàn đến sự nghiệp văn học của Phạm Quỳnh. Trong tác phẩm về nền văn học thế hệ 1913 sắp xuất bản nay mai chúng tôi đã dành phần lớn của tất cả 10 chương để nói về sự nghiệp của Phạm Quỳnh mà chúng tôi cho là ông tổ của văn học cận đại, là vị lãnh đạo của văn học mới.

Với bài này, chúng tôi chỉ muốn với giáo sư Nguyễn Văn-Trung cùng nhìn lại một ít vấn đề mà chúng tôi thấy còn phủ đầy bóng tối chứ chưa được trong sáng thanh quang như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung nghĩ tưởng, và hy vọng giáo sư Nguyễn-Văn-Trung sẽ đào sâu cuốc bẫm cho vấn đề được minh xác hơn.

Đọc lại bài diễn văn của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung

Công việc chính yếu mà chúng tôi làm hôm nay là đọc lại kỹ bài diễn văn này, và dừng lại để gọi là đặt ra một ít nghi vấn trước những nhận định của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung.

— Giáo sư Nguyễn-Văn-Trung trích câu của Phạm Quỳnh : « Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn

nước ta còn » và giao sư Nguyễn-Văn-Trung đã viết mấy câu như vậy để chú thích ý nghĩa của câu nói trên : « Luận điệu của ông Phạm Quỳnh vừa là một xuyên tạc lịch sử, vừa là một ngụy biện có thể có một tác dụng chính trị rất tai hại. Ông Quỳnh nói truyện Kiều là quốc hồn quốc túy, truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn và ông muốn hiểu theo nghĩa truyện Kiều làm nên TẤT CẢ dân tộc và TẤT CẢ văn học Việt Nam. Vậy trong hiện tình mất nước, nếu truyện Kiều vẫn còn (chứng cớ là chúng ta thời đó đang được đề cao, thưởng thức truyện Kiều), thì tiếng mất cũng như còn, nước đã mất cũng như vẫn còn.»

Tôi không dám khẳng định rằng câu nói của Phạm Quỳnh không thể hiểu được theo như lối chú giải của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung. Tôi chỉ muốn cùng giáo sư Nguyễn-Văn-Trung chú giải lại xem câu nói của Phạm Quỳnh có thể hiểu được cách nào khác nữa hay không.

Theo tôi, câu nói của Phạm-Quỳnh.

— Có thể hiểu thế này : Còn truyện Kiều đấy, như là một kiệt tác, chứng nhân của một mức độ văn minh, biện minh hùng biện nhất cho sự trưởng thành của ngữ ngôn Việt Nam, niềm tin tưởng mạnh mẽ vào sự trường cửu của quốc gia dân tộc, mặc dù hiện nay ta có tạm mất quyền :

— Cũng thể hiểu sâu xa và rất xỏ xiên đối với người Pháp như thế này : Ừ, thì chúng tôi hiện chấp nhận là dân mất nước, nhưng nước chúng tôi đâu phải dòng giống đê hèn, man rợ; cái dân tộc đã có một ngôn ngữ điêu luyện, phong phú, đã sản xuất ra được một kiệt tác như cuốn Kiều, có giá trị quốc tế, đặt ngang

hàng với những kiệt tác ít oi của di sản văn học nhân loại, cái dân tộc ấy không thể tiêu diệt được : quyển Kiều là một bằng chứng, tiếng nói đã trưởng thành của dân tộc tôi là một bằng chứng bảo cho người Pháp các ông biết rằng các ông chẳng có gì là hơn chúng tôi, việc các ông có mặt ở đây chỉ là một sự ức hiếp, một sự ức hiếp bằng bạo lực, chứ so tài chưa chắc ai hơn ai kém các ông phải coi chừng.

Tiếng ta còn. mà còn ở trong những điều kiện hiên ngang, đấy không những là một điều cảnh cáo đối với Pháp, mà còn nhất là niềm tin tưởng vào tương lai, vào sức đấu tranh bền bỉ của dân tộc, vào sự trường tồn bất diệt của quốc gia : tiếng nói của một dân tộc là vận mạng của chính dân tộc ấy. Ý tưởng này được Phạm-Quỳnh bàn đi bàn lại nhiều lần. Trên Nam Phong ố 2, trong bài «Văn quốc ngữ», ông viết : «Xin đồng bào ta chớ nhãng bỏ, chớ khinh rẻ văn quốc ngữ. Cái TƯƠNG LAI TA Ở ĐÓ» ; trên Nam Phong số 22, ta đọc những dòng như : «Nước sống về tiếng nói, tiếng nói còn, nước không thể mất được, tiếng nói đã mất, nước cũng khó lòng còn» ; trên Nam Phong số 101, ta đọc : «Tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn không sao vãn hồi được nữa.»

Chữ viết của Phạm Quỳnh, như ta thấy bộc lộ ở nhiều nơi, nếu hiểu theo theo sự chú giải của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung thì quả là méo mó, gò ép.

Rất có thể là Phạm Quỳnh phản quốc, làm văn hóa trong chánh sách ngu dân của Pháp, là lợi khí tay sai đắc lực của Pháp ; nhưng ghép cho Phạm Quỳnh nhà trí thức, nhà văn, một thứ lập luận có nhiều vẻ ngây ngô «nếu truyện Kiều vẫn còn, thì tiếng mất cũng

như còn, nước đã mất cũng như còn, chúng tôi e rằng sự ghép ấy có nhiều miễn cưỡng, sợ không đúng lắm với thực tế lịch sử và văn học...

— Duyệt lại tất cả các nhận định từ xưa đến nay về vụ án Kiều của các nhà làm văn học, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung cho rằng các nhà ấy thảy đều không nhìn thấy thực chất chính trị của vấn đề mà chỉ nhìn đó như một cuộc tranh luận thuần túy văn học. Sự nhận định lại của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung về các nhận định của các nhà làm văn học có điều hơi luẩn quẩn. Chúng tôi thiết nghĩ nếu mọi người đều đứng trên cương lĩnh văn học thuần túy, thì đã chẳng có chuyện Ngô-Đức-Kế chửi Phạm-Quỳnh. Đang khi ông sau muốn làm văn học thuần túy, muốn thẩm định Kiều nhân danh các nguyên tắc thẩm mỹ, thì ngược lại, ông trước đã nhân danh đạo đức mà xét đoán Kiều một thứ đạo đức chính trị. Nói Ngô-Đức-Kế bảo thủ, cố chấp, luyến tiếc dĩ vãng, không tất nhiên là chối bỏ lòng yêu nước rất thành thực của ông, sự nghiệp cách mạng của ông. Có thể có được không trường hợp Ngô Đức-Kế ghép án Phạm-Quỳnh là phản bội dân tộc là bán dân bán nước, mặc dầu Ngô-Đức-Kế vẫn biết Phạm-Quỳnh không những không theo Pháp mà còn chống Pháp ? có thể được lắm. Theo quan điểm của các cụ xưa, người ta có thể phản dân phản nước bằng nhiều cách chứ không cứ gì phải làm tay sai cho ngoại bang mới là bán nước. Nếu các cụ quan niệm rằng luân lý và đạo đức là nền tảng của quốc gia dân tộc, rằng đả phá luân lý và đạo đức là đả phá

tận nền tảng của quốc gia dân tộc, thì cho rằng Phạm Quỳnh lúc ấy có thực sự làm cách mạng chống Pháp đi nữa vẫn rất có thể bị Ngô - Đức - Kế đả kích. Điều ấy càng được biện minh nếu người ta hiểu rõ tâm lý của thời đại Ngô-Đức-Kế. mà có thể nói hầu hết dư luận đương thời đều kết án Kiều, đều coi việc đọc Kiều là một tai họa kinh tởm cho xã hội. Ngay từ trước thời Pháp thuộc người ta đã kết án Kiều nặng nề :

Đàn ông chớ kể Phan Trần
Đàn bà chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.

Một nhà nho tài tử như Nguyễn-Công-Trứ mà cũng kết án Kiều một cách rất nghiệt :

Từ Mã-giám-Sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán chốn thanh lâu
Bây giờ Kiều còn hiếu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng nhầm người tiết nghĩa.
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đố đem chữ hiếu mà lầm được ai.

Chứng cớ hiển nhiên hơn cả là lúc ấy các giới công giáo đối với Kiều đã tỏ ra vô cùng cay nghiệt, coi Kiều như là một thứ ôn dịch không những tàn phá quốc gia dân tộc mà còn tàn phá cả tôn giáo tín ngưỡng nữa : hồi ấy người công giáo nào đọc Kiều là tự nhiên bị rút phép thông công, nghĩa là bị coi như bỏ đạo hay chối đạo. Nếu đương thời coi việc đọc Kiều còn là một việc tội lỗi ghê tởm như vậy thì việc tuyên dương Kiều, việc đưa Kiều vào chương trình học, việc lấy Kiều làm sách giáo khoa dạy ở trường phải được

coi như là một hành động phá hoại luân lý, tiêu diệt dân tộc tận nền tảng. Ngô-Đức-Kế rất có thể đã kết án Phạm-Quỳnh, cho Phạm-Quỳnh là bán dân hại nước ở điểm ấy không tất nhiên cho Phạm-Quỳnh là theo Tây.

Một thí dụ hiện thực thời đại ta phân tích phần nào điều phân tích trên đây. Đối với dư luận thời đại ta hiện nay, một người đã công nhiên tuyên truyền cho thuyết duy vật, hay thuyết hiện sinh, thì cho dù người ấy có ca ngợi chế độ, có sốt sắng ủng hộ chế độ cũng vẫn bị coi là thành phần nguy hiểm cho chế độ. Theo công luận thời đại ta, một người chiến sĩ của duy vật của triết lý hiện sinh, không thể là chiến sĩ quốc gia được, không có quyền nói đến yêu nước, đến cách mạng, bởi một lý do rất hiển nhiên là công luận cho rằng thuyết duy vật hay hiện sinh tiêu diệt nòi giống ta tận nền tảng.

Như dậy dưới con mắt của Ngô-Đức-Kế, Phạm Quỳnh là con người nguy hiểm, không tất nhiên vì Phạm Quỳnh theo Tây, mà có lẽ chỉ vì Phạm Quỳnh đang được nhìn như là một tà thuyết hiện thân đánh thẳng vào nền đạo đức luân lý đang được Ngô-Đức-Kế quan niệm như là nền tảng của quốc gia, thiết yếu đến vận mạng của dân tộc.

Một điểm khác hình như không được giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung lưu ý là việc phân biệt những chặng đời hoạt động của Phạm-Quỳnh.

Đời Phạm-Quỳnh có thể chia làm bốn chặng khác nhau. Chặng thứ nhất tính từ 1913 đến 1917; chặng hai tính từ 1917 đến 1932; chặng ba tính từ 1933 đến 1945; chặng bốn tính từ ngày đảo chính Nhật 9.3.1945

đến ngày Phạm-Quỳnh bị sát hại vào khoảng tháng 9 cũng năm 1945.

Ở chặng nhất (1913—1917), trong lúc giữ chân nhân viên trường Viễn-Đông Bác-Cổ, Phạm-Quỳnh có cộng tác với Nguyễn-Văn-Vĩnh chuyên giữ mục dịch thuật sách Pháp ra tiếng Việt và viết những bài biên khảo có tính cách thuần văn-hóa, bộc lộ cái băn khăn của một nhà văn hóa trẻ tuổi trước sự xung đột, kình địch giữa hai thế hệ già với trẻ..

Ở chặng hai (1917 — 1932) Phạm Quỳnh tham gia đủ mọi hoạt động cả văn hóa lẫn chính trị. Năm 1919, ông lập hội Khai Trí Đức và giữ chân Tổng thư ký mãi cho đến năm 1932 ; năm 1920, ông giữ chân Hội Viên Tư Vấn Hội đồng thành phố Hà nội ; năm 1922, ông được cử đi dự cuộc triển lãm thuộc địa ở Paris và chân thuyết trình viên ; năm 1924, ông giữ chân giảng viên môn bác học và văn chương Hán-Việt tại trường Đại Học Hà nội ; năm 1925, làm chủ tịch hội Khuyến Học Bắc-Kỳ ; năm 1926, hội viên Hội Đồng Tư Vấn Bắc Kỳ : năm 1929 được bầu làm Phó chủ tịch Đại hộ hội đồng kinh tế và tài chánh Đông Pháp ; năm 193, giữ thêm chức Phó chủ tịch Hội Địa dư Hà nội và Tổng thư ký hội Bảo trợ xã hội Bắc-kỳ, Nhưng hoạt động chính yếu nổi bật của Phạm Quỳnh ở cái chặng thứ hai này (1917 1932) hoạt động văn hóa làm chủ bút tờ Nam Phong tạp chí.

Ở chặng ba (1933 — 1945), Phạm Quỳnh đôi lúc có còn cầm bút, nhưng hoạt động chính yếu là làm chính trị, làm Thượng thư của Triều đình Huế.

Ở chặng bốn (từ tháng ba đến tháng chín năm 1945) chẳng hiểu đã chán chính trị hay không, mà ta thấy bề ngoài ông như thôi mọi hoạt động chính trị. Từ sau ngày đảo chính Nhật, lật đổ chính quyền Pháp Phạm-Quỳnh sống cuộc đời ẩn dật trong một căn nhà hẻo lánh trên bờ sông An-Cựu (Huế).

Sau khi đã ghi nhận các sự kiện trên đây, ta có thể đặt ra nhiều giả thuyết và cần phải giải quyết được các nghi vấn đặt ra thì mới khẳng định được công tội của Phạm-Quỳnh.

— Rất có thể Phạm-Quỳnh đã là tay sai của Pháp ngay từ chặng đầu, hồi mới bắt đầu viết cho Đông-Dương tạp chí. Riêng chúng tôi thì xin thú nhận là chưa nắm được trong tay một tài liệu nhỏ nào có thể biện minh cho giả thuyết buộc tội Phạm-Quỳnh là tay sai của Pháp.

— Rất có thể, như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã quả quyết, là ở chặng đầu, Phạm Quỳnh mới chỉ được người Pháp lưu ý và, vì sau này, từ khi ông được giao phó cho việc điều khiển tờ Nam Phong, Phạm-Quỳnh mới trở nên tay sai của Pháp, làm văn hóa trong chính sách ngu dân của Pháp với mục đích đánh lạc ý hướng đấu tranh quốc gia.

— Rất có thể lúc đầu Phạm - Quỳnh chỉ làm văn hóa thuần túy, rồi dần dà, về sau này, chính Phạm-Quỳnh đã nảy ra cái ý định dùng cơ quan ngôn luận Nam-Phong để lấy lòng thực dân hòng mua chuộc chức vị trong tương lai.

— Cũng rất có thể là Phạm-Quỳnh đã chơi ngược lại đòn chính trị của Pháp, lợi dụng chính kế hoạch Pháp đề ra để lập mặt trận văn hóa mà Phạm-Quỳnh

có thể coi là không kém tầm quan trọng đối với mặt trận quân sự. Nếu giả thuyết này là đúng thì kế hoạch của Phạm-Quỳnh là một chính sách trường kỳ.

— Cũng rất có thể là Phạm Quỳnh tự lượng sức mình chẳng làm nên anh hùng kiệt quái gì cho quê hương đất nước được, thì ít ra cố cứu vãn cái gì có thể cứu vãn được, cố làm một cái gì ích lợi cho dân tộc, còn hơn là bó tay, nằm ỳ ra đấy.

— Cũng rất có thể là Phạm Quỳnh chỉ là một say mê với văn hóa, thích văn chương, coi nghề viết văn như là một nhu cầu, một thúc bách chứ chẳng có ngầm ý làm lợi cho chính trị Pháp hay chính trị quốc gia — chính trị hiểu cho nghĩa đấu tranh.

Nguyên về hoạt động của Phạm Quỳnh ở chặng thứ hai, tức là trong thời làm Nam Phong, từ 1917 đến 1932, đã có thể đặt ra ngần ấy giả thuyết.

Sang đến chặng thứ ba của cuộc đời Phạm Quỳnh (1932 — 1945), ta còn có thể đặt nhiều giả thuyết khác nữa.

— Có thể là buổi còn làm Nam-Phong, Phạm-Quỳnh có ý hướng quốc gia, nhưng từ ngày vào Huế, bị lôi cuốn theo danh lợi và địa vị, Phạm Quỳnh đã trụy lạc bỏ mất lý tưởng của buổi đầu để làm tay sai cho Pháp.

— Có thể là chủ trương buôn dân bán nước của Phạm-Quỳnh đã có từ xửa xưa mà nay mới có cơ hội được tích cực thực hiện.

— Cũng có thể là Phạm-Quỳnh đã nhảy vào triều đình Huế với tất cả thiện chí muốn làm một cái gì cho dân tộc, mà rồi hoàn cảnh đã làm cho ông vỡ mộng, tiến chẳng được mà thoái cũng chẳng xong. Cuộc đời

làm quan của Phạm-Quỳnh như vậy, là một đời gò bó, miễn cưỡng, giả dối, đau đớn.

— Cũng có thể là Phạm - Quỳnh muốn lợi dụng địch, đưa vào chính sách của địch để làm áp lực bắt địch phải thi hành các thỏa hiệp và các lời hứa hẹn đầy nhân đạo của Pháp.

Làm sao hiểu được tâm sự của Phạm Quỳnh? Thực là khó khăn! Tuy nhiên, thái độ có vẻ chán chính trị, được bộc lộ qua thái độ sống rút lui, ẩn dật trên bờ sông An Cựu hình biện minh phần nào cho Phạm Quỳnh.

Phạm Quỳnh lúc ấy không tham gia chính phủ Trần-Trọng-Kim, không chạy theo thực dân Pháp, không theo một phe phái cách mạng nào, mà cũng chẳng gia nhập mặt trận Việt Minh. Hơn thế, xem ra Phạm Quỳnh sống có vẻ vô tư, không lo sợ gì sự ám hại của các phe phái. Chứ nếu Phạm Quỳnh là tay sai của Pháp hay nhất nữa là mật thám của Pháp, thì thân phận Phạm Quỳnh tưởng chẳng đến nỗi sống lẻ lỏi để rơi vào tay Việt Minh một cách quá dễ dãi như vậy.

Sau khi đã duyệt qua bốn chặng đời của Phạm Quỳnh và đặt đủ mọi giả thuyết mà chúng tôi thú nhận chưa có đủ dữ kiện để nghiêng theo hẳn giả thuyết nào.

Đây chưa phải là vấn đề thẩm định cả cuộc đời hoạt động của Phạm - Quỳnh, chưa phải là lúc nhìn Phạm-Quỳnh bằng một cái nhìn tổng lược. Vấn đề đặt ra ở đây là nhìn Phạm-Quỳnh vào đúng năm 1924 là năm Ngô-Đức-Kế viết bài «Chánh học cùng tà thuyết...» để đả kích Phạm-Quỳnh. Lý do ra đời của bài «Chánh học cùng tà thuyết...» của Ngô-Đức-Kế chỉ có thể lấy

làm nguyên cớ cuộc đời của Phạm Quỳnh từ 1924 trở về sau này được.

Theo giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, Ngô-Đức-Kế trong bài Chánh học cùng tà thuyết, «không nhằm phê bình thái độ văn học của Phạm Quỳnh mà là «tố cáo, đả kích thủ đoạn chính trị nấp dưới hình thức văn hóa suy tôn truyện Kiều». Cũng theo giáo sư Nguyễn-Văn-Trung thì, đối với Ngô-Đức-Kế Phạm Quỳnh «là người đầu hàng thực dân, theo Pháp».

Chúng tôi không dám chối là điều ấy không thể không có trong đầu óc của Ngô-Đức-Kế. Có thể Ngô-Đức-Kế có ý tưởng cho Phạm Quỳnh đầu hàng thực dân, theo Pháp, cũng có thể là Ngô-Đức-Kế không có ý tưởng ấy. Có thể là nhận định của Ngô-Đức-Kế đúng với sự thực mà cũng có thể sai lệch, Tìm ra tâm sự đích thực của Ngô-Đức-Kế là một truyện thẩm định giá trị khách quan của tâm sự ấy lại là một chuyện khác.

Tại đây ta hẳng thử hỏi xem, cho đến năm 1924, cuộc đời của Phạm Quỳnh đã có những gì có thể khiến Ngô-Đức-Kế ghép ông vào tội phản quốc.

Căn cứ vào các hoạt động công khai của Phạm Quỳnh từ đầu cho đến năm 1924 chúng tôi chưa có thấy gì đáng cho dư luận nghi kỵ Phạm Quỳnh là bán dân hai nước cả.

Hoạt động của Phạm Quỳnh, đặc biệt trong thời kỳ này, hình như mới chỉ có tánh cách thuần văn hóa. Từ năm 1908, công tác chính yếu của ông chỉ là một chuyên viên của một cơ quan văn hóa chuyên môn tức trường Viễn Đông Bác Cổ. Năm 1919, ông đứng ra sáng lập một cơ quan văn hóa có uy tín rất nhiều đối

với quốc dân và giới văn học, đó là hội Khai Trí Tiến Đức mà ông giữ chức Tổng thư ký. Năm 1922, trong khi giữ chân thuyết trình viên cuộc triển lãm thuộc địa ở Paris, ông đã đọc nhiều bài diễn văn quan trọng tố cáo nhiều khuynh hướng lệch lạc của thực dân tại Việt Nam, lưu ý và làm sáng tỏ dư luận Pháp về nhiều vấn đề liên quan đến vận mệnh văn hóa và cả dân tộc Việt Nam. Chính nhờ vào sự tranh đấu ấy mà hai năm sau, 1924 Pháp cho lập, tại Đại Học Hà Nội, một bộ môn mới, tức là môn Bác ngữ học và Văn chương Hán Việt một hình thức phôi thai của Đại học Văn Khoa. Người được mời phụ trách môn học mới này là Phạm Quỳnh. Theo các tài liệu văn học mà chúng tôi tạm xử dụng, thì thấy tất cả chúng đều hình như biện minh cho một Phạm Quỳnh nhà văn hóa có tinh thần quốc gia được mọi giới yêu kính. Chưa nói đến khuynh hướng chính trị thiên quốc gia của Phạm Quỳnh chống lại Nguyễn Văn Vĩnh khi ông này yêu cầu cho cả Trung và Bắc-Kỳ cùng theo một chế độ trực trị như Nam Kỳ. Phạm Quỳnh; ngược lại, cương quyết yêu cầu Pháp thi hành đúng theo hòa ước 1884, trao trả Bắc Kỳ cho Nam triều đồng thời cho Nam triều tự trị về nội bộ.

Nguyên một việc báo Nam Phong của Phạm Quỳnh đã qui tụ được hầu hết các cây bút thuộc đủ khuynh hướng kể cả các khuynh hướng quốc gia, cách mạng, thì đủ biết thế giá của Phạm Quỳnh đối với công luận lúc ấy ra sao. Hầu hết các tay tân học cựu học có tinh thần cầu tiến, không chấp nệ, không nệ cổ, đều cộng tác với Phạm Quỳnh hay quí trọng ông; coi ông như một chiến sĩ, nếu không phải là chiến sĩ cách mệnh quốc gia thì cũng là một chiến sĩ văn hóa dân tộc.

Trong khoảng này, hoạt động nói được là có hình thức chính trị, chỉ có việc Phạm Quỳnh giữ chân Hội viên Tư vấn Hội đồng thành phố Hà Nội. Nếu chỉ làm cái ông cố vấn của một Hội đồng thành phố mà bị ghép vào tội phản dân hại nước thì chẳng riêng gì Phạm Quỳnh mà hầu hết các nhà văn hóa đương thời vẫn được quốc dân công nhận là đứng đắn như Trần-Trọng-Kim; Nguyễn-Văn-Tố, Nguyễn-Bá-Học, và sau này, hầu hết hết các nhà văn như Tú Mỡ, Khái Hưng, Nhất-Linh, Thế-Lữ, đều là công chức của Pháp. Tôi nghĩ Ngô-Đức-Kế đả kích Phạm Quỳnh chắc không phải vì Phạm Quỳnh giữ chân Hội viên tư vấn Hội đồng thành phố Hà Nội.

Nếu không phải vì cái chức cố vấn mà lúc ấy, năm 1924, Phạm Quỳnh còn đang nắm giữ, thì phải chăng vì một bài báo viết ra mãi từ năm 1917, bài báo mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã trích một đoạn với lời buộc tội là Phạm Quỳnh «đề cao, biện hộ cho chế độ thực dân trong khi biết bao nhà ái quốc ngã gục, trước họng súng của cái chủ nghĩa mà Phạm Quỳnh cho là «nhân đạo», là «xả kỷ».

Về cái bài «Khái luận về văn minh học thuật nước Pháp» này, điều thứ nhất ta cần nhận định đó là nhận định đấy không phải là một do Phạm Quỳnh viết ra mà chỉ một bài tường thuật bài «La Civilisation» của ông Victor Giraud viết năm 1916. Có đọc cả cái bài khái luận này mới thấy rằng chủ trương của bài khái luận không phải là biện minh cho chế độ thực dân. Bài

khái luận chia làm 6 phần, phân tích những đặc tính của nền văn minh của Pháp là một nền văn minh lấy «nhân đạo» làm cốt yếu. Giraud minh chứng tính cách nhân đạo ấy của nền văn minh Pháp được bộc lộ qua văn chương Pháp, qua triết học Pháp, qua tôn giáo Pháp, qua lịch sử Pháp. Chính do cái phần Victor Giraud phân tích tính cách nhân đạo của Pháp qua lịch sử của Pháp này mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung buộc tội Phạm Quỳnh là muốn biện hộ, đề cao chế độc thực dân.

Giáo sư Nguyễn-Văn-Trung trích đoạn sau đây trong bài khái luận : «Hoặc có người chê Pháp đi viễn chinh để lấy thuộc địa là trái với chủ nghĩa nhân đạo. Nói như thế là không hiểu cái tình thế một nước lớn trong thế giới ngày nay. Pháp đi lấy thuộc địa cũng là bởi cái địa vị trên trường quốc tế bắt buộc như thế. Các cường quốc đều có thuộc địa mà mình không, là đành phần thiệt, mà không giữ được thế quân bình trong liệt cường. Và sự lấy thuộc địa cũng có nhiều cách. Lấy đất của người ta, mà ra công dìu dắt cho người ta bước mau trên đường tiến hóa, vị tất đã là việc phi nghĩa. Pháp lấy thuộc địa dù là Algérie, Tunisie, Madagascar, Maroc, Tây phi-châu hay đất Ấn-độ-chi-na này nữa, đều tuyên bố lấy khai hóa làm chủ nghĩa, biện tác làm phương châm. Thế thì cũng không là xa với nhân đạo vậy» (1)

Cho ngay rằng bài này không phải của Victor Giraud mà là của Phạm Quỳnh đi nữa, thì một đoạn như đoạn trên này có thể cho là Phạm Quỳnh đề cao, biện hộ cho

(1) Thượng Chi văn tập, cuốn 1 trang 94-95.

chủ nghĩa thực dân là «nhân đạo» là «xả kỷ» như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung quyết đoán không ?

Tôi chưa có dữ kiện đủ để biện hộ cho Phạm Quỳnh là một chiến sĩ quốc gia chống Pháp mà tôi cũng chưa thấy có gì đáng ghép Phạm Quỳnh vào tội buôn dân bán nước quan một đoạn văn viết như trên kia.

Trong một hoàn cảnh xã hội và chính trị của một thời đô hộ như thời đô hộ Pháp, vào năm 1917, một đoạn văn như trên đây của Phạm Quỳnh, hiểu theo chiều giải thích của giáo sư Nguyễn-văn-Trung, chúng tôi nghĩ cũng có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nữa. Đoạn văn trên đây của Phạm Quỳnh có thể chia làm ba phần : một phần đặt vấn đề (gồm có một câu) và hai phần sau một đàng giải thích lý do tại sao Pháp đi chiếm thuộc địa, một đàng phân biệt thái độ, cách thế chiếm thuộc địa.

Nửa phần trên của đoạn trích xét cho cùng ra không có gì là đề cao hay biện hộ chế độ thực dân. Nếu đoạn văn ấy mà thoát ra dưới ngòi bút của Ngô-đức-Kế thì nó rất có thể là một câu xỏ ngọt đối với người Pháp như thế này :

— Cao cả gì cái việc các đi lấy thuộc địa, chẳng qua là các anh vụ lợi muốn đi tìm thị trường để tranh giầu tranh mạnh với nhau mà thôi : «Pháp đi lấy thuộc-địa cũng là bởi cái địa vị trên trường quốc tế bắt buộc như thế. Các cường quốc đều có thuộc địa mà mình không, là đành chịu thua thiệt mà không giữ được thế quân bình trong liệt cường».

Đến như phần thứ hai của đoạn trích văn thì bảo đấy là một đoạn đề cao, biện hộ cho chế độ thực

dân hay bảo đấy là một lời dạy bảo, một lời cảnh cáo đối với người Pháp vẫn tự vỗ ngực là nhân đạo nhất, cũng đều được cả.

Một câu như «Lấy đất của người ta mà nô lệ, bác tước người ta là phi nhân đạo», có thể vừa là một câu cảnh cáo người Pháp, vừa là một lời bảo nhỏ, bảo khéo người dân mình rằng chế độ của thực dân là phi nhân đạo vì hiện nay thực dân đang nô lệ, bác tước dân mình quá đáng.

Đến như câu sau «Lấy đất của người ta mà RA CÔNG DÌU DẮT cho người ta BƯỚC MAU TRÊN ĐƯỜNG TIẾN HÓA VỊ TẤT đã là việc phi nghĩa», Phạm Quỳnh cũng viết một cách mập mờ. Lấy đất của người mà làm nô lệ, tàn ác người ta, việc ấy là vô nhân đạo dứt đi rồi, còn đối với việc lấy đất mà thực tâm ra công ra sức dìu dắt cho người ta mau văn minh tiến bộ — một điều cực kỳ hiếm có — Phạm Quỳnh xem ra cũng tỏ vẻ hoài nghi tính cách nhân đạo của nó trong khi ông dùng hai tiếng «vị tất» — «vị tất đã là việc phi nghĩa». Nếu ở câu trên Phạm-Quỳnh dùng hai tiếng «vị tất», để nói một cách lấp lửng bao nhiêu, thì ở câu kết mấy tiếng «không phải là xa» cũng không kém vẻ mơ hồ bấy nhiêu. Ấy là chưa kể hai tiếng «TUYÊN BỐ» mà Phạm-Quỳnh ghép cho Pháp chứ không phải của ông: «Pháp lấy thuộc địa... đều TUYÊN BỐ lấy khai hóa làm chủ nghĩa thực dân là nhân đạo, là xã kỷ, chứ không phải Phạm-Quỳnh tuyên bố như vậy.

Một câu như câu viết trên đây của Phạm-Quỳnh nếu không có ý xỏ xiên Pháp là chỉ có nhân đạo, xã kỷ ở đầu môi cửa miệng, ở các lời tuyên bố, thì ít ra cũng có thể là một câu cảnh cáo, hay nhắc nhở người Pháp hãy đối xử với dân tộc ta nếu không theo truyền thống,

nhân đạo mà họ bảo là có ở trong máu mủ của họ thì cũng phải giữ thể diện mà thi hành các điều đã hứa bằng những lời tuyên bố to tát.

Do sự phân tích trên đây, tôi thấy không thể chỉ vì một đoạn văn vỏn vẹn có ngần ấy câu mà ghép Phạm Quỳnh vào tội buôn dân bán nước, là đề cao hay biện hộ cho chế độ thực dân.

Và Ngô-Đức-Kế khi đả kích Phạm Quỳnh năm 1924, chắc không phải vì các đoạn văn vỏn vẹn ấy viết ra từ năm 1917.

Đàng khác, nếu chỉ căn cứ vào một đoạn văn mà buộc tội thì tôi thiết tưởng người ta có thể buộc tội cả Phan Bội Châu và Phan-Chu-Trinh là hai nhà đại cách mạng và anh hùng dân tộc ở đầu thế kỷ. Vậy mà cả hai nhà đại cách mạng này đều lâm thời chấp nhận sự kiện bảo hộ như là một sự kiện nếu không cần thiết thì cũng không thể tránh được.

Phan Chu-Trinh, trong bức thư gửi cho chính phủ Pháp ngày 15-8-1908, hình như không những chấp nhận sự kiện bảo hộ của Pháp mà còn đi coi đó như một điều cần thiết cho sự an toàn của dân ta trong hoàn cảnh lịch sử lúc ấy :

«Ôi, ham mến tự do, mưu toán độc lập, xấu hổ làm nô lệ cho người, lấy cái đó mà ngờ cho dân tộc Âu châu là phải rồi ; chớ còn như lấy đó mà ngờ cho dân An nam thì có khác gì ngờ người có bệnh tệ bại leo tường ăn cắp ngờ đứa con nít ba tuổi đốt nhà giết người ; chẳng qua cái thói đa nghi đó mà thôi. Chớ cứ nói thật ra, trong một nước mà học thuật không ra sao, phong hóa bại hoại,

liêm sĩ mất hết, kiến thức không có một chút gì, ngay đến trong một làng, một ấp mà cũng xâu xé lẫn nhau, trong một họ, một nhà cũng coi nhau như cừu địch, thì còn mong mỏi gì liên kết đoàn thể mà chống giữ với ai? Mà ví thử có muốn đem võ lực để kháng cự với chính phủ bảo hộ nữa, thì không những đất dụng võ không có, tàu to súng lớn không có lương thực không có, mà cứ nói ngay ra ví thử bây giờ người Pháp cho người Nam độc lập, giao cho mấy ngàn khẩu súng, cất cho đất đai mấy tỉnh, rồi cho tự trị lấy, không hỏi gì đến nữa, thì chỉ trong vòng mấy năm là tranh giành tước vị, cướp bóc của cải, báo thù báo oán, chém giết lẫn nhau đến chết thì thôi, còn mong gì mở mày mở mặt với thế giới được ấy mình đối với mình còn thế, còn mong gì đối với ai (1).

Qua đoạn văn trên này, Phan-Chu-Trinh nhận định hai điều: điều thứ nhất là dân tộc ta trong hoàn cảnh đương thời không thể nào đánh lại được người Pháp; thứ hai có vẻ cay đắng bi đát hơn, đó là việc giả sử người Pháp có trao quyền tự trị hay độc lập cho dân tộc mình thì người mình lúc ấy cũng không cai trị nổi nhau mà chỉ có cấu xé lẫn nhau «chỉ trong mấy năm là tranh dành tước vị, cướp bóc của cải, báo thù báo oán chém giết lẫn nhau đến chết thì thôi.»

Nếu đoạn trích văn trên công nhận sự bảo hộ như là một sự kiện nếu không miễn cưỡng thì cũng là tất yếu, thì đoạn trích văn sau đây cho ta thấy Phan-Chu

---

(1) *Trích theo thế nguyên, Phan-Chu-Trinh, Tân Việt trang 97-98*

Trinh thành khẩn tin vào Pháp nếu Pháp thành thực khai hóa cho dân tộc mình, Phan-Chu-Trinh sợ rồi người Pháp bỏ đi quá sớm chứ không có sự có mặt của Pháp ở Việt Nam, miễn là Pháp thành tâm nhận làm ông thày khai hóa cho mình.

«Những việc cần thiết như đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở nhà học, dựng phòng sách, chấn hưng công thương kỹ nghệ, các việc đều đều lần lượt cải lương, như thế thì dân Nam ai cũng yên vui, lại chỉ sợ nước Pháp bỏ nước Nam đi mà thôi, còn có gì mà kình địch nữa. Than ôi ! Nước Nam ngày nay, dân trí mờ ám, so với các nước bên Âu Mỹ chẳng khác gì một trời một vực. Cái kế sách ngày nay chỉ còn có một điều là ai có thể làm thầy thì ta xin làm trò, ai có thể làm mẹ thì ta xin làm con, dậy bảo nuôi nấng, tin nhau, thân nhau, cốt làm sao cho còn một chút hơi tàn hoi hóp ở trên miếng đất này, thế đã là mãn nguyện lắm, vì đi nam, đi bắc, đi đông đi tây, đi đâu mà không phải ỷ lại ; đã là cái thân ỷ lại, thì còn có so sánh gì làm đầy tớ anh này là vinh, làm đầy tớ anh kia là nhục ; miễn chỗ nào cho an phận thì thôi, an phận cũng không, cũng do ở nơi chính phủ bảo hộ đấy » (1)

Đã có chủ trương rõ rệt như vậy, cho nên Phan-Chu-Trinh chống bạo lực, muốn thành tâm cộng tác với Pháp, chứ không muốn nổi dậy làm cách mạng bạo động. Đó là ý tưởng ông bàn đến nhiều lần trong bài diễn văn «đạo đức và luân lý Đông Tây» ông đọc ở Saigon đêm 19-11-1925. Trong bài đó tôi chú trọng đến đoạn sau này hơn cả :

---

(1) Trích theo Thế Nguyên, Phan Chu Trinh, Tân Việt tr. 99.

«Cái «thương nước» tôi nói đây không phải là xúi dân «tay không» nổi lăn, hoặc đi lấy nước này cầu nước khác về phá loạn trong nước đâu! Tôi xin thưa: Nước ta đã hư hèn bị mắc trong tay người ta rồi, thì bây giờ ta phải đem lòng thương nước, bênh vực lẫn nhau, mà giúp cho nhau để cứu chuộc lại cái danh giá cùng lợi quyền của ta về sau. Hễ người ta làm việc gì bất công thì mình phải hiệp sức nhau lại mà chống, còn làm việc gì phải chăng thì mình cũng phải nhìn nhận, chớ có thấy chính quyền mình mất rồi mà đem lòng căm tức không kể đến việc hay của người ta. Thế thì lòng thương nước của dân Việt-Nam có làm gì hại đến quyền lợi người Pháp không? Tôi xin thưa rằng: không. Dân Việt Nam thấy người nào làm hại cho nước nó thì nó ghét, ấy là lẽ tự nhiên (1).

Theo Phan-Chu-Trinh, lòng yêu nước, tức tinh thần quốc gia, tức bổn phận làm một công dân yêu nước, một chiến sĩ quốc gia không cần phải xung đột với Pháp: «Thế thì lòng yêu thương nước của dân Việt-Nam có làm hại gì đến quyền lợi của người Pháp không? Tôi xin thưa rằng: Không (2).

Đây chưa phải là chỗ thẩm định tư tưởng của Phan-Chu-Trinh mà chỉ muốn trích hai văn kiện của một nhà Đại Cách Mạng Việt Nam được mọi giới yêu kính, văn kiện thứ nhất để năm 1918, văn kiện thứ hai để năm 1925, để minh chứng rằng, thuộc vào khung cảnh lịch sử của nó, những bài văn, bài báo như của Phan-Chu-Trinh hay của Phạm Quỳnh không thể hiểu thẳng bằng theo ngữ ngôn của thời đại ta. Mà nếu hiểu theo ngữ ngôn của thời đại ta thì Phan-Chu-

(1) *Trích theo Thế Nguyên, Phan-Chu-Trinh, Tân Việt, tr. 144.*

(2) *Trích theo Thế-Nguyên, Phan-Chu-Trinh, Tân-Việt tr. 144-145.*

Trinh có vẻ còn đề cao, còn biện biện hộ cho chế độ thực dân mạnh hơn Phạm Quỳnh nhiều. Không những đem ra đề cao, biện hộ cho chế độ thực dân, mà Phan-Chu-Trinh có vẻ còn đề cao. còn biến hộ cho chế độc thực dân mạnh hơn Phạm Quỳnh nhiều. Không những xem ra đề cao biện hộ cho chế độ thực dân, mà Phan-Chu-Trinh còn kết án cả cái lối làm cách mạng theo lối Ngô-Đức-Kế nữa kia, điều mà Phạm Quỳnh, trong thâm tâm không biết ông nghĩ thế nào, chứ ông chưa hề có công khai dám tuyên bố táo dạo như Phan-Chu-Trinh :

« Cái «thương nước» tôi nói đây không phải là xúi dẫn «tay không» nổi lên, hoặc đi lạy nước này, cầu nước khác về phá loạn trong nước, đâu » (1).

Nếu bài báo của Ngô - Đức - Kế ra đời sau năm 1921 là năm rồi đây Phạm - Quỳnh sẽ tham gia nhiều hoạt động có tính cách chính trị, nhất nữa là ra đời vào khoảng sau năm 1933 là năm Phạm - Quỳnh sẽ chìm sâu vào chính trị, thì sự giải thích của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung có lẽ mới thích hợp. Ngô - Đức - Kế viết bài Chánh Học Cùng Tà Thuyết vào thượng tuần tháng 9 năm 1924, nghĩa là hơn một tuần sau khi có cuộc lễ kỷ niệm Tiên Điền Nguyễn - Du vào tuần cuối tháng 8 cũng năm 1924. Tôi muốn nói : từ năm 1924 trở về trước, cuộc đời của Phạm Quỳnh chưa có gì đáng cho Ngô-Đức-Kế hay dư luận nghi là buôn dân bán nước, là theo Tây.

Hình như giáo sư Nguyễn-văn-Trung đã bắt Ngô-Đức-Kế nhìn thấy cả đời chính trị của Phạm Quỳnh về sau này, khi ông viết bài Chánh học cùng tà thuyết năm 1924.

---

(1) *Trích theo Thế Nguyên, Phan - Chu - Trinh, Tân Việt tr. 145.*

Thực giáo sư Nguyễn-Văn-Trung biết Phạm Quỳnh đã làm chính trị, đã làm thượng thư, một thứ thượng thư bộ học rồi đến bộ lại mà chưa tranh đấu được cái gì cho dân tộc như người ta từng chờ mong, chứ Ngô Đức-Kế, thì không những năm 1925, ông không thể biết các việc ấy được, mà cho ngay sau này ông cũng chẳng có thể đoán được là Phạm Quỳnh có sẽ làm thượng thư hay không, vì Ngô-Đức-Kế chết năm 1930 mà mãi năm 1933 Phạm Quỳnh mới ra tham chính. Tôi nêu lên sự kiện này, là có ý lưu ý giáo sư Nguyễn-Văn-Trung là rất có thể chúng ta đem ghép cho Ngô-Đức-Kế các tâm tình của ta về Phạm Quỳnh. Thực ra, tôi cũng như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung; chúng ta chỉ biết Phạm Quỳnh chỉ nghe người ta nói đến Phạm Quỳnh như một đại thần của triều đình Huế, nghĩa là một người mà tuổi thanh niên chúng ta lúc ấy (khoảng năm 1938 - 1945) mong phải có những hành động kinh thiên động địa. Thú thật chính tôi cũng đã rất ghét Phạm - Quỳnh hồi ông đang làm thượng thư. Chứ thời kỳ ông còn ở báo Nam Phong thì tôi còn nhỏ xíu, ngay đến năm 1924 khi xảy ra cuộc cãi lộn giữa Ngô - Đức - Kế và Phạm Quỳnh, thì cả giáo sư Nguyễn - Văn - Trung lẫn tôi chưa một ai sinh ra. Như vậy Phạm - Quỳnh có thể bị ghét về nhiều phương diện, chúng ta những người sinh sau, đã ghét Phạm - Quỳnh về phương diện chính trị vì chỉ biết hay chỉ nghe nhiều về Phạm - Quỳnh chính trị, Phạm - Quỳnh thượng thư mà không ngờ rằng Phạm - Quỳnh còn có thể bị ghét về nhiều phương diện khác nữa. Có thể ta đã bắt Ngô - Đức - Kế ghét Phạm - Quỳnh theo phương diện của ta đang khi thực ra Ngô - Đức - Kế có thể ghét Phạm Quỳnh về một phương diện không giống chúng ta. Chúng ta ngày nay đã nhìn tổng lược cả cuộc đời của Phạm Quỳnh mà bị ám ảnh bởi cuộc đời làm quan của Phạm

Quỳnh hơn là cuộc đời làm văn hóa của ông, nhưng Ngô - Đức - Kế, năm 1924, khi viết bài Chánh học cùng tà thuyết chỉ mới biết cái quãng đời văn hóa của Phạm Quỳnh. Nêu lên sự nhận định này, tôi muốn lưu ý giáo sư Nguyễn - Văn - Trung rằng Ngô - Đức Kế có thể ghét và đánh Phạm Quỳnh vì chủ trương văn hóa của Phạm Quỳnh, chứ không tất nhiên bó buộc cứ phải là vì chủ trương chính trị.

Nói tóm lại, tôi cho rằng bài Chánh học cùng tà thuyết của Ngô - Đức - Kế nhằm đến một chủ trương mà Ngô - Đức - Kế cho là ngụy thuyết hay tà thuyết. Ngụy thuyết hay tà thuyết đó là thái độ đề cao, đưa lên hàng phúc âm thánh thư, đem vào chương trình học giáo dục thanh niên học đường, một tác phẩm mà dư luận đương thời cho là dâm thư. Đọc kỹ lại Chánh học cùng tà thuyết, nhất là phần thứ hai, tức là phần phê bình Kiều đả kích phong trào sùng mộ Kiều, người ta dễ nhận thấy điều ấy.

Ngô-Đức-Kế viết : «Trong nước ngày nay, nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là phê bình Kiều, nào là chú thích Kiều, nào là thơ vịnh Kiều, cho đến hát tuồng Kiều, diễn kịch Kiều, chớp ảnh, trong nhà ngoài đường, trên đường dưới đất, đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem trong hiện trạng ấy, thì giống Việt Nam ta ngày nay gọi là Kim-Vân-Kiều quốc. nòi giống Việt Nam ta mà gọi là đại Kim-Vân-Kiều tộc cũng đúng lắm chứ không sai».

Như vậy ta thấy Ngô-Đức-Kế không phải chỉ đánh một mình Phạm Quỳnh mà còn đánh tất cả đoàn lũ duy trì Kiều gồm những người tên tuổi như Chu-Mạnh-Trinh như Trần-Trọng-Kim, như Vũ-Đình-Long, như Nguyễn-Tường-Tam, như Nguyễn-Dân-Phục...

Như vậy cái tà thuyết mà Ngô - Đức - Kế lo sợ sẽ cuốn bay tất cả, phá hoại tất cả không phải là thái độ theo Tây hay chống Tây của các học giả mà là thái độ đề cao Kiều có vẻ quá mức của các ông hồi bấy giờ.

Tôi còn tiếp tục đọc lại bài diễn văn của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung và còn tiếp tục đặt ra các nghi vấn. Trong mặt trận phê bình thuận hay nghịch đối với Kiều, giáo sư Nguyễn - Văn - Trung chia ra làm ba hạng người : hạng thứ nhất làm văn hóa trong chánh sách ngu dân của Pháp, hạng hai làm văn hóa chống lại chánh sách ngu dân của Pháp, hạng ba làm văn hóa thuần túy. Giáo sư Nguyễn - Văn - Trung xếp Phạm Quỳnh vào hạng thứ nhất, xếp Ngô - Đức - Kế, Huỳnh - Thúc Kháng vào hạng thứ hai, xếp Hoài Thanh, Lưu - Trọng - Lư vào hạng ba. Tiêu chuẩn để có sự sắp xếp ấy, theo như giáo sư Nguyễn - Văn - Trung là «có sự khác biệt về chủ đích phê bình» (nguyên văn). Rồi giáo sư kết luận : «Căn cứ vào chủ đích đó, phải phân biệt cuộc tranh luận này thành hai, khác hẳn về thực chất : cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Ngô - Đức - Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng và cuộc tranh luận giữa những người tiếp sau đó. Một đàng, thực chất là một cuộc tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn học, một đàng là một tranh luận văn học thực sự» (nguyên văn). Sự phân tích và nhận định của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung rất có thể đúng. Chúng tôi không có ý bẻ bác gì mà chỉ có ý đặt ra mấy nghi vấn.

Ta phải cần lược xét về ba hạng người làm văn hóa mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã sắp xếp.

Về trường hợp Phạm Quỳnh, không riêng gì tôi, mà chính giáo sư Nguyễn-Văn-Trung cũng thú nhận là «thật ra rất khó xác định thâm ý của Phạm Quỳnh

khi cộng tác với Pháp, làm văn hóa trong chính sách của Pháp là chủ tâm theo Pháp hay chỉ để lợi dụng Pháp; làm sao mà phán đoán được lương tâm người».

Theo như câu ghi chú trên đây, giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã gạt qua một bên vấn đề tìm hiểu thâm ý, xét đoán lương tâm của Phạm Quỳnh. Vấn đề mà giáo sư Nguyễn - Văn - Trung muốn xét đến chính việc làm của Phạm Quỳnh như nó là nó, tự tại, nghĩa là xét đến chính việc làm với các hậu quả của nó, nhất là với các chủ đích của những người đề xướng ra. Giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã có những phân tích và nhận định rất tế nhị và sâu sắc trên quan điểm của một triết gia đó là việc phân biệt «việc làm tự nó» với «chủ ý» của người làm việc ấy. Theo ý giáo sư Nguyễn - Văn - Trung, việc làm văn hóa dưới thời thực dân là nằm trong chính sách của Pháp. Và chính sách của Pháp lúc ấy là cổ động cho dân bản xứ «làm văn hóa thuần túy và làm văn hóa thật; có kết quả tốt, để cho quên chính trị» (nguyên văn). Sau khi đã minh định chủ trương văn hóa Pháp như vậy, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đã phân biệt chủ tâm của Phạm Quỳnh với hành động ông. Giáo sư Nguyễn-văn-Trung kết án hành động của Phạm Quỳnh, vì lẽ hành động ấy nằm trong chính sách lấy việc «làm văn hóa thuần túy và làm văn hóa thật, có kết quả tốt để quên chính trị (nguyên văn).

Nếu hành động khách quan của Phạm Quỳnh đã nằm trong chính sách chung của Pháp, thì «ví dụ Phạm Quỳnh có không chủ tâm thành thực cộng tác đi nữa thì sự chủ tâm hay không chủ tâm vẫn không xóa bỏ được hành động cộng tác với những ảnh hưởng thành quả tốt xấu của nó» (nguyên văn), Trích trường hợp của Pétain giáo sư Nguyễn Văn Trung viết: «Có lẽ không ai dám quyết Pétain chẳng hạn, đã chủ tâm cộng tác với Đức nhưng người ta vẫn kết án Pétain

và có quyền làm như thế vì hành động cộng tác với những thành quả của sự cộng tác đó» (nguyên văn).

Sau khi đã phân tích các khía cạnh một cách tế nhị và triết học như vậy; giáo sư Nguyễn Văn Trung lại một lần nữa kết luận lại để nhấn mạnh tội trạng của hành động cộng tác chứ chưa tất nhiên là tội trạng của chủa tâm : «Về Phạm Quỳnh, chúng tôi chưa dám quả quyết là ông chủ tâm theo Pháp như một người phản quốc, nhưng chúng tôi thẩm định ông có cộng tác với Pháp và khi làm Nam Phong dù muốn dù không cũng là làm trong một chính sách văn hóa của người Pháp muốn đề ra thời đó» (nguyên văn).

Do sự luận đi luận lại của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung và cũng do sự nhắc đi trích lại lập luận của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung, tôi muốn độc giả nhận thấy điều này : ở vào thời Pháp thuộc, khi mà Pháp đã đề ra một chính sách văn hóa thuần túy để làm ho ta quên chính trị thì người Việt Nam dù muốn dù không (bốn chữ dù muốn dù không của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung rất quan hệ) chỉ có thể có hai đường đi : một là làm văn hóa (cho dù thuần túy và chân thành) để cho quên chính trị, hai là làm văn hóa để nhớ chính trị (nguyên văn).

Đến đây tôi thấy luận cứ của giáo sư Nguyễn Văn Trung chắc nịch và hành động khách quan (khách quan hiểu theo quan điểm triết học, nghĩa là tách ra khỏi chủ tâm) của Phạm Quỳnh như là một, theo duổi thuận chiều với chủ trương văn hóa của Pháp, tất nhiên phải luận tội không thể tránh được.

Sở dĩ chúng tôi thấy việc luận tội Phạm Quỳnh của giáo sư Nguyễn Văn Trung không đứng

vững vì lý do căn bản mà ông nêu ra chỉ là dựa vào hành động khách quan của Phạm Quỳnh. Vậy mà sau khi nêu ra hai phe đối lập nhau, phe Phạm Quỳnh, phe Ngô Đức Kế, không lại nhắc đến một phe thứ ba là khe «phái trẻ» như Đào Duy Anh, Hoài Thanh. Lưu Trọng Lư...

Chính việc ra và phân biệt Phạm Quỳnh với phe trẻ này — mà giáo sư Nguyễn Văn Trung cho rằng hành động khách quan của họ thực chất không phải là thực chất chính trị mà là một thực chất thuần túy văn học, do sự phân b ệt mới này, việc luận tội của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung với bao nhiêu nhận định và phân tích tỉ mỉ, tế nhị nếu không trở nên mâu thuẫn thì cũng bị mất hiệu lực.

Nếu chánh sách Pháp, như giáo sư đã nhận định đi nhận định lại, là cổ động việc làm văn hóa thuần túy để cho người ta quên làm chính trị và nếu hành động của Phạm Quỳnh, trong khi ông làm văn hóa, dù muốn dù không, cũng là một hành động phù hợp với chính sách của Pháp, thì tại làm sao phái trẻ như Hoài Thanh, Lưu - Trọng - Lư... lại có thể đi vào mẹo trừ được ? Tại làm sao riêng đối với Phạm Quỳnh, dù ông muốn, ông cũng không thể làm văn hóa thuần túy được ; tại sao dù ông muốn; thực chất hành động của ông cũng không thể là một thực chất văn hóa mà cứ phải nhất thiết là một thực chất chính trị ?

Phải chăng chính sách của Pháp chỉ nhắm nguyên mộ mình Phạm Quỳnh ? Cho ngay rằng Pháp chỉ nhắm một mình Phạm Quỳnh đi nữa, thì một cách luận lý để phân biệt hành động khách quan với chủ tâm, như giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã từng làm một cách rất tỉ mỉ và tế nhị cũng phải buộc tội luôn thế không

những Hoài Thanh, Lưu - Trọng - Tư hay Trần - Trọng - Kim, Nguyễn - Tường - Tam, Vũ - Đình - Long (nghĩa là những người ca ngợi Kiều) mà còn phải buộc tội tất cả phong trào làm văn nghệ thời ấy và sau này tức là phong trào văn nghệ rầm rộ của thế hệ 1932 (1932 — 1945). Tất cả các văn nghệ sĩ. có tới hàng trăm hàng ngàn, hoạt động trong khoảng 1932 đến 1945 (còn đang thời Pháp thuộc), đối với họ, hành động khách quan mang thực chất chính trị hay mang thực chất văn học ? Nếu chánh sách của Pháp là cố ý gây được trong toàn nước ta những phong trào làm văn hóa, làm văn học thuần túy, làm văn học thật, có kết qủả tốt, để cho quên chính trị, nếu nhất nữa chính sách ấy còn kéo dài cho đến bây giờ, (mà tôi nghĩ nó phải còn kéo dài), thì làm sao có thể gọi thực chất của sinh hoạt văn hóa của các nhà văn trẻ là thực chất văn học mà không phải thực chất chính trị. Nếu đối với Phạm Quỳnh, ta đã tách chủ tâm ra khỏi hành động khách quan' và nếu hành động khách quan của Phạm Quỳnh, dù muốn dù không cũng là hành động phù hợp với chủ trương của Pháp (mà lý do duy nhất chỉ vì chính sách của Pháp là làm văn hóa để cho quên chính trị), thì đối với các nhà văn thuộc phái trẻ ta cũng phải lý luận như vậy, nghĩa là cũng phải phân biệt chủ tâm với hành động. Với những người chủ tâm làm văn hóa theo Pháp, thì không thành vấn đề nữa. Nhưng đối với những người làm văn hóa mà không có chủ trương nào nhất định như làm văn hóa để giải buồn để sinh nhai, để thỏa mãn một nhu cầu tinh thần, hay hơn thế nữa những người làm văn hóa thuần túy, làm văn hóa thực, làm văn hóa có kết quả tốt, với những người như vậy không hành động khách quan của họ có bị hoen ố, bị kết án không ? Nếu Phạm Quỳnh, nếu Pétain

mặc dù không muốn cộng tác, mà chỉ bởi hành động của các ông nằm trong một chính sách nên bị kết án là phản bội, thì làm sao giáo sư Nguyễn - Văn - Trung lại có quyền tuyên bố trấn an cho những hoạt động văn hóa rầm rộ của cả thế hệ đến sau Phạm - Quỳnh ? Nếu hành động vô ý thức của Phạm - Quỳnh bị kết án, bị luận tội, thì hành động, cho dù với chủ tâm thuần văn hóa gì nữa, của phái trẻ, sao lại có thể mang thực chất thuần văn hóa, lúc mà không mang thực chất chính trị ? Cứ theo lý đoán của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung về Phạm - Quỳnh thì cho dù các ông có không chủ tâm thành thực cộng tác đi nữa thì sự chủ tâm hay không chủ tâm vẫn không xóa bỏ được hành động cộng tác với những ảnh hưởng thành quả tốt xấu của nó.

Như vậy thiết tưởng chỉ có chiến lược tích cực ái quốc, muốn tương kế tựu kế, mới giải thoát cho các nhà văn hóa đương thời khỏi mang tội là làm văn hóa trong chính sách của Pháp. Điều này sau khi đã phân tích và biện minh ở phần đầu bài diễn văn, giáo sư Nguyễn - Văn - Trung lại dành cả mấy trang liền ở phần giữa bài diễn văn để quảng diễn :

«Trong cuộc tranh đấu, cái gì địch chủ trương, tất phải lợi cho địch và hại cho ta. Nhưng nếu cũng chủ trương đó mà do ta đề ra, tất lại lợi cho ta, hại cho địch» (nguyên văn).

Sau khi đã đặt vấn đề như vậy, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung phân biệt chiến lược với chiến thuật. Theo giáo sư Nguyễn-Văn-Trung; về phía chiến thuật, ta và Pháp giống nhau, vì cùng cổ động sinh hoạt văn hóa. Nhưng về phía chiến lược; hai bên khác nhau hoàn toàn : Chiến lược của Pháp «là đập tan mọi hoạt động

yêu nước, duy trì chế độ thuộc địa» còn chiến thuật của họ là hô hào làm văn hóa; hô hào cộng tác... chiến lược của các nhà ái quốc là đập tan chế độ thực dân và mọi âm mưu củng cố chế độ đó, chiến thuật là tạm thời cộng tác, hòa hoãn, tranh đấu trên bình diện văn hóa, học cái hay của địch để đánh địch sau này» (nguyên văn).

Qua những đoạn tương tự như vậy, giáo sư đã bỏ phạm vi cuộc tranh luận về sự suy tôn truyện Kiều mà đi vào địa hạt rộng lớn của vấn đề văn hóa nói chung. Chính sách của Pháp không phải chỉ là cổ động cho Kiều để cho quên chính trị mà là gây hấn một phong trào văn hóa rộng lớn để đánh lạc hướng chính trị quốc gia. Như vậy, trước sự bủa lưới bao vây của chiến lược Pháp, người ta đã hẳn là chỉ có thể có hai con đường để đi, làm văn hóa lợi cho chính trị Pháp hay làm văn hóa hại cho chính trị Pháp. Đã thế thì thực chất của sinh hoạt văn hóa không thể không là thực chất chính trị được. Cho nên, cũng như việc suy tôn Kiều, dù muốn dù không, các việc khác như việc viết tiểu thuyết đả phá nho giáo của Khái Hưng, Nhất Linh, việc viết phóng sự tả thực của Vũ - Trọng - Phụng, việc làm thơ lả lướt như Thế Lữ, Xuân Diệu; Hàn - Mạc - Tử, Lưu - Trọng - Lư việc phê bình nghiên cứu của Dương-Quảng-Hàm, Vũ-Ngọc-Phan, Nguyễn-Văn-Tố... Tất cả ngần ấy việc không thể không mang thực chất chính trị. Vậy tất cả các nhà văn ấy và trăm ngàn nhà văn khác hoạt động trước năm 1945 là những người làm văn hóa lợi cho Pháp hay hại cho Pháp? Nếu giáo Nguuyễn-Văn-Trung bảo tất cả các nhà văn khách quan (như là nằm trong chiến lược của Pháp, thuận hợp với chính sách rộng lớn của Pháp), cũng chẳng được nhân danh gì mà nói đến lòng yêu nước hơn

Phạm Quỳnh. Nói tóm lại, cũng như Phạm Quỳnh, họ cũng phải ghép vào tội phản bội, tội bán dân, tội buôn nước, mặc dầu chủ tâm của họ không muốn phản ai, buôn ai, hay bán ai cả. Nhưng nếu Phạm Quỳnh, do hành động khách qnan, dù muốn dù không, vẫn phải ghép vào tội theo Tây, thì làm sao có thể tuyên bố là vô tội cái đoàn lũ nhà văn đông đảo kia đang khi hành động kháccq quan của họ là một hành động tự nó lợi cho chính sách của Pháp vì thực sự nó làm cho người ta quên cách mạng, quên chống Pháp.

Chính nhẽ ra cứ theo luận cứ đã đề ra từ đầu thì giáo sư Nguyễn-Văn-Trung phải kết án tất cả các nhà làm văn kia là phản quốc mới phải, nhưng xem ra giáo sư Nguyễn-Văn-Trung ân xá cho họ hết cả thì phải.

Tại sao giáo sư Nguyễn - Văn - Trung lại ân xá cho họ ? Phải chăng vì họ là số đông ? Tôi nghĩ hẳn con số đông không phải là một lý do để ân xá cho họ.

Thực ra, sau khi đã gạt ra một bên chủ tâm của các ông hay chủ tâm của Phạm Quỳnh rồi thì việc làm khách quan của các ông không có khác gì việc làm khách quan của Phạm Quỳnh : hoàn cảnh đôi bên vẫn là một hoàn cảnh thời Pháp thuộc ; chính sách đôi bên phải dương đầu vẫn là chánh sách của Pháp, chánh sách cổ động văn hóa để đánh lạc chánh trị.

Tôi chẳng hiểu giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã nhân danh cái gì mà khẳng định rằng sinh hoạt văn hóa của họ là một sinh hoạt không có thực chất chính trị, cho nên không bị kết án, không bị luận tội theo Tây.

Đối với Phạm Quỳnh, giáo sư Nguyễn Văn Trung đã muốn gạt hẳn yếu tố chủ tâm ra ngoài vì thế cho dù Phạm Quỳnh có chủ tâm chỉ làm văn hóa thuần túy, chứ không có chủ tâm làm văn hóa lợi cho Tây,

thì hành động khách quan của ông cũng cứ có tội với đất nước. Lý do chỉ vì hành động ấy nằm trong chính sách văn hóa của Pháp. Lý đoán của giáo sư Nguyễn Văn-Trung cho đến đấy rất chặt chẽ. Nhưng đến khi xét việc của phái nhà văn trẻ thì ông lại nại ra vấn đề chủ đích để mà thanh minh cho họ Ông viết: «Giữa Phạm Quỳnh và những người như Đào-Duy-Anh và nhất là phái trẻ hồi đó như Hoài Thanh, Lưu-Trọng-Lư... có một sự khác biệt về chủ đích phê bình (nguyên văn). Sau khi đã nại ra sự khác biệt về chủ đích (điều mà, ông đã muốn gạt ra trong trường hợp Phạm Quỳnh) ông lại dựa vào chính cái chủ đích để mà phân biệt thực chất sinh hoạt văn hóa của Phạm Quỳnh với sinh hoạt văn hóa của phái trẻ: Ông viết: «Căn cứ vào chủ đích đó, phân biệt cuộc tranh luận này thành hai, khác hẳn nhau về thực chất: cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh và Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc-Kháng và cuộc tranh luận giữa những người tiếp sau đó. Một đàng thực chất là một cuộc tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn học, một đàng là cuộc tranh luận văn hóa thực sự (nguyên văn).

Tôi rất đồng ý với giáo sư Nguyễn - Văn - Trung mà nhận rằng các nhà văn trước năm 1945 — sao tránh khỏi có người làm văn theo Pháp — đa số là làm văn hóa thuần túy, là làm nghệ thuật thực sự. Điều làm tôi bỡ ngỡ là ở chỗ giáo sư Nguyễn - Văn - Trung quyết liệt cho rằng, đối với Phạm Quỳnh, không thể có sinh hoạt văn hóa không lợi cho Pháp. Mà lý do duy nhất ông viện ra chỉ là việc làm văn hóa lúc ấy nằm trong chính sách rộng lớn của Pháp.

Chính trong khi nhận rằng lớp nhà văn học sau này làm văn hóa thuần túy, nghĩa là làm văn hóa mà không sa lầy vào chiến lược của Pháp, giáo sư Nguyễn

Văn-Trung đã lật nhào tất cả lý luận mà ông đã phân tích rất tế nhị để phân biệt chủ tâm với hành động khách quan. Khi nghe giáo sư Nguyễn Văn Trung tuyên bố trắng án cho tất cả thế hệ làm văn hóa thời sau Phạm Quỳnh, người ta phân vân chẳng hiểu tại do lòng khoan hồng hay bởi lúc chính sách văn hóa của Páp đã đình lại rồi. Tôi nghĩ nếu Pháp có một chính sách văn hóa ngu dân để đánh lạc hướng chính trị thì không phải chỉ được họ cổ võ trước năm 1932 mà còn cổ võ hơn nữa sau năm 1932, Đàng khác, nếu chính sánh có thực như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung quả quyết, thì thành quả rực rỡ nhất mà họ thu lượm được không là trước năm 1932 mà là sau năm 1932 Là vì, dù sao, trước năm 1932, ý thức đấu tranh quốc gia vẫn mạnh mẽ hơn sau năm 1932 và các cuộc nổi dậy vẫn nhiều hơn là sau năm 1932. Nói cách khác, trước năm 1932, sinh hoạt văn hóa so với sinh hoạt cách mạng chính trị, ta thấy nó thua kém nhiều lắm. Như vậy ta thấy rằng, nếu Phạm Quỳnh có làm văn hóa để cho người ta quên chính trị đấu tranh, thì ảnh hưởng của Phạm Quỳnh cũng chẳng có thấm vào đâu, và như vậy, tội của Phạm Quỳnh đối với đất nước có đi nữa cũng chẳng nặng bằng các nhà văn trẻ

Sau năm 1932, khi mà Phạm Quỳnh thôi làm văn hóa, thì ta thấy hoạt động văn hóa đã lấn át hẳn hoạt động đấu tranh chính trị quốc gia, hay nói cách khác, sau năm 1932, sinh hoạt văn hóa rầm rộ, hào hứng đến nỗi làm cho người ta hầu quên việc đấu tranh chính trị. Thanh niên say sưa đọc những truyện diễm tình, những vần thơ lãng mạn, chạy theo những mối tình éo le. Như vậy, ta phải đau đớn mà nhận rằng Pháp đã thành công chiến lược của họ sau năm 1932 hơn là trước 1932 và bởi đấy, nếu «nhận định về những thành quả tốt xấu của hành động khách quan, thì tội của những người làm văn hóa sau năm 1932 nặng nề hơn

tội của Phạm Quỳnh. Tôi nói họ nặng tội hơn vì trong thực tế hành động khách quan của Phạm Quỳnh chưa gây được một phong trào văn hóa rộng lớn như các phong trào văn hóa sau năm 1932. Thực vậy, sau năm 1932, mọi hoạt động văn hóa đều đi vào con đường cực thịnh. Tay sai đắc lực của Pháp do đấy không phải là Nam Phong Tạp Chí mà là các báo Phong Hóa, báo Ngày Nay, báo Phổ Thông, báo Tri Tân, và tất cả các sách, các truyện, các thơ, các kịch bày la liệt, ngập ngụa các hiệu sách hồi ấy. Nếu căn cứ vào hành động khách quan của nhà làm văn hóa như là nằm trong chính sách văn hóa của Pháp, như là nằm trong chiến lược lấy văn hóa để mà tiêu diệt lòng yêu nước, thì ta thấy chiến thuật của Pháp đã thành công vẻ vang với những tay sai như Khái Hưng, Nhất Linh, Trần Tiếu, Nguyễn - Công - Hoan, Vũ - Trọng - Phụng, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Lưu - Trọng - Lư, Xuân Diệu, Tản Đà, Hàn - Mạc - Tử, Trương Tửu, Dương - Quảng - Hàm hơn là với những tay sai như Phạm Quỳnh hay Nguyễn - Văn - Vĩnh.

— Cứ theo lý luận của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung sinh hoạt văn hóa càng rầm rộ thì chính sách của Pháp càng thành công thì chiến lược của Việt Nam càng bị hại. Trong tình trạng ấy, những người làm cho chính sách Pháp càng thành công, tội trạng của họ đối với tổ quốc, với dân tộc càng nặng. Vậy khách quan mà xét ta thấy sau năm 1932, người ta ít nói đến quốc gia đến đạo lý quốc gia, đến luân lý quốc gia. Thực vậy, sau năm 1932, người ta chủ trương nghệ thuật vì nghệ thuật chứ nghệ thuật không phải để phục vụ luân lý, phục vụ cách mạng, hay phục vụ nhân sinh, phục vụ thực nghiệp, như Nguyễn - Bá - Học, Phan - Bình thường

chủ trương thời xưa. Cái đẹp không phải là cái đề cao đạo đức, tuyên truyền chủ nghĩa quốc gia dân tộc, cái đẹp có tính cách tự đại, độc lập, hay hơn thế nữa, cái đẹp phải ly dị với tất cả mọi công thức, cho dù công thức ấy được gọi là luân lý, hay được gọi là đạo đức, hay được gọi là tổ quốc. Văn học thế hệ sau 1932 đi tìm cái đẹp thuần túy ấy, cái đẹp thoát xác, ly dị mọi công thức, mọi ràng buộc ấy. Như vậy theo luận cứ của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, cái đẹp ấy hẳn phải là cái đẹp nằm trong chính sách văn hóa của Pháp, hẳn phải là cái đẹp mà Pháp muốn tung ra để huyền hoặc quốc dân ta, để làm quên thực tế quốc gia, thực tế mất nước.

Nếu gọi là có công với nước Pháp, có công với chính sách Pháp, Phạm Qnỳnh đâu có công bằng những Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu-Trọng-Lư.., ?

Nếu bảo là đắc tội với tổ quốc thì tội Phạm Quỳnh đâu có nặng bằng nghệ sĩ lớn tiếng tuyên truyền cho quan niệm nghệ thuật vì nghệ thuật,khiến cho nghệ thuật bỏ hẳn ý hướng phục vụ quốc gia dân tộc !

Tôi không hiểu sao, đối với Phạm Quỳnh, cho dù k ông có chủ tâm cộng tác đi nữa thì nguyên một hành động c ộng tác khách quan, dù muốn dù không, cũng bị kết án là làm văn học trong chính sách văn hóa của Pháp và bị luận tội đang khi hành động cộng tác khách quan của các nhà văn hóa về sau này lại không bị lên án, Lý đoán kết tội hành động khách quan ngoài chủ tâm ấy giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã lý luận đanh thép thế này : «Rất có thể không phải người Pháp bảo ông Quỳnh lấy truyện Kiều ra mà đề cao, làm rùm beng, nhưng việc làm của ông Quỳnh có thể nhận cho ông vì là yêu thích truyện Kiều thật ấy

đều là những người làm văn hóa như là một chiến thuật để thực hiện chiến lược chống Pháp, làm hại cho Pháp, thì tôi e không đúng lắm với thực tế. Tôi biết nhiều nhà phê bình, nhiều nhà viết truyện, nhiều nhà thơ, nhiều nhà biên khảo chỉ làm văn học mà không nghĩ đến chính trị chống Pháp. Nếu giáo sư Nguyễn - Văn - Trung muốn gắn huy chương cách mạng cho tất cả các nhà văn thời nay vì đã chủ trương làm văn hóa chống lại Pháp, hại cho chính trị Pháp, tôi e có nhiều vị sẽ tủi hổ và không dám nhận cái danh dự hão ấy.

Còn như bảo rằng tất cả các văn gia nghệ sĩ trước năm 1945 đều làm văn hóa lợi cho Pháp, tức là đều theo Pháp, đều là tay sai của Pháp như Phạm Quỳnh thhì tôi e rằng sự kết án toàn bộ như vậy đối với một thế hệ làm văn, sẽ gây sôi nổi ghê gớm lắm. Số người làm văn hóa trước năm 1945, tuy có nhiều người đã khuất. nhưng số người còn sống vẫy còn nhiều lắm. Nếu «con người Phạm Quỳnh, cộng tác với Pháp, một cách quan» (nguyên văn), không có thể nói tới lòng yêu nước, thì các nhà văn kia, với hành động mà làm đi nữa, thì khách quan, vẫn phù hợp với chủ trương làm văn hóa thuần túy cho quên chính trị của Pháp. Do đó, việc suy tôn Kiều vẫn có ý nghĩa chính trị và lợi cho chính sách của Pháp cho dù ông Quỳnh không chủ tâm hay chủ tâm» (nguyên văn).

Tôi có thể, hay đúng hơn tôi bắt buộc phải mượn câu ấy mà nói về mọi nhà văn học này không, Rất có thể không phải người Pháh bảo các nhà văn trẻ như Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu-Trọng-Lư, Vũ-Trọng-Phụng lấy quan niệm văn nghệ thuật để làm tiêu chuẩn sáng tác rùm beng, việc làm của các ông

có thể nhận cho các ông thích nghệ thuật mà làm, vì yêu cái đẹp thuần túy mà làm đi nữa, thì khách quan, sinh hoạt văn hóa của các ông vẫn phù hợp với chủ trương làm văn hóa thuần túy cho quên chính trị của Pháp. Do đó, việc đề cao quan niệm nghệ thuật vì nghệ thuật vẫn có ý nghĩa chính trị và lợi cho chính sách của Pháp cho dù các nhà văn trẻ tuổi có chủ tâm hay không chủ tâm.

Theo lý đoán của giáo sư Nguyễn - Văn - Trung, tôi thấy không những phải kết án mọi nhà văn hóa của các thế hệ sau mà còn cần phải kết án nặng nề hơn.

Lý do là vì, dầu sao, hành động khách quan của Phạm Quỳnh, tuy có phù hợp và lợi cho chính sách của Pháp đi nữa, thì ít ra, nó cũng còn có lợi chút xíu cho quan điểm quốc gia, vì hành động khách quan, tức hoạt động văn hóa của Phạm Quỳnh, vẫn kêu gọi tình yêu nước, nghĩa chủng tộc, sự đoàn kết để xây dựng nền quốc học. Chứ hành động khách quan, tức sinh hoạt văn hóa của các nhà văn thuộc các thế hệ sau này, ngoài mỗi cái việc phù hợp và làm lợi cho chính sách của Pháp ở điểm làm quên chính trị quốc gia, chẳng hề có đả động gì đến bổn phận với quốc gia ; ý niệm nghệ thuật vì nghệ thuật, tự trọng căn bản của lý thuyết, đã bắt buộc phải gạt bỏ mọi chủ hướng cho dù chủ hướng ấy là chủ hướng quốc gia, để chú mục vào một mục đích duy nhất là thể hiện cái đẹp thuần túy, siêu việt, siêu quốc gia. Tội của các nhà văn trẻ về sau này chẳng nặng nề hơn tội trạng của Phạm Quỳnh đấy ư ?

— Như với những nghi vấn tôi đặt ra trên đây, có lẽ giáo sư Nguyễn - Văn - Trung sẽ trả lời rằng : «Không thể sắp hạng tất cả những người bênh vực truyện Kiều vào phe Phạm Quỳnh vì đến nhóm trẻ, tình thế chính trị dù khác hẳn ; đây mới có tính cách

văn học thực sự».

Tôi không hiểu với mấy chữ «đến nhóm trẻ, tình hình chính trị đã khác hẳn» giáo sư Nguyễn - Văn - Trung muốn hiểu như thế nào.

Tuổi bao nhiêu thì gọi là nhóm trẻ mà tuổi bao nhiêu gọi là nhóm già ? Phạm Quỳnh sinh năm 1892, thì lúc ông đứng ra chủ trương Nam Phong mới chẵn 24 tuổi đầu mà năm 1919 khi ông viết bài suy tôn truyện Kiều thì ông cũng mới có 26 tuổi. Với ngần ấy tuổi đầu Phạm Quỳnh làm gì được gọi là nhóm già ?

Còn như cái phong trào sùng mộ Kiều trên Nam. Phong gồm các ông Vũ-Đình-Long, Nguyễn-Tường-Tam (Nhất Linh), Trần-Trọng-Kim... chẳng hiểu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung cho họ thuộc nhóm già hay nhóm trẻ, và thuộc vào lúc tình thế chính trị đã thay đổi khác hẳn hay chưa.— Nếu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung bảo họ thuộc nhóm già thì là sai lịch sử vì các ông ấy, vào năm 1923, hãy còn trẻ cả.

Có lẽ giáo sư Nguyễn-Văn-Trung bảo rằng các ông ấy bình Kiều vào lúc tình thế chính trị đã thay đổi khác hẳn. Nếu nhận định như vậy thì càng làm sai lịch sử hơn nữa, vì mấy tay đề Kiều tôi vừa kể ra ấy đều là người đồng thời với Phạm Quỳnh Hơn thế các ông còn viết về Kiều trước năm 1924, tức là năm kỷ niệm Tiên Điền, năm mà Phạm Quỳnh sẽ đọc thêm một bài diễn văn thứ hai nảy lửa về Kiều. Tôi chẳng hiểu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung có luận tội các nhà văn tôi vừa kể không. Chẳng hiểu giáo sư Nguyễn-Văn-Trung có luận tội tất cả các cây bút đã cộng tác với Nam Phong hay không. Xem ra giáo sư Nguyễn Văn Trung không luận

lấy lý rằng các cây bút ấy khi viết cho Nam Phong là làm văn hóa thuần túy.

Tôi nghĩ cái lý ấy không ổn mà bất cứ lý nào cũng chẳng có thể ổn được, khi mà giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đã đứng trên quan điểm triết học để luận tội hành động cộng tác khách quan, tự tại không cần có chủ tâm hay không có chủ tâm. Cho ngay rằng Phạm Quỳnh không có chủ tâm làm văn hóa lợi cho Pháp, nhưng vì việc làm văn của Phạm Quỳnh nằm trong chính sách của Pháp, cho nên hành động làm văn hóa tự tại, khách quan, vẫn có tội. Như vậy, bất cứ ai nhúng bút vào Nam Phong cũng tất nhiên có lỗi, cho dù họ không có chủ tâm làm theo ý Pháp hay ý Phạm Quỳnh. Lý do là vì hành động khách quan, tự tại của họ giúp vào việc hoàn thành công tác văn hóa lợi cho Pháp mà Phạm Quỳnh chủ trương và pháp giật giây. Bởi vì cái giây mà Pháp giật không phải chỉ giật một mình Phạm Quỳnh mà phải giật tới tất cả bất cứ ai đứng bên Phạm Quỳnh. Nếu họ không có lỗi trong lương tâm thì ít ra có lỗi trong việc làm, là vì nếu họ không cộng tác với Phạm Quỳnh, thì cho dù Phạm Quỳnh có quay cuồng thế nào mặc lòng Nam Phong cũng chẳng có thể thành công trong chiến lược làm quên chính trị. Sự cộng tác sốt sắng của họ đã khách quan đem đến sự thành công cho Nam Phong, khách quan làm lợi cho chiến lược của Pháp, khách quan thi hành đường lối phản cách mạng do Pháp nấp dưới chiêu bài văn hóa để mà giật giây. Nó rút lại, cho hợp lý và để trung thành với hệ thống tư tưởng và lý luận rất chặt chẽ, tỉ mỉ và tế nhị, giáo sư Nguyễn - Văn - Trung phải kết án bất cứ ai cộng tác viết bài cho Nam Phong, và hơn thế, bất cứ ai làm văn hóa hồi ấy, dù viết cho Nam Phong hay báo khác. Lý do là vì mọi hành động

khách quan, tự tại của sự cộng tác đều nằm trong chính sách của Pháp, đều nhắm những thành quả văn hóa mà Pháp đang nhắm mặc dù mục đích của đôi đường có khác nhau...

Giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, nếu muốn trung thành với các nguyên tắc mà ông đã đặt ra, chỉ có quyền tha tội cho những người làm văn hóa theo kiểu Ngô-Đức-Kế mà thôi.

Nếu đặt vấn đề như vậy, thì vấn đề không phải là nhỏ nữa, không phải là việc kết án một mình Phạm Quỳnh (vì kết án một mình Phạm Quỳnh là vô lý, bất công, và dung túng bao nhiêu đồng lõa) mà là kết án bất cứ ai làm văn hóa ở thời ấy mà không tích cực kháng chiến như Ngô-Đức-Kế hay Huỳnh-Thúc-Kháng.

Theo tôi dự đoán thì cái nhóm trẻ mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung nói đến là để chỉ những người hoạt động văn hóa từ năm 1932, là năm mà ông cho là tình thế chính trị đã thay đổi hẳn.

Điều thứ nhất tôi muốn ghi chú là những người mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung gọi là nhóm trẻ và thuộc về sau năm 1932, thực ra chẳng trẻ gì hơn Phạm Quỳnh : Đào-Duy-Anh, Nguyễn-Tường-Tam đã suy tôn Kiều từ năm 1920 và vẫn suy tôn Kiều cả sau năm 1932, cho nên chẳng thể gọi họ là nhóm trẻ đến sau được.

Điều thứ hai tôi muốn ghi chú là chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà giáo sư Nguyễn - Văn - Trung đặt ra giả thuyết tự Pháp sáng kiến đề ra chính sách làm văn hóa để cho quên chính trị. Giáo sư Nguyễn-Văn-Trung chưa minh chứng được điều đó. Tuy nhiên, nghĩ rằng, muốn minh chứng điều đó tưởng cũng rất dễ. Nếu chúng ta cho rằng Pháp có cả một chiến lược trong vấn

đề thực dân, vấn đề bình trị dân thuộc địa, thì việc khai thác, huy động toàn lực ra để đi đến thành công là điều dễ hiểu. Việc bình trị phải bao hàm cả quân sự, cả chính trị và dĩ nhiên cả văn hóa nữa. Chính sách làm văn hóa để cho quên chính trị thực ra chỉ là một hệ luận tất nhiên của một chính sách. Tôi đồng ý đối với giáo sư Nguyễn-Văn-Trung rằng chính sách ấy có thể có.

Điều làm tôi bỡ ngỡ không phải là sự hiện hữu của chính sách đó mà là ở chỗ giáo sư Nguyễn-Văn-Trung cho chính sách đó như chỉ bao vây có một mình Phạm Quỳnh, chinh phục có một mình Phạm Quỳnh, mua chuộc các hành động khách quan của một mình Phạm Quỳnh chứ không nhắm các nhà văn hóa khác.

Tôi cũng chẳng hiểu tại sao, đột ngột, sau năm 1932, tình thế chính trị đã khác hẳn. Mấy tiếng «tình thế chính trị đã khác hẳn» ở đây nghĩa là gì ? Phải chăng là Pháp thôi thi hành chính sách lợi dụng văn hóa để củng cố địa vị chính trị thực dân ? Tại sao Pháp lại đình thi hành chính sách ấy lại ? Phải chăng vì nó bất lợi, phải chăng vì nó thừa ? Do tài liệu nào mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung biết được rằng Pháp đình chính sách ấy lại từ năm 1932 ?

Tôi ngỡ rằng không có sự cho đình chính sách ấy năm 1932, vì Pháp dại gì mà cho đình lại đang khi chính sách ấy đem lại thành quả tốt đẹp cho chiến lược của họ. Có chăng là lúc ấy chính sách của Pháp đã xây được cơ sở hoàn toàn vững chắc rồi, Pháp không cần phải vất vả, tung cán bộ trung kiên như thời xưa nữa bởi vì mọi người đều coi việc văn hóa thuần túy để quên chính trị như là một việc tự nhiên, không có mặc

cảm không có nghi kỵ nữa. Có phải như vậy chăng? Nếu thực như vậy, thì cái tình thế mà giáo sư Nguyễn-Văn-Trung bảo là khác hẳn ấy chỉ là một tình thế bi đát và những cho người hoạt động văn hóa để cái tình thế ấy được duy trì, được kéo dài ra càng có tội to hơn, càng phản bội hơn Phạm Quỳnh.

Thực ra, tôi thấy trước năm 1932 hay sau năm 1932, tình thế chính trị không thể nói là khác hẳn nhau. Năm 1932 là năm Bảo Đại hồi loan, là năm Bảo Đại lập nội các mới. Nước Pháp lúc ấy tuyên bố là muốn áp dụng một đường lối chính trị mới hơn, mới đây có nghĩa là khoan hồng, rộng rãi hơn, cho tự do hơn. Cũng có một đôi phần thực là Pháp nới rộng chút ít tự do. Trước kia (nghĩa là trước năm 1932) tuy kiểm duyệt rất ngặt ngã, ngặt ngã đối với các vấn đề chính trị đã vậy mà ngặt ngã nhất là đối với các vấn đề luân lý, những điều phạm thuần phong mĩ tục bị cấm nghiệt ngã Nhưng từ sau năm 1932, Pháp cho tự do hầu như thả cửa trong vấn đề làm nghệ thuật vị nghệ thuật.

Tôi nghĩ rằng, cái chiến lược văn hóa rất lợi hại như vậy, vì nó có sức làm cho người ta, vì say mê nghệ thuật thuần túy mà quên chính trị, thì Pháp không dại gì mà bỏ nó.

Nếu Pháp không bỏ nó thì tức là nó vẫn còn được Pháp giật giây và những người lao minh vào con đường làm văn hóa, trước năm 1932 hay sau năm 1932, đều bị Pháp giật, đều là làm lợi cho chiến lược của Pháp và đều đáng tội với tổ quốc.

Như vậy, thực chất của mọi hoạt động văn hóa dưới đời thực dân chỉ có thể là thực chất chính trị

mà thôi. Bởi thế Pháp đã đề ra một chính sách văn hóa, thì mọi sinh hoạt văn hóa chỉ có thể hoặc là bất lợi ngược với chính sách ấy hoặc là có lợi. phù hợp với chính sách ấy. Không thể có một sinh hoạt văn hóa có thực chất thuần văn hóa được.

Cũng như Phạm Quỳnh, có thể là các nhà văn hóa thời ấy không theo Pháp, không biết rằng có một chính sách văn hóa do Pháp đề ra, nhưng một việc họ khách quan tham dự vào sinh hoạt văn hóa, thì họ cũng khách quan ủng hộ chính sách của Pháp, khách quan làm lợi cho Pháp. Cho nên khách quan họ cũng theo Pháp, là tay sai của Pháp mà chủ tâm của họ có thể không nghĩ tới.

Sự suy luận trên đây tất nhiên dẫn chúng ta đến kết luận là ta phải kết án là theo Tây, là phản bội, là bán nước, không riêng gì Phạm Quỳnh, không riêng gì các nhà làm văn trước năm 1932 mà tất cả các nhà làm văn trước năm 1945. Chỉ mỗi một hạng người được trắng án đó là hạng người làm văn hóa như Ngô-Đức-Kế với chủ đích rõ ràng là tương kế tựu kế. Nói cách khác, chỉ những người biết có sự lợi dụng của Pháp, biết có sự bủa lưới của Pháp trong địa hạt văn hóa, mà biết quyết định chống lại sự lợi dụng đó tố cáo thủ đoạn nấp dưới hình thức văn hóa, chỉ mình những người như vậy mới có thể được coi là làm văn hóa đứng đắn không phản dân hại nước.

Tôi không hiểu chủ tâm của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung có quả quyết như vậy hay chứ lý luận khách quan tự tại, của bài diễn văn khiến độc giả phải hiểu như vậy.

Tôi còn đọc tiếp bài diễn văn của giáo sư Nguyễn Văn Trung. Trong phần cuối bài diễn văn, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đề cập đến mấy điều sau đây :

1.— Tìm hiểu lý do tại sao Ngô-Đức-Kế mạt sát Kiều mà không mạt sát Hoa Tiên.

2.— Tìm hiểu lý do sâu xa khiến Ngô-Đức-Kế chống đối Phạm Quỳnh.

3.— Quả quyết Ngô-Đức-Kế không phải một hủ nho lạc hậu.

4.— Thẩm định toàn sự nghiệp văn học của Phạm Quỳnh.

Theo giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, Ngô-Đức-Kế khắc nghiệp đối với truyện Kiều, không phải vì truyện Kiều mà chỉ vì Kiều đã bị Phạm Quỳnh lợi dụng. Rất có thể điều giáo sư Nguyễn-Văn-Trung quả quyết là đúng. Tuy nhiên chứng cớ chưa có gì là minh bạch. Chứng cớ độc nhất mà ông nêu ra là đem Kiều so sánh với Hoa Tiên để xác nhận, về phương diện luân lý, hai tác phẩm Kiều và Hoa Tiên cùng trình bày những vấn đề luân lý tương tự «cũng nửa đêm chạy sang nhà gái, cũng nhảy qua tường» (nguyên văn). Tôi đoán có lẽ ông lầm Hoa Tiên với Phan Trần chăng : các cụ ta xưa cấm con trai đọc Phan Trần và cấm con gái đọc Kiều. Cho ngay rằng, về tác dụng luân lý, hai tác phẩm ấy xấu xa ngang nhau đi nữa, thì có phải là Ngô-Đức-Kế không đả kích Hoa Tiên mà việc đả kích Kiều phải tất nhiên phải có lý do chính trị ? Tôi nghĩ Ngô-Đức-Kế không đả kích Hoa Tiên hay Phan Trần không tất

vì những tác phẩm ấy không bị chính trị lợi dụng, mà có lẽ chỉ vì chúng ít phổ thông, không được ai tuyên truyền cổ võ, cho nên được coi như là không có nguy hại gì cho đạo giáo. Và việc đả kích Kiều không tất nhiên vì Kiều bị chính trị lợi dụng mà có lẽ chỉ vì Kiều dễ hiểu, phổ thông trong dân gian đã vậy mà lại còn được nhiều người cổ võ cho nó. Ông có thể đánh nó và đánh tất cả những ai bênh vực nó vì sợ ảnh hưởng của nói tai hại cho đạo giáo, chứ không tất nhiên vì nó bị chính trị lợi dụng.

— Muốn bênh vực lập trường của Ngô-Đức-Kế, giáo sư Nguyễn-Văn-Trung quả quyết Ngô-Đức-Kế không phải là nhà nho thủ cựu như bọn hủ nho lạc hậu. Không những không phải là hủ nho, Ngô-Đức-Kế hay Huỳnh-Thúc-Kháng còn là những nhà nho tiến bộ, kịch liệt đả kích khoa cử, đề xướng tân học. Điều này không chối cãi. Tuy nhiên, có phải vì có tư tưởng tiến bộ về chính trị, về xã hội mà tất nhiên có tư tưởng tiến bộ về nghệ thuật, mà tất nhiên có khả năng thẩm định chính xác các giá trị nghệ thuật hay không? Những thâm tin chính trị, cho dù là chính trị quốc gia dân tộc gì đi nữa, không tất nhiên bảo đảm cho giá trị thực tại của các phán đoán nghệ thuật. Nói cách khác, không phải vì «tranh đấu cho chính trị yêu nước là tranh đấu cho văn học thực sự», mà người tranh đấu như vậy tất nhiên phải là một nhà phê bình chân chính. Ngược lại tất cả mọi đam mê, Phương chi là đam mê đạo đức luân lý, thường là dễ xuyên tạc tình cảm nghệ thuật chân thành.

— Giáo sư Nguyễn-Văn-Trung không công nhận rằng Phạm Quỳnh có thể thành thực yêu quốc văn được. Ông luận thế này: «Tại sao ông Quỳnh yêu quốc văn, muốn lấy quốc văn làm phương tiện gây dựng độc lập, ông Kế cũng yêu quốc văn, cũng muốn lấy quốc văn làm phương tiện gây dựng độc lập, mà hai ông lại chống nhau. Nếu cùng một tâm hồn một chủ đích, tại sao không gặp nhau được. Tại truyện Kiều, Quốc văn một lợi khí bản chất là tốt đã bị địch lợi dụng mất rồi và ông Quỳnh lại phụng sự quốc văn trong phe địch» (nguyên văn)· Thực ra người ta ghét nhau không phải vì mục đích, hay xung đột nhau, mà thường khi mục đích càng gần nhau người ta ghét nhau vì quyền lợi xung đột ngay hay đường lối tương phản nhau. Có thể Ngô-Đức-Kế và Phạm-Quỳnh cùng chung nhau một mục đích là xây dựng một nền học dân tộc nhưng đường lối của hai ông khác nhau. Có thể Ngô-Đức-Kế chống Phạm Quỳnh vì đường lối của Phạm Quỳnh là đường lối cởi mở, thiên trọng về nghệ thuật vì nghệ thuật còn đường lối của Ngô-Đức-Kế là nghệ thuật vì nhân sinh, vì đạo đức luân lý.

Rất có thể vì cái khác ấy mà hai ông đánh nhau chứ không tất nhiên phải là Phạm Quỳnh phản dân hại nước.

— Còn như việc cho rằng «sự nghiệp văn hóa của Phạm Quỳnh là bậc thang chính trị đưa Phạm Quỳnh từ một thầy thông ngôn vô danh lên làm đến chức thượng thư triều đình», tôi sợ điều nhận định ấy có hơi không đúng với sự thực và có thể oan cho Phạm Quỳnh. Không phải từ một «thày thông ngôn vô danh» Phạm Quỳnh đã nhảy vọt lên chức thượng thư. Theo chỗ tôi

biết thì Phạm Quỳnh có học trường thông ngôn và tốt nghiệp trường ấy năm 1908. Nhưng hình như ông không làm thông ngôn thì phải. Ngay sau khi tốt nghiệp, ông được tuyển vào làm nhân viên Trường Viễn Đông Bác Cổ. Năm 1917, ông đứng chủ trương Nam Phong ; năm 1918, sáng lập Hội Khai Trí Tiến Đức và giữ chân tổng thư ký cho đến năm 1932 ; năm 1920 đến 1924, là Hội Tư Vấn Hội đồng thành phố Hà Nội ; năm 1924 đến 1932, giảng viên môn Bác ngữ học và Văn chương Hán Việt tại trường Đại Học Hà Nội ; từ 1925 đến 1928, chủ tịch Hội Khuyến học Bắc Kỳ ; từ 1926 đến 1932, hội viên Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ ; từ 1926 đến 1931, phó chủ tịch Đại hội đồng kinh tế và tài chánh Đông Pháp ; từ 1931 đến 1932, phó chủ tịch Hội Địa dư Hà Nội và tổng thư ký hội Bảo trợ xã hội Bắc kỳ. Với tất cả những huy hiệu oai danh lẫm liệt như vậy chứ đâu phải chỉ là một thầy thông ngôn vô danh mà Phạm Quỳnh tiến lên chức thượng thư.

— Nhưng điều quan hệ hơn cả mà giáo sư Nguyễn Văn Trung đề ra là yêu cầu duyệt lại vai trò của Phạm Quỳnh trong văn học sử : «Không thể vô tình cứ đề cao Phạm Quỳnh như một học giả, một đấng văn hào».

Thèo giáo sư Nguyễn Văn Trung có hai lý do khiến phải duyệt lại thái độ đối với Phạm Quỳnh của các nhà biên soạn văn học sử bấy nay : thứ nhất là lý do chính trị, thứ hai là giá trị tự tại của chính sự nghiệp văn hóa của Phạm Quỳnh.

Theo giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, giá trị nghệ thuật bị gắn liền với chính trị. Tôi không hiểu rõ lắm

thâm ý của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung, nhưng cứ nguyên văn thì xem ra ông muốn quả quyết rằng con người phản quốc không thể có một giá trị gì về nghệ thuật.

Hành động phản quốc làm cho mọi công trình nghệ thuật tự nó mất hết giá trị nghệ thuật. Có thể đấy cũng là một quan niệm nghệ thuật. Mà thực quan điểm nghệ thuật ấy vẫn có từ xưa đến nay ở khắp vòm trời Đông Tây. Các cụ ta xưa đòi nghệ thuật phải gắn liền với luân lý đạo đức, vì thế không thể có nghệ thuật phi luân lý, huống hồ là nghệ thuật phản luân lý. Quan điểm ấy chẳng riêng gì Đông Phương mình chủ trương mà nay cả Tây Phương đời xưa cũng như đời nay vẫn còn nhiều người bênh vực. Nhà phê bình Schumann đã từng viết : «một công trình văn chương mà lấy cái vô đạo làm bản chất cốt yếu của chân tướng con người, mà người không tả, chỉ tả có «con vật người», thì bội phần vô mỹ thuật ; cái công trình ấy nó giảm giá trị ta ; nó làm nhục ta ; nó có thể gợi lòng hiếu dị của ta được, chưng cái cảm tình nó sinh xuất ra không phải là cái cảm tình nó sinh xuất ra không phải là cái cảm tình văn chương». (1)

Quan điểm ấy ngày nay còn được các quốc gia Cộng Sản kịch liệt ủng hộ : chỉ có thể coi là nghệ thuật cái gì thuận hợp với chủ trương của nhà nước xã hội, của đảng Cộng Sản. Tôi không bảo đấy là nên hay không nên làm mà chỉ có ý nêu lên rằng cái quan điểm bắt nghệ thuật phải lệ thuộc vào một chủ trương hoặc là tôn giáo, hoặc là luân lý, hoặc là chính trị... cũng là một quan điểm có thế lực. Tuy nhiên, dưới con mắt của các nhà nghệ thuật thuần túy thì quan điểm trên không khỏi có tính cách phản động. Từ mấy chục năm

---

(1) Trích theo Nam Phong số 71, trang 423.

nay, người ta đã hò hét suy tôn nghệ thuật, quyết liệt giải phóng nghệ thuật ra ngoài mọi ràng buộc, quả quyết nghệ thuật có những giá trị tự tại, không liên hệ với chính trị hay luân lý, đạo đức. Đấy là chủ trương của phái nghệ thuật vị nghệ thuật. Nơi đây, tôi không muốn đi vào cuộc tranh luận quan điểm nghệ thuật, mà chỉ muốn ghi nhận rằng quan điểm nghệ thuật theo như giáo sư Nguyễn-Văn-Trung chỉ là một quan điểm, không mới mẻ lắm. Theo quan điểm của các nhà nghệ thuật thuần túy, người ta có thể có tội với đất nước, với dân tộc, hay với Thượng Đế, khi mà sự nghiệp nghệ thuật phản lại đất nước, phản lại dân tộc, hay Thượng Đế, nhưng tự nó không phản lại nghệ thuật, thì sự nghiệp nghệ thuật vẫn có giá trị tự tại. Bên nào có lý hơn ? Tôi nghĩ bên nào cũng có lý.

Riêng về trường hợp Phạm Quỳnh, tôi thấy cho dù có muốn theo quan điểm nghệ thuật vì quốc gia đi nữa, ta cũng chưa có đủ dữ kiện để mà kết án. Giáo sư Nguyễn Văn Trung cho rằng sở dĩ tất cả sự nghiệp của Phạm Quỳnh hỏng hoàn toàn là vì ông đã đứng ra «tiếp nhận một chính sách của địch và lãnh đạo thi hành chánh sách đó». Tôi thấy chỉ mới là một suy luận chứ chưa phải là biện minh lịch sử, cho nên sự nghiệp của Phạm Quỳnh chưa hẳn đã bị luận tội theo quan điểm nghệ thuật vì quốc gia.

Sau khi đã lấy chính trị để mà chém vỡ mặt Phạm Quỳnh; sợ rằng bị hiểu lầm là thiên kiến, giáo sư Nguyễn Văn Trung còn căn vào chính sự nghiệp tự tại của Phạm Quỳnh để mà thẩm định ông.

Không những sự nghiệp văn hóa của Phạm Quỳnh kém cỏi vì nó phản dân hại nước mà còn chính bởi

nó tầm thường về mặt giá trị. Theo giáo sư Nguyễn Văn Trung, Phạm Quỳnh chỉ là một dịch giả, soạn giả phổ thông không phải một nhà nghiên cứu sâu sắc đề ra được một quan điểm nào về văn học hay đưa ra những ý kiến mới.

Tôi nghĩ điều quả quyết trên đây có nhiều khắc nghiệp quá với Phạm Quỳnh. Phạm Quỳnh không phải chỉ là một dịch giả. Mà cho ngay rằng Phạm Quỳnh chỉ là một dịch giả có tài như ông đã làm kể ra cũng không đến nỗi tầm thường quá đáng. Phạm Quỳnh không hẳn là một nhà nghiên cứu sâu xa, vì thường ra các bài biên khảo của Phạm Quỳnh như các bài về sử học, về triết học, về Khổng học, về Phật học, về tiểu thuyết hay kịch, đều là tổng lược lại các bài nghiên cứu của các học giả Pháp. Điều ấy ai cũng có thể đồng ý với giáo sư Nguyễn Văn-Trung. Nhưng sự nghiệp của Phạm Quỳnh không phải chỉ có thế mà còn có cái gì hơn nữa.

Xét đến sự nghiệp của Phạm Quỳnh ta phải xét về hai phương diện, Nếu đứng về phương diện ảnh hưởng, về cái mà Phạm Quỳnh đã khua động được, tức là gây một phong trào văn học mới, là xây dựng được cơ sở cho nền văn học phôi thai thì công nghiệp của Phạm Quỳnh vô cùng to tát. Điều này tôi đã làm trong hơn 10 chương của bộ lịch sử văn học thế hệ 1913 (1913—1932) sắp xuất bản nay mai,

Nếu đứng về giá trị tự tại của nó mà xét, sự nghiệp, nghệ thuật của Phạm Quỳnh có vô giá trị hoàn toàn không? Tôi thấy là không? Người ta có thể

chối giá trị nghệ thuật của các bài biên khảo của ông chứ ai mà có thể chối giá trị nghệ thuật của các bài tùy bút trong đó Phạm Quỳnh đã để chan chứa những tình cảm say sưa. Phương chi các thiên hồi ký của ông, như các thiên Mười ngày ở Huế, Một tháng ở Nam Kỳ, Ba tháng ở Paris... thì ta phải là những tập hồi ký giá trị, giá trị vì những nhận xét tỉ mỉ, những nét tả linh động, giá trị nhất là ở tình cảm say sưa của một nghệ sĩ chảy tràn lan trên giấy. Phạm Quỳnh là một bài thơ viết văn xuôi.

Có đọc các tập hồi ký ấy ta mới thấy Phạm Quỳnh không phải xa chúng ta lắm, xa dân tộc, xa quê hương đất nước như người ta tưởng.

Nói vậy tôi không có ý quả quyết trăm phần trăm rằng Phạm Quỳnh không thể là một người phản quốc. Tôi chỉ có ý nói rằng : với các dữ kiện và sự kiện như ta có bây giờ, chưa có gì bắt buộc ta phải coi Phạm Quỳnh là một tên phản bội, coi sự nghiệp của ông coi là bùn đen hay phân bón. Công việc tôi làm trong mấy số báo Văn Học này chỉ là đọc lại kỹ lưỡng bài diễn văn của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung và đặt ra các nghi vấn mà tôi chưa giải quyết nổi. Tôi mong giáo sư Nguyễn-Văn-Trung sẽ nghiên cứu để cho chúng tôi thấy nhiều dữ kiện mới để làm sáng tỏ vấn đề. Tôi vui mừng được tin giáo sư Nguyễn-Văn-Trung đang xoay trần ra để đọc tài liệu và sắp cho công bố một thiên nghiên cứu dày có trên 3, 4 trăm trang về Phạm Quỳnh hay đúng hơn về là một giai đoạn lịch sử chính trị văn học.

THANH - LÃNG

C.— THƯ CỦA MỘT ĐỘC GIẢ
(chưa đăng)

Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 1962

Thưa ông Nguyễn-Văn-Trung và ông Ái-Linh,

Sau khi đọc bài diễn thuyết của ông Nguyễn-Văn-Trung về đề tài «Văn-Hóa và Chính-Trị...» và thơ của ông Ái-Linh ngỏ cùng ông Trung về bài diễn thuyết ấy đã đăng trên báo «Tự Do vừa rồi, chúng tôi có những thắc mắc dưới đây mong quí ông là những bậc hiểu rộng biết nhiều giải thích giùm để trước khỏi nỗi thắc mắc sau minh oan, nếu có, cho vong linh tiền nhân.

Thưa quý Ông, tôi xin nêu những thắc mắc :

1.— Tại sao tạp chí «Nam-Phong» không xuất bản trước hay sau năm 1917, lại nhằm vào năm ấy mà xuất bản ? Chắc có một duyên cớ hay lý do nào thúc đẩy xui khiến chứ không phải là ngẫu nhiên. Theo người ta nói và có lẽ có ghi chép trong da sử Cách mạng : vào năm 1917 là năm nước Pháp, nước Đức đương

đánh nhau. Nước Đức muốn quấy nước Pháp ở Đông Dương để Pháp khỏi mang được quân lính thuộc địa sang tham chiến tại chính quốc, nên khuyến khích và cổ võ các Đảng Cách-mạng Việt-Nam ở Hải ngoại dấy quân đánh Pháp. Thấy thế là một mối nguy và để đối phó chống tuyên truyền của Đức, chánh phủ Pháp ở Hà-nội lúc bấy giờ xuất tiền trợ giúp ông Phạm Quỳnh xuất bản tạp chí «Nam-Phong» dụng ý dùng văn chương ru ngủ những «nhà trí thức» Việt-Nam lúc bấy giờ, vì người Pháp dư hiểu bàn về văn chương trong lúc các nhà nho bó gối ngồi nhà vì hết đường tiến thân sau khi thi cử Hán văn đã bỏ, là gã đúng vào chỗ ngứa của hàng nhà nho thất thời và đám tân học mất gốc, thấy cơ hội làm ăn được, xô đẩy nhau vào tạp chí « Nam - Phong » để bàn tán văn chương ngẫm kiếm đường xuất xứ, thế là quên hết tất cả những quốc sĩ, những biến chuyển quốc sự xảy ra trong và ngoài nước có liên hệ đến vận mạng nước nhà. Bàn văn chương, suy tôn chuyện Kiều. Bàn văn chương thì thiên thư vạn quyển biết bao giờ cho hết thuyết này thuyết nọ. Suy tôn chuyện Kiều tất nhiên phải nói đến hoàn cảnh và đời Kiều và luân lý chuyện Kiều, nói đến luân lý chuyện Kiều tâm trí nhà nho được cởi mở ; Kiều đã làm đĩ 15 năm mà còn giữ được «lòng trinh» đối với Kim Trọng, như thế các bậc «học giả» nhà ta như những ông Phạm Quỳnh chẳng hạn có tận tâm phục vụ cho quyền lợi của thực dân Pháp vẫn được tự coi là «ái quốc, ái quần» hà tất phải bôn ba nơi hải ngoại hay lén lút nơi quốc nội để cách mạng rủi mang khổ vào thân mới là ái quốc hay sao ? «Chữ trinh ba bảy đường» mà. Quan niệm luân lý chuyện Kiều như thế, những ai có tôn thờ thực dân Pháp vẫn là «Trung Quân Ái Quốc» lại có cái lợi về vật chất là vinh thân phì gia. Như thế các bậc «học

giả» đại gì không tham gia công tác tạp chí «Nam Phong» vừa được tiếng và được miếng. Cái mưu nước Pháp trợ cấp ông Phạm Quỳnh xuất bản tạp chí «Nam Phong» vào năm 1917 thâm độc hơn phong trào Thanh Niên Thể Thao Ducroy (mạnh để p ục vụ mà lúc bấy giờ phục vụ ai ?) phát động vào những đầu năm đệ nhị thế chiến nhằm mục đích làm cho thanh niên Việt chăm chú thể thao, tiêu bao thời giờ về di chuyển dự các cuộc tranh đấu thể thao đó đây để quên lãng bổn phận thanh niên Việt đối với nước Việt đáng lẽ lúc bấy giờ cần phải sẵn sàng đón chờ, nếu không tạo được cơ hội quật khởi để phá xiềng xích nô lệ. Về tạp chí «Nam Phong» giống như lúc bấy giờ ngoài bìa có in hình con rồng uốn khúc và có đề câu «RỒNG NAM PHUN BẠC GIẾT ĐỨC TẠC» thì phải.

2.— Vào năm 1922 ông Phạm Quỳnh qua Pháp lần đầu, có diễn thuyết tại Hàn-Lâm-Viện Pháp về văn hóa Việt Nam, trong bài diễn thuyết có nói đến trình độ hiểu biết của người Việt-Nam khi quân đội Pháp đạo bước x m lăng đất Việt, thấy quân Pháp chân đi giày, đi ủng, vấn xà cạp cho là người Pháp không có đầu gối, thấy người Pháp tha nước miếng bị thơ, cho nước miếng người Pháp có hồ (colle). Trình độ thấp kém như thế mà tự hào là nước có văn hiến từ 4 ngàn năm, nên không thèm hạ mình chơi với tây-di. Được tiến bộ như ngày nay (lúc bấy giờ) là nhờ công đức khai hóa của mẫu quốc (nước Pháp). Trong buổi diễn thuyết về văn hóa Việt Nam đại khái có những câu như thế. Trong lúc du hí bên Pháp giống như ông Phạm Quỳnh có gặp ông Phan Châu Trinh thì phải, trong lúc trò chuyện ông Quỳnh có nói đến Đảng Phái gì đó ở nước nhà, nên ông Phan Châu Trinh có hỏi

lại ông Quỳnh thuộc Đảng, Phái nào, mà Đảng, Phái ấy có được bao nhiêu người và những ai, có mục đích gì? Hỏi thế có lẽ ông Phan Châu Trinh muốn nước nhà (lúc bấy giờ) không có Đảng phái nào cả, có chăng lũ xôi thịt.

3.— Không biết ông Phạm Quỳnh có làm chính trị không hay chỉ là một học giả uyên thâm văn chương Việt-Pháp, có tài diễn thuyết, nên trong những biến cố về chính trị như phong trào truy điệu cụ Phan-Tây-Hồ vụ xin ân xá cho cụ Phan-sào-Nam vắng tiếng ông ta. Trước cử chỉ lãnh đạm đối với thời cuộc như thế, giống như lúc bấy giờ «Tiên sinh Kiếng Trắng» có bị Sinh viên Cao-đẳng Hà-nội chất vấn và sừng sộ thì phải. Chắc có lẽ ông Phạm Quỳnh chỉ chú trọng về văn chương nhất là văn chương truyện Kiều mà ông ta cho là «quốc hồn quốc túy» mà trước truyện Kiều nước ta không có quốc hồn quốc túy cho dù đã có những anh hùng liệt nữ phò vua giúp chúa, xây dựng giang san, đánh đuổi quân Tàu... Vì là «học giả» nên ông Quỳnh không màng để ý hay dây dưa vào những phong trào quật khởi của người Việt có hại đến uy tín hay nền thống trị của nước Pháp tại Đông-dương. Hỏi rằng kẻ có văn chương uyên bác mà tinh thần bạc nhược như thế có ít gì cho tổ quốc khi còn dưới ách thống trị của ngoại bang.

4.— Giống như trước khi Bảo Đại hồi loan chấp chấp chánh; ông Quỳnh và ông Nguyễn Văn Vĩnh có bút chiến về hai chánh thể thì phải. Ông Quỳnh chủ trương «Quân chủ lập hiến», Ông Vĩnh thì «Dân chủ» gì đó Rốt cuộc ông Quỳnh thắng được Chánh Phủ Bảo Hộ Pháp tiến cử vào Triều làm chức Ngự Tiền Văn Phòng, rồi sau thăng lên Thượng Thư Bộ Lại thay thế

ông Thượng Thư Ngô-Đình-Diệm lúc bấy giờ trao ấn từ quan vì bất đồng chánh kiến với Chánh phủ Nam Triều và Bảo Hộ Pháp. Khi làm quan tại Triều ông Phạm Quỳnh không chủ trương gì cả, chỉ nghe vào Huế được ít lâu bị mất trộm 7 ngàn bạc (7 ngàn bạc lúc bấy giờ là một số tiền to lớn. Về việc ông Quỳnh làm quan tại Triều, có kẻ thầm khen ông ta là một chính-trị-gia thâm thúy; lúc còn là nhà viết báo ông ta tranh đấu, hô hào thế nọ thế kia lo để được làm quan, làm quan để có quan được ăn nói binh vực quyền lợi của quốc gia, dân tộc..., có kẻ lại cho ông Quỳnh nhờ được luồng gió nam thổi vào Triều chỉ là «con mắt mèo rừng (œil de lynx) của người Pháp đặt vào Nam Triều để canh chừng, chứ có quyền ăn nói (cóc khô) gì khi đã tự hiến thân làm tay sai cho thực dân Pháp. Mà thực thế, không thấy ông ta chủ trương gì cả, chỉ thấy ngoan ngoãn là một đại «Quân Thần» tại triều Bảo Đại, thỉnh thoảng cũng có nói một vài điều trên các báo chương, nói cho khỏi mang tiếng không nói mà có nói mạnh bạo hơn nữa cũng không sao, vì Chánh Phủ Bảo Hộ đã thấu được lòng trung thành của ông ta, biết ông ta có nói là để trôi miếng xôi, x ôi miếng thịt. Những người đem lòng tin ông Quỳnh lúc còn là nhà viết báo thấy ông ta không chủ trương gì cả cho ông ta đã phản ông Quỳnh khi làm báo, có ý trách ông ta là tiền hậu bất nhất, nhưng xét cho kỹ ông ta có lý, vì văn chương và suy tôn chuyện Kiều cùng lối chánh trị «Quân Chủ Lập Hiến

song song với Pháp Việt đề huề» riêng của ông ta đã đưa ông ta vào Triều là đã lên đến tuyệt đỉnh, thì người học rộng, thấy xa như ông Quỳnh dại gì lao đầu thứ chánh trị cách mạng phản lại Quan Thầy Bảo Hộ cho mang lấy tôi bất trung, trở nên đầy tớ bất nghĩa. hơn nữa ông ta tuy sanh trưởng trên đất nước Việt Nam theo pháp lý và phong tục ông ta người Việt nhưng ông chưa nhìn nhận nước Việt Nam là tổ quốc của ông. Ông ta đã thành thật thú nhận điều ấy trong bức thư gửi cho ônn Paul Raynaud, Tổng Trưởng Thuộc Địa Pháp vào năm 1931. Lời thú nhận ấy như sau : «Nous (Phạm Quỳnh et Cie) sommes un peuple qui va à la recherche d'une partrie et qui ne l'a pas encore trouvée». Đã không có tổ quốc thì làm sao có tinh thần phụng sự tổ quốc được. Như thế ông Quỳnh có bàn về văn chương và chánh trị nước Việt Nam cũng chỉ quyền lợi riêng của ông trong sự phục vụ quyền lợi của thực dân Pháp lúc bấy giờ.

Khi nghe ông Phạm Quỳnh bị giết có kẻ tiếc cái tài văn chương của ông, tiếc ông không sống để đãi ngộ như quân Pháp có trở lại nước Việt Nam ông dùng thứ «quốc hồn quốc túy» rút tỉa ở chuyện Kiều mà kháng địch, chắc quân Pháp phải thất điên bát đảo ! ! Cũng có kẻ mừng, mừng ông không sống. Ông sống mà quân Pháp trở lại Việt Nam, ông uốn ba tấc lưỡi để lung lạc tinh thần kháng chiến bằng cách ca tụng công đức nước Pháp khai hóa nước ta, thì chưa biết đi đến đâu, ít ra cũng có lợi cho thực dân Pháp ít nhiều trong một thời gian để ông trả được ơn «tri ngộ» và bè cánh ông

cũng kiếm được lợi chút đỉnh ! ! Cũng có kẻ tranh kháng chiến vụng suy đang tay giết ông ta, giết ông ta đã vô tình đề cao ông ta, vì ông ta chỉ là hiện thân của nàng Kiều. Có kẻ thương thay cho số phận ông Quỳnh không được may mắn như Kiều sau 15 năm «chiến đấu» cùng khách thiên hạ đến lúc nhụy úa hoa tàn còn được «tái hồi Kim Trọng» mà ông Quỳnh chung thân «Quần Thần trước giây phút lìa cõi trần không được gặp mặt Quan Thầy Bảo Hộ để tỏ hết tấm lòng «trung thành» trong phút cuối cùng ! !

5.— Ông Phạm Quỳnh được tiến cử vào Triều làm quan cũng là theo chương trình Pháp hóa Nam Triều của nước Pháp. Vì sao ? Người Pháp đã từng thấy các vua chúa Việt Nam như vua Hàm Nghi, vua Thành Thái, vua Duy Tân được người Pháp trọng đãi đã chống lại nước Pháp. Có tình trạng ấy là vì nhà vua còn vướng phải ảnh hưởng nội cung và các quan cận thần. Nay muốn diệt trừ mầm móng ấy để tránh hậu họa, nước Pháp phải Pháp hóa nhà vua. Cơ hội ấy đã đến cho nước Pháp là khi Vĩnh Thụy đến tuổi khôn được vua cha giao phó cho người Pháp nuôi nấng, dạy dỗ và hứa bảo vệ ngai vàng mai sau. Vì thế Vĩnh Thụy được gởi sang Pháp học làm vua, đến tuổi trưởng thành tôn lên Hoàng Đế, cưới cho người vợ dòng dõi giàu có, thân Pháp, cũng du học ở Pháp, lúc sanh con mướn cho một người Âu làm vú em. Thế là nội cung đã Pháp hóa. Còn Triều chánh thì tiến cử ông Phạm Quỳnh là người đã được Chánh Phủ Bảo Hộ vào lo đã lâu. Thế là từ nội cung đến Triều Chánh nước Pháp khỏi lo về phía nhà vua.

Thưa quý Ông, trước đây 20 năm chúng tôi dân quê mộc mạc kém văn chương, không biết chánh trị được nghe dư luận và báo chí lúc bấy giờ bàn về ông

Phạm Quỳnh như thế, nay sau khi đọc các bài của quý Ông đã đăng trên báo «Tự Do» có phần tương phản nhau làm chúng tôi không hiểu ông Quỳnh sao nữa. Phải chăng ô g Quỳnh là một học giả không óc cách mạng về chánh trị mà người dân nước nô lệ dù có ngu xuẩn đến đâu cũng cần phải sẵn có, hay là một người không tổ quốc (như ông ta đã thú nhận) chỉ là tay sai được người Pháp đào tạo từ lâu và đã xuất hiện từ năm 1917, hay là một Chánh-Trị-gia nấp dưới chiêu bài văn hóa để thực thi món «Chánh trị vin thân phi da» của ông ta, hay là ông ta có đủ các «Đức Tính» ấy ?

Nói về văn hóa thuần túy chúng tôi nhìn nhận ông Phạm-Quỳnh có công bồi bổ chứ không mà trước ông ta cũng đã có lắm người và sau ông ta chắc không thiếu.

Thiết tưởng quý ông sưu tầm được những tài liệu để minh xác 5 điểm thắc mắc nêu trên, chắc quý ông đỡ khỏi tranh luận nhiều về thân thế và sự nghiệp của ông Phạm-Quỳnh và hương hồn của ông Phạm-Quỳnh cũng được an nghỉ nơi cửu truyền.

Kính chào quý ông.

DOÃN-TRUNG, Tiểu-Mục tại Ha-Lan A

Ban-Mê-Thuột

Tái bút : Những điều kể lại trên là đúng theo sự được nghe được đọc được nếu có sai lầm chỗ nào là

tại những báo chương sách vở và người kể lại lúc trước sai lầm riêng tôi không có ác ý với ai nhất là những người đã không cùng chúng ta đang sống.

Rất mong được đọc những lời chỉ dạy của mấy ông sẽ đăng trên báo « Tự Do » để được học hỏi thêm lúc nhàn rỗi. Cám ơn.



PHẢN ỨNG CỦA TÁC GIẢ

1 — Nghĩ về một thái độ phê bình (chưa đăng) viết vào tháng chạp 1962.

Khi tôi đưa ra vấn đề trên, tôi không sợ tranh luận mà trái lại chủ ý nhằm gây thảo luận. Nhưng loạt bài phản ứng công khai đăng trong «Tự do» làm cho tôi ngạc nhiên và khó chịu bực tức. Ngạc nhiên vì có lẽ từ trước chưa ai dám bênh vực con người chính trị của Phạm Quỳnh thường là muốn tách con người chính trị của ông để chỉ xét tới hoặc ca tụng con người văn học. Tôi sẵn sàng đón tiếp những ý kiến bênh vực hành động chính trị của Phạm Quỳnh vì đó mới thật là một quan điểm mới. Đối với tôi Phạm Quỳnh là một sự kiện lịch sử rồi, cho nên chấp nhận những ý kiến phát hiện sự thực không phải là điều khó khăn gì. Nhưng tiếc thay luận điệu của những bài trên không phát hiện điều gì lạ và do đó không giúp ích gì cho Phạm Quỳnh trong chủ đích bênh vực ông ta. Đối với tôi, những bài

đó làm cho tôi khó chịu, bực tức. Ai chả khó chịu khi bị xuyên tạc, chỉ trích thiên lệch, hỗn xược. Tôi phải cố giữ để khi cầm bút không làm như Hiếu Chân, «vì không thể chịu được nữa nên phải chửi Bùi Giáng là đồ phân cỏ cho xong chuyện. Tôi nhớ lại những câu chuyện các nhà văn xưa tố cáo, xuyên tạc nhau. Những lời nói lúc nóng giận vì bị chỉ trích chỉ bày tỏ cái thô bỉ, hèn hạ, bần tiện. Đó là những vết bùn bắn vào sự nghiệp văn học của họ. Tôi yêu Vũ-Trọng-Phụng qua cái tha thiết của một tấm lòng, nhưng không khỏi buồn khi đọc những giòng Vũ-Trọng-Phụng vu khống cho Nhất Linh xưa kia vì không xin được cụ Nguyễn-Hữu-Bài một châu tri huyện, nên mới dùng báo Phong Hóa bôi nhọ quan trường... hoặc như Hoàng Đạo chửi Phan - Trần - Chúc - «Đối với Phan - Trần - Chúc mà tôi coi là một kẻ hết sức hèn mạt, từ đây tôi không thèm nói tới. Hễ gặp hắn ở đâu tôi sẽ cho hắn một cái tát. Hắn chỉ đáng có thế thôi» (trích lại trong Đông Dương tạp chí số 234 cái hèn hạ, bần tiện vẫn ở trong đáy lòng mọi người, lúc nào có dịp là ngóc đầu lên. Tôi đã cố giữ không cho cái hèn hạ trong con người tôi ngóc đầu lên. Quả thật là khó. Chửi bới, vu khống lại dễ dàng biết bao. Những lời hỗn xược, xuyên tạc kia đã là những vết bùn bắn vào bài tham khảo của tôi ; nhưng tôi phải cố giữ để không vào hùa bôi đen luôn việc mình làm bằng những lời nói hèn hạ, đê tiện.

Tôi buồn vì không được trao đổi trên bản đã đưa ra và với phong độ trí thức cần thiết ; nhưng sau cùng tôi cũng muốn chấp nhận những lời chỉ trích xuyên tạc thiếu lễ độ, nhất là của Nguyễn Hòa Phong

vì về một khía cạnh nào đó chúng có tác dụng tốt cho bản thân tôi. Những lời nói chỉ trích có công dụng của một cảnh giác, rất cần thiết cho cuộc đời tìm kiếm của tôi. Đừng tự cao tự đại, tự kiêu, tự mãn, nhất là khi được ca tụng, khen tặng. Về điểm nầy, những lời ca tụng thật tai hại, nguy hiểm biết bao.

Đừng tưởng mình có thiện chí, nhiệt thành, như thế là đủ để tự cho mình quyền bào chữa là vô tội, ngay thẳng trước mặt người khác. Cho nên những lời chỉ trích dù có ác ý đi nữa cũng giúp mình canh chừng không tự thần thánh hóa, hay tự cho là «ông» nọ, «nhà» kia với những chức vụ, bằng cấp, sự nghiệp như thể không ai có «quyền» đụng chạm tới. Nghĩ như vậy tôi cám ơn tất cả những tác giả những bài trên và cả tờ Tự Do đã cho đăng những bài đó. Chúng giúp tôi đi con đường tìm kiếm của tôi với một tinh thần khiêm tốn, luôn luôn nghĩ mình có thể sai nhầm, phải bắt đầu lại và biết tôn trọng người khác, nhất là những người chỉ trích xuyên tạc. Có tôn trọng người xuyên tạc mình, mới tự tôn trọng đồng thời mới có thể đưa họ lên chỗ đứng cao sạch của mình để cùng cao sạch, bằng xuống chỗ bùn để ném bùn lại, thì cả lũ bẩn thỉu, đê tiện hèn hạ, thô bỉ.

Nhưng trong luận điệu của những bài trên, còn một điểm rất quan trọng có thể đưa tới những hậu quả hoàn toàn tai hại, không có ngay cả một công dụng gì gián tiếp chẳng hạn như giáo dục bản thân cho người bị chỉ trích.

Phê bình Phạm Quỳnh cộng tác với Pháp là «lập luận theo Cộng Sản, là thỏa hiệp với bản án 1945...» ai cũng biết là trong hoàn cảnh chính trị hiện nay, tố cáo theo kiểu đó sẽ gây những hậu quả gì cho bản thân người bị tố cáo. Chính vì thế mà tôi muốn nhấn mạnh vào tính cách quan trọng của thái độ tố cáo này. Không còn phải vấn đề tranh luận, đúng, sai, văn học, hay giáo dục bản thân gì nữa nhưng là vấn đề sống chết. Không còn vấn đề chân lý, văn học giáo dục vì làm gì còn bản thân mà nói tới chân lý văn học hay giáo dục...»

Sau đợt bài đã đăng, một người đến thăm tôi xem tôi «còn bản thân» ở nhà không! Rồi tôi nghĩ tới một điều lạ : Tại sao không ai lên tiếng để «kết án» Phạm Quỳnh với tôi ? Những người đã biết Phạm Quỳnh thời làm báo, thời làm quan, nhất là những vị ở Bắc và Trung, đã từng lên tiếng và bây giờ còn ở đây, tại sao họ im lặng ; chả nhẽ bây giờ tất cả đều nghĩ rằng Phạm Quỳnh là người «trong sạch» vô tội về chính trị cả hay sao ? Tôi đọc lại những sách đã nói tới Phạm Quỳnh xuất bản gần đây, tôi thấy nhiều giáo sư đã viết như tôi, Ví dụ cuốn «vụ án văn chương chuyện Kiều» của Tử Vi Lang và Luận đề về Tự lực văn đoàn (tập I) của Nguyễn-Duy-Diễn. Rồi tôi nhận thấy được một vài lá thư của nhân sĩ mách bảo một vài dữ kiện, nhưng không quên chú thích là «Không dám lên tiếng tham dự vào cuộc tranh luận đang diễn ra». Tại sao ? Đột nhiên tôi nhớ lại chuyện «Giáo sư Hư Chu và tôi tìm ra giải đáp cho những thắc mắc trên. Mùa chấm thi năm 1961, một vụ tố cáo giáo sư đã làm xôn xao

dư luận nhà trường hồi đó. Tự do số 28-5-1961, đăng bức thư ký tên một học sinh tố cáo giáo sư Hư Chu» Vô tình hay hữu ý giáo sư Hư Chu đã tuyên truyền cho Việt Cộng... không lẽ vị giáo sư mà mình hằng kính phục lại là tay sai của Cộng Sản... Thật là nguy hiểm ! Nguy hiểm hơn nữa, giáo sư Hư Chu lại dạy rất nhiều trường trong Đô Thành cả lớp ngày lớp tối». Bức thư đó, Tự Do đề : «Đau đớn khi viết. nhưng phải viết : Giáo sư tiếp tay với Việt Cộng ?».

Rồi cả tháng, trong những số chủ nhật, Tự Do đăng những ý kiến phụ họa với sự tố cáo trên cùng với một số ý kiến của một giáo sư và một số học sinh binh vực Hư-Chu. Một điều đáng chú ý là qua sự trao đổi ý kiến, người ta chỉ bàn tới vấn đề dạy sử có nên tôn trọng sự thực hay không và vấn đề dạy theo một đường lối chính trị thì hại hay lợi thế nào, mà tuyệt nhiên không ai nói tới *thái độ* của đứa học sinh tố cáo thầy và *thái độ* của một cơ quan ngôn luận chấp nhận thái độ tố cáo đó. Chính vấn đề này mới quan trọng và đưa tới những hậu quả tai hại về giáo dục, đạo đức đồng thời trực tiếp đụng chạm tới sự sống còn của người bị tố cáo. Rồi câu chuyện qua đi. Giáo sư Hư-Chu, không hề lên tiếng và một cách chính thức, dư luận không hay biết những gì đã xảy đến cho ông giáo sư sử địa tiếp tay cho cộng sản.

Cái xảy đến là nhà trường buộc lòng yêu cầu giáo sư nghỉ dạy học ; và bỗng nhiên ông giáo sư trường tư song vì dạy học bị thất nghiệp. Không phải chỉ thất nghiệp còn thất nghiệp trong lo sợ... May nhờ có sự

can thiệp của một cơ quan chính quyền, nên sau khi điều tra, đảm bảo, ông Hư Chu mới được mời dạy học lại. Nhưng nếu không có cái may được biết đến, và được điều tra... Số phận Hư Chu và những người như ông sẽ ra sao ?

Tôi không «bị» như Hư Chu có lẽ vì bài tôi nói đã đăng một cách công khai, không như trường hợp ông Hư Chu, đã bị tố cáo lúc giảng bài trong lớp. Lời nói khi giảng bài qua đi, lấy gì làm bằng chứng tài liệu ?

Nhưng nếu Tự Do còn giữ thái độ trên, sẽ có những Hư Chu khác... Tôi yêu cầu Tự Do duyệt lại thái độ vô tình giết người bằng bút mực để từ nay sẽ không bao giờ còn xảy ra vụ Hư Chu nữa...

Phê bình kiểu gán ghép cho người ta là tiếp tay với Cộng Sản trong tình thế khẩn trương, và đạo luật 10/59, thử hỏi còn ai dám nói năng gì nữa ?

Nhưng làm như vậy tức là nhường cho người Cộng sản độc quyền nói mọi sự thật. Không phải vì Cộng Sản nói hai với hai là bốn mà người chống Cộng phải nói ngược để chống họ. Sự thật không phải «của» ai và cũng không ai chống lại được sự thật. Một cách cụ thể, không phải tất cả những người bị giết lúc cách mạng bùng nổ và thời kháng chiến đều là oan uổng và ái quốc. Phải phân biệt từng trường hợp và thẳng thắn nhận sự thực dù sự thực đó do bất cứ từ đâu đến

Trong vụ Hư Chu, tôi có thể quả quyết chắc chắn tờ Tự Do không có ý làm hại ông Hư Chu như vậy và khi đặt vấn đề là nhằm chủ đích xây dựng. Nhưng

một cách khách quan. hành động của Tự Do là làm công an văn học. Bất cứ chế độ nào cũng có công an mật vụ, Đó là lẽ thường. Nhưng người làm nghề đó phải chịu nhận một thứ kỷ luật của nghề nghiệp. Trái lại, người làm công an trong văn học báo chí là một thứ công an không giấy ủy nhiệm, do đó họ rất nguy hiểm và đáng ngại...

Tôi *hiểu* chủ tâm ngay thẳng, thiện chí của «Tự Do» và không hề nghĩ rằng Tự do làm nghề tố cáo độc ác giết người nhưng sự thông cảm về *chủ tâm* không xóa bỏ được hành động theo nghĩa khách quan và những hậu quả của hành động đó.

Cũng như Phạm Quỳnh có thể là chủ tâm không theo Pháp, nhưng một cách khách quan, hành động của Phạm Quỳnh là hành động tay sai văn hóa của Pháp và sự «hiểu» chủ tâm không xóa bỏ được hành động và những hậu quả của hành động đó.

Qua vụ Hư Chu, tôi cũng hiểu tại sao không *ai dám* lên tiếng để minh chứng một lập trường chống lại những ý kiến của những tác giả trên. Những người đương thời với Phạm Quỳnh quen biết Phạm Quỳnh đều trên năm mươi tuổi và do đó đã trải qua nhiều chính thể, có những thành tích hoạt động chính trị, bây giờ được yên ổn làm ăn là may phúc rồi.

Cho nên sự im lặng của họ không còn tạo điều kiện cho một cuộc trao đổi ý kiến xây dựng để đi tới sự thực. Và đó là một sự thiệt thòi chung. Nhu cầu giảng dạy bó buộc nêu lên những vấn đề đã thuộc về lịch sử. Sau đây hai ba mươi năm, những nhân chứng sẽ không còn và chúng ta sẽ gặp những vấn nạn không bao giờ giải quyết được như đã gặp với những nhà văn các thế kỷ trước.

Những bài đăng trên Tự Do không phải là đề đi tới thảo luận (trừ bài của Đỗ Lăng) vì không hề nắm đúng được quan điểm của người khác để bày tỏ sự đồng ý hay không đồng ý về quan điểm. Người thì đến chậm, nghe một đoạn cuối rồi viết láo xược, mỉa mai, tự nhận là đại diện cho một nhóm sinh viên trong khi cả trường Văn khoa Saigon không có ai tên là Nguyễn-Hòa-Phong cả... Người thì không đi nghe, chỉ căn cứ vào một phần bài đã đăng rồi phê bình về điểm cho tôi là đã phủ nhận sự nghiệp văn học của Phạm Quỳnh, để cuối cùng ngạc nhiên không hiểu tại sao tác giả không phủ nhận và bài phê bình cùng đăng một lượt với bài diễn thuyết.

Còn một người khác lên mặt đạo đức dạy đời để kết án con người luân lý của tác giả. Nào là không có Nhân, Thành, Trí, nào là Trí kiêu, Tâm loạn, chao ôi! Nói chỉ hại đời thôi... Sao chẳng hãy im lặng... Rồi làm như thế là reo rắc những ý kiến, ảnh hưởng bất lợi v.v... vì tác giả là giáo sư, dạy học, viết sách...

Làm sao còn có thể trả lời, thảo luận khi vấn đề không còn phải là ông nói sai, tôi nói đúng mà là ông là đồ khốn nạn, trí kiêu, tâm loạn im mồm đi. Nếu tôi cũng nóng giận quát lại : ông cũng chỉ là thằng dốt, chưa hiểu và phân biệt được mấy danh từ triết học như dự phóng căn bản, làm chính trị và ý nghĩa chính trị, hành động và chủ tâm v.v... hoặc ông cũng trí kiêu, tâm loạn không có Nhân, Thành, Trí vì cũng trích dẫn thiên lệch và mù quáng không

thấy điều người khác thấy, như thế còn thảo luận gì và chỉ còn xuống đường, nếu gặp nhau thì nói như Hoàng Đạo dọa Phan-Trần-Chúc trên kia... Cái lối phê bình bắt đầu bằng những lời lẽ rất khiêm tốn, rồi chửi người ta về luân lý và sau cùng lại rất khiêm tốn xin «thông cảm» cổ điển và giả dối quá. Ông Ái Linh có quyền nói với tôi sai và theo ông nhận định như thế này mới đúng, nhưng ông không có quyền tố cáo là nói sai vì trí kiêu tâm loạn. Nào có khó khăn gì nếu tôi cũng tố cáo ông lại như vậy. Nhưng tôi chỉ cho rằng, ông không nhìn thấy những điều tôi thấy là vì ông đứng ở một quan điểm khác và nếu tôi đứng vào quan điểm của ông, tôi sẽ nhìn thấy như ông và đồng ý với ông như tôi sẽ trình bày sau này. Thật là buồn cho ý thức phê bình ở xứ này. Hễ phê bình là cứ phải đưa Nhân Trí Thành, bằng cấp địa vị ra để chỉ trích, hoặc nói tới những nào là ảnh hưởng tai hại tới tiền đồ dân tộc, nào là nguy hiểm cho những thế hệ tương lai v.v... Cũng ở trên Tự Do, hồi tháng 4-1961, có người phê bình một điểm trong cuốn sách giáo khoa và kinh tế cho một lớp trung học của ông Vũ-Quốc-Thúc, dưới đầu đề quan trọng : Sự nhầm lẫn của một học giả có liên hệ đến tiền đồ dân tộc ? Làm như chỉ mình mới lo lắng tới dân tộc... Rồi cũng nói «Thiện Mỹ» chân thành, chính trực và bằng cấp, chức vụ : «Sự phủ nhận đó lại do một vị thạc sĩ kinh tế học — một thạc sĩ của một quốc gia hiếm nhân tài». Trong bài trả lời ông Thúc nói đã ngần ngại rất nhiều trước khi cầm bút trả lời và đã toan giữ thái độ thản nhiên để mặc cho dư luận xét đoán kẻo làm phí thì giờ của mình và của độc giả báo Tự Do .. Rồi tiếp theo một vài bài phê bình nhưng không

thấy ông Thức lên tiếng nữa... Người ta có thể nói luân lý chính trị trong văn học, hay biên khảo nói chung mà không dùng một ngôn ngữ chính trị hóa hay với cái giọng dạy đời. Không ai có quyền kết án *về luân lý* một người khác. Còn người tự nhận trách nhiệm dạy luân lý không bao giờ dùng luân lý để xuyên tạc vu khống người khác. Luân lý không phải là tảng đá để ném chết những người mình không ưa. Người dạy luân lý không dạy luân lý như một tri thức, nhưng lấy chính cuộc đời mình làm chứng những lời mình dạy. Các đặc thánh hiền xưa kia đều đã làm như vậy. Người nói «Nhân, Trí, Thành» xưa kia đã là «Sư», «thầy» theo đúng cái nguyên nghĩa của nó là *chứng nhân*, ngày nay chữ Thầy. giáo sư chỉ có nghĩa là dạy học, dạy chữ, dạy nghề, và nếu có nói tới đạo đức, thì cũng chỉ nói như một tri thức vì không ai dám tự nhận là thánh hiền để dạy đời như các bậc Thánh hiền xưa kia.

Cho nên ai đã dám nhận sứ mệnh cao cả dạy đời, nhất là ở thời buổi này, cái thời chẳng ai tin, nghe ai, chắc hẳn phải là ngay thẳng, chính trực và vì thế không sợ gì xuyên tạc, vu khống, người ngay thẳng chỉ sợ kẻ nói đúng, không sợ kẻ xuyên tạc. Đó là điều tôi thắc mắc về ông Hiếu Chân là người dạy đời trong mục «nói hay đừng«. Tôi được Nguyễn-Hồng-Văn, tác giả bài «một tiếng mõ...» cho biết là trong bài nhằm phê bình thái độ của Nguyễn-Hồng-Phong anh có chỉ trích luôn cả thái độ của Hiếu Chân, chưng đoạn đó không thấy trong bài. Tôi vẫn thường thấy báo chí Âu châu đăng ngay trang đầu những ý kiến độc giả, đôi khi cả những

ý kiến chửi bới giận dỗi bèn hạ, như trong tờ tuần báo «Express» chẳng hạn. Nếu những lời chửi bới là bất công, bần tiện thì chính bản thân nó đã là một sự tự kết án rồi. Và người đọc càng quý người bị xuyên tạc, vu khống hơn... Vậy tại sao ông Hiếu Chân không dám cho phép độc giả quý mến và tin tưởng ở những lời chỉ giáo của ông hơn nếu những lời phê bình của Nguyễn-Hồng-Văn là bất công, xuyên tạc, thiếu Nhân, Trí, Toành do Trí kiêu, Tâm loạn mà ra ?

Cho nên tôi không thể thảo luận với những tác giả bài trên (trừ Đỗ Lăng và có thể Song Thai nếu ông đọc hết bài của tôi và phê bình lại) và cũng không thể thảo luận trên «Tự Do» trong một bầu khí dạy đời, xuyên tạc, không chịu tìm hiểu đúng điều người ta thực sự muốn nói mà phê bình, người ta thực sự muốn nói mà phê bình, người ta chỉ có thể nói với nhau khi gạt khỏi những ý nghĩ phán đoán luân lý hay gán ghép chụp mũ.

Ông Song Thai đã nhắc tới cuộc thảo luận về vấn đề này trên báo ngoài Bắc. Ông ghi chú điểm nhóm Lê-Quý-Đôn bị phê phán «là có nhiều nhận định lệch lạc mà sở dĩ như vậy, chính là vì các tác giả không nắm vững được thực chất cuộc đấu tranh». Căn cứ vào lời phê bình trên, và nếu ông theo rõi cuộc thảo luận ấy, chắc ông cũng nhận là có ba bốn khuynh hướng khác nhau mà nhóm Lê-quý-Đôn là một, và chắc hẳn ông phải thấy họ không vu khống nhau là lập luận theo Mỹ-Diệm; họ gọi nhau là bạn và chỉ tỏ thái độ không đồng ý về lối nhìn, cách lập luận.

Tôi dễ dàng chấp nhận cho ông Sông Thai quyền đồng ý với nhóm Lê-quý-Đôn về quan điểm coi cuộc tranh luận Phạm Quỳnh—Ngô-đức-Kế là thuộc về địa hạt văn học mà không xuyên tạc ông là lập luận theo Cộng sản đâu. Có như thế, các bản ông không còn sợ, bởi vì ông đã sợ nên phải làm cho độc giả ở đây hiểu lầm rằng nhóm Lê-quý-Đôn không phải là Mác-xít và khi bị phê bình lại bó buộc viết theo quan điểm của Đảng.

Nếu ông đọc lời tựa «Lược thảo lịch sử văn học Việt-Nam» ông sẽ thấy nhóm đó xác định lập trường: «Khi nghiên cứu, chúng tôi cố gắng theo lập trường Mác-xít» và bộ văn học sử đó là một cố gắng giải thích văn học Việt Nam theo phương pháp phê bình Mác-xít». Vậy họ không phải là người chống Mác-xít đâu. Ngoài ra cuộc tranh luận diễn ra năm 1960-1961, nghĩa là sau vụ Nhân-văn giai phẩm và Trương Chính, đại diện cho nhóm vẫn bênh vực quan điểm của nhóm như hồi xuất bản sách, chứ không phải bị bó buộc phải viết theo quan điểm của Đảng đâu. (Tạp chí Nghiên cứu Văn-học tháng 6-1961).

Về bài nói chuyện trên của tôi, một số người ở đây có thể cho là tôi kết án Phạm-Quỳnh, và vì thế có gì mới lạ. Nhưng tôi đinh ninh rằng khi những nhà phê bình ngoài Bắc được đọc bài của tôi, có lẽ họ lại thấy tôi «khéo léo» bênh vực phần nào Phạm Quỳnh khi phân biệt chủ tâm và hành động, đường lối, theo nguyên tắc phán đoán hành động và không phán đoán chủ tâm, con người luân lý của một người. Nhận định rằng *khách quan*, Phạm Quỳnh là tay sai văn hóa của Thực Dân và phê phán trên căn bản đó, mà chưa quả quyết về *chủ tâm*, tức là chủ trương một quan điểm nhẹ

nhàng hơn quan điểm kết án Phạm Quỳnh là Việt gian thực sự, và do đó vẫn mở một cửa ngõ để cứu vãn con người luân lý của Phạm Quỳnh, chứ không phải là bỏ cái thâm tâm và coi con người như một sự kiện vậy lý như ông Đỗ Lăng tưởng đâu.

Sự kiện xuyên tạc chụp mũ trên chứng tỏ làm văn hóa bây giờ khó khăn chừng nào. Viết gì, cũng bị coi là nguy hiểm cả, nguy hiểm cho đường lối chống Cộng. rồi còn nguy hiểm cả ở trên các bình diện khác nữa.

Thực ra tôi chỉ muốn đi cọn đường của tôi và khi đi muốn trao đổi với những người cùng đi. Điều cốt yếu không phải là cái trao đổi, nhưng là sự trao đổi. Chẳng ai bảo tôi nói viết vì tôi đã chỉ gặp những phiền phức, rắc rối cho mình : Thấy cái gì thì nói lên cái đó. Rất có thể sau này tôi sẽ thấy là sai. Chẳng hạn bây giờ tôi không nhìn nhận một vài điểm mà lúc viết bài «Đặt lại vấn đề truyện Kiều» (1), tôi đã không thấy.

Rồi bài »Một quan điểm mới» trên «có thể cũng còn nhiều khía cạnh mà bây giờ tôi chưa nhìn ra, và sẽ nhìn thấy trong một hai năm nữa. tất cả chẳng qua chỉ là những «nhận định». Tôi tôn trọng độc giả và đã nói nhiều lần về chủ đích viết của tôi là chỉ nhắm đối thoại. Mỗi người phải tự trách nhiệm số phận cuộc đời mình và đi con dường của mình. Tôi cũng vẫn thường nhắc và thực hiện tinh thần đó trong khi giảng dạy ở trường.

Chính bài trên cũng đã được đem ra thảo luận ngay trong một lớp học ; người sinh viên thuyết trình cũng như một số khác phát biểu ý kiến đã nêu lên những

---

(1) Xem «nhận định II».

thắc mắc hoặc bày tỏ những điềm bất đồng ý. Một vài giáo sư cũng không đồng ý về một vài điềm trong bài Trường Đại học là một nơi tìm kiếm tự do và nó chỉ là Đại học thực sự khai giảng dạy được tự do tìm và sinh viên tự do thảo luận phát biểu ý kiến. Những vấn đề văn học, tư tưởng là vô cùng. Mỗi người đều có thể có lý trong quan điềm của mình. Do đó, sự không đồng ý là điều hay ; vì có đối chiếu, trao đồi, mới phát hiện được sự thực. Sự thực là điều trọng ; nhưng điều quan trọng hơn nữa, là những điều kiện đi tìm sự thực ; Từ khi bắt đầu viết cho đến bây giờ, càng ngày tôi càng cảm thấy rằng «nếu còn tin ở sứ mệnh của lời nói thì sự tranh đấu sẽ chưa phải là tranh đấu cho chân lý. Đạo đức, nhưng là trước hết Tranh đấu tạo điều kiện cho việc hướng về chân lý. Tranh đấu mở những con đường đề ai nấy đều có thể tự do lựa chọn và thực hiện cuộc hành trình tư riêng của mình» (Thư tôi gửi Nguyên Sa trong khuôn mặt Thời gian. Hiện đại số 7).

Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa tìm thấy những người ở đây muốn đối thoại với mình : Cứ vẫn phải còn đứng lại mãi ở chỗ thương xác thái độ như thế này...

Cuối bài, ông Ải Linh ước mong tôi «thông cảm» cho tấm lòng chân thành của ông sau khi ông vừa chê tôi là thiếu nhã độ, trí kiêu, tâm loạn. Làm sao còn thông cảm đối thoại được khi người ta đã ném vào mặt nhau những là kết án luận l·. Nếu không chửi bới thì chỉ còn im lặng bỏ đi sau khi đã

nếu như Saint Just trả lời một địch thủ chính trị của ông: «Các anh anh không có quyền ca tụng chúng tôi hay bôi nhọ chúng tôi vì không có gì chung giữa chúng tôi và các anh (Il n'est pas en votre pouvoir de nous honorer ou de nous déshonorer, parce qu'il n'y a rien de commun entre vous et nous). Có một cái gì mất mát trong sự ngoảnh mặt đi, sự từ chối giao thiệp này, và một cách vĩnh viễn... Chính cái đó mới thật quan trọng và quý báu. Đó là sự gặp gỡ giữa người với người, sự hình thành những tình tự nhân loại.

Tôi cũng đang cảm thấy một sự ngoảnh mặt đi tương tự giữa tôi với những tác giả trên kia mà tôi chưa được quen biết. Và chắc sẽ không bao giờ quen biết được ! Thật là một sự thiệt thòi. Những điều tôi viết dưới đây không phải nhằm trả lời họ, nhưng nhằm gửi tới những độc giả mà những ý kiến của các tác giả trên đã có thể gây thắc mắc hoang mang. Với một vài tác giả trên, tôi chỉ muốn bày tỏ một ý nghĩ : «Điều tôi tiếc bây giờ, cái tiếc đượm chút chua xót, là một Nguyễn-Hòa-Phong sẽ không bao giờ dám gặp tôi chào hỏi thân thiện hay một Ái Linh có thể bắt tay tôi thành thực».

Và đó là sự mất mát, thua thiệt đáng tiếc hơn cả.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Tháng 12-1962)

2. — Thư gửi cho những người trong gia đình Phạm Quỳnh để xin tài liệu. (nhờ Thanh Lãng chuyển giao)

Sàigòn, ngày 30 tháng 03 năm 1963

Kính gửi ...

Tôi đang dự định biên soạn cuốn sách về Ông Phạm Quỳnh, chẳ cần nói chắc... cũng hiểu tôi làm việc đó với tư cách một nhà văn hóa, một người nghiên cứu. Sở dĩ tôi phải đề cập đến Ông là vì nhu cầu giảng dạy. Nhưng đây là một điều khó nghĩ. Từ xưa người ta vẫn thường chủ trương một quan điểm mà tôi cho là không đúng về Ông, nhất là về vấn đề cộng tác với Pháp. Vậy mà sự thực, tôi thấy cần phải nói lên. Tuy nhiên lời nói đó có thể gây hiểu lầm hay làm phiền những người thân quyến của Ông còn sống. Chính vì thế mà tôi rất phân vân. Một đàng, tôi không muốn làm phiền lòng ai, khi mọi người trong chúng ta đều đã phải chịu đựng rất nhiều đau thương do thời cuộc éo le, đáng buồn của xứ sở, nhưng đàng khác, cũng cần phải trả lời những đòi hỏi cao hơn liên quan tới tiền đồ dân tộc.

Giả sử Ông Phạm Quỳnh là người không ai còn nói đến như trường hợp, Nguyễn-Bá-Trác chẳng hạn, thì cũng chả cần khơi lại một quá khứ làm gì. Nhưng hiện nay, Ông là một người vẫn phải được nhắc tới trong lãnh vực sinh hoạt giáo dục và văn hóa, hơn nữa hiện nay, Ông còn giữ một địa vị quan trọng trong chương trình Việt Nam ở các nhà trường, do đó những nhận định đúng hay sai về Ông có tác dụng rất sâu xa tới việc giáo dục thanh thiếu niên. Chính vì thế mà những người làm văn hóa, giáo dục có bổn phận phải trình

bày sự thực mà mình biết. Nhưng họ có quyền chu toàn bổn phận đó không ? Chắc hẳn rằng có, vì việc nghiên cứu, giảng dạy của họ không phải là chuyện chạm đến một cá nhân của một gia đình, dòng họ hay tố cáo kết án gì ai, nhưng là nhận định về một nhân vật xã hội. Bất cứ ai đã tham dự bằng hoạt động, lời nói, chữ viết vào những việc đất nước, đều không còn thuộc hẳn quyền của một gia đình, dòng họ, nhưng là thuộc về xã hội, đất nước và phải chịu trách nhiệm trước lịch sử. Ông Phạm Quỳnh là một nhà báo, nhà chính trị mà những hành động của Ông đã trực tiếp liên hệ đến cả một thời kỳ lịch sử, lẽ dĩ nhiên Ông phải chịu sự phê phán của lịch sử, cũng như những lời nói việc làm của tôi bây giờ cũng sẽ bị xét xử sau này...

Thực ra, việc nghiên cứu của tôi sẽ không gặp trở ngại gì về khía cạnh đụng chạm tới tình cảm gia đình, nếu... có một quan niệm về trách nhiệm cá nhân. Ai làm gì, chỉ mình người đó trách nhiệm, cái hay cũng như cái dở. Hơn nữa con cái, họ hàng còn có thể không đồng ý với lập trường, hay chống đối lại hành động của Cha Mẹ, người thân thuộc.

Nhưng cũng có thể...... không để ý gì về xã hội, chính trị, chỉ giữ một liên lạc máu mủ, tình cảm với người trong gia đình, họ hàng, nên thấy người ngoài khen thì mừng, lấy làm vinh hạnh, chê thì buồn ghét...

Điều đó rất dễ hiểu vì rất nhân loại. Chính vì thế mà tôi phân vân, ái ngại làm cho tôi có lúc có ý định bỏ công cuộc nghiên cứu nếu thực sự điều đó có thể làm phiền lòng một người nào. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi không làm thì người khác sẽ làm. Và vấn đề có

lẽ chỉ là làm sao cho mọi người thấy đây chỉ là một sự nghiên cứu khách quan vô tư mà thôi. Nhưng tôi cũng sợ là khó được hiểu cho như thế khi thấy một số người công kích chụp mũ tôi qua bài nói chuyện của tôi năm ngoái. Những người muốn bênh vực Ông Phạm Quỳnh mà thực ra, vì thái độ thiếu học thức và phong độ trí thức của họ, họ đã làm hại Ông. Tuy nhiên, nếu tôi ái ngại phân vân, không phải vì sợ những người đó, mà là ngại vì tình tự Nhân loại trên mà thôi.

Chính vì thế mà tôi muốn viết thư này cho... để bày tỏ ý định và tâm tình phân vân của tôi mong... cho biết :

— Ý kiến của... về việc nghiên cứu của tôi.

— Nếu... còn giữ tài liệu, bút tích, minh chứng gì của Ông có thể gửi cho tôi để việc tìm hiểu của tôi được xác thực và công bằng, chính trực và không bất công oan uổng cho người mình phê bình...

Trong khi chờ đợi được... phúc đáp những mong ước của tôi, tôi xin gởi tới... những lời đa tạ chân thành.

NGUYỄN.VĂN.TRUNG

NHẬN ĐỊNH

(1972)



Trong bài nói chuyện, chúng tôi đã nhận định cuộc tranh luận giữa Phạm Quỳnh — Ngô-Đức-Kế về truyện Kiều không phải chỉ là giữa Phạm Quỳnh, nhà văn học và Ngô-Đức-Kế, nhà văn học, nhưng là chủ yếu giữa Phạm Quỳnh, người cộng tác với Pháp và Ngô-Đức-Kế, nhà ái quốc, làm cách mạng chống Pháp, do đó cuộc tranh luận về thực chất không phải là một cuộc bút chiến thuần túy văn học, mà trước hết là một tranh đấu chính trị trên lãnh vực văn học. Nói cách khác, cụ Ngô-Đức-Kế chỉ mượn bài diễn thuyết suy tôn truyện Kiều của Phạm Quỳnh để đả kích Phạm Quỳnh, đả kích một mánh khoé chính trị của thực dân.

Cái lối mượn văn chương để nói chính trị là một việc quá thường do hoàn cảnh bắt buộc, thời nay cũng như thời Ngô-Đức-Kế. Nếu đặt mình vào trong hoàn cảnh lúc đó trận tuyến chính trị lúc đó, chúng ta, người bây giờ, sẽ dễ dàng thấy như người lúc đó đã thấy. Nếu không vì những hạn chế chính trị, và nếu cụ Kế có thể nói thẳng dụng ý của mình, thì bây giờ chúng ta, không còn ở trong hoàn cảnh thời đó, chẳng cần phải bàn luận. Tuy nhiên những người đương thời, vẫn thấy rõ dụng ý đó, mặc dầu cụ Kế đã phải mượn chuyện văn chương để nói chuyện tranh đấu chính trị.

Chúng tôi đã hỏi chuyện nhiều vị sống ở Hà-Nội thời 1917 — 1929 như cụ Bùi-hữu-Sủng, bác sĩ Phạm-hữu-Chương, những người không muốn lên tiếng hồi năm 1962 và bây giờ có lẽ cũng vẫn còn e ngại, những vị đó đã cho biết dư luận, thanh niên thời đó bàn tán cũng nói là cụ nghe Ngô *đả Phạm Quỳnh* chứ không ai nói *đả truyện Kiều* Con người Phạm Quỳnh thế nào, lập trường chính trị của Phạm Quỳnh thế nào, nó rõ như ban ngày vì đã trở thành ca dao : «Vĩnh bã mía, Quỳnh hót Tây» (theo lời cụ Sủng kể lại).

Càng ngày lập trường tay sai của Nam Phong, của Phạm Quỳnh càng phơi bày rõ rệt, và dư luận càng không còn mơ hồ gì về nó cả. Ngay buổi lễ tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du cũng đã xảy ra lộn xộn khi ông Tú kép lại dùng việc ngâm thơ Kiều để đả kích quan trường :

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ !
Đời trước làm quan cũng thế a ?

Bọn quan lại xì xào, gây sự định xông ra đánh cụ Tú nhưng cụ đã được đám sinh viên sư phạm bảo vệ. Cũng theo cụ Bùi-hữu-Sủng, người đã đi dự buổi lễ kỷ niệm trên kể lại, tất cả những gì do Hội Khai Trí Tiến Đức tổ chức đều bị coi là Tây, do bọn quan lại, trí thức nhà báo, mà ngày nay báo chí Saigọn gọi là theo chủ nghĩa «Gia Nô» trình diện. Thanh niên thời đó vì hiếu kỳ đã đi dự xem họ bày trò ra sao và nếu được, phá quấy. Sau khi đã tiệc tùng theo thông lệ của hội, trước khi diễn thuyết bọn quan Tây ngưỡng mộ truyền thống Á Đông, sính truyện Kiều như Vayrac, Crayssac kéo nhau vào phòng hội, miệng còn ngậm xì gà bự. Đám thanh niên ở dưới thấy những người chủ trương, bảo tồn văn hóa cũ và sắp ca tụng hồn dân tộc mà lại vẫn xài đồ văn minh nên cùng nhau la ó: — Bỏ xì gà đi! Đó là một hình thức biểu lộ lòng phản kháng gián tiếp của thanh niên thời bấy giờ.

Sau đó, cả nước tổ chức đám táng Phan Chu Trinh. Phạm Quỳnh chống việc học sinh thanh niên bãi khóa làm chính trị vì cho rằng chỉ nên chăm chỉ học hành để sau nầy «trưởng thành», nước «Đại Pháp» sẽ ban cho tự trị nên đã bị bọn học sinh, sinh viên do ba sinh viên trường thuốc là Phùng, Túy, Vi dẫn đầu đón đánh ở phố hàng Gai khi đi từ nhà ra tòa báo. Ông Quỳnh bỏ chạy, vỡ cả kính cận, rách cả áo sa bóng. Những bài báo thời đó (1924) ngoài tờ Hữu Thanh nhiều tờ như An-Nam tạp chí của Tản Đà cũng chế diễu, đả kích bọn đi dự buổi suy tôn truyện Kiều và lấy làm hả dạ vì bài công kích của cụ Nghè Ngô

Theo ông Nguyễn-Công-Hoan, là người rất gần gũi với Tản Đà thuật lại (1) Tản Đà rất thích thú khi đăng được một bài thơ đả kích trên trong đó có câu Tản Đà cho là hay nhất :

Học Kiều xúm xít bọn mày râu

Vì chữ «xúm xít» mô tả được dụng ý khinh rẻ mỉa mai đến cực độ bọn quan lại, hội viên của Hội Khai Trí Tiến Đức.

Nhưng nhiều nhà nghiên cứu giảng dạy văn học bây giờ không thấy cái lối mượn chuyện văn chương nói chuyện chính trị, cái lối mà họ vẫn còn thấy rất thông dụng trước mặt họ trong địa hạt báo chí văn học... nên đã chỉ thấy câu chuyện văn chương...

Do đó vấn đề căn bản đặt ra ở đây là vấn đề lối nhìn quan điểm nghiên cứu.

Những bài phản ứng đăng trên báo Tự Do không những nêu lên vấn đề thái độ phê bình mà cũng đặt vấn đề quan điểm nghiên cứu, phê bình.

Loạt bài của Thanh Lãng không đặt vấn đề thái độ phê bình nhưng lại đặt rất rõ vấn đề quan điểm phê bình

---

(1) Trong bài «Nhân bài» Một cuộc tranh luận ở Saigon cuối năm 1962... Tuần báo Văn Nghệ số 8 (21-6-1963). Câu thơ này là của Huỳnh-Thúc-Kháng trong bài :

Á Cũ qua rồi mới chửa Âu
Học Kiều xúm xít bọn mày râu,
Đã mang thân thế nương nhà thờ
Còn trách ông cha vụng kiếp tu

và chúng tôi nhận thấy sở dĩ Thanh Lãng không đồng ý với chúng tôi là vì chưa nhất trí về một lối nhìn, một quan điểm nghiên cứu.

Chúng tôi và Thanh Lãng rất thân nhau về phương diện con người nhưng lại thường không đồng ý quan điểm về chính trị hay về văn học. Tuy nhiên chúng tôi tự lấy làm khích lệ được một người yêu chuộng tự do, cởi mở về vấn đề nghiên cứu và tôn trọng sự lựa chọn quan điểm khác biệt với mình, để đối thoại tranh luận, nhất là người đó lại được coi như đại diện tiêu biểu, có uy tín hơn cả cho một quan điểm vẫn còn được duy trì cho đến nay. Chúng tôi và Thanh Lãng cùng dạy một trường, cùng dạy một môn. Chính Thanh Lãng là trưởng ban Việt ở Đại Học Văn Khoa Saigon đã mời chúng tôi phụ trách một giờ về lý luận văn học cho ban Việt năm thứ nhất từ hơn mười năm nay. Những sách về lý luận văn học chúng tôi đã xuất bản cũng như chính bài nói chuyện trên đều đã là chất liệu được giảng dạy trước trong lớp học trên.

Chúng tôi nghĩ rằng, nếu trong một lớp, một bộ môn mà có những giáo sư chủ trương những quan điểm khác nhau về một vấn đề thì điều đó chẳng những không thiệt hại gì cho sinh viên mà trái lại là điều kiện cần thiết cho sự mở rộng kiến thức, và do đó, cho sự tiến bộ, đồng thời cũng bày tỏ sự tôn trọng tự do tìm kiếm và lựa chọn của sinh viên.

Trong khi viết bài nói chuyện về vụ án Kiều, chúng tôi đã chỉ căn cứ vào các bài viết công khai để khẳng định Nam Phong là công cụ văn hóa của thực dân, việc suy tôn truyện Kiều nằm trong một chính sách chính trị của thực dân về văn hóa. Thanh Lãng cũng như những tác giả phản ứng trong tờ Tự Do đã yêu cầu chúng tôi nêu bằng cớ.

Bằng cớ là tài liệu chứng minh, chứ không phải là lý luận rút ra từ những bài viết công khai. Loại bằng cớ cần thiết ở đây có giá trị thuyết phục dứt khoát là những bút tích để lại như một di cảo, một hồi ký, một bức thư một hồ sơ hành chánh. Nếu chúng ta có trong tay chẳng hạn một di cảo của cụ Ngô nói rõ dụng ý của cụ khi viết bài công kích Phạm Quỳnh hoặc một hồ sơ hành chánh phân tách những chỉ thị, nghị quyết về chánh sách văn hóa của Pháp, hay việc đề cao truyện Kiều thì khỏi phải nói. Khi tôi viết bài hồi 1962 và cho đến bây giờ tôi vẫn chưa tìm được bút tích, tài liệu về phía cụ Nghè Ngô cũng như về phía người Pháp liên quan đến việc đề cao truyền Kiều và đả kích việc đề cao đó. Những bút tích, hồ sơ tôi hiện có và sẽ trình bày trong tập 3 chỉ liên quan đến nguồn gốc, chủ đích việc thành lập Nam Phong.

Tuy nhiên vẫn có thể căn cứ vào tác phẩm, bản văn viết công khai để quả quyết về chủ đích của tác phẩm, bản văn. Một câu nói có thể rất rõ về nghĩa, nhưng lại mơ hồ về ý, về chủ đích Nói cách khác, một lời nói ra có thể ngụ nhiều ý, do đó, thật khó đoán ra chính ý định, chủ đích của tác giả.

Chẳng hạn khi nói : 9 giờ rồi. Câu nói thật rõ về nghĩa, nhưng lại mơ hồ về ý, vì có thể chỉ nhiều ý. Nếu người ta hẹn nhau 9 giờ thì câu nói ngụ ý thúc dục lên đường, nhắc nhở đi cho đúng giờ kẻo trễ. Nếu tôi có hẹn gặp một người vào 9 giờ, mà tôi rất muốn gặp hay rất ngại phải gặp thì trong trường hợp muốn gặp, câu nói biểu lộ một ý sốt ruột, thất vọng : 9 giờ rồi

mà người mong gặp chưa đến ; còn trong trường hợp không muốn gặp thì câu nói lại bày tỏ ý vui vì thoát được một miễn cưỡng, một gánh nặng.

Những người quanh tôi khi nghe tôi nói : 9 giờ rồi ; ai cũng rõ nghĩa được câu nói, nhưng thể không hiểu được ý câu nói của tôi. Và nếu chỉ căn cứ vào chính câu nói, không thể đoán được ý của nó:

Muốn hiểu được ý của lời nói phải căn cứ vào hoàn cảnh nói, người nói, nhất là trong trường hợp câu nói có ý không muôn rõ rệt ; câu nói âm chỉ, nói bóng gió, xa xôi. Nói thế nầy phải hiểu thế kia, hiểu theo nghĩa trái ngược với nghĩa nói ra, khi người nói vì lý do tế nhị, thâm trầm, sâu sắc, kín đáo hay vì không có tự do chính trị để được nói thẳng. Trong trường hợp đó, cái nói ra, không phải thực sự là cái cố ý nói, vì cái có ý nói, chỉ được nói bằng cách không nói ra.

Để tìm ra ý của lời nói trên, dĩ nhiên không thể căn cứ vào nghĩa trực tiếp mà phải vượt nghĩa trực tiếp để đạt tới một ý mà câu nói với nghĩa trực tiếp muốn bày tỏ, bằng cách căn cứ vào hoàn cảnh nói, lập trường, điệu bộ người nói.

Khi nói : Chị hát hay quá. Câu nói có thể ngụ ý khen nhưng cũng có thể ngụ ý chê. Nhưng đã rõ, ý chê không thể tìm thấy bằng cách chỉ căn cứ vào câu nói mà phải căn cứ vào hoàn cảnh, điệu bộ nói của người nói. Nếu hoàn cảnh là hát dở thật và điệu bộ người nói là nụ cười mỉa mai thì câu nói đã rõ là có ý chê. Chê bằng cách khen. Đó là khả năng kỳ diệu của ngôn ngữ đồng thời khả năng đó cũng là nguồn gốc của ngộ nhận (1).

---

(1) Xem thêm chương III ngôn ngữ văn chương và phê bình văn học. Lược khảo văn học tập III.

Khi Tôi trích một đoạn trong bài Phạm Quỳnh giới thiệu cuốn «Văn Minh» của V. Giraud nói đến trường hợp nước Pháp đi thực dân, là để khai hóa chứ không phải là vì cưỡng bức, áp chế, vô nhân đạo, và cho rằng đoạn đó ngụ ý (nhằm chủ đích) đề cao, biện hộ chế độ thực dân. Thanh Lãng lại cho rằng câu đó «nếu không có ý xỏ xiên Pháp là chỉ nhân đạo, xả kỷ ở đầu môi, cửa miệng, ở cái lời tuyên bố thì ít ra cũng có thể là một câu cảnh cáo; hay nhắc nhở người Pháp hãy đối xử với dân tộc ta nếu không theo truyền thống nhân đạo mà họ bảo là có trong máu mủ của họ, thì cũng phải giữ thể diện mà thi hành các điều đã hứa bằng những lời tuyên bố to tát» (Bài Trường hợp Phạm Quỳnh kể trên).

Nếu chỉ căn cứ vào câu nói, quả thật, không thể khẳng định về chủ đích, về ý của lời nói, nên có thể là có ý này, có thể là có ý kia.

Nhưng có thể căn cứ vào hoàn cảnh nói, lập trường của người nói để dự đoán chủ đích, ý của lời nói nhất là trong trường hợp người nói không cố ý muốn cho người nghe hiểu lầm ý lời nói của mình.

Hoàn cảnh nói ở đây là trận tuyến chính trị phân chia giữa thực dân và ta lúc đó thế nào. Địch chủ trương gì về chính trị văn hóa, những người chống Pháp chủ trương gì ? Và lập trường chính trị của Phạm Quỳnh là thế nào ? Ở về phía nào ? Xác định được hoàn cảnh chính trị lúc đó, lập trường chính trị của Phạm Quỳnh có thể khẳng định ý của bài «văn minh học thuật» là đề cao biện hộ hay chỉ trích, xỏ xiên thực dân.

Đường lối chính trị văn hóa của thực dân có thể tìm thấy trong các bài diễn văn của toàn quyền A. Sarraut, lập trường chính trị của Phạm Quỳnh ở hành

động cộng tác công khai với Toàn quyền chánh mật thám Đông Dương, ở các bài xã luận, nhất là mục thời đàm, các bài viết bằng Pháp văn, sau được in thành tập (Essai franco — annamites). Đường lối, lập trường trên khá rõ, đặc biệt khi trực tiếp đề cập đến vấn đề cách mạng chống Pháp. Cứ đọc Phạm Quỳnh bình luận trong mục thời đàm vụ Thái Nguyên, Yên Bái cũng đủ rõ Phạm Quỳnh có lập trường như thế nào và đứng về phía nào. Trong khi Pháp khủng bố dã man cuộc khởi nghĩa, đưa lên đoạn đầu đài những chiến sĩ cách mạng, Phạm Quỳnh đã viết «Nước Pháp đánh mạnh, đánh đúng» (La france frappe fort, et frappe juste).

Cho nên không thể nào chỉ căn cứ vào câu nói để suy luận rằng Phạm Quỳnh đã nói như Phan-chu-Trinh, Phan-bội-Châu như Thanh Lãng đã làm. Đúng là hai cụ cũng đã chấp nhận sự kiện bảo hộ, đã có lúc chủ trương Pháp — Việt đề huề, nhưng cùng một câu nói, một chủ trương mà có thể nhằm những chủ đích khác nhau tùy theo những lập trường chính khác nhau. Trong lập trường cách mạng, chủ trương Pháp Việt đề huề chỉ là một chiến thuật giai đoạn. Tạm thời hòa hoãn với địch để tạo điều kiện diệt địch sau này. Trái lại, trong lập trường tay sai của địch, chủ trương trên nhằm ru ngủ, ngăn chặn mọi khả năng đối kháng, và do đó, biện hộ, duy trì vĩnh viễn chế độ thực dân.

Tuy nhiên, nếu tìm được những tài liệu, bút tích ghi rõ những chủ đích, vấn đề sẽ thực sự sáng tỏ và được giải quyết dứt khoát. Chẳng hạn tìm được một bút tích gì về chủ đích bài văn minh học thuật đăng trong số 1 Nam Phong. Hiện chúng tôi có bút tích ghi

rõ chủ đích mà L. Marty muốn nói về bài trên trong tập hồ sơ của Pháp về Nam Phong mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở tập III.

Trở lại việc suy tôn truyện Kiều, hiện chúng tôi chưa tìm được những tài liệu có giá trị như những bằng cớ hiển nhiên, nhưng chúng tôi thiết nghĩ vẫn có thể căn cứ vào chính sách văn hóa của Pháp lúc đó để thấy chủ đích của việc suy tôn trên.

Hồi năm 1924 là thời chính sách Pháp Việt đề huề, Pháp Việt hợp tác thân thiện đang được đề ra, tiếp theo sau chính sách khai hóa, gieo rắc văn minh của Sarraut (1). Chính sách hợp tác dựa trên một nền tảng văn hóa : Sự tương đồng giữa hai truyền thống Văn hóa Việt Nam và Pháp. Đông Tây gặp nhau. Người Pháp và người Việt phải cộng tác thân thiện vì tổ tiên giống nhau, xã hội xưa cũ giống nhau.

Cái xã-hội cổ (cité antique) của Pháp cũng là Xã-hội vàng (cité jaune) của người Việt Nam. Xuất phát từ cuốn «La cité antique» của Fustel de Coulanges» chủ trương những luận điểm kể trên, những ông quan Pháp có chút kiến thức về luật, xã hội học như Sylvestre, Camille Briffaut Pasquier, Varet v.v... đua nhau khai triển sự tương đồng trên về tôn giáo, tổ chức xã hội, pháp lý...

Chính sách hợp tác thân thiện, đề cao xã hội cổ truyền Việt Nam, hô hào bảo vệ truyền thống dân tộc trái ngược với chính sách khai hóa, đề cao văn minh Tây Phương. Thực dân thay đổi chính sách vì lo sợ hậu quả của chính sách khai hóa. Thanh niên Việt

---

(1) Xem «Chủ nghĩa thực dân Pháp ở VN từ trang 120. Trình bày hai chính sách trên.

Nam được «khai hóa», hấp thụ văn minh Pháp dù qua lăng kính thực dân, báo Nam Phong cũng trở thành nguy hiểm. Do đó cần phải ngăn chận, hạn chế sự khai hóa trên bằng cách hô hào trở về truyền thống, đề cao văn hóa xã hội cổ truyền và hô hào học chữ quốc ngữ, thành lập chương trình học bản xứ song song với chương trình Tây ; sự phân biệt Tú tài ta, Tú tài Tây, việc đề cao học chữ quốc ngữ nhằm mục đích ngăn chận hạn chế việc đi du học mà thôi chứ không phải vì thực dân tha thiết gì đến Quốc văn.

Mấy ông quan Sinh văn chương nhất Crayssac, phó công sứ Nam-định nhằm chứng minh xã hội Việt Nam xưa cũ là xã hội tộc trưởng như xã hội La Mã xưa phản ánh linh động trong văn chương cổ điển, đặc biệt trong trryện Kiều. Trước Phạm-Quỳnh, Crayssac đã diễn thuyết cổ võ truyện Kiều và cũng đã dịch Kiều ra tiếng Pháp được toàn quyền, thống sứ, giám đốc học chánh trợ cấp xuất bản, cường tỏ các quan Pháp lúc đó tha thiết đến văn học và truyện Kiều đến thế nào.

Ca tụng truyền thống dân tộc, coi văn chương là hồn dân tộc, đề cao truyện Kiều, đó là những việc nhiều quan Tây đã làm.

Ca tụng xã hội cũ, phê phán văn minh Tây phương để ngăn chận ý chí tiến bộ, muốn dùng sức mạnh của Tây Phương để chống Tây Phương bằng cách khuyến cáo hãy trở về bảo vệ truyền thống cũ, cao đẹp, đề cao văn học truyện Kiều, vì truyện Kiều còn, tiếng nói của nước còn ; tiếng nói của nước còn thì nước vẫn còn. Cho nên cứ việc thưởng thức truyện Kiều cho quên chính trị đi, lúc mà tiếng bom của Phạm-hồng-thái đang làm thức tỉnh giới thanh niên, hoặc tạo ảo tưởng muốn yêu nước, cứu nước, chỉ cần tin tưởng vào sứ mệnh cứu rỗi của một tác phẩm nổi tiếng.

Cái ý tưởng của Phạm Quỳnh «Truyện Kiều còn, tiếng ta còn» không phải là sáng kiến của Phạm Quỳnh nhưng là của Pháp. Một nhà báo Pháp, André Gaudbye đã so sánh tác phẩm «Shahnameh» của nhà thơ Firdousie, người Ba Tư, nhân dịp kỷ niệm 1000 năm với Kim-Vân-Kiều của Nguyễn Du trong bài «Một gương Ba Tư cho người An Nam». Người Ba Tư trong bao thế kỷ chịu người Á Rập áp bức mà không mất nước vì có «Shahnameh», có Firdousie. *Do đó, muốn cứu vãn một dân tộc, chỉ cần có một ngôn ngữ* được ấn định bằng một tuyệt tác. Sau khi chứng minh như trên, nhà báo Pháp kêu gọi «Các bạn đã đọc câu sau cùng nầy chưa? Nó có gợi ý gì cho các bạn không? Phần tôi, tôi nghĩ ngay đến cuốn Kim Vân Kiều của người An Nam. Dĩ nhiên, có nhiều khác biệt giữa Firdousie và Nguyễn Du, giữa Shahnameh và Kim Vân Kiều. Nhưng cái gương là ở chỗ sứ mệnh linh thiêng cứu rỗi do các tác phẩm vĩ đại quốc gia đảm nhiệm» (Báo Ami du peuple indochinois, 16-4-1934).

Như thế phải chăng phải nhận giải thích của Tử Vi Lang: «Thế rồi không lẽ không có một hoạt động nào cụ thể chứng tỏ ta đây yêu nước, Quỳnh mới chủ trương công cuộc nâng cao dân trí trong đó có việc khai thác để cao quốc văn. Quỳnh chạy theo André Gaubye để nắm lấy câu này Francis de Miomadre làm châm ngôn: Một dân tộc bị chinh phục, muốn giải thoát chỉ cần có một từ ngữ được qui định bởi một văn phẩm kiệt tác» (Vụ án văn chương truyện Kiều).

Chính Phạm Quỳnh, trong tập tùy bút viết tay hồi 1915, có thể là di cảo của ông (1) cũng nhắc lại trường hợp nhà thơ Firdousie với tác phẩm Shahnomeh để biện hộ cho câu «Truyện Kiều còn...» nói hồi 1924...

Tóm lại, căn cứ vào tác phẩm, bài vở, chúng tôi có thể khẳng định về chủ đích chính trị trong phong trào đề cao truyện Kiều hồi 1924, tuy sự khẳng định đó chưa đủ khả năng thuyết phục như bằng cớ dựa vào tài liệu, bút tích, hồ sơ.

Nhưng sau khi đã đọc những bài liên quan đến cuộc tranh luận trên, độc giả thấy vấn đề chủ đích vụ án Kiều rút cục dựa trên vấn đề chủ đích tờ Nam Phong.

Nếu có những giấy tờ chứng minh một cách không chối cãi được Nam Phong là công cụ chính trị văn hóa của người Pháp thì phải kết luận vậy toàn bộ những bài của Nam Phong đều nhằm phục vụ chính trị đó.

Hiện nay chúng tôi chưa tìm được đầy đủ những hồ sơ liên quan đến từng chính sách văn hóa, từng chủ đích của mỗi bài báo Nam Phong, nhưng chúng tôi đã có trong tay một vài tài liệu căn bản cốt yếu về nguồn gốc Nam Phong, về chủ đích việc thành lập Nam Phong và chủ đích từng bài của số 1.

Căn cứ vào những hồ sơ đó, chứ không phải vào luận cứ suy luận từ bài báo, chúng tôi có thể khẳng định Nam Phong là công cụ chính trị văn hóa của Pháp và Phạm Quỳnh là người thừa hành đắc lực chính sách văn hóa đó.

Chỉ còn vấn đề chủ tâm, chủ quan của Phạm Quỳnh : cam chịu làm tay sai hay chỉ muốn lợi dụng địch trong lòng địch (2) hay có những nỗi lòng éo le ẩn khúc nào. Tập tùy bút «Hoa Đường Tùy Bút», một hai lá thư còn để lại có thể hé mở một phần nào tâm sự của Phạm-Quỳnh, một tâm sự của cô Kiều như Phạm Quỳnh đã bày tỏ trong bài «Cô Kiều và tôi». Tâm sự đó biểu

lộ một thái độ chính trị nào? và thái độ đó có thể chấp nhận hay «thông cảm» được không? Đó là những điều chúng tôi sẽ trình bày trong những tập ba và bốn của bộ «Văn Hóa và Chính Trị» này.

---

(1) Do gia đình Phạm Quỳnh cho đọc.

(2) Đi với Tây để được tin dùng và khi cần có thể kín đáo giúp cách mạng như trường hợp viên bác sĩ riêng của Himler tên trùm mật vụ sát nhân của Đức quốc xã, đã không bị giết sau khi quốc xã sụp đổ. Theo cụ Nghiêm Toản, một cựu đảng viên V.N.Q.D.Đ thuật lại với cụ Bùi Hữu Sủng, các giáo viên làm cách mạng bị giam ở Hỏa Lò (nhà tù Hà Nội) đã lấy giấy các mẫu thuốc lá kết thành giấy biên thư cho Phạm Quỳnh nhờ can thiệp. Nhưng Phạm Quỳnh đã lờ đi.



TỦ SÁCH "TÌM VỀ DÂN TỘC"

Theo tinh thần hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, hòa hợp hòa giải dân tộc là cơ sở giải quyết mọi tranh chấp đố kỵ. Muốn thực hiện tốt đường lối trên, cần phải tìm hiểu những nguyên nhân chia rẽ phân hóa, mâu thuẫn, không phải chỉ từ quyền lợi mà cả từ tư tưởng. Sự can thiệp và thống trị của ngoại bang đã góp phần rất lớn vào việc tạo ra, duy trì và phát triển những mâu thuẫn thông qua những luận điệu, chiến lược đầu độc tinh thần hoặc trắng trợn thô bạo hoặc tinh vi tế nhị.

Dĩ nhiên chỉ những thay đổi điều kiện vật chất mới thực sự tạo điều kiện giải độc giác ngộ và do đó thực hiện được hòa hợp hòa giải; nhưng khêu gợi ý thức, phân tích mổ xẻ về tư tưởng lại chính là công tác chuẩn bị cho việc giải độc, giác ngộ trên.

Trong viễn tượng đó, tủ sách "tìm về dân tộc" nhằm tìm hiểu phê phán những luận điệu, tư tưởng gây chia rẽ, mâu thuẫn nhất loà những luận điệu tư tưởng phát xuất từ những chiến lược đầu độc của ngoại bang thống trị hàng thế kỷ trên đất nước này đã từ lâu xâm nhập vào đời sống hằng ngày, liên quan đến mọi giới đặc biệt giới được ăn học thông qua sách báo sinh hoạt văn chương văn hóa khoa học, chương trình giáo dục. Tìm hiểu phê phán theo quan điểm dân tộc vì đó là quan điểm của mọi người Việt Nam.

A5

Giá: $10.00